

Tam Bộ Nhất Bái

Nguyên Bản: Three Steps One Bow

Tập hồi ký của

Thích Hằng Cự & Thích Hằng Do

Heng Ju & Heng Yo

Buddhist Text Translation Society

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 27-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Tựa

Lời Giới Thiệu Của Hằng Cự

Lời Giới Thiệu Của Hằng Do

Chương I - Từ San Francisco đến Garberville

Chương II - Từ GARBERVILLE đến COOS BAY

Chương III - Từ Coos Bay đến Marblemount

---o0o---

Lời Tựa

Ngày xưa những bậc Tiên Bối Thánh Hiền tại các nước Đông Phương thường biểu hiện sự nguyện cầu thành kính của mình qua những nghi thức gian khổ như "Tam bộ nhất bái" (đi ba bước lạy một lạy). Ngày nay chúng ta đang ở vào thế kỷ hiện đại, đầy dẫy vật chất dục lạc, thế mà lại xuất hiện những tâm hồn cao thượng hiếm hoi, đã quan tâm đến vận mạng chúng sanh, không quản ngại khó nhọc, học theo hạnh người xưa thực hiện theo nghi lễ ba bước một lạy hầu cầu nguyện cho thế giới hòa bình.

Vào những năm chiến tranh bùng nổ, nhiều dân tộc trên thế giới đã phải chịu nhiều cảnh ly tan tử biệt. Việt Nam một quốc gia nhỏ bé cũng không tránh khỏi cảnh loạn lạc lầm than, khiến dư luận xôn xao một thời. Trong những lúc khổ đau cùng đường tuyệt vọng, tinh thần sa sút, người ta chỉ còn một cách duy nhất là cầu nguyện. Đây cũng là lúc lòng tín ngưỡng tôn giáo của mọi người được phát triển một cách mạnh mẽ .

Qua tập truyện hồi ký sinh động này, độc giả sẽ cùng hai vị Sư người Mỹ, đệ tử của một Hòa Thượng Trung Hoa là Ngài Tuyên Hóa, thực hành một chuyến bá hương 10 tháng từ San Francisco đến Seattle. Một Thầy phát nguyện đi ba bước một lạy, để cầu nguyện cho hòa bình thế giới, một Thầy phát tâm đi theo hộ trì. Trên khoảng đường hơn một ngàn dặm, quý vị cùng chia sẻ với hai Thầy những đêm đen gió rét, những mưa bão hiểm nguy, hay những trưa hè oi bức, những lời chọc phá, và cũng sẽ thông cảm với những lúc tâm tư phiền não khởi lên từ những tập khí phàm tình. Cho thấy rằng dù phải đối diện với bao thử thách khó khăn, nhưng hai Thầy cũng vẫn dũng mãnh quyết tâm hoàn thành ý nguyện. Hai Thầy đã không quản ngại bao cực khổ, biết nhận khuyết điểm bản thân, và không hề lung lạc bởi những lời chỉ trích phản đối, hay những thuyết phục chuyển đạo. Chuyến bá hương này đã nói lên lập trường cứng rắn, và tinh thần tu tập sửa đổi theo chánh đạo của hai Thầy. Ôi! Cả hai nghĩa cử thật đáng quý, thật cao thượng biết bao! Những việc mà chúng ta còn không dám nghĩ đến huống chi là ra công thực hiện.

Chúng ta còn cảm nhận được lòng từ kính, giáo dưỡng chân chánh tu hành của một bậc làm Thầy đã tận tụy tâm sức, khuyến khích, dẫn dắt đám đệ tử cho đến khi viên thành ước nguyện. Ngoài ra chúng ta cũng khó quên những kỷ niệm răn nhắc thâm trầm đượm đầy tình nghĩa thầy trò. Nhờ ảnh hưởng đức hạnh của Ngài mà tánh tình các đệ tử Mỹ cũng thay đổi trong sự kính phục sâu xa.

Tam Bộ Nhất Bái được diễn tả qua lối thiền quán, phương pháp dụng công của hành giả, hầu dẹp tan mọi vọng tưởng, để nhất tâm chí thành cầu nguyện cho thế giới bình an. Thật lý thú để biết các phản ứng của mọi người khi chứng kiến việc cầu nguyện - ba bước một lạy - một hành động rất đời xa lạ đối với dân Tây phương trên xứ Mỹ này.

Ban Phiên Dịch Việt Ngữ

---o0o---

Lời Giới Thiệu Của Hằng Cự



Cuối năm 1973, do nhiều nhân duyên đưa đến khiến tôi quyết định thực hiện một chuyến bái hương. Phần vì trước đây tôi được nghe câu chuyện của một lão Thiền sư Trung Hoa, Hòa Thượng Hư Vân, người đã trải qua chuyến bái hương bằng đường bộ xuyên ngang lục địa Trung Quốc vào khoảng cuối thế kỷ 20. Trong khi đi, cứ mỗi ba bước Ngài cúi đầu sát đất lạy một lạy và cứ thế kéo dài trong suốt sáu năm trời. Kết quả là Ngài đã Tam Bộ Nhất Bái tổng cộng được ba ngàn dặm đường (tức là hơn bốn ngàn tám trăm kí-lô-mét). Nếu so ra thì bằng khoảng chiều ngang của Trung Quốc. Trong suốt cuộc hành trình này, Ngài đã phải đương đầu với bao thử thách khó khăn, cũng như phải cam chịu những cảnh khổ sở vì đói khát và lạnh lẽo, nhưng Ngài không bao giờ thối chí. Cuối cùng Ngài đạt đến cảnh giới "nhất tâm." Nghĩa là Ngài có thể làm dừng lại tất cả những vọng tưởng lăng xăng, và cảm được tâm tĩnh lặng sáng suốt mà trước đây Ngài chưa bao giờ chiêm nghiệm được. Chuyến bái hương này cũng đã ảnh hưởng thật sâu sắc đối với những người Ngài đã gặp.

Câu chuyện về cuộc hành trình của lão Hòa Thượng Hư Vân là mối duyên khởi tiếp tục nảy nở trong tôi. Tôi lại sẵn có bản tánh ưa thích mạo hiểm, cho nên sau nhiều năm làm cư sĩ rồi xuất gia ở một tu viện Phật Giáo, tôi cảm thấy đã đến lúc sẵn sàng để làm một chuyện thay đổi nho nhỏ. Cho nên kể từ đó, tôi bắt đầu có ý nghĩ thực hiện một chuyến bái hương ngay nơi nước Mỹ.

Lịch sử thế giới có ghi lại rất nhiều chuyến hành hương về tôn giáo. Hầu hết sự phát khởi của những chuyến đi này là vì đương thời đang có nhiều cuộc đấu tranh và tình trạng đạo đức đang bị suy đồi, nên con người tìm cách để biểu lộ tư tưởng, để diễn tả lòng tín ngưỡng của họ. Rồi có những vị dần dần đạt đến sự an lạc và tỉnh giác, họ tìm cách chia sẻ những kinh nghiệm đó với nhân loại. Vì vậy, khắp trên thế giới đã có vô số chuyến hành hương: bằng ngựa, đường bộ, hay bằng xe buýt, gồm từng nhóm đông hoặc từng cá nhân. Tôi cảm thấy hoàn cảnh đã đến lúc chín muồi, và đây là dịp để tôi góp phần vào một đại nhân duyên: Cầu cho thế giới hòa bình.

Đây cũng là cơ hội thật tốt khiến tôi tăng tiến trên đường tu tập Phật Pháp. Vì trong lúc thân quý lạy trên đường cầu nguyện cho thế giới hòa bình, tâm tôi cũng nguyện luôn

cố gắng giữ vững hạnh Lục Độ của Bồ Tát: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ. Càng nghĩ, tôi càng quyết tâm hơn.

Tôi không nói cho ai biết về quyết định chuyển lễ bái này, vì nghĩ việc này chẳng có dính líu với ai hết thì cần gì phải nói chứ? Cho đến ngay cả Sư Phụ tôi cũng không thưa qua.

Rồi khoảng đầu tháng mười, vào một đêm khi mọi người đã yên giấc, tôi chuẩn bị túi hành trang gồm vài cuốn sách, thức ăn, quần áo và bắt đầu lạy từ cửa chùa ra ngoài, dọc theo con đường 15, cách lễ đường khoảng một tấc. Tôi bước ba bước dài rồi cúi quỳ đặt hai tay và đầu sát đất. Lúc bấy giờ trời thật tối, nền đường xi măng thật lạnh, đường phố lại vắng tanh, khiến tôi cảm thấy hơi kỳ hoặc.

Túi hành trang nặng khoảng ba chục pound (hơn 13 ký rưỡi) lại là vấn đề trở ngại, vì cứ đến mỗi bước thứ ba là tôi phải liệng nó ra phía trước thì mới có thể cúi lạy xuống được. Tuy nhiên với cách lạy này khiến tôi hăng hái vô cùng, vì đây là một cuộc luyện tập quá sức tưởng tượng. Tôi lạy đều đặn để tiến nhanh trên quảng đường và cũng để có thêm kinh nghiệm càng nhiều càng tốt trước khi trời sáng.

Lạy được một lúc, các động tác hình như đã thuần thục, nhưng trong thâm tâm thì còn đầy những ý nghĩ lảng vảng như:

"Trời ơi! Trong đời mình đã từng làm những chuyện lạ đời khó giải thích, nhưng lần này mới thật là gay go nhất."

Tôi tiếp tục lạy, queo mặt trên đường Dolores, băng qua đường Market, xuyên ngang bãi đậu xe của siêu thị Safeway rồi tiến về phía cầu Golden Gate. Trời vừa sáng thì tôi đã vào đến trung tâm khu Do Thái vùng Tenderloin. Thành phố như đang bừng sống dậy. Tôi cũng nhận ra sự hiện diện của cảnh sát vùng San Francisco, hình như họ đã theo dõi tôi qua nhiều con đường. Tôi cũng tưởng tượng được họ đang nghĩ gì về mình.

Đến trưa thì lên tới đỉnh đồi Russian. Tuy lúc bấy giờ có rất nhiều người đã nhìn thấy, nhưng chưa có ai nói gì đến tôi cả. Đa số là họ chỉ biết há miệng, nhướng mắt nhìn tôi chằm chằm. Có một bà đang lái chiếc Chrysler màu trắng, vừa chạy ngang qua tôi ở giữa ngã tư đường, bỗng thảng gập và la lên:

"Ồi, Chúa tôi!"

Tôi cố hết sức để tập trung tinh thần, đồng thời gạt bỏ những cơn xấu hổ và tiếp tục tiến lên lễ đường. Lúc này trong tận cõi lòng tôi ẩn chứa những cảm xúc hỗn độn, những tư tưởng rời rạc, rồi chợt lóe lên một tiếng cười bẽn lẽn.

Sau bữa trưa qua loa với cơm nguội và rau dại mọc bên lề, tôi tiếp tục lạy xuống đồi Russian. Đến chiều tối thì tới công viên nhỏ gần phía vào cổng cầu Golden Gate. Vậy là tôi đã lạy được năm miles (khoảng 8 km).

Cảm thấy mệt quá nên tôi tìm một gốc cây để dựa lưng, nhưng lại ngủ liền tức khắc. Được khoảng vài giờ, sau khi thức dậy, tôi cảm như không phải là mình trước đây nữa, vì toàn thân như đã kiệt quệ không còn sức lực. Lúc này lòng tôi tràn đầy mối kinh hãi. Trước đây tôi cũng đã từng có những cảm giác lo sợ, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy quá căng thẳng như bây giờ. Thật không thể nào tiếp tục được như vậy nữa. Tôi ngược nhìn về cái hồ nhỏ phía trước, có những con ngỗng đang bơi lội, chung quanh là những bụi cây xinh xắn, xa xa có những cặp tình nhân tay trong tay dạo quanh bờ hồ. Ôi! đã ba mươi tuổi đầu mà tôi đã xa rời thực tại như thế này! Sao tôi lại có thể đi ngược lại với nếp sống bình thường? Quý lạ cho hòa bình thế giới! Một kẻ mất hồn như tôi làm sao có thể giúp cho thế giới hòa bình được chứ?

Ngồi đây với tâm trạng chán nản, trong bộ y phục theo kiểu triều đại đời Đường, với cái đầu mới cạo láng bóng, tôi bắt đầu hồi tưởng lại cuộc đời mình.

Tôi được sinh trưởng ở vùng Tây Bắc Thái Bình Dương. Mặc dầu được sanh ra trong một gia đình rất đàng hoàng, nhưng tôi luôn luôn là đứa bé hoang tàng nhất xóm. Nếu không thấy tôi ra ngoài gây lộn xộn phá phách, thì các vị có thể bắt gặp tôi đang bận đắm chìm trong thế giới mộng mơ. Nơi đó, trong những chuyến ảo tưởng, tôi thủ toàn những vai anh hùng nổi tiếng. Tôi đã thắng nhiều trận đua xe quốc tế. Có vô số lần tôi hạ ngã tên du côn ở trường trung học để giải cứu cô bạn gái của hắn, một người múa cổ võ (cheerleader) cho đội banh ở trường. Đã thế, tâm tôi lại cứ mơ mơ mộng mộng vẩn vơ, vậy mà tôi vẫn được tốt nghiệp trung học một cách thành công không khó nhọc chi cả.

Sau khi tốt nghiệp trung học, tôi đánh liều đăng ký sáu năm vào ngành phục vụ cho tàu ngầm (Tiềm Thủy Đĩnh) Hải Quân Hoa Kỳ ở vùng Thái Bình Dương. Tàu tôi với biệt danh là U.S.S. Rock (Khối Đá), đã từng qua lại những hải cảng ngoại quốc dọc theo vịnh Thái Bình Dương, nhờ vậy tôi có dịp thực hiện được một số kế hoạch cuồng dại nhất. Tôi làm việc trong phòng máy rất chật hẹp và nóng bức, với trách nhiệm duy trì ba mươi tấn dầu GMC Diesels và hai bình lọc Badger cũ rít để máy chạy điều hòa. Đôi lúc tôi đóng vai thợ lặn dưới găm tàu bọc sắt nặng khoảng hai ngàn tấn để làm những cuộc sửa chữa lý thú. Tôi thật thích cuộc sống trong chiếc tàu ngầm này, nhưng những ngày cuối tuần lên bờ lại là những ngày suy đồi của tôi. Trong bản báo cáo của các sĩ quan trong ban chấp hành đã viết:

"Anh Tim Testu thật là một nhân viên rất hữu ích cho cả đoàn tàu, nhưng bù vào những phục vụ xuất sắc đó lại là những hạnh kiểm đáng sợ của anh ta lúc lên bờ."

Có lần tôi cùng anh Frank Messerli, sau một đêm dài nhậu toàn rượu mạnh, chúng tôi rủ nhau ăn cắp chiếc ca-nô của hạm đội hải quân thuộc hoàng gia Phi Luật Tân. Khi đang trên đường ra khỏi hải cảng, chúng tôi mới thấy có hai chiếc tàu thủy lôi đang rượt đuổi theo sau. Cũng hên là chúng tôi đánh lạc hướng họ bằng cách lái thẳng ra vùng nước cạn. Lúc chúng tôi đem chiếc ca-nô nhỏ đó về đến bến thì thấy có khoảng năm chục ông cùng nhiều vị sĩ quan mặt mày hầm hầm, chờ sẵn chúng tôi từ lúc nào. Tôi không nhớ là mình đã lèo lái ra sao, nhưng chiếc ca-nô đã vọt hết tốc lực vô gấn sát bờ rồi lại cấp tốc vọt quày trở ra. Lúc đó chiếc ca-nô nhỏ bé rúng động, kêu vang ồm ồm, phun ra luồng khói đen lớn lan trùm cả một vùng nước xanh trong vắt. Cuối cùng nó dừng lại thật tuyệt hảo,

chỉ cách hải cảng vài phân. Mấy anh trên bờ khoái chí hoan hô âm ỉ, trong khi mấy ông sĩ quan không có vẻ gì là hoan hi. Rốt cuộc ngay hôm đó, chúng tôi bị kêu án hai tháng tù giam. Đó là một kiểu trốn đi chơi thôi. Nhưng bù vào, tôi lại nổi bậc trong trách nhiệm phận sự, nên có hồ sơ rất tốt về vấn đề phục vụ và được giải ngũ trong danh dự về vàng.

Sau khi trở về Mỹ, tôi hòa vào cuộc sống ồn ào, hỗn độn của cuối thời đại sáu mươi. Tôi học thêm chút ít ở đại học, sau đó thì làm đủ nghề như: thợ mộc, thợ máy đường rầy, thợ lặn, và ngay cả làm đầu bếp nấu ăn cho một nhà hàng topless "hở hang" (từ trong nhà bếp tôi chẳng thấy gì cả). Tôi làm việc cũng khá lắm, nhưng trong lòng lúc nào cũng nặng quặng một nỗi cô đơn, chán nản. Rồi tôi buông mình vào hút sách, bị thất nghiệp và kết bạn với những kẻ không ra gì. Cũng may, không bao lâu tôi thoát ra được lối sống đó, rồi gia nhập vào một cộng đồng có lối sống vô trật tự gần chân núi Rainier ở Washington. Sáu tháng trời sống tại đó, tôi đã không màng gì đến thế giới bên ngoài, cho đến khi cả cộng đồng bị cơn hỏa hoạn cháy rụi.

Khi tôi hai mươi lăm tuổi, nổi u uẩn trong lòng dâng đến cao điểm, may thay tôi tìm được một ngôi chùa nhỏ ở San Francisco, nơi Phật Giáo đang được truyền vào nước Mỹ. Tôi như đang đi vào một hang động chứa toàn bảo vật, mà hang động đó chính là tâm thức tôi, còn bảo vật kia chính là giáo pháp đa dạng. Điều quan trọng nhất là tôi đã tìm được một vị Thầy tài đức thật sự. Đó là một lão Thiền sư Trung Hoa, cũng là vị Tổ kế thừa Tông Thiền Quy Ngưỡng. Ngài đã truyền vào xứ Mỹ tất cả những thuần túy của Phật Giáo Đại Thừa gồm: Giáo Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông, Luật Tông và Thiền Tông. Tôi thấy được Ngài là vị gương mẫu sống động, với đầy đủ những phẩm hạnh cao quý, không những chỉ ở Phật Giáo mà còn gồm cả Lão và Khổng giáo nữa.

Trong buổi đầu tiên diện kiến Sư Phụ, lòng tôi dôn dập dâng trào những tình cảm vô cùng hỗn tạp. Theo giáo pháp của Ngài, là dù ở bất cứ trong trường hợp nào cũng đừng để tâm bị chi phối hay lay chuyển. Nhưng qua thái độ của Sư Phụ, Ngài như đã hiểu thấu tận tường những nỗi suy tư trong lòng tôi, khiến tâm tôi được dịp bộc phát tuôn trào như vòi nước. Lúc đầu, sự xúc động tuôn ra thật hùng hực, nóng bỏng, rồi mới từ từ nguội lạnh dần. Lòng tôi cảm thấy yêu thương chan chứa và kính phục Sư Phụ vô cùng. Trí huệ của Sư Phụ cùng lòng từ bi, tánh vui vẻ, khéo léo, đúng giờ giấc, sự am tường về bản tánh của con người, cộng thêm cái nhìn thấu triệt sự vật và những khả năng diệu dụng không thể nghĩ bàn khác, đã khiến Ngài nổi bậc hơn so với những vị thầy khác ở nước Mỹ. Điều đó không có gì thắc mắc cả.

Theo truyền thống, vào mỗi buổi tối Sư Phụ đều thuyết pháp, những gì chúng tôi được nghe thật là tuyệt diệu không thể nghĩ bàn. Nơi đó, trong căn phòng thoáng thoáng mùi hương, với khoảng trên dưới ba mươi người, tôi đã nhiều lần cảm nhận được mùi vị pháp hỷ đến rơi nước mắt. Lần đầu tiên trong đời, tôi đã gặp được một người hiểu rõ tận tường, thật sự quan tâm đến nỗi lòng u uẩn của tôi, lại là người có thể dẫn dắt tôi đến nơi cứu cánh rất rạo.

Không bao lâu, rõ ràng là dù chuyện quá khứ, hiện tại hay tương lai gì đi nữa, Sư Phụ hầu như đọc được tất cả những tư tưởng lớn nhỏ của chúng tôi. Ngài rất ít khi rời khỏi hậu liêu, nhưng luôn luôn biết những chuyện đang xảy ra, để rồi đến giờ thuyết pháp

Ngài lại đề cập đến. Phương pháp giảng dạy của Sư Phụ thật sâu sắc, như có thể xé tan bức màn đen tối, và giải quyết trực thẳng những vấn đề mà chúng tôi thường tự mình tạo nên. Đôi khi Sư Phụ cũng quở trách thật gắt gao.

Có lần Ngài bảo: "Ta không la rầy các con, ta chỉ quở mắng những bọn ma quỷ trong tâm các con mà thôi."

Phần lớn, Ngài dành rất nhiều thì giờ giảng dạy cặn kẽ về những căn bệnh của tham chấp, tính toán, rồi chỉ cách để chúng tôi đối trị.

Trong năm đầu tu học Phật Pháp, tôi đi làm nửa buổi với công việc phụ quét dọn cho một bệnh viện dưỡng lão Do Thái ở San Francisco. Vì mục kích những cảnh đau khổ, bệnh hoạn và chết chóc, tôi có ấn tượng thật mạnh mẽ về sự hư ảo của lối sống chỉ biết có mình. Thấy rất rõ người Tây Phương chúng tôi, mặc dầu rất am tường về cuộc sống, nhưng lại không biết gì về việc chuẩn bị cho sự ra đi, rời bỏ thế gian này. Chúng ta mãi lo ôm giữ hàng ngàn bảo vật huyền hóa và đến phút cuối cùng, trong tuyệt vọng, cũng vẫn cố bám chặt vào chúng. Tôi cảm thấy đạo Phật có thể giúp chúng ta dự bị đúng đắn cho sự chuyển tiếp quan trọng này. Sau một năm làm cư sĩ, tôi phát nguyện xuống tóc thành chú Sa Di. Năm sau, 1972, tôi chánh thức thọ Cụ Túc Giới và trở thành một Tỳ Kheo Phật Giáo.

Nhờ sống ở chùa nên tôi dần dần thay đổi rất nhiều. Tôi bắt đầu ngủ ngòai và mỗi ngày chỉ ăn một bữa cơm. Điều làm tôi ngạc nhiên là thực hành theo cách tu "khổ hạnh" này không đến nỗi khó khăn như tôi tưởng, vì sau một thời gian thực tập đều đặn, nó tự nhiên trở thành thói quen. Tôi nghĩ chắc đó là lý do mà thiền tông nói: Khổ tận, cam lai - hết khổ đến vui. Trong chùa có nhiều vị còn tu khổ hạnh hơn tôi nhiều. Có vị chỉ ăn rau cải sống, có vị không đụng đến tiền bạc và có những vị hành trì theo những phương pháp khó khăn khác. Nhưng tất cả chúng tôi đều được học giáo lý của đức Phật từ những Tạng Kinh. Ngoài ra, hằng ngày chúng tôi cũng có thời khóa để hành thiền và chấp tác. Cuối năm 1970, chúng tôi dọn về một công xưởng làm nệm rất cũ kỹ thuộc vùng Mission, sau đó được sửa chữa lại thành Kim Sơn Thánh Tự như ngày nay .

Và bây giờ, sau ba năm ở chùa, tôi đã rời bỏ gia đình, nghề nghiệp và luôn cả giấc mộng tương lai lúc trước. Hôm nay tôi lại rời bỏ tu viện, bỏ cả Thầy, để thực hiện chuyến bán hương kỳ lạ này, hầu mong tìm đến một mục đích khó thành. Ngồi đây trong công viên nhỏ gần cầu Golden Gate với tâm trạng ngấm ngấm lo sợ, tôi không thể tưởng tượng nổi rằng, ngay từ lúc đầu sao mình lại có thể khởi sự được. Tôi cúi lượm túi hành trang, lúi thủi lê gót trở về chùa.

Tôi trở lại ngay với những hoạt động bình thường. Không một ai hay biết gì đến việc tôi đã vắng mặt. Tuy cố tìm vui vào các sinh hoạt ở chùa, nhưng tâm tư như cứ ở tận đâu đâu, cứ nghĩ mãi đến hình ảnh của ngày lễ lạy vừa qua. Mặc dù với bao vọng tưởng và những mối nghi ngờ, tôi cũng đã thực sự lạy được năm dặm đường. Với chút kinh nghiệm đó đã cho tôi một ấn tượng sâu đậm tận cõi lòng, không sao diễn tả được. Sau đó chẳng bao lâu, tôi quyết tâm thực hiện một chuyến như vậy nữa.

Tuy nhiên, lần này tôi dự tính khôn ngoan hơn một tí và cũng bớt đi phần nào bí mật. Tôi tiết lộ nguyện vọng của mình với Sư Phụ, đồng thời cầu xin Ngài chỉ dạy và giúp đỡ. Mới nghe qua, Sư Phụ tỏ vẻ thích thú và hoan hỉ về ý nguyện này, rồi Ngài còn ban cho những lời khuyến khích, khiến lòng tôi tràn ngập niềm rung cảm với cái mà Thiên Chúa Giáo gọi là Thánh Linh ỒHoly Spirit. Sư Phụ dạy: Con đường tốt nhất để am tường các pháp là chịu đựng được những hạnh khó hành, "Làm những việc mà người khác không chịu làm, nhẫn những chuyện mà không ai nhẫn nổi, tất cả chỉ có vậy thôi!" Sư Phụ đề nghị tôi nên chờ hai tuần nữa để khởi sự vào ngày 16 tháng 10. Rồi một buổi tối vào giờ giảng pháp, Sư Phụ thông báo nguyện vọng của tôi, trong bầu không khí im lặng, sự nghiêm trọng như phủ xuống cả căn phòng. Khi Sư Phụ nói:

"Hằng Cụ sẽ thực hiện chuyến báii hương một ngàn dặm để cầu cho hòa bình."

Nghe vậy tôi cảm thấy hơi hở làm sao. Lời Ngài tuyên bố như một ủy quyền mạnh mẽ, ra vẻ như bảo đảm một sự thành công. Kể từ đó, tâm hồn tôi như rơi vào cảnh giới thật thư thái và mọi người cũng có vẻ thích thú về ý kiến này. Tôi đón nhận những lời khích lệ và nhiều tặng phẩm như: thức ăn, quần áo, dụng cụ cắm trại v.v... Sư đệ Hằng Do với tên đời là David Bernstein, trước cư ngụ ở Providence thuộc vùng Rhode Island, đã tự phát tâm ủng hộ theo tôi để phụ mang hành lý.

Cuốn nhật ký này ghi lại những cảm nghĩ và sinh hoạt hằng ngày của chúng tôi trong chuyến lễ báii cầu cho hòa bình thế giới. Những lời này đã được nhuận sắc và viết lại từ bản chánh mà sư Hằng Do đã hết sức cẩn thận cất giữ trong suốt chuyến đi. Tất cả những gì xảy ra đều có thật và tên họ không hề bị thay đổi. Chỉ riêng về cái nhìn tổng quát hơi khác khi chúng tôi kiểm lại chuyến đi vừa qua.

Xin đại diện luôn cho sư Hằng Do, chúng tôi nguyện đem công đức của chuyến báii hương này, hồi hướng cho chúng sanh trong khắp vũ trụ, mong cho tất cả cùng nhanh chóng đạt đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

---o0o---

Lời Giới Thiệu Của Hằng Do



Tôi lớn lên với hai người anh trong hoàn cảnh khá tốt nhờ cha mẹ làm việc vất vả cấp

đó cũng là chứng tánh của lứa trẻ đương thời Cuộc đời tôi đôi lúc cũng bị hạn chế bởi những chuyện phiền phức nho nhỏ do tự tôi gây ra

Nhớ có lần trong buổi tụ họp ở trường tiểu học, tôi cố ý đánh vần ngược tên ông hiệu trưởng. Vừa đúng lúc ông đi ngang qua, thấy tôi đang cười to ngắc nghẻo với cái tên đánh vần ngược, nghe dị hợm đó. Rốt cuộc chuyện này không còn mắc cười nữa, khi tôi bị nhốt vào văn phòng hiệu trưởng.

Nhưng cũng có lúc vui vẻ, như vào mùa đông cả gia đình tôi đi trượt tuyết ở New Hampshire, hạ đến thì anh em bọn trẻ chúng tôi được nghỉ hè ở vùng Main xinh đẹp. Tôi sống vô tư qua mười tám mùa thay đổi ở New England, cho đến khi rời nhà để vào nội trú trường đại học thực nghiệm nhỏ, vùng ngoại ô Michigan. Nơi đó tôi đã bị ru ngủ bởi những ảo tưởng thú vị của tự do như: Tự ý muốn ngủ trê chùng nào cũng được, hay bất cứ lúc nào muốn ăn gì cũng được và không bị ai sai bảo chi Nhưng đến năm học thứ nhất gần mãn thì sự hưởng lạc của tôi hốt nhiên dừng hẳn. Chẳng ai ngạc nhiên gì cả, chỉ riêng tôi sững sờ khi thấy mình thì rớt.

Quá buồn bã, tôi bỏ đi đến vùng Cape Cod, cố tìm câu giải đáp về sự hiện hữu của mình và cố gắng trả lời câu hỏi mà chính tôi không thể hỏi Để rồi nhận thấy rằng tôi cũng không thể nào chạy trốn với chính mình được nữa, vì càng chạy xa tâm thức chùng nào, tôi càng bị dồn kéo trở về chỗ cũ chùng ấy Sau mấy tháng sống đơn độc như kẻ bụi đời, tôi tự kết luận rằng đời tôi chẳng có giá trị gì. Tôi thật chưa bao giờ có cái thắc mắc rằng tôi phải nên làm gì cho cuộc đời mình ngoài chuyện ăn mặc và ngủ nghỉ. Đối với tôi thế giới này thật là vô nghĩa, nó khiến tôi trở thành xa lạ, và tách biệt cuộc sống thực tại Như danh ca Bob Dylan đã diễn tả tâm trạng đó như sau: "Những thất bại nặng nề và quá bi quan của bạn sẽ không kéo bạn lên nổi đâu" Tôi cố tìm lối thoát ra khỏi sự dính mắc này

Có người cho tôi một cuốn sách về đạo Lão, trong lúc đọc đến một đoạn, tôi như muốn vung tay đập bàn và hét lên:

"Đúng đó! Đây mới chính là những ý nghĩ trong tâm tôi." Rồi tôi thức cả đêm để đọc. Cuốn sách đó còn có ý nghĩa hơn cả cuộc đời tôi. Và như được làn sóng thủy triều cuốn đưa, tôi trở lại trường học. Lúc đầu tôi tự ghi danh học tiếng Hoa, triết lý Á Đông, nhưng rồi dần dần tôi thích đạo Phật và bắt đầu tọa thiền với một người bạn. Tuy vậy, tận cõi lòng tôi lúc nào cũng có cái ray rức nhẹ nhẹ. Là cái gì chớ?

Vào một đêm, tôi ngồi thiền một mình trong phòng, khi ngoài trời lớp tuyết trắng khoảng hai feet (hơn nửa thước) đang bao phủ tất cả, kể cả âm thanh. Gặp lúc cả trường đang nghỉ lễ Tạ Ơn (Thanksgiving), nên cảnh vật trở nên vắng lặng vô cùng. Tôi chợt có cảm giác là lạ, trong thân và bên ngoài dường như là một, không có sự tách rời, không có sự kết hợp, không phân biệt khoảng cách giữa "của tôi" hay "là tôi" và ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi Tâm trạng đó biến mất thật nhanh, đồng lúc với những vọng tưởng đang nổi dậy trong tâm thức. Không biết trạng thái đó kéo dài được bao lâu, nhưng nó để lại trong tôi một ý niệm rất rõ ràng là tôi cần phải tìm một vị Thầy để giảng giải về những kinh nghiệm cũng như hướng dẫn đường lối cho tôi Kể từ đó cái cảm giác âm thầm ray rức trong lòng không còn nữa và tôi nỗ lực học hành gấp đôi lúc trước.

Nghe nói có một vị Thiền sư đã giác ngộ ở San Francisco, nên nhân dịp nghỉ hè năm 1968, tôi tìm đến đó để xem tận tường hư thực. Sau khi đi ngang qua vùng kỳ bí, xa lạ của phố Tàu San Francisco, tôi từ từ bước lên bốn dãy cầu thang để đến một giảng đường Phật Giáo cũ kỹ, tức là Chùa Kim Sơn lúc trước, xưa kia lại là chùa của Lão Giáo. Là một căn phòng nhỏ hẹp, đầy ắp những người đang chăm chú đọc chữ Tàu, tọa thiền và làm việc. Lần đầu tiên tôi được nhìn tận mắt ngôi trường vốn vẹn chỉ một lớp học đang hiện hành. Tôi cảm thấy khó chịu hơn khi biết rằng những người ở đó mỗi ngày chỉ dùng một bữa trưa và ngủ trong tư thế ngồi thiền trên sân thượng. Rồi sự ray rức ngấm ngấm bắt đầu trở lại. Nhưng tôi không dám thú nhận với chính mình mà trở về miền Tây Trung Phần với chút nỗi niềm băng khuâng. Tôi cố gạt bỏ những mục kích của chuyến thăm viếng đó, xem như chẳng có gì đáng quan tâm cả.

Nhưng hai năm sau, cuối năm 1970, vừa mãn khóa học, cảm giác khó chịu khi xưa lại dẫn tôi trở lại San Francisco. Và không bao lâu tôi vào phụ giúp ban xây cất Chùa Kim Sơn, tức là trung tâm mới của Tổng Hội Trung Mỹ Phật Giáo (tiên thân của Pháp Giới Phật Giáo Tổng Hội). Động lực thúc đẩy và tính trọng đại của nỗi ray rức trong tôi khi trước thật khó bày tỏ được. Trên căn bản, trạng thái này có thể diễn tả như: Nghiệp quả của nhân gieo trồng ngày trước nay đã chín muồi. Chúng ta thường có khuynh hướng quên đi những gì mình đã làm bởi tâm trạng vô minh bị hạn cuộc, nhưng đôi khi do đối chạm sự vật, hoặc nghe một lời nói, rồi chúng như nút bấm tác động vào trí ức vốn đã bị che đậy trước kia, khiến cho chúng ta nhớ lại và thúc đẩy chúng ta hành động.

Tôi trở thành đệ tử của Hòa Thượng Tuyên Hóa, vị trụ trì chùa Kim Sơn. Cuối năm đó tôi được cạo tóc làm Sa Di. Năm 1972, tôi cùng sư huynh Hằng Cự thọ giới Cụ Túc, trở thành Tỳ Kheo với pháp hiệu Hằng Do. Năm sau, tôi nghe sư Hằng Cự sắp dẫn thân vào chuyến bán hương một ngàn dặm, và dự định sẽ khởi đầu mỗi ba bước lạy một lạy từ San Francisco đến Seattle để cầu nguyện cho hòa bình thế giới. Tôi vô cùng bàng hoàng, cái cảm giác ray rức lúc trong phòng trường nội trú năm 1970, một lần nữa lại kéo về, nhưng cảm giác lần này mạnh hơn trước gấp mười lần. Tôi đi vòng vòng trong ngây dại, cố quên đi chuyến bán hương sắp tới, nhưng không cách gì loại bỏ nó ra khỏi tâm tư. Cuối cùng sau ba ngày khổ sở chất chứa nỗi ưu tư, tôi liền bày tỏ ý mình với Sư Hằng Cự và tự nguyện đi theo để đóng góp bất cứ những gì mà tôi có thể giúp được cho chuyến đi. Đó cũng là lúc tôi quyết định lưu giữ cuốn sổ để ghi chép lại những kinh nghiệm của chúng tôi.

Trước khi rời San Francisco để khởi sự cuộc du hành, vấn đề mà mọi người đều nghi ngại là chúng tôi sẽ tìm đâu ra những nhu cầu thiết yếu cho sự sống còn, như thức ăn, quần áo và nơi ẩn trú.

Nhưng Sư Phụ đã nói: "Người nào thực sự thành tâm và ngay thật trong những chuyện mình làm thì sự sinh tồn sẽ không bao giờ có vấn đề."

Điều này Sư Phụ đã chứng minh đầy đủ qua chính cuộc đời Ngài và sau đó không lâu trong chuyến hành trình, chúng tôi cũng đã thấy được, thật quả không sai.

Quyển sách này tường thuật lại những nơi chốn sự việc đã xảy ra, cùng cảm tưởng và những quan sát dọc đường của chúng tôi trong mười tháng bái hương. Thật không thể nào kể hết những vị hảo tâm đã từng giúp đỡ chúng tôi về mọi phương diện. Vì vậy cuốn sách này cũng là cách bày tỏ lòng biết ơn của chúng tôi đối với: Tất cả những ân nhân, mười phương chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, Sư Phụ là Hòa Thượng Tuyên Hóa và với cha mẹ cùng các bạn đồng tu của chúng tôi. Hy vọng quyển sách này sẽ gọi lại trong lòng đọc giả những sự hồi đáp giống như tôi đã cảm thọ lần đầu trong chuyến viếng thăm giảng đường Phật học cũ kỹ và nên nhớ rằng, sự khởi đầu cho con đường tu tập đó đang rộng mở cho những ai muốn chọn theo nó.

---o0o---

Chương I - Từ San Francisco đến Garberville

Ngày 16 Tháng 10 Năm 1973. Ngày khởi sự. Hằng Cự viết:

Sáng hôm nay tất cả mọi người ở Chùa Kim Sơn tiễn đưa chúng tôi đến tận công viên nhỏ gần cầu Golden Gate, nơi mà tôi đã bỏ cuộc lúc trước. Không lãng phí chút thời gian nào, tôi bắt đầu lạy ngay về hướng bắc, Thầy Hằng Do đi liền theo sau, trên lưng mang một túi đầy vật dụng. Lúc đó có khoảng hai mươi vị gồm cả Tăng, Ni và cư sĩ vừa đi chung quanh chúng tôi vừa trì niệm chú Đại Bi gồm 415 âm vần.

Sau khi lạy qua hai con đường, tôi chuẩn bị băng qua đại lộ phía trước của Marina, thì có đoàn xe cứu hỏa chạy đến và ngừng ngay trước mặt. Hơi một chút sững sờ vì chúng tôi không biết họ đang muốn làm gì, chắc họ cũng thắc mắc về việc chúng tôi đang làm. Đường lộ khi ấy lại rất nhiều xe cộ nên khó mà băng qua theo kiểu Tam Bộ Nhất Bái, vì vậy tôi cứ đứng tại chỗ mà lạy. Được một lúc, thấy cảnh tượng này chắc sẽ gây sự chú ý, nên cuối cùng tôi đành quyết định đi qua lộ như thường, rồi sẽ tiếp tục lạy khi tới bên kia đường. Lúc chúng tôi tiến gần đến lối vào cầu thì nhóm xe chữa lửa lúc này mới bỏ đi, còn chúng tôi thì tiếp tục cuộc hành trình. Thầy Hằng Do với túi đồ đi trước khoảng vài trăm thước, ở đó lạy, đợi đến khi tôi đi ngang qua, Thầy lại mang túi hành trang lên, đi về phía trước và lạy tiếp....

Lên đến cầu Golden Gate, chúng tôi gặp mỗi trở ngại đầu tiên. Một viên chức giữ cầu chạy ra nói rằng nếu chúng tôi cứ tiếp tục làm "như thế" để qua cầu thì ông sẽ đuổi chúng tôi ngay.

Ông bảo: "Hoặc là đi như những con người bình thường, bằng không thì không được qua cầu."

Rồi ông nói tiếp: "Mà cái gì vậy? Mấy ông tính làm gì đây?"

Thấy rõ ông ta muốn kiếm chuyện, nên tôi nói: "Để chúng tôi suy nghĩ về chuyện đó chút đã."

Nghe thế ông ta lấy làm bối rối và cũng không nói được thêm gì. Lẽ lạy tại chỗ được một lúc, thấy không còn cách nào hơn nên chúng tôi quyết định đi qua cầu như "những con người bình thường." Qua đến bên kia cầu là vùng Marin, trong khi tiếp tục lạy tôi chợt nhớ lời Sư Phụ dạy lúc chia tay:

"Ngày mai chỉ trong một niệm là Hằng Cự và Hằng Do sẽ qua khỏi cầu."

Từ đây chúng tôi dự định sẽ tiến tới bờ biển Stinson và thẳng lên xa lộ Một (Highway 1), cuối đường là giáp vùng Legget, California. Từ đó sẽ chuyển sang xa lộ 101 để thẳng tiến đến trung tâm của tiểu bang Washington rồi sau đó thì vào nội địa Seattle. Dựa theo bản đồ thì chúng tôi hầu như sẽ không gặp đại lộ (free way) nào cả.

Chúng tôi vừa mới qua cầu Golden Gate và dựng lều dưới những lùm cây gần lối vào khu Sausalito.

Ngày 17 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay trong buổi nắng sáng, chúng tôi rời xa lộ 101 để vào vùng Sausalito. Nhiều đoàn xe như Porsches và Volkswagens chạy vùn vụt ngang qua để vào thành phố lớn làm việc. Khi chúng tôi đến khu phố nhỏ im lìm bên bờ vịnh, tuy hai bên đường đã có nhiều người dừng lại nhìn chòng chọc, nhưng chỉ có một bà cụ đến hỏi chuyện chúng tôi thôi. Đến trưa, Quả Dung Epstein cùng gia đình và người bạn tên Tom Yager mang đến thức ăn Tàu còn nóng hổi. Tiến sĩ Epstein, giáo sư dạy triết ở trường đại học San Francisco State, tỏ lòng mến mộ về việc làm của chúng tôi. Sau bữa cơm trưa, chúng tôi tiếp tục lạy. Có con chó đại thân đầy ghê lở, chạy lon ton vòng quanh theo tôi, vừa rên rĩ vừa tru lên như than thở.

Nói chung, mọi người đều như tránh xa chúng tôi. Có lẽ họ nghĩ rằng đây là một trò ảo thuật quảng cáo gì đó. Tôi tự hỏi không biết có bao nhiêu người ý thức rõ được về những cái hay, có thể biểu hiện trong việc lạy như vậy. Tại Đông phương, đặc biệt là Ấn Độ, Trung Hoa và các nước theo Phật Giáo, lạy là một cách diễn tả sự cung kính, chào hỏi và phục tùng. Trung

Quốc thời xưa, xem việc lễ bái gần giống như là sự bắt tay như ở xứ Mỹ ngày nay. Công nhân kính lạy chủ nhân (quý tộc), chủ nhân bái kiến các Lãnh chúa, Lãnh chúa lễ phục Hoàng Đế, cũng có khi Hoàng Đế lạy xá những vị Tăng đã giác ngộ và thỉnh cầu sự chỉ dạy cách thức thống trị quốc gia. Tuy nhiên sự lễ lạy đối với chúng tôi lại là phương tiện của thiền định. Phương pháp này dẫn đến sự tập trung tư tưởng hơn hết, vì nó không đòi hỏi suy nghĩ hay nói năng gì. Những động tác chậm chậm nhẹ nhàng, lập đi lập lại mới chính là sự luyện tập trong hiểu biết, với chủ ý làm dừng lại những loạn tưởng trong tâm thức. Nhờ vậy tự tánh vốn vượt ngoài cái lý bất nhị sẽ được phơi bày. Tự tánh này như hư không, bao trùm tất cả, tức không sanh cũng không diệt. Mục đích tu tập của người Phật tử là để trở về với tự tánh sẵn có của mình. Cho nên thiền tập bằng cách lễ lạy là một trong những phương pháp đưa đến trạng thái đó.

Hôm nay chúng tôi lạy thẳng một mạch xuyên qua thành phố Sausalito được năm dặm đường, và đang dừng lều trong bụi cây, giáp ranh vùng Tamalpais. Ngày mai chúng tôi sẽ tiến lên ngọn đồi cao qua con đường nhỏ ngoằn ngoèo dẫn ra bờ biển.

Ngày 18 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:

Con đường chật hẹp lại khúc khuỷu và lõm chỏm đầy sỏi đá. Thầy Hằng Cu biết ngay những viên sỏi đá bén nhọn này sẽ cào rách tay và đầu gối, nên chúng tôi phòng ngừa bằng cách xé áo quần quanh đầu gối.

Mấy hôm trước, cái quần tôi đang mặc trông cũng còn khá lấm, vậy mà bây giờ đã có nhiều chỗ bị mòn mỏng tanh, tôi lại vô ý không đem thêm cái nào để phòng bị. Sáng nay, khi đứng tại chỗ lạy để chờ sư huynh đến thì phía sau đích quần tôi bị tét ra. Cũng may là nhờ có cái y (cà sa) che khuất chỗ rách. Tôi định lát nữa sẽ vá lại, nhưng càng tiếp tục lạy thì nhiều chỗ khác lại càng rách thêm ra. Thế này thì hết phương vá váu. Trong mấy ngày qua, người ta đã thấy có hai Tu sĩ Phật Giáo vừa đi vừa lạy trước công chúng, chỉ vậy cũng đủ làm họ sững sốt rồi, nói chi bây giờ lại trông thấy một ông Thầy tu lễ lạy với cái quần rách tả tơi thì thật là quá sức tưởng tượng! Chắc tôi sẽ bị bắt về tội phơi bày bất chánh quá! Gió lạnh biển Thái Bình Dương xuyên qua những lỗ rách khiến tôi càng rét buốt thấu xương. Khi Thầy Hằng Cu vừa lạy tới, tôi đề cập ngay đến thảm trạng đang cần một cái quần, nhưng sư huynh tôi cũng chẳng làm gì được hơn. Chúng tôi không có dư một cái quần nào và cũng không có tiền để mua quần mới. Nhiều người đi ngang qua cho tôi những cái nhìn thiệt là kỳ cục.

Tôi vác túi hành lý lên và bắt đầu đi về phía trước, đến ngay góc đường đầu tiên, chợt thấy một đồng vải màu nâu nằm chắn lối. Mừng quá, tôi chạy tới lượm lên, thì ra là cái quần tây đàn ông, cỡ (size) 34. Đúng là kích thước của tôi, không nhỏ quá, cũng không lớn quá, rất vừa vặn, thật là chuyện khó tin. Tôi nhảy vào bụi rậm để mặc vào, thật hoàn toàn vừa vặn. Không biết vị Bồ Tát nào, hay ai đó đã để cái quần này ngay trên lối đi của tôi. Nhưng dầu sao đi nữa, tôi thật biết ơn vô cùng.

Hôm nay chúng tôi lạy xuyên qua ranh giới Tamalpais được sáu dặm và đang cắm trại trên đồi, giữa những hàng cây Bách Hương. Thật ra chúng tôi không có lều chõng gì mà chỉ có được tấm ni-lon, nhưng vậy cũng đủ để tránh những cơn mưa gió phủ phàng.

Ngày 19 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:

Trong ba ngày đầu tiên sống ngoài trời của chuyến đi, tôi đã đối diện với hàng triệu hình dạng của cuộc sống, như cây cỏ, côn trùng và súc vật. Dù cho số lượng có nhiều vô số kể, dù dưới mọi hình thể khác nhau, nhưng tất cả không sớm thì muộn đều cũng phải chết. Mọi cuộc sống đều theo một khuôn mẫu là: Sanh, trụ, hoại và không. Sanh là do các yếu tố hữu duyên hợp lại tạo thành thân thể. Trụ là khoảng thời gian những yếu tố này còn trong tình trạng hòa hợp. Hoại là khi các yếu tố này tan rã. Không là khi sự liên hệ giữa chúng tuyệt nhiên chấm dứt và thân thể đó không còn tồn tại nữa.

Với khung cảnh bao la ngoài trời này, tư tưởng tôi không có những bức tường chướng ngại, nên tâm tôi như tỏa vút lên tận trời cao và hòa lẫn vào những vì sao. Không có gì cản trở, tôi tiếp tục suy ngẫm đến những câu hỏi bất hủ về kiếp nhân sanh. Tôi là ai? Tôi đang đi về đâu? Các vị Thánh Hiền bảo rằng câu trả lời thì đang ẩn ở phía bên trong. Vậy thời việc báii hương này sẽ là một chuyến đi thuộc về tâm linh đó. Khi nào tôi phá vỡ được cái vỏ hư vọng của bản ngã, thì tất cả những phân biệt trong và ngoài sẽ biến mất, và tôi sẽ thấy thế gian này như là chính bản thân tôi. Thế nên đức Phật đã dạy về lòng Từ Bi, một khi biết được rằng bạn thực sự là tất cả, thì bạn sẽ đối xử tốt với tất cả.

Ngày 20 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:

Mưa tầm tã. Chúng tôi chậm chậm xuống đồi để ra xa lộ Một, khi tiến về hướng bắc, bờ biển Stinson, có ông say rượu hét Thầy Hằng Cụ (từ khoảng cách an toàn): "Ê! Thăng hề. Cút đi!"

Sau một ngày mệt mỏi, chúng tôi dựng lều trên một đồi cỏ nuôi bò, hướng về phía bờ biển. Giờ đây, tôi vừa ghi chép vừa nhìn chăm chăm vào ngọn lửa nhỏ mà chúng tôi đã xoay trở lăm mới nhúm cháy được. Sẽ có ai đó thấy được những làn khói bay ra từ mấy nhánh củi ướt, rồi đến bắt chúng tôi về tội cắm trại bất hợp pháp chăng? Không đâu! Gió biển mạnh đã thổi tan cả rồi! Chúng tôi cũng vẫn dựng lều bằng mấy tấm ni-lon để nghỉ cho qua đêm dài lạnh lẽo. Năm dặm thật là một đoạn đường dài để quỳ lạy. Thầy Hằng Cụ nói là lúc nào cũng thích đi du lịch, nhưng theo tôi nghĩ thì chuyến báii hương này còn có giá trị hơn là chuyện đi lang thang không mục đích. Vì hiện tại chúng tôi đang làm một việc có lý do, có mục tiêu. Tôi cảm thấy sự hiện diện của chúng tôi ở ngoài này thật là chánh đáng. Khi nghĩ lại cuộc đời mình, tôi cảm thấy thật đã lãng phí bao nhiêu là sức lực, và thời gian vô ích trôi qua, nên tự nguyện với lòng mỗi ngày sẽ tinh tấn hơn.

Ngày 21 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:

Con gió hú thổi qua cây lá khiến chúng tôi thức giấc. Dù trời vẫn còn tối đen, nhưng chúng tôi đã lo thu dọn lều chõng, lần mò trở ra đường. Thầy Hằng Cụ bị trặc lưng khi nhảy qua hàng rào, mặc dù vậy sự huynh tôi cũng ra tới được mặt đường vừa lạnh lẽo, vừa tối thui để bắt đầu lễ lạy.

Khi Hòa Thượng Hư Vân bắt đầu chuyến báii hương, có nhiều Tăng sĩ cũng tháp tùng theo Ngài. Nhưng chẳng bao lâu, vì mệt mỏi nên họ đã phải quay trở về. Bây giờ chúng tôi chỉ mới đi được có năm ngày thôi mà tôi cũng đã thấy rất rõ việc lễ báii một ngàn dặm (tức 1600 km) sẽ còn khó khăn hơn là tôi tưởng. Tin chắc rằng nếu như không phải vì Thầy Hằng Cụ nhất quyết làm việc chánh đáng, nhằm đem lợi ích cho thế gian thì chuyến đi này có lẽ sẽ bị dẹp qua một bên rồi.

Gió thổi mạnh làm gãy đứt những nhánh cây to nằm ngổn ngang trên đường. Tiếng nước mưa chảy âm âm vào cống rãnh, hòa vang cùng tiếng mưa rơi ào ạt. Chiều nay có ông cảnh sát đến khám xét, xem chúng tôi có phải là tội nhân vượt ngục, hay là bọn khùng điên. Ông bỏ đi với gương mặt thất vọng vì không tìm được lý do để bắt bớ. Chúng tôi căng lên tấm lều đơn sơ gài lổl qua ra vùng Bolinas.

Ngày 22 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:

Trời mùa thu vùng biển này thật là lạnh lẽo và ướt át. Như những chúng sanh, bò, ngựa, chúng tôi cũng thích nghi ngay vào cuộc sống ở đây. Khi đi qua vùng Five Rivers (Ngũ Hà) có cô gái đem cho trà nóng.

Tôi lại nghĩ về chuyến Du hành nội tâm, thật ra nó có ý nghĩa gì? Nghĩa là chúng ta đừng nhìn ra ngoài, phải quan sát sự diễn biến ngay mỗi ý niệm của mình. Tâm ta nên trở thành những tấm gương, chớ đừng giống như những cái máy chụp hình, chỉ chụp được các vật khác, vì ảnh hưởng đến sự ngược dòng tập trung. Tâm phải được phát triển trên phương diện không bị động khi đương đầu với những xúc cảm. Là Phật tử nên quan sát rằng, mặc dù tâm hoạt động đôi khi cực kỳ phức tạp, nhưng tiến trình của nó có thể phân chia làm hai loại:

Thứ nhất là Chấp trước: Tâm có xu hướng về trạng thái khoái lạc (như trà nóng), và cố duy trì những cảm thọ đó.

Thứ hai là khuynh hướng Chối bỏ: Tâm cố thoái lui những hoàn cảnh bất như ý (như thời tiết ướt lạnh). Tâm bị xao động giữa hai sự đối nghịch này, đây là nguyên nhân làm chúng ta lạc mất trí huệ căn bản, vốn bất động không ô nhiễm, luôn sẵn có trong ta.

Tu hành cốt yếu là trực tâm xoay trở về "bên trong" và tập quan sát những biến chuyển cùng nguyên nhân của nó. Kế đến nên phát triển định lực để khi đối diện bất kỳ những cảnh vui buồn gì, tâm sẽ không bị xao động. Như vậy, dần dần trí tuệ sẽ sanh trưởng. Giờ đây tôi thấy rõ là chính ngoài xa lộ này là nơi có rất nhiều cơ hội để khảo nghiệm lại những đạo lý trên.

Ngày 23 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay chúng tôi lạy qua vùng Olema, một làng nhỏ nằm yên tĩnh phía trong bờ biển Point Reyes National. Tôi quên nhắc là trước đây đã có mấy gia đình từ tu viện vẫn thường đến và cúng dường những bữa cơm chay nóng hổi. Như gia đình Quả Đôn Schweig, Quả Dung Epstein và Quả Tả Linebarger, họ luân phiên đến với chúng tôi, mỗi lần chào mừng gặp gỡ là mỗi lần thú bất ngờ.

Trưa nay khi lạy ngang qua vùng đồng bằng hoang vu, có ông lão hành đơn độc cùng với con chó nhỏ gia nhập vào chuyến bộ hành kỳ hoặc của chúng

tôi. Bây giờ chúng tôi ba người dựng lều dưới gốc cây sồi trên đất tư nhân, cách xa lộ khoảng một phần tư dặm. Chuyện kiếm chỗ dựng lều ở chung quanh vùng này vốn không gì dễ, nhưng Thầy Hằng Do lúc nào cũng tìm được chỗ. Cứ mỗi buổi chiều, khoảng nửa giờ trước khi tôi kết thúc lễ lạy, là Thầy đi trước để tìm chỗ. Hầu như mỗi tấc đất chung quanh vùng này đều thuộc về tư nhân, nên việc lựa chọn địa điểm cũng rất găng. Lúc trước Thầy Hằng Do không tự chọn lấy mà chờ tôi đến để quyết định. Bây giờ sau bảy ngày trên đường, Thầy đã thay đổi hoàn toàn. Khi tôi vừa lạy tới nơi thì Thầy đã dựng lều xong, đôi khi nếu điều kiện cho phép, Thầy còn nhóm sẵn lửa lên nữa. Thật là một phần thưởng xứng đáng sau một ngày dài lễ lạy.

Quyết định sự việc là một phương diện quan trọng của sự tăng trưởng về tinh thần. Nhớ có lần ở Chùa Kim Sơn, khi tôi cố làm một cú quyết định, nhưng không ổn gì mấy. Lúc đó vừa mới làm chú Sa Di và còn sót lại bảy chục đồng, tiền tôi làm được khi chưa xuất gia. Số tiền này đã làm tôi nôn nóng như muốn đốt lũng túi, nên tôi chỉ muốn tiêu quách nó đi cho rồi. Chuyện xảy ra là vào một hôm khi tôi đang đứng ở hành lang trên lầu ba của Chùa Kim Sơn, cách phòng Sư Phụ khoảng một trăm bước (feet), tay đang mân mê số tiền trong túi áo và cố nghĩ cách sẽ làm gì với số tiền đó. Lúc đầu tôi định sẽ cúng hết vào chùa, nhưng lại có chút ý tưởng tham lam nổi lên:

"Có lẽ nên nhín lại cho mình một chút chớ! ờ, mà nên giữ lại bao nhiêu hử?" Tôi nghĩ thầm như vậy, rồi cả một chuỗi dài ý tưởng suy tính, biện luận về tiền bạc cứ vậy mà nổi lên. Tôi đứng ù lì ra vì không thể quyết định được gì, trong khi tay cầm tiền thì rịn chảy mồ hôi càng lúc càng nhiều. Tôi cảm thấy mình giống như con lừa khùng đang bị điều đứng giữa hai bó cỏ khô ngon như nhau, rồi nổi cơn lên vì không biết nên ăn bó nào.

Đứng đó mà nhìn đầu óc mình đang chiến đấu, tôi chợt nghe từ xa tiếng cửa mở từ phòng Sư Phụ. Hình như cánh cửa tâm tôi cũng đang được mở ra. Tôi biết ngay là Sư Phụ đã "rà đúng" ngay tôi rồi.

Sư Phụ có lần nói: "Khi một người có được thần thông về thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm và túc mạng thông, thì người đó sẽ không cần dùng đến truyền hình, radio, máy ra-đa, hay so-na gì hết. Vì tâm người đó đã không còn những vọng tưởng điên đảo, nên có thể thấu đáo một cách nhiệm mầu về tất cả mọi việc xảy ra trong vũ trụ, như mỗi tế bào trong cơ thể sẽ là một máy truyền hình và mỗi sợi tóc sẽ là một nút bấm điều khiển."

Lúc đó tôi nghe Sư Phụ lớn tiếng sai bảo điều gì cho một trong những Thầy người Mỹ đang đứng gần bên. Không đầy một phút, vị Thầy đó chạy dọc theo hành lang về phía tôi, vừa hớn hờ ve vẩy tờ giấy mười đồng vừa nói:

"Hằng Cự! Sư Phụ muốn biết đệ có tiền lẻ để đổi mười đồng không?"

Tôi đứng trân mình một lúc, không nói được lời nào, đầu óc như muốn vỡ tung. Vẫn như đang ngẩn ngơ, tôi lôi ra hai tấm giấy năm đồng và trao cho Thầy.

Thầy này nói: "Ừa! Mặt đệ sao giống như vừa mới gặp ma vậy!"

Tôi đáp: "Dạ! Thấy con ma của chính đệ đấy!"

Một vị Thầy có trí huệ sẽ dạy đệ tử theo nhiều trình độ khác nhau, điều này khó mà diễn tả được hết. Như về lãnh vực tư tưởng và ngôn ngữ chỉ là một khía cạnh của việc giảng dạy. Phải hiểu rằng một khi tâm thầy trò tương ứng như một, thì tất cả đều là phương tiện của sự giáo hoá. Tiếng đóng cửa bất thành linh vừa đúng lúc với sức đẩy cũng có thể là một cách rất tốt để một người trực nhận và bừng ngộ. Cũng vậy, tiếng điện thoại reo, tiếng ho khan, giọng cười gằn, sự làm lơ, sự quở mắng, lời khen quá đáng, những câu hỏi nan giải và nhiều phương pháp thiện xảo khác. Mặc dầu mới xem qua, chúng như có vẻ tầm thường, nhưng nếu sự việc xảy ra đúng lúc thì nó chính là dịp của mối liên hệ trực tiếp không chướng ngại giữa thầy và trò, thật không thể làm lẫn được.

Ngày 24 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Thời tiết trở nên giá buốt khi chúng tôi lạy từ Olema về hướng bắc, đến một tỉnh lỵ khá lớn Point Reyes Station. Lúc 9 giờ sáng, có ký giả tờ báo địa phương vùng Point Reyes Light đến phỏng vấn, và chúng tôi đã trả lời những gì mình hiểu biết. Có lẽ lúc này đã có nhiều người hiểu thêm phần nào về việc chúng tôi đang làm. Có lần ở trong phố, tôi đang lạy dọc theo lề đường, Thầy Hằng Do ở gần bên nghe được câu chuyện đối thoại khi đi ngang qua tiệm bán máy móc (hardware) như sau:

- Ê, Matha! Nhìn kia! Mình có nên gọi cảnh sát không?

- Thôi đi George à! Mặc kệ ông ta, ông đâu có làm gì hại đâu!

Sau mười lăm phút dụng công, chúng tôi ra tới ngoại thành thì gặp một nữ cư sĩ Phật giáo tên Katy Powell (Quả Tánh), hiện ở vùng Point Reyes với hai đứa con. Bà ngỏ ý muốn được cùng lễ bái một đoạn đường. Và bà đã lạy theo phía sau cách chúng tôi khoảng hai trăm bước. Lạy được một dặm trên con đường lỏm chỏm đầy sỏi đá thì bà quay trở về nhà. Quả Đôn Schweig và gia đình mang cơm trưa đến, gồm cơm gạo lức, canh rau, bánh mì, bánh tây và trái cây.

Buổi chiều ông Ben Williams đến cùng với đoàn ký giả San Francisco của đài truyền hình CBS số 5, họ quay phim rất nhiều về cảnh chúng tôi đang lễ lạy dọc theo những dốc đá bờ biển. Tối đến, vừa lúc chúng tôi tìm được một cái chòi bỏ hoang nằm ẩn trong rừng thì cơn mưa bão cũng vừa đổ ập xuống. Tôi mất cả nửa giờ lượm củi khô để nhóm lửa. Giờ đây chúng tôi đang hong khô đồ đạc và nấu nước pha trà.

Ngày 25 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:

Hôm nay Ưu Bà Tắc Quả Chu Rounds, chủ tờ báo Napa County Record, đem đến cho vài vật dụng và viết một bản tin ngắn về chuyến bái hương này.

Chúng tôi khởi sự lạy từ vịnh Tomales, đến cuối ngày lại tìm được một căn nhà hoang. Nhà này dù đã đổ nát, nhưng cũng giúp chúng tôi tránh mưa qua đêm. Tuy nhiên trong đêm tối đen đó, chúng tôi mới nhận ra căn chòi hoang này lại là nơi dung chứa bao loài thú rừng như: chồn, chuột, sóc và nhiều loài bận rộn khác đang ở chung với chúng tôi. Trong đêm tối vắng lặng, tiếng kêu vang rền của bọn chúng như càng được khuếch đại thêm. Có lúc tôi cũng cảm thấy thật sợ hãi. Như rui ở đây có gấu thì sao? Nếu đem tinh thần lý trí ra để hiểu rằng thế gian này là hư ảo, đó là một chuyện, còn sống ở cuộc đời mà thật không lo sợ thì lại là một chuyện khác. Tôi thâm niệm Phật và cố giữ tâm an định lại. Rồi một ý tưởng chợt loé lên khỏa lấp sự lo sợ vô lý của tôi: Ô! Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật, thành người giác ngộ mà! Trong cuộc đời của Hòa Thượng Hư Vân, có nhiều trường hợp các thú hoang tìm đến lễ bái Ngài. Vì đức độ của Hòa Thượng như có quyền lực làm khơi dậy cái khả năng hiểu biết tiềm ẩn ngay cả ở những loài cạp, sóc và chồn. Ngài giảng dạy cùng ban truyền Tam Quy, rồi thâm nhận chúng làm đệ tử, chẳng thế mà còn dạy cho chúng thêm về những giới luật, đạo đức nữa. Nhờ vậy mà tánh nết chúng thay đổi tốt hơn, bảo đảm sau này sẽ được tái sanh về cảnh giới khá hơn và sẽ có nhiều cơ hội hơn để tu hành.

Sau khi ngẫm nghĩ như vậy, thì những tiếng động ban đêm trong chòi đã không làm tôi kinh sợ nữa. Tôi ngủ thiếp đi với ý tưởng vui vui, rằng đang có hàng ngàn vị Phật nhỏ nhỏ tương lai hiện đang vất vả lo tích trữ lương thực cho mùa đông sắp tới.

Ngày 26 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Phật tử Quả Thông Almassy (còn gọi là Gia Gia), chủ tiệm bán thực phẩm dinh dưỡng (health food) ở bãi biển Stinson, hôm nay đem cơm trưa đến. Khoảng xế trưa, có ông chạy xe gắn máy (motorcycle) ngừng lại trò chuyện. Ông này nhắc đi nhắc lại mấy lần về việc chúng tôi đang làm là "việc của Chúa." Sau đó có anh ở vùng Inverness đem đến cho chúng tôi mấy trái cây tươi, và thắc mắc muốn biết thế nào là lễ lạy. Chúng tôi cùng ngồi xuống trên lều cỏ dọc bên xa lộ để giảng sơ ý nghĩa cho anh ta hiểu.

Tôi nói: Sự quỳ lạy chỉ xem như là sự vận động của thân thể. Nhưng sau một thời gian, khi toàn thân đã thuần thục, thì thân và tâm có thể bắt đầu dung hòa hợp nhất. Thân quỳ lạy, tâm niệm danh hiệu Bồ Tát, những tác dụng này hỗ trợ lẫn nhau như một bài chú, như một phương pháp làm dừng những dòng tư tưởng. Qua cách này sẽ giúp tôi tỉnh giác trước những diễn biến ở nội tâm, và ngoại cảnh chung quanh. Đồng thời nó không để tâm tôi xao lãng về những cảnh giới quá khứ hay vị lai. Trong kinh Lăng Nghiêm có giảng: "Khi tâm mê dừng lặng thì chính ngay sự dừng lặng đó là giác ngộ." Người ngộ nhập được trình độ này rồi sẽ không có những ý nghĩ gì về việc lễ lạy, sự an lạc, sự phân tán hay nguyên vẹn, mà đối với họ tất cả là một thể đồng nhất. Người có tâm trực nhận được như vậy tức là tâm Phật rồi đó.

Anh này chăm chú lắng nghe và sau một hồi suy nghĩ, anh ta xác định mục đích việc làm của chúng tôi rất đáng quý, nhưng theo ý anh thì chúng tôi cũng có thể thực hiện theo nhiều cách khác tốt hơn.

Hôm nay chúng tôi lạy dọc theo vịnh Tomales. Khi đi ngang qua một cộng đồng đông đúc vùng Synanon, có mấy người từ trên đỉnh đồi kêu la chế nhạo. Sau đó chúng tôi tiếp tục lạy qua một làng nhỏ ở Marshal, rồi dựng lều trên sườn đồi nghiêng thoải thoải hướng ra vịnh.

Ngày 27 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Sáng thứ bảy hôm nay trời thật đẹp, chúng tôi lễ lạy vào một quận nhỏ Tomales. Mặc dầu chỉ mới 8 giờ sáng, vậy mà đã có hơn trăm người chen

chút dọc theo con đường chánh. Thấy tình hình ở đây có vẻ hơi là lạ, vì chẳng có chiếc xe nào trên mặt lộ cả. Ngay ngã tư đường chánh của trung tâm phố, đám đông như cố giữ một sự im lặng tuyệt đối, tôi cảm thấy như có nguồn khí lực của hàng trăm đôi mắt đang lặng lẽ hướng nhìn tôi chòng chọc. Quang cảnh lúc này thật nặng nề. Thành linh từ trong đám đông, một bà lão mặt mày đầy son phấn, chạy ra và trao cho tôi một hộp bánh mút (jelly-filled donut: loại bánh mà tôi thường ưa thích.) Bà hỏi với giọng hơi run sợ: "Ông có nhận cái này không?" Tôi ngừng quỳ lạy và từ từ đứng lên.

Tôi tin rằng trong cuộc đời của mỗi chúng ta, ai cũng có một vài kỷ niệm, hoặc những giây phút đáng ghi mãi trong ký ức. Đối với tôi, lúc này có lẽ là một trong những giây phút khó quên. Tôi đã lễ lạy suốt trên hai tiếng đồng hồ, và khi đứng lên để tiếp nhận hộp bánh, tôi cảm thấy ánh mặt trời như đang tỏa chiếu khắp cả vùng. Cảm giác ấm áp như đang chạy rần rần từ da thịt đến tận cõi lòng tôi, thật là an lạc.

Trong lúc đó, tôi nhớ lời Sư Phụ vẫn thường nói: "Quý vị ráng tập xem tất cả mọi sự như là vô sự, xem mọi chuyện như là không có chuyện gì cả.." Ít ra lần này tôi cũng có thể nhận ra được ý đó của Ngài.

Bà lão và đám đông im lặng đó như đang chờ đợi phản ứng của tôi. Tôi gật đầu tỏ ý nhận lấy hộp bánh, rồi bỏ vào cái túi lớn mà tôi đã may dính liền vào cái quần rộng thùng thình của tôi. Bà lão vô danh chạy trở về chỗ an toàn rồi lẩn khuất trong đám người càng lúc càng đông. Tôi còn nghe văng vẳng lời bà nói: "Cũng được! Ít ra ông ta cũng còn ăn!"

Tôi tiếp tục lạy và Thầy Hằng Do cũng ở gần bên, khi vừa đến cuối phố, về hướng bắc, bỗng nghe tiếng còi hú chát chúa, tiếp đó là những tiếng trống bập bùng vang lên. Tôi thầm nghĩ chắc là mình đang tưởng tượng thôi. Nhưng ngay ngã tư cuối cùng, chúng tôi lại nghe có hai chiếc xe mô-tô lớn (motorcycle) hiệu Harley Davidson đang chạy ào đến. Phía bên trái con đường là cả một đoàn diễu hành với những bước đi nhịp nhàng của từng tốp một, gồm: ngựa, ban nhạc, xe hoa và còn nhiều nữa, đủ thứ, đủ loại! Thì ra đó là cuộc diễu hành đón mừng người về tỉnh nhà Tomales, và họ đã ngừng lại khoảng nửa giờ để đợi chúng tôi lễ lạy ngang qua. Thật là những người quá lịch sự. Chỉ có ở xứ Mỹ này mới có thể xảy ra những chuyện như vậy. Hai chúng tôi ngừng lạy để nghỉ xả hơi và xem đoàn diễu hành. Có rất nhiều người tỏ vẻ thân thiện đến trò chuyện với chúng tôi.

Quả Tôn đem cơm trưa đến cho chúng tôi. Anh này sống bằng nghề giao chuyên được phẩm thẩm mỹ chế tạo bằng chất hữu cơ cho các tiệm bán thức ăn dinh dưỡng lành mạnh. Buổi chiều chúng tôi lễ thẳng một mạch không ngừng nghỉ, đến cuối ngày thì được năm dặm, rồi dựng lều dưới gốc sồi to lớn, độc nhất trên cánh đồng cỏ của ai đó. Sau buổi tọa thiền tối, Thầy Hằng Do tản bộ đến nông trại gần nhất để mua về một bình sữa tươi, trong khi đó thì tôi lo nhóm lửa. Giờ đây, tôi vừa ngồi nhâm nhi sữa nóng vừa ghi lại những hàng nhật ký.

Ngày 28 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Bạn Quả Tôn là Quả Diện đem thức ăn trưa đến (sau đó bà này cũng thỉnh thoảng đến). Bà luôn luôn đem đến những thức ăn rất quân bình đã được nấu theo phương pháp dưỡng sinh (macrobiotic), kỹ lưỡng nhất. Chúng tôi lạy qua vùng Valley Ford, phố nhỏ này được thành lập quanh ngã tư đường chánh. Sau đó chúng tôi tiếp tục đến vùng đồng bằng lũng lộng gió, rồi thẳng đến ranh giới quận Marin-Sonoma.

Lễ lạy ở miền đồng ruộng này có vẻ thật thuận lợi, nếu so với trong thành phố thì thật là một chuyện khác hẳn. Chúng ta luôn có khuynh hướng tự ý thức về mình, thì nơi đây đem lại cơ hội tốt đẹp để quán tưởng về pháp vô ngã. Trong thiền viện Phật giáo dùng công án gọi là "Ai?" Ở bất cứ lúc nào, nơi nào, thiền sinh chỉ với câu hỏi đơn giản: "Ai là người đang biết đây?" Phương pháp này gọi là hồi quang phản chiếu, nghĩa là quan sát những tư tưởng nổi lên với tánh cách thật vô tư, đồng thời cố gắng truy xét trở lại tận nguồn gốc sự phát sinh của những tư tưởng đó. Dù có tìm kiếm thế nào, nó không có nguồn phát xuất từ đâu cả. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả: "Không có người suy nghĩ mà cũng không có gì để suy nghĩ, chỉ có những tư tưởng nổi lên do nghiệp lực hạn buộc mà thôi." Tiến trình của sự truy tầm này được người Hoa gọi là tham thiền.

Một phụ nữ trẻ tên Melissa từ trung tâm thiền đường Blue Mountain mang đến cho chúng tôi một ổ bánh mì. Sau đó có cặp vợ chồng trẻ trên chiếc xe cam nhông cũ kĩ ngừng lại bảo rằng, mười năm về trước, mọi người chung quanh đây có thể nghĩ rằng chúng tôi là đồ điên, nhưng bây giờ hầu hết là họ đã chấp nhận việc chúng tôi làm, có người còn cho rằng đây là việc làm rất hay.

Ngày 29 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Quả Đôn Schweig cùng vợ là Quả Kim, gấp rút lái chiếc xe van Ford đến, nhưng đã hơn 12 giờ trưa. Hai chúng tôi vừa mới ăn cơm xong và sắp sửa bắt đầu cho buổi lạy chiều thì họ tới, ngừng xe một bên nói:

"Chúng con tìm quý Thầy khắp nơi để đem thức ăn trưa này!"

Ôi! thấy họ quá thành tâm, vì rõ ràng là họ đã vất vả lắm mới đem được cơm trưa cho chúng tôi. Thầy Hằng Do và tôi lại không nỡ lòng bảo họ là vừa mới ăn xong. Thế là để tỏ lòng lịch sự, chúng tôi ngồi xuống dùng cơm trưa thêm một lần nữa. Quả Đôn cứ nhắc chừng chúng tôi ăn thêm nhiều và tôi đã ăn hết hũ bơ đậu phộng (peanut butter) hiệu Deaf Smith như mỗi lần họ đến.

Chiều nay lại có nhiều người đến trò chuyện. Chúng tôi nhận thấy những người này đang rơi vào các hạng khác nhau. Hầu hết là họ đã có định kiến trong tâm trước khi đến nói chuyện với chúng tôi. Họ hoặc là ủng hộ hay chống đối chúng tôi, chỉ khác nhau về cường độ. Những người này tự họ cho rằng mỗi cá nhân phải được phân loại rõ ràng. Có nghĩa là một người nếu không là Thiên Chúa Giáo thì phải là Do Thái Giáo, Phật Giáo hoặc gì khác nữa. Đó là một trong những sự phân biệt giữa trắng và đen, giữa đúng hay sai. Mặc cho những phong trào về tư tưởng mới lạ này biến chuyển, chúng tôi chỉ lấy làm ngạc nhiên khi thấy còn có bao nhiêu người lại bảo thủ quá đáng như thế.

Ngày 30 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi hiện đang trên xa lộ nhỏ hẹp, cong ngoằn dẫn trở ra bờ biển và bị một hoạn nạn. Nguyên là còn gần một dặm nữa mới đến quận vùng biển ở Bodege Bay, tôi bỗng cảm thấy có lệnh đòi đi cầu. Khỏi phải nói cũng biết là ở đây làm gì có nhà vệ sinh, bởi vậy tôi đành phải tuột xuống khỏi xa lộ và lúi đại vào bụi rậm để làm tròn bổn phận hằng ngày. Rủi thay lại không có giấy để chùi, nên tôi vói tay quơ đại mớ lá vàng tươi gần bên. Đó chính là một lầm lỗi thật đáng giá, vì sau đó tôi mới nhận ra những chiếc lá xinh xắn này lại là lá cây Sồi Độc, poison oak (tôi cứ nghĩ lá Sồi Độc màu xanh). Nhưng nghĩ gì đi nữa cũng không giúp ích chi trong lúc này. Chúng tôi lại tiếp tục lễ lạy, nhưng đến tối toàn thân tôi ngứa ngáy dữ dội. Hầu như suốt cả đêm tôi không chợp mắt được một phút nào. Tuy nhiên, nhờ nhớ niệm hồng danh Bồ Tát Quán Thế Âm nên đã giúp tôi quên đi cơn đau nhức.

Sáng hôm sau, khi tôi di chuyển còn thấy khó khăn hướng chi là quỳ lạy! Thế nên tôi và Thầy Hằng Do chỉ còn cách là ngồi xuống trên gò đất bên vệ đường. Cả hai chúng tôi hoàn toàn tuyệt vọng. Một lần nữa, lòng tôi tràn ngập những mối nghi ngờ về việc làm không thực tế, khó thành công của chúng tôi. Vì hiện tại còn phải lạy thêm phân nửa vùng California; cả vùng Oregon và Washington, lại thêm vấn đề là tôi tự mình chùi mông còn không xong.

Chúng tôi ngồi đó cả mấy tiếng đồng hồ. Không thể nào trở về, (mà có thể chăng?) nhưng nhất định là chúng tôi không thể nào tiếp tục được nữa. Cho nên chúng tôi vẫn cứ ngồi nhìn xe cộ qua lại. Vấn đề này coi như vô phương giải quyết. Đột nhiên như có cảm ứng nhiệm màu đến cứu giúp chúng tôi. Đó là hai chiếc xe Van quen thuộc đang ngừng trước mặt. Thì ra là cả nhóm người thân thuộc từ Kim Sơn! Có cả Sư Phụ nữa! Chúng tôi bèn di chuyển đến bãi đậu xe trống của công xưởng đồ hộp bỏ hoang. Họ đem đến nào là thức ăn, quần áo, thuốc men, tất cả những thứ mà chúng tôi cần dùng. Có cả giấy vệ sinh nữa! Tôi có cảm giác sung sướng đến tận mây xanh.

Mọi người ngồi thành vòng tròn, rộng khoảng mười lăm bước. Trước hết tôi và Thầy Hằng Do báo cáo những diễn biến trong mấy ngày qua. Sau đó mấy vị Tăng Ni lần lượt thuyết những bài pháp ngắn. Trong lúc họ nói, Sư Phụ nắm lấy bàn tay phải của tôi và bắt đầu xoa xoa. Ngài vừa nhẹ nhẹ xoa bóp vừa đọc chú. Tôi cảm thấy cái căng thẳng đau nhức dần dần như rời khỏi thân mình, còn tai như không còn nghe gì cả, chỉ cảm nhận được sự ấm áp của buổi nắng chiều. Ngoài ra không có gì đáng để cho tôi bận tâm đến.

Buổi họp mặt kéo dài khoảng một tiếng, sau đó mọi người lên xe ra về. Sư Phụ dạy chúng tôi nên nỗ lực chú tâm thêm vào việc lễ lạy. Ngài bảo trong hoàn cảnh này, cách tốt nhất là niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Sư Phụ lại nói: Với thần lực của Ngài Quán Thế Âm, không những chỉ cứu giúp riêng từng cá nhân, mà Ngài còn hỗ trợ rất nhiều trong việc đem lại hòa bình cho thế giới bằng nhiều phương pháp thật không thể nghĩ bàn.

Trước khi chia tay, tôi có hỏi Sư Phụ rằng: "Tôi hôm qua con đã cầu đức Bồ Tát Quán Thế Âm cứu con, và hôm nay Sư Phụ cùng mọi người từ Kim Sơn đã đến để cứu giúp. Như vậy có phải là chuyện trùng hợp không?"

Sư Phụ liền trả lời: "Đây chỉ là chuyện nhỏ thôi! Bất cứ lúc nào con muốn, chỉ cần gọi điện thoại là ta đến ngay."

Hôm nay tôi đã học được rất nhiều. Có một việc là cho đến hết cuộc đời này tôi sẽ không bao giờ quên được cái hình dáng của cây Sồi Độc, và tôi sẽ cố giúp những người khác đừng bị cái cảnh đau ngứa như tôi. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là tôi đã hiểu thêm được cái gọi là trung điểm triết lý của Sư Phụ:

"Mọi sự đều O.K!" (Everything is OK!).

Đây là những lời dạy thiết yếu của Sư Phụ mà tôi cũng đã từng nghe mọi người lập đi lập lại hàng trăm lần. "Mọi sự đều O.K ." không có nghĩa là muốn làm gì thì làm theo sở thích của mình. Không phải thế đâu! "Mọi sự đều O.K," là tâm trí của một người ở vào giai đoạn đã được luyện tập thuần thục, có thể quán sát thấu triệt những sự thăng trầm của các pháp mà tâm hoàn toàn vô chấp không bị vướng mắc, vì đó là nơi không chỗ trụ. Không xa lìa sự vô chấp này, người đó có thể hoàn toàn sống một cuộc đời có trách nhiệm, chín chắn, trưởng thành. Đây là điều ai cũng có thể theo đuổi để đạt được. Ở thế gian này dù cho ở hoàn cảnh nào, có xấu tệ gì đi chăng nữa, cuối cùng thì "Mọi sự đều o.k."

Trước khi trở về Kim Sơn, Sư Phụ đã cho mỗi chúng tôi những lời dạy dỗ như sau:

"Khuyến tiến Thiền sinh Hằng Cụ,

Phát nguyện Tam Bộ Nhất Bái,

Cầu cho thế giới hòa bình:

Tăng đoàn tại thiền viện Kim Sơn ở xứ Mỹ này rất đông và trẻ tuổi. Tất cả đều chú trọng vào việc duy trì, bảo hộ nền chánh pháp. Riêng mỗi cá nhân đều có những ưu điểm riêng biệt. Hiện nay con đã lập lời nguyện mà trước đây con chưa từng nguyện, hành theo hạnh Thánh Nhân mà con đã chưa từng hành, là mỗi ba bước lạy một lạy hướng về mười phương Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Vì lòng thành đầy nhiệt huyết của con cho việc cầu nguyện thế giới hòa bình là chân thật, chắc chắn con sẽ được sự cảm ứng nhiệm mầu. Mặc dầu sự phát tâm lúc ban đầu thì dễ dàng, tuy nhiên nó cũng có thể rất khó đạt được tròn ý nguyện của con. Đừng bỏ cuộc, hãy giữ vững sự kiên trì, thành tâm và cần

mẫn lên. Một ngàn dặm mà con sẽ đi qua chỉ là một bước nhỏ trong pháp giới. Hãy quyết tâm, đừng bao giờ ngừng thôi cho đến khi đạt đến mục đích của con. Hãy phấn chấn tinh thần lên nhé con! Ta để lại cho con bài thơ từ giả này:

Nan hành năng hành thị Thánh hạnh

Nan nhẫn năng nhẫn cập chân nhẫn

Thập phương chư Phật từng thử xuất

Bát vạn Bồ Tát tiếp chủng lai

Xuy đại pháp loa thí hiệu lệnh

Chấn bảo tích trượng hóa kiên tham

Công viên quả mãn khai triển nhật

Nạp vi ngô đồ tổng bính xan.

Nghĩa là:

Hay làm việc khó là hạnh Thánh

Hay nhẫn việc khó tức thật nhẫn

Mười phương chư Phật từng như thế

Tám vạn Bồ Tát tiếp truyền lại

Thổi đại pháp loa ra hiệu lệnh

Khua bảo tích trượng tiêu tham xên

Ngày thành công trong khúc khai hoàn

Tặng đệ tử bữa ăn bằng bánh (berry pie).

Lời dặn dò thiền sinh Hằng Do,

Người hộ pháp cho Hằng Cụ.

Vì chúng sanh phát nguyện lễ Phật,

Thỉnh cầu thế giới hòa bình:

Từ lúc bắt đầu cho đến khi viên mãn, đừng ngộp ngừng. Khi gặp khó khăn chớ chuyển lòng. Hành động như người bảo vệ, giúp Hằng Cụ tự cảm nhận được sức mạnh của lời nguyện. Những bậc quân tử tài đức thời xưa đáng được kính mến, nhân vì các Ngài có lòng quên mình để bảo hộ người khác. Nhưng thời bây giờ những bậc đáng kính đó rất hiếm hoi. Và đây là phương pháp thực hành theo hạnh Bồ Tát, cũng là một trong các cửa đưa đến giải thoát. Đừng bao giờ, dù chỉ trong chốc lát mà quên đi chí nguyện dũng mãnh thuở ban đầu, phải luôn luôn nhất tâm giữ vững lập trường cho đến cuối cùng. Hãy dũng mãnh tinh tấn đánh tan bọn quỷ ma. Dù cho Thiên Long có đến tỏ lòng kính phục, cũng chớ vui mừng. Dù có gặp hoàn cảnh chướng ngại, cũng chớ sân giận. Tâm không phân biệt, cũng không có sự thành đạt. Sự lễ bái tuyệt diệu này sẽ là những khó nhọc gian nan, có thể đưa đến sự kiệt sức. Nhưng khi con biết áp dụng những điều đã học thì con sẽ được viên minh châu quý. Ráng ghi nhớ những lời chỉ dạy này và đừng phụ lòng ta nhé! Ta để lại cho con bài thơ từ già:

Giai hành lệ chí tiến chinh đồ

Quả Đạo, Hằng Do tác hộ phù

Du kinh tam thiên túc hoa lý

Cụ viết tám vạn bộ đang xe

Khoa học thời đại thượng cổ lão

Phật giáo cảm ứng tinh chúng mê

Nỗ lực nỗ lực cánh nỗ lực

Bất hưu bất hưu thường bất hưu.

Nghĩa là:

Cùng nhau tiến bước trên đường xa

Quả Đạo Hằng Do chuyên hộ trì

Quả Du qua đủ ba ngàn dặm

Hằng Cụ vượt tám vạn bước xe

Tuy thời đại nhưng hành theo xưa

Phật giáo cảnh tỉnh chúng mê lầm

Cố gắng cố gắng càng cố gắng

Đừng ngừng đừng ngừng thường đừng ngừng."

Ngày 31 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cụ viết:

"Mọi sự đều o.k!" không có nghĩa là một tay cầm lon bia (beer) đi lang thang trên bãi biển, còn tay kia với cuốn kinh Kim Cang. Ngày nay có rất nhiều người sống như những con lợn ngu dốt mà cứ nghĩ là mình đã giác ngộ rồi. Người thật sự am tường đạo Phật đều nên biết rằng pháp quan trọng độc nhất là dứt bỏ lòng tham dục.

Chính đức Phật đã dạy: "Ý thức cứu cánh nhất, chỉ đơn giản là không có lòng tham dục."

Sư Phụ ở Kim Sơn cũng đã dạy như vậy, nhưng không có mấy ai thực lòng muốn nghe, huống chi nói đến việc thực hành theo đó. Chẳng hạn như tôi là một thí dụ điển hình. Câu cuối bài thơ mà Sư Phụ vừa mới cho tôi có nhắc nhủ đến bánh dâu (berry pie), mà tôi sẽ kể câu chuyện cái bánh đó như sau.

Khi mới đến Kim Sơn, tôi mang theo bao nhiêu là thói hư tật xấu, mà tôi đã từng thâm nhập suốt hai mươi lăm năm qua. Tệ nhất là mười năm hút sách và sáu năm nhậu nhẹt. Bây giờ vào chùa lại là nơi có kỷ luật nghiêm khắc, buộc tôi phải dứt bỏ những tật xấu đó. Và tôi đã dẹp đi được tật hút sách, nghiện rượu. Nhưng sức mạnh lòng tham của tôi lại quá nặng nề, nên nó bắt đầu

chuyển sang lãnh vực ăn uống. Tôi nhanh trí nghĩ rằng: Ít ra để tạm thời thỏa mãn lòng tham thì mình phải ăn cho thật nhiều vào. Vì theo pháp thực hành ngày ăn một bữa, nên tôi buộc phải vận dụng hết tinh thần năng lực vào bữa ăn trưa với thời gian giới hạn bốn mươi phút. Cho nên nếu chuyển đưa hết tất cả những tập khí xấu này vào việc tọa thiền và làm việc thiện, thì quả là một thử thách quá xá cỡ đối với tôi.

Thế nên đã có nhiều lúc vì không tự chủ, kiểm chế được mình nên tôi thường trốn ra ngoài, và đi thẳng đến tiệm bánh gần bên để mua cả bao bánh ngọt. Tôi nghĩ rằng chỉ như vậy mới có thể giải tỏa được hết những phiền não của mình. Chuyện xảy ra như sau:

Một hôm tôi lên ra ngoài mua bánh, sau khi đã ăn gần hết cả bao, chỉ chừa lại một cái bánh berry pie vì bụng không còn chỗ nào chứa thêm được nữa. Tôi cẩn thận giấu cái bánh đó trong áo khoát, rồi trở về tu viện. Bảy giờ ở Kim Sơn, mọi người đều tuân theo quy luật là không ăn sau giờ Ngọ, chỉ có vài người ăn thêm bữa sáng, còn hầu hết đều tu theo lối khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa Ngọ thôi. Hôm đó trong suốt buổi tọa thiền chiều, tôi bắt đầu cảm thấy đói bụng, nên tư tưởng cứ nhắm hướng về cái bánh đó. Rồi suốt buổi tối giờ nghe kinh, trong khi Sư Phụ đang thao thao giảng pháp, thì đầu óc tôi chỉ còn biết đến hình ảnh của cái bánh đó thôi. Tôi định bụng là sau giờ nghe pháp, sẽ xơi quách nó cho rồi, còn luật lệ khi gì chứ!

Đến khoảng mười giờ đêm, khi mọi người đã đi ngủ, tôi nhẹ nhàng chuồn ra cửa sổ nhà tắm trên lầu ba, cẩn thận đóng cửa lại rồi leo thang lên nóc nhà (thang này phòng bị khi có hỏa hoạn). Tôi mở gói bánh và nhe răng cắn một cái dòn ngọt lịm, rồi nhai ngấu nghiến những trái dâu (berry) chín đỏ. Trong lòng thầm nghĩ: "Chúa ơi! Nếu đây không phải là Niết Bàn thì còn là cái gì nữa chứ?"

Nhưng ngay lúc đó, tôi chợt nhìn về phía cầu thang treo, bỗng thấy có người đang leo lên. Tôi hốt hoảng đứng thừ ra trong khi cái miệng đang ngòn ngào đầy cả bánh. Nơi này thiết tình là chẳng có lối nào để tôi trốn thoát cả. Người đó lại chính là Sư Phụ! Tôi đứng bất động một lúc, đầu óc như muốn nổ tung. Rồi tôi bắt đầu đi vòng quanh trên sân thượng, ra vẻ như đang tập trung trong pháp quán thiền hành. Và Sư Phụ cũng làm vậy, cũng đi vòng vòng như đang tập trung quán tưởng thiền hành, nhưng lại đi ngược chiều với tôi. Chúng tôi đi ngang qua nhau hai lần mà không ai nhìn đến ai cả. Đến vòng thứ ba khi tôi nhìn lên thì thấy Sư Phụ nhăn răng cười trừ như con mèo Cheshire. Rồi Ngài chỉ nói bốn chữ: "Sao nó thế nào?"

Thật là quá xá đủ rồi! Tôi biết là không có cách gì hơn chỉ ngoại trừ do những năng lực thần thông, ông Già mới có thể biết rằng tôi đang ở trên đây thôi. Sau đó vì tức cười quá nên chúng tôi đồng phát cười vang, cười luôn cho tất cả sự vật của thế giới vô tận này. Rồi Su Phụ bỏ đi để tôi ăn hết cái bánh.

Đó là câu chuyện về cái bánh berry mà Su Phụ rất thích thú, nên thường bảo tôi kể lại. Bây giờ Ngài lại treo cái bánh khác trước mắt tôi, và chắc chắn chúng tôi sẽ đạt đến mục đích.

Eric Weber (Quả Hồi) lái chiếc Van nhỏ đến, cũng vừa lúc chúng tôi bắt đầu trở ra đường để lạy. Anh ta đem đến mấy đôi giày cao ống (boot) và một chiếc xe kéo có thể xếp lại, của Su Phụ gửi cho sư Hằng Do (loại xe này người Hoa thường dùng để đi chợ). Tôi lạy được bốn dặm, qua khỏi thành phố Bodega Bay thì chất độc cây Sồi lại bắt đầu hành tôi ngứa ngáy. Đến chiều tối, khắp người tôi sưng phù lên, có chỗ nứt nẻ và chảy mủ. Chúng tôi phải ngừng lạy và ngồi xuống bên vệ đường. Trời lại bắt đầu mưa.

May thay Quả Đôn Schweig đến, thấy tôi đang trong tình trạng như vậy nên đề nghị đưa chúng tôi về nhà ở Inverness để dưỡng bệnh một thời gian. Đến nơi tôi liền đi tắm và xức thuốc khắp toàn thân. Hình như chứng bệnh này trông như càng lúc càng tệ hơn trước khi nó chịu bình phục. Hiện chúng tôi đang đóng đô trong nhà xe của Quả Đôn. Từ biển Thái Bình Dương đang thổi đến một trận bão khốc liệt mà tôi chưa từng thấy qua.

Ngày 1 tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi vẫn còn ở trong nhà xe. Càng tuyệt vọng hơn vì toàn thân tôi như một khối lớn đầy mụn ban, và tâm tư lại đầy áp những mối nghi ngờ. Ngoài kia cơn bão vô cùng khủng khiếp. Tôi lo rằng nếu bây giờ dám mình ra ngoài thì e sẽ bị ướt sũng, rồi lại bị mọi người trợn trừng chỉ trỏ hoặc hỏi những câu mà tôi thật sự không biết làm sao để trả lời.

Lúc tôi còn phục vụ cho tiệm thủy đình trong Hải Quân, cũng có những lúc như vậy. Khi đó tâm tư đầy áp mối lo sợ chết chìm. Khi tàu ở dưới độ thật sâu, tôi có thể nghe tiếng vỗ tàu kêu rên rãng rắc dưới sức ép của biển. Tôi lại tưởng tượng như có một bức tường nước rộng bao la đang tiến đến để nghiền nát mọi người. Và tôi thấy chiếc tàu như vỡ tung ra, rồi chìm xuống

dưới lòng biển cả. Về sau, qua mấy tháng suy ngẫm tôi đã không còn sợ hãi nữa. Vì cuối cùng tôi đã tìm ra phương pháp để làm tâm mình an định lại.

Trước hết, tôi luôn xem xét kỹ càng để biết chắc công chuyện của mình không có gì sơ sót. Tôi học cách đối phó theo từng dự đoán, và kiểm soát tất cả những sơ hở có thể xảy ra cho mọi người, hoặc máy móc có thể bị hư hỏng. Tôi cố gắng tìm tòi và sắp xếp lại những sơ hở trực trặc trước khi bị chúng hoành hành. Đúng ra mọi người trên tàu đều phải cảnh giác như vậy cả, vì trong sáu tháng đầu, tất cả chúng tôi đều được học về hệ thống của chiếc tàu, để biết cách đương đầu khi có những trường hợp khẩn cấp. Chúng tôi canh chừng nhau như những con diều hâu vậy! Thật ra, làm chuyện gì mà biết thận trọng, kỹ lưỡng, thì chắc chắn nó sẽ cho kết quả là đa số mọi người đều hài lòng vì cảm thấy được an toàn hơn.

Kế đến là tôi học được cách chuyển hướng những tư tưởng của mình. Khi tàu ngầm đang xuống sâu thì mọi việc coi như suông sẻ, mỗi người có thể thoải mái tự do theo đuổi những ý tưởng riêng tư. Nhưng bầu không khí êm ả này hầu như bị tan biến khi chiếc tàu càng xuống độ sâu hơn. Lúc tàu xuống độ sâu nhất (312 feet tức 95 thước, độ sâu nhất mà tàu chúng tôi có thể chịu đựng nổi, nên nó còn có tên là Khối Đá), thì cũng là lúc sự hiện diện cận kề của chết chóc. Cái chết như treo lơ lửng trong trong bầu không khí ẩm đạm, tựa hồ như con rồng đang trầm mình trong đám khói nhang. Trong khi những anh chưa tới phiên trực, thường để tâm vào việc đánh bài, đọc sách, không thì tán dóc hay đi ngủ. Chỉ cần nghĩ sơ sơ đến những tai nạn có thể xảy ra như: hàng trăm xú bấp và những ống dẫn có thể bẻ tung ra bất cứ lúc nào, hoặc lớp vỏ bằng đồng mạ kền mỏng manh bọc quanh tàu từ hai mươi sáu năm qua, nay đã mục nát, chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ làm người ta sợ rụng rời tan nát cõi lòng rồi. Thật là xấu hổ, vì đối với những anh nhạy cảm hơn, khôn lanh hơn trong đoàn thì lại tỏ vẻ lo sợ hơn hết. Trong khi những anh biếng nhác, khù khờ thì tỉnh bơ, thoải mái hơn nhiều. Có lần tôi chợt nghĩ: Ô! Ngu ngơ không biết gì cũng có lợi lắm chớ! Nhưng cũng quá trễ rồi, vì tôi đã lỡ chịu cực khổ để ra công học hỏi về những công việc phức tạp của chiếc tàu cũ kỹ này. Để rồi tôi cũng chỉ biết phòng bị chuyện chết chóc vô chừng có thể xảy ra. Tôi lại biết chỉ cần một chút sơ hở, hay chỉ có một máy móc nào đó bị trực trặc thì cũng đủ đưa bảy mươi người trên tàu xuống dưới mồ nước này.

Tuy nhiên, chuyển đổi tư tưởng cũng không phải là rất ráo. Lướt nhìn về quá khứ hay mơ tưởng đến tương lai chỉ là một lối nhẹ dạ để đối diện đến cái chết của mình. Tốt hơn là trở về với thực tại và tâm tự nhìn thẳng vào sự

chết. Khi máy móc được ngưng nghỉ, trong yên lặng tôi thường ngồi dựa lưng vào ghế trong phòng máy và thâm tưởng tượng: "A! đây rồi, cái ống nước này có thể bẻ ra bất cứ lúc nào. Thời quá khứ tôi đã làm nhiều điều không tốt, ước gì tôi đã không phạm những lỗi lầm xấu xa đó, nhưng nay thì đã quá trễ rồi. Nếu có duyên may nào đưa đến giúp tôi thoát qua cơn nguy hiểm sẽ xảy ra như dự đoán, tôi nhất định sẽ thay đổi lối sống và bắt đầu làm việc thiện, giúp đỡ mọi người trong thế giới mê muội này. Hiện tại, tôi đã làm hết sức những gì mà tôi có thể làm, nhưng nếu vận số tôi đến lúc phải chết thì cứ để nó đến vậy!" Nghĩ như thế xong, tôi đứng lên làm việc lại như thường. Như trong Kinh Thánh, Job đã diễn tả:

"Phúc báo thay! cho một người đã biết chuẩn bị cái chết đang đến với mình."

Đâu có gì khó khăn! Tôi đã chuẩn bị một cách đơn giản để ra đi.

Ngày 2 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi vẫn ở trong nhà xe. Tâm tôi cứ nghĩ về sự thối lui (không phải thối chuyển về chuyện tu đạo). Phát tâm tầm giác ngộ là một chuyện, còn giữ vững sự phát tâm đó lại là chuyện khác. Một ngày mà bạn cố tâm hăng hái, nhưng qua ngày sau có việc xảy đến thì bạn bị nó quay mòng mòng thối sứt qua một bên. Như hôm nay tôi đã có ý nghĩ:

"Ồ! Chúng tôi đã lạy được hơn năm mươi dặm rồi (50 miles), và ở xứ Mỹ này từ trước đến nay chưa từng có ai làm được như vậy cả, cho nên nếu chúng tôi có bỏ cuộc tại đây thì sẽ không có gì là khác biệt."

Rồi tôi lại hồi tưởng đến tu viện, những cảnh vật mà trước đây tôi cho là tầm thường như mái nhà, tường vách, thiền đường, những bài pháp giảng. Những vọng tưởng đó cứ thay nhau kéo đến lớn vồn trong tâm tư. Hay là tôi có thể chạy trốn vào núi sâu, với túi gạo này mình cũng có thể sống sót được tới vài tháng lặn!

Ngày 3 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Lại vẫn còn ở đây. Ngựa, ngựa, ngựa, ngựa quá, ngựa quá! Nghĩ chắc là mình phải đi tắm mới được. Hôm nay vọng tưởng lại kéo tôi về chuyện phục vụ tiềm thủy đình và dự định chuyện tái nhập ngũ, nhưng tôi sẽ là ông thầy tu bí mật. Tôi cũng sẽ giống như mọi người, chỉ có khác ở chỗ là tôi sẽ không hút thuốc, nhậu nhẹt, ăn thịt, hay có tánh nóng giận. Tôi sẽ dùng tiền

lượng của mình để sắm chiếc mô-tô gắn máy Big Norton (motorcycle), rồi mượn một căn phòng nhỏ xinh xinh và ... có lý thật...!

Ngày 4 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay chúng tôi đã trở ra đường, trời mưa tầm tã. Tuy toàn thân vẫn còn đầy những mụn sung, nhưng tôi không thể nào ngồi yên được nữa.

Hồi sáng này, Quả Đôn đưa chúng tôi về chỗ cũ, sau khi chăm chỉ lễ lạy được năm dặm thì dựng lều trên bãi biển gần Jenner. Lúc 10 giờ sáng, chúng tôi đi ngang qua cửa sông Russian, là nơi tập trung những giòng nước đầy bùn đổ ra biển Thái Bình Dương. Đến trưa, Quả Chu Rounds cùng vợ là bà Sue đã chuẩn bị thức ăn trưa cho chúng tôi gồm: canh cà chua nóng hổi, những lát bánh mì trét mứt và bơ đậu phộng (peanut butter and jelly sandwiches). Ở đây chuyện kẹt xe rất hiếm hoi, vì có lẽ một tiếng đồng hồ mới có hai chiếc xe chạy ngang qua. Chiều nay tôi đang trên đường dựng công dưới bầu trời nặng quặng những đám mây đen, như báo hiệu trận bão sắp đến, khi ngược mắt nhìn lên thấy cả một đàn chim hải âu vào khoảng mấy trăm con đang bay lượn. Tôi ngừng lạy, thấy chúng hình như đang biểu diễn để tôi xem. Chúng sát cánh nhau thành hàng, bay vút lên trời, rồi tách rời nhau và bay chúi thẳng xuống gần sát đất. Trong tích tắc, chúng lại bay vút lên để bắt đầu cho vòng kế tiếp. Chúng xếp thành hình vòng lớn quây tròn giống như bánh xe sanh tử luân hồi vậy! Tôi đứng ngẩn nhìn cũng mất vài phút, hình như bọn chúng đang nhắn nhủ: "Bạn hãy hăng hái tinh thần lên! Hãy tiến bước lên!"

Ngày 5 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Tối qua chúng tôi dựng lều mới trên bãi biển, nhưng khi trời gần sáng thì giựt mình thức giấc vì cơn gió hú từ vịnh Sonoma. Tấm lều dường như bị gió cuốn thổi đi. Mới tối hôm qua nước biển vùng Thái Bình Dương còn dịu dàng mơn trớn cát, vậy mà bây giờ nó trở nên hung tợn, giận dữ chuyển mình nổi sóng. Những lượn sóng lớn dập dồn tràn đến sát bên lều, chỉ còn cách độ mười bước, nên chúng tôi vội vã thu dọn lều chõng, trong khi cơn mưa đang trút xuống tầm tã. Dù vậy chúng tôi cũng ráng chậm chậm khởi hành. Hoàn cảnh như vậy thật khó mà tiến bước, nên chỉ được vài dặm sau đó thì chúng tôi quyết định ngừng nghỉ đợi qua cơn mưa. Gần bên con lộ thấy có nhà xe trông giống như đã bị bỏ hoang nên chúng tôi tấp vào. Thầy Hằng Cự có ý kiến rất hay, bèn lôi ra một túi đồ để trước nhà xe làm dấu hiệu để nếu ai muốn tìm chúng tôi thì sẽ biết chỗ mà đến. Đồ ướt được treo

lên nhưng vì không khí quá ẩm nên chúng chỉ treo lòng thòng, ử rữ chẳng khô chút nào.

Sau đó, trong lúc chúng tôi đang tọa thiền, nghe có tiếng xe ngừng phía trước. Lúc đó bao nhiêu thiền định của tôi hình như đang dọn đường cho tiếng mừng reo hớn hở trong lòng, thậm chí đoán có lẽ mình sẽ được một bữa ăn nóng do gia đình Quả Đôn cúng dường. Nhưng có ngờ đâu! chỉ vì cái túi đồ để phía trước, đã khiến cho chủ nhà xe và ông cảnh sát ở quận chú ý. Cũng may là họ đã nghe tin về chúng tôi rồi. Và bà chủ Michell vốn là chuyên viên mua bán địa ốc, đã đưa chúng tôi đến một tiệm giặt để sấy khô đồ đạc. Bà càng tỏ vẻ ngạc nhiên hơn khi nghe về mục đích và cách thức của chuyến bán hương, rồi lộ vẻ hơi tức cười khi thấy chúng tôi hiện đang trong hoàn cảnh ướt át như vậy. Bà có ý khuyên nên dừng chuyến du hành, đợi đến mùa xuân trời sẽ ít mưa hơn. Thêm một ngày cố gắng trôi qua, chúng tôi dựng trại ở Jenner. Tuy căn nhà tạm trú là một chuồng bò dột nát, nhưng ít ra chúng tôi cũng tránh được những cơn gió táp.

Ngày 6 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Trời vẫn đổ mưa, nên chuồng bò cũ kỹ bị dột ướt khắp nơi. Hôm nay chúng tôi lạy qua khỏi vùng Jenner, nơi này thưa thớt chỉ có mấy căn nhà nghỉ mát và một tiệm tạp hóa nhỏ. Vài cặp mắt mũi đang dí sát vào kiếng cửa sổ. Có con chó đi theo chúng tôi suốt khoảng đường đầy ảm đạm. Ngoài vấn đề thời tiết, thì hầu như không có chuyện gì xảy ra cả. A! Về vấn đề thời tiết. Có lẽ thời tiết bên trong quan trọng hơn thời tiết bên ngoài thường là những đám mây, những cơn gió, hoặc mây trận mưa thôi. Thật ra khí tiết tâm tánh con người có nhiều ảnh hưởng liên quan về nội tâm hơn là về ngoại cảnh. Những cơn bão của tham, sân, si mà trong Phật giáo gọi chúng là Tam Độc, lại có quyền năng rộng lớn ví như có thể che lấp cả trí huệ cố hữu vốn trong sáng như ánh thái dương của chúng ta. Tất cả năng lực không đáng chấp nhận này chỉ nhằm tập trung vào sự thấy có một cái Ngã đang tồn tại trên một "thế giới." Bản lai vốn không có ngã và cũng không có thế giới, vậy mà chúng ta cứ để phí bao nhiêu sức lực để phục vụ cho lòng tham, mà lòng tham này giống như ngọn lửa hung hãn dữ dần. Mỗi lần chúng ta bị lòng tham áp đảo là mỗi lần như đổ thêm dầu vào ngọn lửa. Sân phát lên khi chúng ta không đạt được điều mình mong muốn. Si lừa phỉnh bằng cách làm chúng ta biết và hiểu những điều mà thật ra chúng ta không hiểu không biết. Vậy nếu chúng ta có thể tăng cường được sự kiểm soát khí tiết ở nội tâm thì có xá chi đến mưa sa, sương mù hay những trận gió bão bên ngoài. Coi

chúng chỉ như là trò chơi trẻ con thôi. Trong khi chúng tôi ráng ghi nhận trong tâm những điều này thì ngoài kia cơn mưa vẫn đổ xuống ồ ạt.

Hôm nay chúng tôi lạy được khoảng ba dặm dọc theo bờ dốc cao đầy gió lốc.

Ngày 7 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Không giống như khuôn khổ thời tiết của trời đất là chúng ta chẳng thể làm gì được. Còn đối với thời tiết của nội tâm thì chúng ta có thể kiểm soát đến mức độ tối đa. Nhưng trước hết, chúng ta phải có ý muốn xoay nhìn vào trong và ý thức rằng khí tiết nội tâm có lẽ sẽ không theo như ý mình muốn. Ví như khó mà thừa nhận được cái sân giận thường là căn gốc của hành động, nhưng đợi đến khi chúng ta hiểu ra, thì cái khí tiết sân giận đó có thể vẫn không tiêu hết. Vì vậy chúng ta phải từ từ xoay nhìn trở vào nội tâm, thêm vào sự quán sát bằng thái độ thật đúng đắn. Những giới đức do đức Phật đặt ra nhằm hướng dẫn chúng ta cách sinh hoạt trong đời sống hàng ngày, cũng như trong những hoàn cảnh đặc biệt. Thâm nhập được những tánh đức này tức là chúng ta đã giảm dần được sự ham muốn và cuối cùng sẽ loại bỏ chúng ra. Khi dục vọng không còn thì tham muốn cũng tiêu tan. Thay vì những khí lực mà chúng ta thường phung phí cho cơn nóng giận hoặc hận thù, thì nay có thể đem nó thực tập về định lực.

Định lực có được mở mang thì mới có khả năng chịu đựng được bộ mặt khiêu khích, sỉ nhục hay thời tiết xấu. Hơn nữa, định lực lại là chìa khóa khai mở trí tuệ sẵn có, để rồi từ từ làm sáng tỏ cái vô minh u ám. Cho nên nhằm tăng trưởng dần sự kiểm soát khí tiết nội tâm, chúng ta phải hồi quang phản chiếu và phát triển Giới, Định, Huệ. Như vậy mới dứt được Tham, Sân, Si. Dĩ nhiên học thì dễ nhưng thực hành mới là rất khó.

Căn cứ theo bảng ghi cây số treo dọc theo cống nước và mấy cây cầu, thì hôm nay Thầy Hằng Cụ lạy được hơn ba dặm.

Ngày 8 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Chúng tôi có ý đi theo lộ trình nội địa để tránh bớt bị dầm mưa, nhưng sau đó lại đồng lòng là tốt hơn cứ đi dọc theo bờ biển. Nhận thấy tiến trình trong mấy ngày qua không mấy gì tăng tiến, nên chúng tôi quyết chí sẽ nỗ lực thêm, chỉ ngừng nghỉ khi nào thời tiết quá xấu thôi.

Lề đường dọc trên Xa Lộ Một, hầu như không có lối đi. Chúng tôi phải can đảm lắm mới có thể phủ phục quỳ lạy, khi chỉ cách vài gang tấc từ những chiếc xe vận tải chở hàng ngàn tấn gỗ vôi vãi chạy vụt qua. Lúc đầu tôi tưởng mấy anh tài xế cố ý chạy gần để đụng, vì đối với họ chúng tôi như hai đũa khùng đang cản trở sự lưu thông. Nhưng về sau tôi mới hiểu, thường là phải vậy thôi, họ không làm sao khác hơn để tránh những chiếc xe đang ngược chiều cũng chạy sát gần bên. Con đường không đủ rộng để cùng một lúc chứa vừa cho hai chiếc xe, lại vừa có chỗ cho một ông Tỳ Kheo quỳ lạy. Cho nên nhiều khi chúng tôi phải tuột xuống lộ để tránh ra xa, khi thấy có nhiều xe đang ào ào chạy tới.

Qua cảnh này khiến tôi nhớ đến câu chuyện về Hòa Thượng Hư Vân. Trong chuyện bài hương có lần Ngài gặp một vị Tỳ Kheo đang đắp sửa con đường, mà lối này có rất nhiều Phật tử thường hay hành hương ngang qua. Vị sư quyết tâm bền chí lo sửa sang, gìn giữ con đường luôn được bền tốt, nên ngày ngày Sư lo kiêng lót những hòn đá, những lớp cát v. v... để tu bổ mà chẳng một lời đòi hỏi gì riêng cho Sư cả. Lúc đó Sư đã hơn tám mươi tuổi, đã làm việc không ngừng nghỉ cho con đường này hơn bốn mươi năm qua. Làm việc vất vả để đem lợi ích cho chúng sanh mà chẳng màng đến sự đền bù báo đáp thì quả thật là hạnh vô ngã của Bồ Tát.

Chúng tôi cắm lều trên một sườn đồi có những con cừu đang nhai cỏ. Mấy lúc mưa gió tạm cơn trút nước, nghe văng vẳng từ phía dưới vọng lên những tiếng sóng biển đập mạnh liên hồi vào ghềnh đá. Những khi nhớ lại câu chuyện vị Sư già sửa đường, tôi cảm thấy bao mệt mỏi trong ngày lại dịu bớt đi.

Ngày 9 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Có ông lái chiếc cam nhông trắng chạy rà rà theo quan sát chúng tôi lể lạy, rồi bỏ đi. Nhưng sau đó ông vòng trở lại và chạy thẳng về phía tôi. Lúc đó Thầy Hằng Cụ đang lạy phía trước. Tấp xe vào lề đường, anh tài xế khoảng ba mươi tuổi, tắt máy, bước xuống khỏi xe. Tôi thường có ý nhạy cảm phớt qua trước những lời đối thoại đầu tiên, hoặc là trước khi chạm mặt với bạn thân thiện hay thù nghịch.

Anh này xã giao: "Chào ông! Cảm phiền ông xin cho tôi hỏi một câu được không?"

Anh có vẻ thích thú chuyến du hành của chúng tôi, vì anh sẵn sàng chịu lạnh đứng dưới cơn mưa phùn lất phất để trò chuyện.

Trong lúc đối thoại, anh tỏ vẻ ngạc nhiên về nhiều chuyện, nhất là khi biết rằng Chùa Kim Sơn đang tọa lạc ngay trung tâm thành phố San Francisco. Anh nói:

"Tôi không hiểu tại sao các ông không chịu rời bỏ cái thành phố ô nhiễm, ồn ào đầy dẫy những tội ác đó đi. Tôi tin chắc là các ông đã từng đi ngang qua những vùng ngoại ô êm đềm xinh xắn quanh đây, vì đó mới chính là chỗ lý tưởng để lập tu viện mà."

Anh nói cũng có cái lý, tôi lại thầm nghĩ: Chúng tôi đã đi qua gần một trăm dặm trên xa lộ ngoằn ngoèo dọc bên bờ dốc Thái Bình Dương, đã từng chứng kiến dù ngay cả trong cơn mưa tầm tã, vẻ đẹp thiên nhiên cũng hiện thấy rõ. Lắm lúc huyền bí thật thấm thía. Như mưa có thể biến chuyển khói từ xe cộ thành cầu vồng lóng lánh, lại có thể tưới nhuần cây cỏ khiến chúng vươn cao tươi tốt, và làm những khối tuyết tan, trút chảy ra những con sông vòng quanh các thung lũng. Tuy đã thấy rõ những điều đó, nhưng tôi không mấy gì tán thành về ý kiến của anh này. Tôi giải thích như sau: Ở đạo Phật, sự tu tập chỉ cốt nhằm ở tâm địa, chỉ là như vậy thôi! Những gì thuộc về vật chất như thân thể con người thì không thể quan trọng hơn những gì đang xảy ra ở nội tâm. Mục đích tu hành hay dụng công về tín ngưỡng là nhằm quét sạch những chuyện bên ngoài cùng những vọng tưởng đang tuôn chảy như vôi nước ở trong tâm. Công phu tu tập này có thể đem áp dụng ở bất cứ nơi đâu và vào bất cứ lúc nào.

Lần nọ có người hỏi Sư Phụ rằng trong khi làm việc văn phòng ngoài xã hội thì ngưng niệm chú, như vậy có thích hợp không? Sư Phụ đáp: Nếu ông làm việc với thái độ đúng đắn thì kết quả cũng giống như ông đang trì chú vậy. Thật ra thiên cũng giống như thế, nếu những tiếng ồn ào của thành phố làm chúng ta cảm thấy phiền phức (sẽ càng thấy rõ hơn khi chúng ta rời xa thành phố), và nếu chúng ta không thể nào tập trung để tọa thiền vì những tiếng động, thì phải học cách vượt qua những tiếng động đó! Nếu sự an tịnh của tâm lại tùy thuộc vào sự yên lặng của cảnh vật chung quanh thì chúng ta vẫn còn "chỗ để trụ vào," đó là một vương mắc. Chúng ta nên dọn sạch các âm thanh ồn náo, những ô nhiễm, và những tội lỗi chính trong tâm ta, như vậy chúng ta đến bất cứ nơi nào cũng đều là thanh tịnh cả, bởi tại thế gian này không gì hơn là sự soi chiếu lại bản tâm của chúng ta mà thôi.

Anh này có vẻ chăm chú lắng nghe những điều quý báu có giá trị hiếm hoi như vậy. Rồi anh từ giả với lời chúc may mắn. Sau đó Quả Đôn lại đến và tìm giúp chúng tôi nhà xe cũ đã đổ nát của xưởng máy ở Timber Cove để nghỉ qua đêm.

Ngày 10 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Hôm nay nước mưa tuôn xuống như bắn đạn, làm đồ đạc ướt chèm nhẹp. Buổi sáng này chúng tôi lạy tới vùng Fort Ross thì Quả Diện mang đến bữa cơm trưa nóng hổi.

Tôi phải từ từ lắm mới tập quen dần với việc vừa đi vừa kéo theo chiếc xe hành lý. Thật lòng mà nói, lúc đầu tôi đã không thích gì mấy cái ý kiến này. Tuy nhiên có chiếc xe kéo, nó cũng giúp chúng tôi chở được thêm nhiều đồ đạc, dụng cụ, đi từ tỉnh này qua tỉnh khác. Sau khi lạy được bốn dặm, chúng tôi lại trở về nhà xe hoang ở Timber để ngủ thêm một đêm. Cảnh vật nơi đây thật buồn áo não. Mưa gió không dứt hoành hành đã khiến cả tòa nhà trở nên đổ nát tiêu điều. Mấy đồng máy móc rỉ sét nằm ngổn ngang khắp nơi, lại thêm một cái vỏ sườn hình nón to lớn nặng nề của cái lò hỏa táng thật là buồn ảm đạm.

Ngày 11 tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Sáng hôm nay sư huynh một mình trở lại chỗ hôm qua để lễ lạy, chúng tôi đồng lòng đêm nay cũng sẽ nghỉ đêm ở chỗ cũ. Tôi ở lại treo phơi các đồ ướt, nhưng vì không khí quá ẩm nên chẳng mấy gì khô. Tôi đọc lại những trang nhật ký đã được ghi chép từ buổi đầu đến nay, rồi tọa thiền và lo nghĩ không biết sư huynh mình có chuyện gì không? Sau đó có chiếc xe chạy tới, thì ra vợ chồng Quả Chu Rounds đang giải cứu sư huynh tôi thoát khỏi cơn mưa. Họ cung cấp thức ăn và vài vật dụng thường dùng, có cả bánh sô cô la (chocolate) nữa. Nghe chuyện chúng tôi bị hoạn nạn về vụ lá sồi độc, nên Quả Chu động lòng tặng thêm hai cuộn giấy vệ sinh.

Hôm nay là chủ nhật, con đường đã hẹp lại đông xe hơn ngày thường. Những hố rãnh bên đường đầy những cây sồi độc, và sư huynh tôi ghi thêm được ba dặm rưỡi đường nữa.

Ngày 12 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Đường xa lộ này dẫn xuyên qua dãy núi đá, có những dốc núi lửa cao thẳng sừng sững hàng trăm feet phía trên bờ biển. Phong cảnh ở đây thật hùng vĩ dễ sợ, và thời tiết cũng vậy. Những ngọn gió bão từ biển thổi ập đến, dĩ nhiên là chúng tôi bị nước mưa ngấm ướt lạnh đến tận xương.

Để chuyển hướng một chút cho khuây khỏa, hôm nay chúng tôi đi dạo quanh vùng sườn núi. Nghe lúc trước Quả Diện bảo là cách đây bốn dặm, có một lãnh địa của nhóm dân da đỏ sẽ đón chào chúng tôi. Vì vậy buổi sớm trưa này, chúng tôi tạm ngưng lễ lạy để đến tiệm tạp hóa vùng Stewarts Point mua ít vật dụng, rồi tiến thẳng vào nội địa bằng con đường nhỏ ngoằn ngoèo. Trời sụp tối rất nhanh, lại trút xuống cơn mưa hung bạo, như mang đến những cơn rông tung quây lông lộn. Trời chuyển tối đen như mực, vì ánh trăng đã bị những đám mây nặng nề che phủ, khiến tối đến mức độ bàn tay của mình mà còn chẳng thấy, hà huống gì còn nhìn thấy đường xá. Nước mưa như bắn xối xả hàng triệu viên đạn nước vào chúng tôi. Từng bước ngập ngừng dò dẫm lên núi, trong khi bên trái tôi là dòng suối đang ào ạt tuôn chảy, bên phải là vách núi dốc thẳng sừng sững. Tôi đi trước, Thầy Hằng Do theo phía sau. Thành linh tôi có cảm giác hình như Thầy không còn theo phía sau tôi nữa, nên tôi đã gào to lên:

"Do!"

Không có tiếng trả lời, nỗi sợ hãi tràn khắp trong tôi.

"Do! Đệ đâu rồi?"

Chỉ có âm thanh hung hãn của mưa bão cùng tiếng hét nổi cơn của con suối mà thôi. Sau cùng tôi nghe được tiếng của Thầy Hằng Do. Chúng tôi bắt đầu la hú kêu nhau cho đến khi bắt được hướng của âm thanh mới tìm được nhau. Thật ra tôi đã không thấy gì hết, chỉ biết chạy ào đến rồi đứng vào Thầy Hằng Do. Thầy Hằng Do bảo là trong cuộc đời chưa bao giờ sợ hãi như thế vì bị trượt té xuống hố, lại trong đêm tối mù mịt cứ thế mà lăn, lăn mãi xuống tận chân núi mới thôi. Chúng tôi khờ khạo đã bỏ quên cây đèn pin ở chỗ lạy, nhưng cũng đỡ là có mang theo sợi dây nhỏ. Lần mò một lúc mới cột được lẫn nhau, với khoảng cách mười bước, rồi tiếp tục leo lên. Tôi đi trước, thận trọng từng bước giầy dò dẫm, cọ sát mặt đường. Trong khi sư Hằng Do phía sau luôn chuẩn bị sẵn sàng chụp bắt nếu tôi trượt té qua một bên. Đi ịch ịch như thế suốt mấy tiếng đồng hồ, vừa bị lạnh, lại vừa bị ướt và lạc loài ngay trên quả đất mình. Đã quá xa rồi, không thể nào trở lại được. Chỉ hy vọng là còn tiếp tục được đi thôi. Chúng tôi hoang mang lo ngại

không biết mình còn được sống sót qua khỏi cơn hiểm nghèo của chuyến đi nhỏ nhoi này hay không nữa.

Trời đã quá nửa đêm rồi. Chúng tôi ngừng lại, mở banh tấm ni-lon rồi ngồi đùn cục vào nhau ngay giữa lộ. Tuy cả hai đều lạnh run và ướt loi ngoi, nhưng cũng ráng thấp sáng được ngọn đèn cây và mở bản đồ tìm vị trí. Theo bản đồ thì chúng tôi phải đi thêm một dặm nữa, nhưng nếu đi theo kiểu này chắc cầu cả đêm mới tới nơi. Bỗng đâu xa xa có ánh đèn nhấp nháy từ phía dưới chân núi. Thì ra có chiếc xe đang chạy tới. Đó là chiếc cam nhông của ông già dân da đỏ. Chúng tôi được ông chở về, nhưng vùng dân da đỏ này lại không cho phép người da trắng xâm nhập vào.

Chẳng làm được gì khác hơn vì quá lạnh lại bị ướt nên chúng tôi đành quay trở lại và đi thẳng xuống núi. Lúc này thật là khổ sở, nhưng ánh trăng bắt đầu tỏa chiếu xuyên qua những đám mây, và chúng tôi cũng tìm ra đường trở về vùng Stewarts Point trước khi ánh bình minh xuất hiện. Gặp được dãy nhà (motel) với những phòng ngủ cho mướn đã bỏ hoang, nên chúng tôi lên vào. Mặc kệ cái xác mèo chết hôi thối nằm chình ịch trên chiếc ghế bành, chúng tôi vẫn cảm thấy như mình đang được ở trong khách sạn Hilton sang trọng.

Ngày 13 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Sau buổi lễ lạy dưới cơn mưa rào cùng mưa đá, chúng tôi dừng lại ở chuồng trừu để dùng cơm trưa. Từ ngày khởi sự lên đường tính đến nay đã gần một tháng rồi, vậy mà chúng tôi chỉ lạy được hơn một trăm dặm mà thôi. Tối đến, chúng tôi quyết định trả hai đồng rưỡi để mướn phòng ngủ ở ký túc xá Stillwater Cove Resort, chỗ này trước đây vốn là ngôi trường cũ kỹ, được xây bằng đá và những cây bách hương chạm khắc. Sau đó chúng tôi nhóm lên ngọn lửa hồng ấm áp bằng cái lò sưởi to lớn. Căn phòng được tô điểm thêm bằng những đồ đạc quần áo, lều bông phơi máng trên những khúc cây gác ngang trên bàn ghế. Ngọn lửa xì xèo, nổ vang lách tách khiến đồ đạc thật khô ráo. Ngày mai là sinh nhật của đại sư huynh Hằng Cụ. Thật tốt quá, sau một đêm an nghỉ ấm áp, tinh thần chúng tôi lại phấn chấn thêm lên, sẵn sàng bắt đầu cho một ngày mới trong bộ quần áo khô ráo.

Tịnh Thủy (Stillwater) cái tên thật hay, không những nó truyền cho ta một cảm giác an lành của chốn này, với những hàng thông cao chót vót hướng ra bờ biển, mà nó còn nhắc tôi nhớ đến câu kệ Sư Phụ vẫn thường ngâm nga:

Tâm tịnh thủy hiện nguyệt.

Nghĩa là:

Tâm lặng, nước hiện bóng trăng.

Tâm chúng ta luôn bị những vọng tưởng, tình cảm, dục niệm làm xáo trộn, như mặt nước bị khuấy động không phản chiếu được gì. Chỉ khi nào tâm ta an tịnh thì mới phản ảnh được ánh trăng, tức Phật tánh của chúng ta đó. Tịnh Thủy Tâm, tức là giữ tâm như mặt nước lặng yên vùng Stillwater Cove.

Ngày 14 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Mấy ngày qua lòng tôi như có một cảm giác đang lớn dần, chỉ sau lần kinh nghiệm trong mấy tiếng sờ soạn, ướt át trong đêm tối, trên đường núi vùng dân da đỏ, cũng đủ rõ cho tôi diễn tả.

Đó không phải là sự xúc động, cũng không phải là kết luận về triết học, mà hơn thế nữa, tôi cảm thấy nó sâu sắc hơn so với mức độ hoạt động thường ngày. Hay nhất có thể gọi đó là "Sự biết", nó không có những chi tiết tạp nhạp, không một sự việc gì, mà là một cảm giác bất chấp tất cả để xác thực chắc chắn rằng chúng tôi sẽ hoàn toàn thành công trong chuyến bài hương này. Từ đây sẽ không còn thắc mắc gì về chuyện chúng tôi có vượt qua nổi hay không nổi, mà chỉ với câu hỏi làm sao đối phó khi có vấn đề đặc biệt xảy đến, và sẽ phản ứng thế nào đối với những chuyện xảy ra trong những ngày sắp tới.

Chúng tôi lạy qua khỏi vùng Stewarts Point, rồi nghỉ qua đêm trong một cái chòi cũ. Cứ vài phút là có chuột chạy ngang qua mình Thầy Hằng Cự, khiến Sư huynh tôi giật mình thức giấc cả đêm.

Ngày 15 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Trời lại đổ mưa. Theo trên bản đồ thì xa lộ chạy dài dọc theo bờ biển có đến hơn tám mươi dặm nữa, nó sẽ uốn cong vào nội địa Rock Port. Thỉnh thoảng

mới có một căn nhà, còn chung quanh đây hầu như là những dãy đồi xanh mướt và dĩ nhiên cả biển nữa. Xe cô chỉ lưa thưa không mấy gì nhiều.

Chiều nay tôi lạy qua Sea Ranch, một cộng đồng vùng biển đang phát triển. Có hàng chục căn nhà được xây lên bằng những vật dụng thiên nhiên trên những khoảnh đất cách đều nhau, khiến phong cảnh trông rất đẹp. Trong lúc Thầy Hằng Do đi trước tìm chỗ cắm lều, có chiếc xe Ford cũ chạy tới rồi đạp thắng ngừng ken két bên tôi. Trong xe có năm ông đã say mèm. Tôi vẫn tiếp tục lạy, chí tâm thâm niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát như lời Sư Phụ thường dạy. Song tôi vẫn cảm thấy phần thận tuyến tở trong người như đang ra sức bơm mạnh lên, đồng thời toàn bộ các cơ quan trong cơ thể như sẵn sàng chuyển mình vào cuộc chiến. Nhưng sau đó tôi lại nhớ đến bài thơ mà Sư Phụ thỉnh thoảng có nhắc đến:

Đạo cao nhất xích, ma cao nhất trọng

Đạo cao nhất trọng, ma tại đầu thượng.

Nghĩa là:

Đạo cao một gang, ma cao một tấc

Đạo cao một tấc, ma trên đầu ta.

Chiếc xe cứ chạy rà rà bên tôi, trong khi mấy ông say chồm ra cửa xe la lối những lời thô tục. Khoảng vài phút, không thấy tôi có phản ứng gì nên xe ngừng hẳn, rồi một ông bước ra khỏi xe, bắt đầu đi theo phía sau tôi. Không biết là ông ta có muốn đá tôi không nữa, vì ông có vẻ đã say lét bết, miệng thì la lối om sòm:

"Ê! Mày đang bày cái trò khi gì vậy? Mày nghĩ nó tốt cái....gì mà làm như vậy hả?"

Chẳng thèm để ý chi đến hắn, tôi chỉ lo chăm chú quan sát tâm mình. Thật ra lúc đó tôi không cảm thấy sợ sệt gì, mà cũng chẳng giận hờn chi và tâm rất tập trung. Pháp này thật hiệu nghiệm!

Vài phút sau, tôi biết là ông ta đang dụ dần và ông nói:

"Ê! Mà ông làm gì vậy chớ? Ông đã làm như vậy được bao lâu rồi?"

Cuối cùng tôi cũng phải ngừng lạy và đứng lên từ từ đi về phía ông ta.

Tôi trả lời với thái độ bình tĩnh, thân mật. Thấy dáng điệu ông ta từ một kẻ say sưa cao ngạo, trong phút chốc đã trở thành một người đàn ông hoàng, tỉnh rượu hẳn ra. Thật ra hẳn ta cũng có vẻ là người tốt chớ. Sau mấy phút trò chuyện, ông trở lại phía xe đậu với mấy người bạn đang nao nức chờ đợi kết quả. Khi xe chạy ngang qua, tôi nghe giọng nói như muốn hét to:

"Một trăm dặm à? Mãi tận từ San Francisco ư?"

Lúc sự việc đang diễn biến, có một bà trên chiếc Volkswagen cũng đang chú ý và định sẵn sàng xen vào can thiệp nếu thấy có chuyện bị áp bức hay bạo động xảy ra. Sau đó bà chạy trò tới và tự giới thiệu là Judy Bruff, là giáo đồ thuộc phái Tân Giáo Quaker ở Anh Quốc, hiện sống trên đồi. Bà nói ở vùng Sea Ranch này không cấm trại được vì toàn là đất của tư nhân, nên mời chúng tôi về nhà nghỉ qua đêm, riêng Bà sẽ đến tá túc với người thân.

Ngày 16 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Qua khỏi ranh giới quận Sonoma Mendocino, khi trên đường về phía Gualala, một ông chạy xe kiểu đời mới rà tấp vào lề, chăm chú nhìn Thầy Hằng Cụ lạy. Ông chạy rề rề theo để có thể quan sát thêm. Nhưng sau đó ông ngừng hẳn bên lề chờ tôi đi tới. Ông này độ khoảng năm mươi, tóc hai bên màng tang đã điểm bạc. Trong bộ quần áo tươm tất, qua tư cách, trông ông như một thương gia phát đạt.

Với thái độ dè dặt hỏi: "Xin lỗi cho tôi hỏi, anh bạn của ông đang làm gì vậy?"

Tôi giải thích ngắn gọn về chuyện báii hương, và trả lời quả quyết sẽ thành công khi ông thắc mắc nghi ngờ không biết chúng tôi có làm nổi hay không.

Ông lại hỏi: "Mấy ông có còn cách nào khác để cũng có thể diễn đạt giống hết nguyện vọng này không? Có nghĩa là tại sao các ông lại tự hành hạ khổ sở đến như vậy?"

Sư Huynh tôi vẫn tiếp tục lạy không ngừng nghỉ, đôi giày và bao tay Thầy chà sát mặt lộ, khiến vang lên những tiếng sột soạt như để nhấn mạnh thêm câu hỏi của ông này.

Tôi đáp: Đau khổ hay vui sướng chỉ là những danh từ đơn giản, quan trọng là ở cái nhìn của ông về cảnh giới. Ví như nếu ông đeo kính đỏ thì thế giới hiện rõ cảnh tươi thắm hồng hào. Nếu ông nghĩ những hành động có tác dụng đưa đến đau khổ thì sẽ thấy khổ đau. Riêng tôi không nghĩ việc mình đang làm là đau khổ, dù đã từng bị ướt ngoi ngóp dưới cơn mưa, vì đó chỉ là bị ướt mà thôi. Tôi tiếp với câu thơ mà Sư Phụ thường dùng để giải thích rất thâm thúy:

Thọ khổ tức thị liễu khổ, hưởng phước tức thị liễu phước.

Nghĩa là:

Chịu khổ thì dứt khổ, hưởng phước thì hết phước.

Tôi định sẽ giải thích thêm về ý nghĩa mấy câu thơ, dẫn chứng đến nghiệp lực và luật nhân quả, và cũng để trả lời thắc mắc của ông. Nhưng ông ta liếc mắt nhìn quanh rồi ngắt lời xin lỗi và cảm ơn. Ông bảo là rất vui khi được trò chuyện với tôi, rồi lên xe chạy tuốt.

Có lẽ tôi đã nói gì làm đụng chạm đến ông chăng! Hay là ông đã nghe đủ những gì ông muốn biết! Hoặc ông chợt nhớ ra cái hẹn gì đó! Tôi bắt đầu hiểu ra rằng con người cũng giống như cái bình đựng nước. Có cái chứa được nhiều, có cái thì chứa rất ít. Một khi cái bình đựng gần đầy thì người ta cảm thấy tinh thần bất an, đến khi cái bình bắt đầu đầy tràn thì thường cũng là lúc họ thay đổi cuộc đời. Chúng ta nắm giữ được bao nhiêu tức cũng có thể trực tiếp xả ra bấy nhiêu. Đến khi bạn đã buông bỏ hết thì bạn sẽ được tất cả.

Ngày 17 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Một trận bão ác liệt khác lại đổ ập xuống, chúng tôi phải dò dẫm từng bước một dọc theo những bờ dốc. Mưa trút xuống xối xả lúc chúng tôi đi ngang qua khu phố Gualala. Đường xá vắng vẻ, không một bóng người. Nhưng khi đi ngang qua căn nhà màu vàng về hướng nam khu phố, có anh chạy ra tự giới thiệu là Greg, mời vào nhà. Chúng tôi từ chối vì muốn tiếp tục lễ lạy. Anh ta hứa hẹn đến tối sẽ trở lại rước chúng tôi. Vừa vào đến vùng Anchor Bay, sau bốn dặm dầm mình lễ lạy dưới cơn mưa tầm tã, một ông từ quán rượu duy nhất trong vùng đã chạy ào đến, một tay vừa chùi bọt bia dính cằm, một tay đưa cho Thầy Hằng Do hai đồng và nói:

"Ông cũng phải ăn chứ, phải không?" Rồi chạy trở về quán rượu còn nói như hét vọng lại từ phía cửa tiệm: "Nếu ông cảm ơn tôi, tức là ông điên đó!"

Chiều tối anh Greg dùng chiếc cam nhông chở chúng tôi và luôn cả chiếc xe kéo về nhà anh. Con bão làm cúp điện, nên trong nhà phải thắp đèn cây. Anh vốn độc thân nhưng hiện sống chung với cô bạn gái. Cô này phụ nấu nướng và đang nghiên cứu môn Chiêm Tinh Thuật. Tôi nhận ra cô này trước đây vốn là bạn gái của anh họ tôi, Mike Kenedy ở Seattle, chúng tôi đã từng sống chung trong một cộng đồng gần vùng núi Rainier. Thật là một sự trùng hợp lạ kỳ! Chúng tôi trò chuyện được một lúc, nhưng thấy câu chuyện bắt đầu hơi xa đề về những chuyện thị phi nên chúng tôi về phòng để tọa thiền. Sáng hôm sau anh Greg đích thân pha nước sô cô la nóng (chocolate) mời chúng tôi dùng và còn đưa về địa điểm cũ.

Ngày 18 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Lễ lạy dưới cơn mưa cũng giống như đang mặc bộ đồ nhái lặn xuống biển vậy. Nhẹ nhàng như trong thế giới mộng trầm, là nơi bạn tạm thời được tự do không gì ràng buộc. Nơi đây lại có một thế giới khác hầu như đang quét sạch tất cả những ý niệm. Ở đây không có gì là thế giới, không hòa bình, không xung đột, không phóng thích, không nô lệ. Vì đây là nơi vô sở trụ. Thật không ai biết đến nó thì làm gì có được nó chớ! Tất cả những gì đang trông thấy đều không thực thể, không có tánh chất riêng biệt. Những gì được nhìn thấy rồi chúng cũng mờ dần như những giấc mơ ngày hôm trước. Chẳng có gì để vương vấn cả. Cũng như con đường này, việc tương lai luôn chờ phía trước, và những công đức thời quá khứ đã để lại phía sau. Hiện tại chúng tôi không có gì cả, nhưng ngay cái không đó lại có một cái gì huyền diệu!

Chiều nay lúc gần kết thúc buổi lạy - thật ra là buổi lạy chót trong ngày - vừa lúc tôi nhìn lên thấy có chiếc xe nâu đỏ sạm Mercury đang tồng ga chạy ào về phía chúng tôi, với mấy cánh tay và những cái đầu say thò ra cửa sổ. Có lẽ xe này đang chạy với tốc độ ít nhất cũng cả trăm cây số một giờ. Bỗng có lon bia còn nguyên bay phớt ngang đầu tôi, chỉ cách trong phân tấc, rồi rơi xuống đất nổ banh, văng tung tóe vào mình sư Do. Nếu ai bị trúng lon bia này chắc phải bỏ mạng liền. Chúng tôi vội vã vào rừng cắm trại. Sau khi an ổn ngồi uống trà, tôi mới bắt đầu nhận ra là mình đã gần với tử thần trong tích tấc.

Qua chuyện này khiến tôi nhớ lại lời Sư Phụ như đã báo trước trong lần điện thoại với chúng tôi gần đây: "Trong chuyến du hành, nếu chúng con thành tâm và thanh tịnh giữ giới thì chư Phật, chư Bồ Tát mười phương cùng các vị Trời, Rồng sẽ đến bảo hộ, không ai có thể hãm hại được các con đâu!"

Ngày 19 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay Quả Đôn Schweig lại đến. Có lẽ anh đã lái hơn chín mươi dặm đường để đem đến cho chúng tôi chẳng những một bữa ăn quân bình, mà còn có nước nóng, khăn, vớ khô, và dĩ nhiên có cả hộp bơ đậu phộng hiệu Deaf Smith nữa.

Theo lời báo cáo của dân trong vùng, nên ông cảnh sát quận Mendocino đến chặn chúng tôi lại để chất vấn. Sau một tua gọi máy điều tra, nhưng vì không tìm ra lý do nào để bắt nhốt. Cuối cùng ông bỏ đi, lắc đầu ra về như nói rằng chúng tôi quả thật là một lũ khủng nạng.

Chúng tôi ngừng lạy lúc đến gần vùng Point Arena vì gặp cô Jo Ann, bạn Quả Đôn. Cô này có tiệm bán thức ăn chay dinh dưỡng. Cô đã dọn riêng một phòng để chúng tôi nghỉ qua đêm. Kiểm tính lại thì chúng tôi đã qua được một trăm ba mươi dặm đường rồi.

Ngày 20 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi tiến về phía bắc theo con đường chánh của quận Point Arena, ngang qua nhiều cửa tiệm, dọc theo các rãnh nước phía hai bên đường. Sau năm dặm hăng say lễ lạy, chúng tôi đến vùng Manchester thì tìm được căn nhà hoang với những cửa kiếng bể nát và những nhánh dây berry đen leo giăng đầy mấy căn phòng bần thủ. Đúng ra nhà này cũng không đáng là chỗ để nuôi heo, nhưng đối với chúng tôi nó như là một tòa lâu đài vậy.

Sau một ngày dài lễ lạy, tôi thật trông mong mau tới buổi tọa thiền tối. Mỗi ngày dù ở trong lều, chuồng nuôi súc vật, trên bãi biển, ngoài đồng ruộng, hay trên đỉnh đồi: dù ở bất cứ nơi nào, chúng tôi đều luôn hành thiền. Trong bộ áo quần ấm áp, phủ tấm mền trên chân, chúng tôi ngồi thẳng và tỉnh giác trong lúc khí huyết tự do lưu chuyển. Với tư thế kiết già, thời gian ngồi như đốt tàn một cây nhang Ó khoảng một tiếng Ó Sau đó chúng tôi được phục hồi, tỉnh táo, khỏe khoắn và tinh thần tập trung hơn. Buổi thiền này như một phần thưởng đáng giá cho một ngày tiêu hao vất vả. Nó xoa dịu đau nhức, giúp tâm an định lại và san bằng những sự phân biệt. Trong sự trầm tĩnh

huyền diệu lúc tọa thiền, chúng tôi nhận rõ cuộc sống nhỏ bé của mình giống như một giấc mơ và tất cả những phiền hà đều được giải trừ, giống như con đường ngoằn ngoèo ướt át bị bỏ lại sau lưng. Hành thiền là để trở thành "Đạo nhân vô tâm," danh từ mà người Hoa vẫn thường dùng trong thiền môn. Một khi tâm không còn gì để chấp trước, không dính mắc thì sẽ được tất cả. Dù trong trạng huống nào đi nữa, cũng không bao giờ mất đi lợi điểm của mình. Ta luôn cảm thấy hòa hợp với mọi duyên cảnh, không ôm giữ hay vói bắt theo đuổi chi. Xem tất cả những gì hiện có, chỉ như giấc mơ, như hư ảo, nhờ vậy giúp tâm ta không bị vướng mắc, không chướng ngại và giải thoát. Được vậy thì ai có thể trói buộc được ta?

Ngày 21 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

"Đọc xong vạn cuốn sách, bạn nên đi vạn dặm đường." Đây là một trong những câu tục ngữ căn bản rất quan trọng đã được người Hoa thời xưa khởi xướng. "Mười ngàn cuốn sách" ý nói tinh thần học hỏi về lý thuyết và kinh nghiệm của người khác. Trong khi "mười ngàn dặm đường" ám chỉ do thực hành mà có, và những kinh nghiệm thực sự của chính mình. Câu châm ngôn này có nghĩa là người tu đạo nên chú ý đến cả hai, lý thuyết và thực hành. Bạn nên nhận rõ tầm quan trọng về mối liên hệ hỗ tương của chúng. Đọc mười ngàn cuốn sách là để nghiên cứu, học hỏi giáo lý Phật Pháp như: Kinh, Luật, Luận, vốn được bàn luận bao gồm cả về Giới, Định, Huệ. Nhưng hiểu mà không thực hành là không thực sự hiểu, còn hành mà không hiểu là vô ích. Nếu chúng ta có thật hiểu biết thì mới có thể áp dụng cái hiểu đó, vì những kiến thức hiểu biết là để thực hành và những thực hành này sẽ luôn chánh đáng.

Một trong những thành quả của chuyến du hành này là cơ hội để thực sự đi khoảng đường của mười ngàn dặm, sau khi đã đọc xong một ít sách trong số mười ngàn quyển sách. Khi nào chuyến đi viên mãn thì cũng là lúc kiến thức trong những cuốn sách sẽ được đem ra sử dụng tốt hơn, đồng thời sẽ rõ thấu hơn những danh từ căn bản trong những cuốn sách đó. Chẳng hạn như trong chuyến đi này, chúng tôi càng ý thức rõ ràng hơn là dù thế nào cũng không nên để cơ hội tốt này vượt khỏi tầm tay, nếu không chúng tôi sẽ tự mình tìm đọc mười ngàn cuốn sách sai lầm, để rồi đi theo mười ngàn dặm đường lầm lẫn.

Ngày 22 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay là ngày lễ Tạ Ôn (Thanksgiving), Quả Đôn và gia đình Quả Dung Epstein hội tụ đến với chúng tôi ở công viên bên đường. Sau đó chúng tôi có một bữa ăn thật ngon, nó còn ngon hơn những bữa ăn thuở xưa khi tôi còn ăn thịt, cá, trứng, hành tỏi nữa. Nhưng hôm nay theo phong tục thường lệ thì hầu hết mọi người chắc đang ăn thịt gà tây (turkey) vậy. Thế nên sau bữa ăn chúng tôi chia sẻ với mọi người bằng câu chuyện như sau:

Mấy năm về trước, khi tôi vẫn còn là cư sĩ tại gia và chúng tôi đang lo chuẩn bị buổi lễ phóng sanh. Trong dịp lễ hàng năm này, nhiều Phật tử mua những con vật sắp bị làm thịt, đem đến chùa, rồi sau buổi lễ được tụng chú, chúng nó sẽ được phóng sanh ở vùng đồng ruộng. Nhưng đặc biệt là năm đó tôi và Quả Quy Nicholson quyết định lái xe về miền nam San Francisco, xa năm mươi dặm để mua hai mươi một con bồ câu. Những chim này đang sắp bị dùng như môi sống làm mục tiêu cho hội săn bắn bằng súng. Tôi lái chiếc Chevrolet đời 1951, chạy xuống tận vùng biển vào buổi chiều thứ bảy thật đẹp trời, đó là lần đầu tiên chúng tôi rời chùa sau mấy tuần lễ tu học. Lúc ở chỗ bắn súng, chúng tôi biết rõ là không có cách nào để chở hết mấy con chim này, nhưng ông chủ bán chim đã dồn nhét hết chúng vào một cái bao bố và nói rằng trong một thời gian ngắn chúng sẽ "không sao đâu!" Trên đường trở về chùa, trời cũng đã xế chiều và nếu chúng tôi chạy thẳng về một mạch thì có lẽ mọi chuyện sẽ "không sao đâu!" Nhưng chúng tôi đã không làm như vậy, vì đã bị lòng tham phục kích khi đang chạy ngang qua tiệm thực phẩm La Honda.

Thông thường tôi và Quả Quy đều không ăn chiều như những người khác tại tu viện, vì kiêng cử như vậy sẽ giúp cho việc tọa thiền có kết quả tốt hơn. Nhưng khi nhìn thấy tiệm này, chúng tôi cảm lòng không dặng nên đã phá luật. Sau khi ăn ngẫu nhiên mấy cân phô-mát (cheese), bánh ngọt (donut), nước ngọt, cà rem và nhiều thứ ác liệt khác nữa, cho đến khi sực nhớ ra thì đã quá trễ, không sao về kịp giờ thuyết pháp tối của Sư Phụ. Chúng tôi bèn ào ra xe hối hả chạy về chùa. Về tới nơi mới biết là Sư Phụ đã đình lại buổi giảng chỉ vì đợi chúng tôi. Đau đớn vì tội lỗi quá! Tôi vội vã vác bao bồ câu lên lầu nhì và bỏ chúng vào cái phòng trống đã dành sẵn. Khi mở bao ra, thấy tất cả đều bay ào ra, nhưng chỉ trừ có hai con đã chết queo! Bịch! Bịch! rớt lặn ra sàn nhà.

"Ứ hự! Nếu chúng tôi đừng vì tham lam ích kỷ đi ăn như vậy thì đến bây giờ chắc hai con chim này vẫn còn sống."

Nghĩ thầm như vậy, rồi tôi lại tự an ủi: "Ồi vậy cũng còn đỡ! Ít ra chẳng có ai hay biết chuyện này!"

Tôi xuống giảng đường, ngồi cạnh Quả Quy, và xúi anh chỉ nên thưa với Sư Phụ là có hai con chim bị chết, nhưng nhớ đừng nói gì về cái tiệm bán hàng đó. Đến cuối giờ giảng, Quả Quy rụt rè mon men đến Pháp tòa, chấp tay thưa:

"Bạch Sư Phụ, trên đường về chùa có hai con chim bị chết. Chúng con nên phải làm sao với chúng?"

Đối với chúng tôi những giây phút im lặng này thật là kinh hoàng. Rồi Sư Phụ chậm rãi nhìn về phía Quả Quy nói với giọng như hét lên:

"Ăn chúng!" Hai tiếng này như có thể bằm nát tất cả những đôi trá nửa thật nửa dẫu của chúng tôi.

Mọi người trong giảng đường cứ ngỡ là Sư Phụ đang nói đùa, nhưng chỉ riêng tôi và Quả Quy biết rõ là Ngài đang nói với hai chúng tôi. Cảm thấy quá xấu hổ và hối hận, nên qua ngày hôm sau, chúng tôi thu hết can đảm để ra thú tội trước đại chúng. Chúng tôi đã không ăn hai con chim chết này mà đem thủy táng chúng xuống biển, rồi nhịn ăn luôn ba ngày để đền bù tội lỗi. Chuyện này tôi sẽ không bao giờ quên được. Sau khi nghe qua câu chuyện, Quả Đôn bảo rằng thật là không biết nên cười hay nên khóc nữa.

Tìm được cái chái nhà để tá túc, hiện còn bảy dặm nữa sẽ tới vùng Elk. Tôi đi tắm ở con suối gần bên. Lạnh quá!

Ngày 23 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Hôm nay tương đối không có chuyện gì xảy ra, vài người ngừng lại hỏi chuyện chúng tôi. Mưa rơi từng cơn, lúc có lúc không. Những ngày bình thản như vậy thì khó mà diễn tả được, dù vậy chúng vẫn có sự quan trọng như thường nhật. Sự quan trọng đó chính là phải luôn tinh tấn. Tinh tấn đứng hàng thứ tư của Lục Độ Ba La Mật. Tinh Tấn Ba La Mật có nghĩa là sau khi chọn được pháp môn hoặc phương pháp tu hành thích hợp thì ta phải cương quyết thực hành. Chẳng hạn như phải có cái nhìn xa về lợi ích của sự tọa thiền đều đặn theo đúng thời gian quy định, hơn là hôm nay ngồi thật

lâu, rồi ngừng cho đến hai, ba ngày sau mới tiếp tục. Thật ra nên giống như từng bước đi vững vàng đều đặn theo nhịp độ trong lúc lễ lạy vậy. Nhưng những bước tiến mạnh mẽ này sẽ bị tổn hao mỗi khi có sự ngừng thối, dù chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Tinh tấn không có nghĩa là chạy vòng vòng để rồi tán loạn khí lực trong mê sảng, mà nên dụng công bền bỉ như cái chìa khóa để khai mở. Nếu tu trì giới luật thì sự tinh tấn cũng sẽ luôn tăng tiến. Chúng ta sẽ ngủ ít hơn và nhanh chóng biết cách khống chế nguồn năng lực mới phát hiện này.

Con đường dẫn vào nội địa rất ngoằn ngoèo vì những bờ dốc núi vịnh Thái Bình Dương. Nó bị ngắt đứt một khoảng thành khe hở rất rộng ngay chỗ giòng suối Elk chạy đổ ra biển. Nhưng khi qua khỏi suối thì con đường lại uốn vòng trở về phía biển. Thấy có căn chòi, dù không cửa nẻo, nhưng mái nhà cũng còn kha khá nên chúng tôi dọn vào để được một đêm nghỉ ngơi khô ráo.

Ngày 24 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Chúng tôi ra khỏi quận Elk vào sáng thứ bảy đầy nắng ấm. Vài người ngừng lại hỏi chuyện, hoặc chào hỏi, không có gì đáng xảy ra. Tuy nhiên trên đường ra khỏi quận, máy bánh xe bằng nhôm nhựa của chiếc xe kéo trung thành của tôi bị xẹo mẹp xuống. Nó không chịu nổi sức nặng của đồ đạc, hoặc vì mỗi ngày chúng tôi lo kiếm chỗ cắm trại nên đã rời đường cái và lúi nó đi trên những nơi gập ghềnh lổm chổm. Tôi phải dọn hết đồ trong xe ra và tìm nơi cất dấu, rồi sau đó đi ngược trở lại chỗ sửa xe ở Elk. Tôi bày cách ông thợ máy dùng bánh xe máy cắt cỏ để lắp thế vào. Ông thợ kể lể rằng: Trong đời ông đã từng thấy qua mấy cuộc du hành kỳ cục trên tuyến lộ này rồi. Chẳng hạn như có lần ông sửa chữa một thùng đựng bia mà người ta đã lăn từ San Francisco tới vùng Olympia ở Washington. Và bây giờ thì sửa cái xe kéo của chúng tôi. Chỗ sửa xe này cũng là nơi tụ tập của dân rảnh rang trong quận, kế bên lại là quán rượu. Lúc bấy giờ có một số người đã bắt đầu kéo đến để nghe ngóng "chuyện" chúng tôi. Có ông nói việc chúng tôi làm là tuyệt diệu, ông khác lại đưa ý rằng Thầy Hằng Cụ dùng vải để bao đầu gối, cách đó có vẻ như là gian lận. Tôi lễ phép bảo rằng mọi người làm việc theo nhiều cách khác nhau, và khi Thầy Hằng Cụ phát nguyện lạy một ngàn dặm thì Thầy có thể tùy ý thực hiện bằng bất cứ phương pháp nào.

Hôm nay chiếc xe kéo đã được sửa xong. Chúng tôi cắm trại gần bên con suối, về hướng bắc quận này. Tối đến tôi tắm toàn bằng nước lạnh như đá. Ái da!

Ngày 25 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Chúng tôi chậm chậm tiến về hướng bắc, đến mỗi tỉnh nhỏ, tôi như càng quen thuộc hơn với những tiệm giặt và buro điện, vì thường đến đó là để sấy khô đồ đạc, hoặc điện thoại liên lạc về Kim Sơn.

Hôm nay Pháp Sư Hằng Thủ và hai vị Ưu Bà Tắc là Quả Quy và Quả Hồi đến lúc giờ ăn trưa. Khoảng mười phút sau gia đình Klein cũng đến để cúng dường bữa ăn. Sau đó Quả Hồi ở lại cùng chúng tôi lễ lạy được một khoảng đường.

Tôi lật bản đồ ra nghiên ngẫm và cố ghi lại trong tâm địa điểm hiện tại, đồng thời cũng xem xét đường xa phía trước. Những giới luật mà Phật tử trì giữ bằng nhiều cách ví như tấm bản đồ vậy. Khi chúng ta muốn đến một nơi nào thì bản đồ sẽ chỉ dẫn trực thẳng đường hướng. Cũng như chúng ta quyết tâm tìm giác ngộ cứu cánh thì những lời chỉ dạy của những bậc Hiền Thánh cũng giống như sự hướng dẫn đưa đường cho chúng ta vậy. Giới luật này còn có thể gọi là "Bản đồ dẫn đạo," nó chỉ rõ cho chúng ta con đường trực chỉ nhất để đến quả vị Phật. Một khi theo đúng lời chỉ dẫn, chúng ta sẽ tránh được những lầm lẫn và khỏi phải lãng phí công sức.

Giới luật là những điều răn có tính cách luân lý đạo đức, nhằm ngăn ngừa những hành động có thể làm tổn hại chính bản thân hoặc kẻ khác. Giới luật cũng là nền căn bản thực hành thiền định để phát sanh trí huệ, đã được giảng rõ trong Tam Tạng Kinh Luật Luận. Cách tốt nhất để học giới luật là phải đăng đàn thọ giới từ những bậc cao tăng tịnh hạnh, đã có công phu tu tập từ hai mươi hoặc ba mươi năm. Vì những vị này đã tu trì những giới đức tịnh hạnh thuần thực nên tâm đã không còn dính mắc, phân biệt. Các thầy Tỳ Kheo ở Trung Hoa, sau khi thọ giới thường có ít nhất năm năm đầu, phải chuyên tâm tu học để tận tường giới luật và biết cách áp dụng vào những sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày. Sau đó họ mới được phép bước chân vào thiền đường.

Ngày 26 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Tôi và Quả Hồi lạy được bốn dặm thì phải dừng lại, vì mục nhọt ở đầu gối tôi bị sứt bể. Chúng tôi đành quay về căn chòi nhỏ, vốn là một cái vỏ mục nát, nằm trên bờ dốc cao ba trăm feet (khoảng 91 mét), hướng thẳng xuống

bãi cát. Thầy Hằng Do dọn dẹp gọn ghẽ được một phòng, phần còn lại thì không khác gì cái chuồng heo. Có cái giường sắt đã hư gãy nằm nghiêng ngã trên mấy khúc cây gàn bên cửa sổ phía tây. Xưa kia chắc đã có những cặp tình nhân từng ngồi đây ngắm nhìn bờ biển mênh mông. Bây giờ thì lại là những dây leo mỏng mảnh bằng ngón tay, bò dấn sát xuyên vào những khe cửa kiếng bể. Ngoài phòng khách có cặp nệm mục nằm im lìm trên sàn nhà, chung quanh đầy những đĩa bể, muỗng nĩa rỉ sét và những cái lon không. Tôi dọn sạch được cái ghế bành để ngồi nghỉ, khi ngoài kia tiếng gió đêm đang vi vu len lỏi vào chòi.

Ngày 27 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Đêm qua tôi mơ thấy mình lội qua một con sông sâu thăm thẳm, và khi tới giữa sông thì bị nước xoáy cuốn nhận chìm lìm xuống. Tôi nhớ là khi nhìn lên thì thấy mặt nước từ từ xa dần, xa dần, rồi chìm sâu xuống cả hàng trăm hải lý. Được một lúc tôi chợt có ý nghĩ là mình đã chết, nhưng đó chẳng là vấn đề vì tôi không đau đớn chi mà chỉ cảm thấy rất an lạc. Sau đó tôi từ từ trôi lên mặt nước và đi trở lại chỗ có nhóm người đang tụ họp. Việc đầu tiên tôi cảm nhận rằng mình như khác hẳn, và thấy những người đó vẫn còn đang vẫy vùng khổ sở trong thế giới mộng ảo của chính họ. Riêng tôi khi trở về từ nơi sâu thẳm, sau khi rời bỏ cái chết của chính mình, nên mới được tự do. Vẫn trong sự hiểu biết này tôi giật mình thức giấc và thấy mình còn ngồi lơ lơ trong chòi. Bây giờ việc lễ lạy một ngàn dặm chỉ là chuyện nhỏ nhoi thôi.

Vì cơn bão vẫn hoành hành nên chúng tôi ở lại trong chòi để dụng công tham thiền.

Ngày 28 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi vẫn còn kẹt lại trong chòi vì trận bão. Ô! Dĩ nhiên là trong lúc này chúng tôi mới hiểu được bài học biết ơn về giá trị quý báu của bốn bức tường và một mái nhà.

Ngày 29 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Quả Hồi sau khi lạy được ba dặm thì phải trở về San Francisco. Chiều nay lúc chúng tôi đi ngang qua ngọn đồi để vào quận nhỏ Albion, thì được bốn cậu thanh niên đến mời về tạm trú ở một thị xã vùng Thiên Chúa Giáo, tọa lạc trên dãy đồi Albion. Lúc đó trời lại bắt đầu mưa nên chúng tôi nhận lời,

nhưng trong lòng tôi cảm thấy nghi ngờ làm sao. Thị xã nằm về phía tây, cách xa lộ khoảng một dặm. Vừa đến nơi chúng tôi được sự đón tiếp rất nồng hậu, lại được đưa đi tham quan đất đai chung quanh vùng của họ. Ở đây tất cả đều thuộc của chung, như vườn tược, hàng quán, kể cả những việc canh tác ruộng rẫy. Tất cả đàn ông đều để râu, tóc dài, quần áo giản dị. Đàn bà thì lạng lẽ và hòa nhã. Từng gia đình sống rải rác chung quanh khu vực, trong những túp lều nhỏ, hoặc những dãy nhà chung cư. Chúng tôi lại được dẫn đến chỗ ở của đàn ông, là một căn nhà rộng hai tầng cất bằng cây, đã có khoảng ba mươi anh độc thân đang trú ngụ. Sau khi được chỉ định chỗ ngủ, tôi lo treo máng mớ quần áo ướt và ngồi thiền cạnh lò sưởi. Thật là một lỗi lầm, vì chẳng bao lâu thì có khoảng tám người đến vây quanh và ráng khuyên tôi chuyên đạo. Thầy Hằng Do cũng ngồi kế bên cùng tôi cố giải thích, nhưng dù chỉ một lời họ cũng chẳng chịu nghe. Họ có thuyết phục đủ mọi khía cạnh như tình cảm, tranh luận, an ủi khuyên giải, hoặc vạch bày những chứng cứ v.v.... Chúng tôi phải chịu đựng như vậy cũng khoảng hai tiếng đồng hồ, cuối cùng đành phải cắt ngang bỏ đi ngủ. Sáng hôm sau, chúng tôi thức dậy trước hơn mọi người để trở ra đường, con đường cũ thân thương.

Ngày 30 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Chúng tôi lẽ lẽ lay dưới cơn mưa rì rả suốt cả buổi sáng này, nên vừa vào đến làng Tiểu Hà (Little River), định tìm một nơi khô ráo để ăn trưa. Thấy có căn chòi lụp xụp bên đường trông cũng còn khá đây, nhưng một ông từ căn nhà kế bên chạy ra ngăn cản bảo nó thuộc của tư nhân. Chúng tôi đành quay quả trở ra xa lộ. Bỗng nhiên cánh cửa trước nhà ông vụt mở và tiếng nói người đàn bà vọng về phía chúng tôi:

"Mấy Thầy định đi về đâu vậy, xin hãy trở vô đây uống tách cà phê mà! Thời tiết như vậy còn đi đâu được nữa chứ!"

Đó là bà Gert Dailey, mời chúng tôi vào và lo chuẩn bị bữa ăn gồm cơm gạo Louisiana và đậu. Sau đó bà và chồng là Bill mời chúng tôi ở lại nghỉ qua đêm. Họ có tất cả mười đứa con, bọn chúng đều rất say mê võ công phu mà sư Hằng Cụ dạy chúng. Sau đó có mấy vị Phật tử vốn là bạn của bà Daileys cũng đến cùng chúng tôi thảo luận rất lâu, hầu để củng cố thêm lòng tin. Bà Daileys còn chất đầy lương thực vào chiếc xe kéo, chúng tôi cũng chuẩn bị sẵn sàng để sớm mai lên đường.

Ngày 1 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Lúc rời khỏi vùng Tiểu Hà, chúng tôi có nhận lời mời về nghỉ đêm ở trại thiền Little River Zen Farm, tọa lạc trên dãy đồi gần làng Mendocino. Vì sau buổi lễ lạy trong ngày, chúng tôi lại phải đi bộ thêm mấy dặm vào nội địa, nên khi đến nơi mặt trời đã khuất bóng. Quận nhỏ chuyên thiền Zen này có nhiều giới trẻ đang cư ngụ. Vì cách tổ chức theo truyền thống Nhật - Mỹ nên ngay trong thiền đường còn có một hệ thống giàn máy hát lớn có âm thanh nổi.

Nhiều người khi nghe đến danh từ Phật Giáo thì nghĩ là Zen. Zen này đang thịnh hành và phát triển ở Tây Phương. Thật ra Zen nguyên chữ là Zenna, được người Nhật phát âm lại từ chữ Thiền Na của người Hoa. Thiền Na hay gọi là Thiền, đã được Trung Hoa chuyển dịch từ chữ Phạn Dhyana (Thiền-na). Thiền-na có nghĩa là làm tâm lắng tĩnh, là phương pháp căn bản của người Phật tử chuyên hành thiền. Rất nhiều người cảm thấy thiền là cốt lõi chủ yếu, là trung điểm mạnh mẽ của tất cả, đã được lồng ẩn dưới danh từ Phật Giáo.

Tóm lại khởi nguyên của tông thiền là trực tiếp nối gót từ đức Phật Thích Ca mà thành. Có lần đức Phật im lặng đưa lên cành hoa của vua trời Phạm Thiên cúng dường, chỉ có đệ tử là ngài Ca Diếp thấy vậy chum chim mỉm cười. Nụ cười đó biểu hiện rằng Ngài đã hiểu ý đức Phật. Điểm chủ yếu của sự im lặng này chính là lối truyền tâm ấn tâm, đã được tiếp tục truyền từ đời này sang đời kế, từ những vị Sư Tổ chúng ngộ ở Ấn Độ. Cho đến đời thứ hai mươi tám là Tổ Đạt Ma mới mang những giáo lý cùng "Pháp Truyền Tâm Ấn" đến Trung Hoa và trở thành vị Tổ đầu tiên, cách nay đã hơn một ngàn năm trăm năm qua. Phật giáo được khai mở ở Trung Hoa và truyền thừa chân lý của đức Phật tiếp tục cho đến ngày hôm nay. Giáo lý chủ yếu của đạo Phật tiếp tục lan truyền đến các quốc gia khác là do các vị Sư ngoại quốc đến Trung Hoa thu gặt những hạt giống giác ngộ rồi đem về gieo cấy lại những giáo pháp đó trên chính mảnh đất quê hương của họ.

Mặc cho sự tàn phá của thời gian, nhưng tông thiền vẫn tồn tại. Bởi điểm cốt yếu của thiền không những chỉ tìm được qua những ảnh tượng thiêng liêng, những kinh sách hay ở những tu viện, mà nó còn ngự trị ngay trong lòng mọi người. Thật ra tông thiền này không có đặc tính gì riêng biệt để có thể định nghĩa được, nhưng tổng quát thì có bốn loại để mô tả truyền thống về thiền là:

Trực chỉ nhân tâm;

Kiến tánh thành Phật;

Giáo ngoại biệt truyền;

Bất lập văn tự.

Một ngày nào đó khi mọi việc yên ổn, tôi sẽ trở lại vấn đề này.

Ngày 2 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay khi chúng tôi vừa đi qua khu phố nhỏ ở Mendocino, thì chủ bút tờ báo Mendocino Beacon tới nơi phỏng vấn. Đến trưa, Quả Đôn Schweig chuyển tặng chúng tôi cái lò SVEA của Craig và Sunny Bạch ở San Francisco. Chúng tôi cùng ăn trưa trên đỉnh dốc đá cao khoảng 100 feet (hơn 30 thước), dưới ánh nắng chan hòa tĩnh lặng.

Tâm hồn tôi như bồi hồi rung động mỗi khi nhìn những làn sóng mạnh mẽ đập dội lên những cồn đá đầy phún thạch lâu năm này. Tôi thường cảm thấy kinh sợ trước cái quyền năng vô hạn, độc nhất của thiên nhiên. Không những chỉ ở đại dương, mà bất cứ ở nơi nào có sự biểu dương quyền lực vô hạn, đều làm tôi kinh sợ cả. Tôi lớn lên được xã hội dạy là xem thiên nhiên như những vật ở ngoài mình. Xã hội đã tập con người chỉ biết lợi dụng thiên nhiên và coi chúng như một đồ vật tách rời con người. Nhưng ngày nay phần lớn những ý tưởng đó đối với Phương Tây đang có một chuyển hướng, con người bắt đầu nhận thấy rằng thiên nhiên bên trong và thiên nhiên bên ngoài hoàn toàn chỉ là một, họ lại ít có hứng thú đến những sự việc có tính cách điều khiển bên ngoài, họ chỉ muốn an trú nơi không giao động (trung đế) mà thôi.

Để đạt tới nơi đó, theo truyền thống Phật Giáo có dạy về Tam "Vô Lậu" Học: Giới, Định, Huệ. Giới là đặt mình vào khuôn khổ kỷ luật, giống như xây đắp bờ đê bên con sông. Vì khi ta chặn giữ giòng nước đang cuộn chảy, thì lập tức năng lực của giòng nước sẽ tăng gia, cũng như khi dứt bỏ được những tập khí xấu thì sẽ phát sanh nguồn năng lực tương đương với lòng kích động. Lúc đầu có khi giống như kẻ bệnh thần kinh trầm lặng, nhưng sau một thời gian dụng công thiền định, tinh thần sẽ trở nên sâu sắc thâm diệu.

Định còn gọi là sự tập trung, có nghĩa là giữ tâm không cho chạy ra khỏi các cửa của sáu thức: nhãn; nhĩ; tỷ; thiệt; thân và ý thức. Phương pháp này phải được thực hành trong mọi thời điểm, cách tốt nhất là ngồi trong tư thế kiết già. Huệ hay Huệ vô lậu sẽ phát sanh khi ta không còn bị lúng túng hay rối loạn bởi những sự tình làm kích động, mà thường an trụ vững vàng trên mảnh đất bất động của tự tánh.

Ngày 3 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Thực hành chuyển hành hương là biểu hiện lối sống của người tu sĩ Phật Giáo. Nhiều tu viện ở các nước Á Châu đã được dựng lên để tiếp đón những tu sĩ du phương này, vì trong cuộc đời tu hành, những vị này ít ra họ cũng có nhiều năm đi du hành từ nơi này đến nơi khác để tham vấn học hỏi với những bậc cao tăng. Đó cũng là một phương cách luyện tập rất hay để đào tạo tu sĩ, không những chỉ giúp cho các Ngài có cơ hội thăm viếng và chiêm bái những thánh tích, mà còn là dịp để học hỏi cách đối phó về vấn đề tự lực sinh tồn trong thế giới vô thường này. Rất dễ có tình trạng khi cư ngụ ở một nơi và vừa cảm thấy nơi đó an nhàn thoải mái, nhưng không lâu vô thường đến thì những gì mình chấp giữ cũng đều mất hết cả. Đó có thể là nguyên nhân đau khổ. Cho nên không tham luyến nơi nào, thì ta mới có thể tùy thuận lưu chuyển với những đổi thay. Được vậy mới là người biết chuẩn bị sẵn sàng trước những cái bất ngờ xảy ra, và ta mới có thể phát triển định lực dù trong cảnh động loạn.

Việc hành hương ở Mỹ trong thời đại tân tiến ngày nay, có nhiều khác biệt so với những chuyến hành hương của những vị tu sĩ ở Á Châu. Điểm trước nhất, là việc xây cất tu viện và chùa chiền để tiếp rước Tu sĩ du phương chưa được phát triển ở Phương Tây. Vì thế chúng tôi phải lợi dụng phương kế kỹ thuật Ô cắm trại, để thuận tiện cho việc trú ngụ ở bất cứ nơi nào. Thứ nhì, đường xá đi lại tiện lợi, mặc dù có lúc con lộ không đủ rộng để cho chúng tôi và xe cộ. Nhưng nếu so sánh những chuyến hành hương ở Á Châu với những con đường nhỏ xíu, lún hõm, thì có lẽ chúng tôi được lợi thế hơn. Thứ ba, dân xứ này còn rất xa lạ với những tập tục của chúng tôi, cho nên chúng tôi phải mất rất nhiều thời gian để giải thích những thắc mắc về chuyên bái hương này. Về hình thức tuy có nhiều điểm khác biệt, nhưng những động cơ thúc đẩy để dẫn thân vào cuộc du hành thì đều giống nhau cả.

Hiện chúng tôi đang cắm lều trong đám cây rậm rạp, và đang tọa thiền cùng với những âm thanh làm việc đều đặn ngày đêm của xưởng cây gân bên.

Ngày 4 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay thật là một ngày trọng đại khi chúng tôi lạy ngang qua thành phố Fort Bragg. Nào là tài xế, học sinh, trẻ con, các vị bô lão, mấy cậu hippy chơi chơi, những cô thiếu nữ, tất cả đều tụ họp đến xem chúng tôi. Vài ông say rượu chạy xe gắn máy (motorcycle), ngừng lại rồi bắt đầu kiếm chuyện sanh sự, nhưng hôm nay tôi cảm thấy khỏe khoắn quá, mà cũng không muốn dừng lại dù là bất cứ chuyện gì, cho nên tôi giao phó hết cho Thầy Hằng Do. Sau một lúc bị phiền phức bởi những câu hỏi với thái độ xác xược như:

"Tui bây đang làm cái giống gì vậy hả? Tại sao vậy chớ?"

Thầy Hằng Do liền hỏi ngược lại: "Vậy mấy ông đang làm cái giống gì vậy hả? Tại sao chớ?" Rồi họ mới đành ngậm im.

Vào tới trung tâm thành phố, có Mục Sư đạo Thiên chúa đi về phía tôi và nói với giọng đầy bi ai:

"Ông đi đâu mà có vẻ chậm chạp khổ sở như thế vậy!"

Dù tôi đã cố giải thích về chuyên báii hương, nhưng ông ta chỉ một mực tỏ vẻ thương hại chúng tôi thôi! Khi ông bỏ đi, tôi mới ngẫm nghĩ về những lời nói đó. Thật ra không có gì là đau khổ cả, ông ta đề xướng như vậy chỉ vì thành kiến của ông ta thôi. Đúng ra thì cách lễ lạy này lại còn làm tăng thêm sự cường tráng, vì tôi chưa bao giờ cảm thấy thân thể mình được rắn chắc khỏe mạnh như lúc này. Sự khổ sở là của ông ấy chớ không phải của tôi.

Tôi rất thích những cuộc gặp gỡ như vậy. Khi chuyện mới xảy ra đôi khi tôi không nhận ra ngay, nhưng thường thì sau một lúc lễ lạy và suy ngẫm, tôi dần dần thấy rõ được vấn đề. Tôi ý thức được những gì mình đã nói đúng và những gì cần phải nói, rồi tôi tích tụ những ý tưởng đó để dành cho cuộc gặp gỡ sắp tới. Và đó là cách học hỏi về pháp "Bát Phong."

Bát Phong gồm: Được và Mất, Nhạo Báng và Nịnh Bợ, Khen và Chê, Vui và Buồn. Tất cả chúng ta thường bị điều đứng bởi sự tấn công của những ngọn gió này. Mục đích tu tập định lực là để đối diện với chúng. Ví như việc

chúng tôi làm đã có rất nhiều người tán dương, khen ngợi rằng chúng tôi như người quân tử, thánh nhân v.v... Nhưng cũng có số người khác lại bảo chúng tôi là đồ bị chạm thần kinh, là kẻ tôn sùng tà giáo. Nếu chúng tôi bị động vì những lời nói của nhóm người trước thì sẽ trở nên tự cao tự đại, còn như bị động vì những người thuộc nhóm sau thì sẽ buồn phiền chán nản. Cho nên chúng ta nên tập quán xét những lời nói đó như những ngôn từ vô nghĩa rỗng tuếch, và không gì tốt hơn là cứ tiếp tục theo "con đường chậm chạp và khổ sở" của chúng tôi.

Chúng tôi hiện đang dựng lều phía sau chiếc xe ủi đất, xe này trông có vẻ "chậm chạp và khổ sở" nằm trên ụ của công ty đá sỏi, thuộc phía bắc thành phố.

Ngày 5 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi lạy được năm dặm đường suôn sẻ không chuyện gì xảy ra, bây giờ dựng lều trong một cái hồ nước đã hoang tàn. Tuy đây không phải là khách sạn Hilton ở Hồng Kông, nhưng đối với chúng tôi chỗ này cũng là nhất rồi. Mọi việc đều tương đối thôi.

Hôm nay Thầy Hằng Do kể cho tôi nghe câu chuyện về Lão Hòa Thượng Hư Vân, lúc ở Trung Hoa Ngài đang trên đường đi dự khóa thiền. Khi đi ngang qua sông, Ngài bỗng hụt chơn té chìm lĩm xuống, rồi cả ngày trôi bập bênh theo giòng nước, cho đến khi được người đánh cá lưới dính, vớt lên. Tuy lúc đó Hòa Thượng bị chấn thương rất nặng, máu miệng và mũi đều rỉ chảy, nhưng Ngài vẫn tiếp tục lên đường. Lúc đến tu viện, nơi có tổ chức khóa thiền thất, Ngài đã không giải thích gì về việc té sông và đang bị nội thương. Vị trụ trì mời Ngài thay mặt làm thủ tọa cho khóa thiền sắp tới, nhưng Ngài lễ phép từ chối, và nói rằng chỉ muốn tham gia như những hành giả khác. Ngài đã chuẩn bị dụng công thật khẩn trương. Nhưng vì sự từ chối này mà Ngài đã phạm luật nghiêm trọng chốn thiền môn, là đã khinh mạn chúng tăng, nên bị mấy vị Sư trong chùa kéo ra đánh phạt một trận thật nặng nề. Ngài vẫn không nói với ai rằng mình đang bị bệnh nặng, mà chỉ một lòng mong được tham dự khóa thiền. Mặc dầu trong lúc bệnh tình rất trầm trọng, tiểu ra cả máu và chất tinh dịch, nhưng Ngài vẫn cố gắng dụng công hành thiền ngày đêm không ngừng nghỉ, hoàn toàn quên hẳn cả thân tâm.

Kết quả tập trung thiền lực không loạn động nên Ngài nhập được định. Rồi vào một đêm khuya, khi Ngài mở bừng đôi mắt thấy cả khu vực thiền viện như có một bầu ánh sáng chói chang bao phủ như cảnh ban ngày. Và Ngài

cũng có thể nhìn xuyên qua cả tường vách, thấy có mấy thầy tu ở ngoài sân và thuyền bè đang qua lại trên sông. Ngài đã kinh nghiệm được những cảnh giới sâu sắc tuyệt diệu, cho đến một hôm vị tăng hộ thất vô tình làm rớt tách trà xuống đất, với âm thanh vỡ tan đó đã khiến Hòa Thượng hoàn toàn khai ngộ.

Hòa Thượng Hư Vân được xem là một trong những vị cao tăng đạo hạnh bậc nhất ở Trung Hoa. Do sự tinh tấn bền chí tu tập đã mang lại cho Ngài một sự thành công vĩ đại. Ngài viên tịch vào năm 1959, hưởng thọ 120 tuổi.

Ngày 6 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Sau khi qua khỏi cầu Ten Mile River, chúng tôi được mời nghỉ đêm tại Frazier Farm, thuộc một thị xã do nhóm người tuổi tác xấp xỉ chúng tôi điều hành. Cũng giống như những thanh niên trẻ mà chúng tôi vẫn thường tiếp xúc, là họ đang có chuyển hướng theo những hình thức tôn giáo của Đông Phương với nhiều lý do khác nhau. Sau đó chúng tôi có buổi nói chuyện với đề tài thiền Phật Giáo. Có vị thắc mắc hỏi rằng chuyến bái hương này có liên quan gì đến Thiền Phật Giáo? Một anh trong nhóm lập tức trả lời bằng câu hỏi liên quan đến đề tài thiền nổi tiếng:

"Tại sao Bồ Đề Đạt Ma từ Phương Tây đến?"

Bây giờ có ai biết không? Có lẽ anh này đã là một Thiền Sư, nhưng nhiều người lại có tư tưởng lầm lẫn, nghĩ rằng tất cả những gì về thiền, họ đều hiểu hết. Sự tự phụ dị biệt này như được khuyến khích thêm từ những "Trung Tâm Zen," đang đua nhau mọc lên như nấm ở Mỹ trong những năm gần đây, nhất là vùng biên miền Tây. Những trung tâm này không như những tu viện chùa chiền ngày xưa ở Á Đông với những phương pháp thực hành khắt khe. Một số người Mỹ vì cho rằng mọi người ai cũng có gốc Phật tánh, nên ai ai cũng chệnh mảng, không để ý gì đến những quy luật giới đức. Vì có lập trường như vậy, cho là tất cả đã giác ngộ rồi, ai cũng có thể tự ý muốn làm gì thì làm. Thế nên giữa thầy tu và cư sĩ tại gia không còn có sự phân biệt gì cả. Những tư tưởng sai lầm này có lẽ đã bị thâm nhập từ những nơi khác hơn là từ Trung Hoa, kèm theo cái dạng thiền được phổ biến rất rộng rãi. Là vậy, chúng tôi thấy được sự kết hợp lạ kỳ của những Zen đường, với những bản nhạc kích động, thiền trong khói thuốc cần sa ma túy (marijuana), và những ông "Sư giác ngộ" có đến mấy bà vợ.

Thật ra mục đích cứu cánh của tông thiên là "Trực Chỉ Nhân Tâm." Tâm này không phải là tâm phàm phu mà chúng ta vẫn dùng trong các sinh hoạt trần tục hằng ngày. Tâm mà Thiên Sư muốn chỉ thẳng là cái chân tâm, nó như hư không, như bao trùm khắp vũ trụ, không đến cũng không đi và bao hàm dung chứa được tất cả. Với chí nguyện tu tập theo đường chánh pháp hầu khai tỏ cái cố hữu đang tiềm ẩn để nhận diện được tâm này tức là đang đi đến quả vị Phật vậy.

Câu "Trực Chỉ" được dùng qua ngôn từ nên không thật chính xác đầy đủ ý nghĩa để diễn tả trạng thái của tâm. Nhưng nếu định nghĩa theo cách ngắn gọn thì: trạng thái tâm có thể được chỉ thẳng ra. Một Thiên Sư khéo léo có thể giúp những thiên sinh thực nghiệm một cách trực tiếp. Đôi lúc thật bất ngờ, thô tháo, hoặc dùng những phương pháp kỳ hoặc nhằm giúp hành giả vượt qua trạm thử thách cuối cùng. Ở Mỹ ngày nay, cũng có những câu chuyện đó, nhưng cách hành động lại quá trớn, lại thổi phồng lên nhằm để cân xứng phần nào trong việc huấn luyện của họ. Nhiều người đã không ngờ rằng muốn đạt đến trình độ tinh thông, ngần mé của giác ngộ thì phải hội đủ trong nhiều năm, hoặc cả một đời công phu tu tập Giới, Định, Huệ. Và khi thời cơ chín muồi thì chỉ cần một cái đẩy nhẹ đúng chỗ, đúng lúc, thì kết quả sẽ là sự bừng ngộ, và chấm dứt sanh tử luân hồi.

Con người thường có khuynh hướng bỏ quên về việc tu đạo là phải giảm bớt những tình cảm xúc động và đòi hỏi ngày ngày phải chuyên cần dụng công mới có thể đạt đến trạng thái chín muồi. Trong khi đó thiên Phật Giáo theo lối Zen thường bị mất đi những lời dạy đó mà trái lại thay vào bằng những lời nói nhanh như chớp, những trò hề xảo trá mà người Hoa gọi là "Thiền Miệng," nghĩa là người mới tu được chút đỉnh, hoặc chẳng có gì hết mà đã khoe bày những chuyện vô căn cứ, những sự dụng công ngớ ngẩn để chứng tỏ là ta đã giác ngộ.

Ngày 7 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Lễ lạy đến vùng Westport, một tỉnh nhỏ ẩn mình dưới ghềnh dốc đá, nằm nghiêng thoải thoải xuống bờ biển. Có cặp vợ chồng trẻ là Gary và Zida Bachelor mời chúng tôi về nhà. Một lần nữa được cứu nạn, vì khi vừa đến nhà thì cơn bão lớn hung hãn từ phía tây thổi ập vào. Cơn mưa giông gió này đập âm âm vào vách nhà cả đêm. Anh Gary cho chúng tôi xem giải trí những tấm phim hình của anh trong chuyến du lịch ở Do Thái vừa qua. Sau đó anh cao hứng hát lên những bài dân ca, lại vừa đệm thêm tiếng nhạc đàn guitar. Trong khi đó chị Zida đang bận rộn chăm sóc đứa con mới sanh và pha sữa

chocolate nóng cho chúng tôi. Chị lại còn vá đắp thêm miếng vải vàng tươi vào chỗ đầu gối quần tôi. Tôi cảm thấy như mình đã từng quen biết họ từ bao đời rồi.

Đến khoảng 11 giờ đêm, chúng tôi rút lui ra phía trước hàng ba kín đáo để nghỉ ngơi. Tôi ngủ ngòì trên chiếc ghé dài cũ, sư Hằng Do dựa lưng ở một góc cho qua đêm. Pháp ngủ ngòì rất thông dụng đối với hầu hết những vị tu hành ở Kim Sơn, ngủ như vậy là để không bị ngủ quá mê, ví như đang tọa thiền cả đêm vậy. Người thực sự theo pháp ngủ ngòì thì suốt đêm sẽ ngủ trong tư thế kiết già, lưng không cần dựa vào đâu cả. Họ nguyện không bao giờ để "xương sườn chạm chiếu." Còn tôi thì chắc lâu lắm mới làm được như vậy.

Ngủ được khoảng hai tiếng, tôi giật mình thức giấc với cảm giác như không có thân xác gì cả. Tâm trạng này thật khó mà diễn tả. Mờ mắt như thường lệ, nhưng lần này ngòì đó mà tâm tư không phân biệt, không sanh loạn tưởng. Tôi đã tỉnh giấc, nhưng tưởng chừng như không nhận ra cái lớp bao phủ hàng ngày mà tôi đã nhiều năm tốn công dung dưỡng. Tôi như bước ra khỏi cái thế giới hạn cuộc của trí phán đoán để đến một thế giới khác. Lần đầu tiên tôi ý thức được tất cả sự vật quanh mình như an trụ trong cảnh giới thanh tịnh. Thân tôi ngòì đó như một cây tươi đang hít thở và sanh trưởng. Thật là tuyệt diệu vượt ngoài cả sức tưởng tượng. Tâm phân biệt chưa bắt đầu tính toán, sắp xếp, tổ chức, chỉnh đốn, hay phân chia gì cả vì tôi quên hẳn gấn "nó" vào trí óc. Tuy nhiên tình trạng này kéo dài không được bao lâu, tôi bắt đầu kinh ngạc, thắc mắc không biết việc gì đang xảy ra. Với vọng tưởng đó, tâm tư tôi bắt đầu hoạt động và trở lại với cái tôi phàm phu bình thường.

Ngày 8 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cụ viết:

Hôm nay tiến bước chỉ được ít thôi. Mấy anh Quả Pháp Olson, Quả Quy Nicholson và Quả Hồi Weber lái xe từ Kim Sơn đến với cơm trưa thật thịnh soạn cho chúng tôi. Chiều tối thì anh Quả Pháp và anh Quả Quy ra về, còn anh Quả Hồi ở lại muốn nếm thử đôi chút mùi lễ lạ. Khi màn đêm buông xuống, chúng tôi căng lều trong một cái chuồng cũ lung lay giữa vùng Westport. Chỗ này rờn rợn làm sao, vì tất cả ba chúng tôi đều có những giấc mơ rất kịch liệt. Thầy Hằng Do mơ thấy mình đang làm lao công ở một nhà thương lớn và thấy Sư Phụ hiện nhiều hóa thân, đang chăm sóc những người trên giường bệnh. Quả Hồi ngủ ở góc chuồng tối thui, cũng mơ thấy Sư Phụ.

Còn tôi lúc đầu trong tư thế ngủ ngồi rất đàng hoàng, nhưng chỉ sau vài giờ là nằm dài thẳng lưng (chắc tại ăn nhiều phó-mát 'cheese' quá). Khoảng 2 giờ sáng, tôi giật mình thức giấc, thấy ánh trăng rọi sáng xuyên qua những kẽ hở từ mấy miếng ván bị sút mất. Thật tình tôi không phải đang chiêm bao, nhưng lại cảm thấy hình như có một sức nặng khoảng hai trăm cân (gần 100 kí lô) đang đè lên cả mình mấy tay chân. Tuy chẳng thấy hình tướng vật gì, nhưng trước kia tôi có nghe qua những câu chuyện xảy ra tương tự. Trường hợp này gọi là ma Kumpana (Curu-bàn-trà), nhiều lúc chúng có những hình dạng như những trái bí to lớn, cũng có khi chúng tàng hình không thấy được. Lúc đọc những chuyện này, tôi thật không tin là có mấy loại ma như vậy. Nhưng bây giờ thì chẳng còn thắc mắc chi về chuyện đó nữa mà chỉ biết kinh hãi thôi. Năm năm qua tôi được học nhiều loại thần chú cùng nhiều pháp thuật để làm mê mẩn chinh phục hay chống cự lại bọn quỷ ma, nhưng bây giờ thì quên ráo trôi, chỉ biết có một chữ: "Cứ ứ ứ u u u...!" Tôi vận dụng hết sức mình để hét lên. "Cứ ứ ứ u u u...!"

Tiếng kêu la như trùm khắp cái chuồng và vang xuống tận những con đường đầy sương mù vùng Westpost. Tôi sợ hãi nằm ngay chừ cũng khoảng năm phút. Thầy Hằng Do và Quả Hồi đang chìm đắm an toàn trong túi ngủ (sleeping bag) của họ. Còn tôi một mình nằm bất động. Cuối cùng con ma bỏ đi. Mấy tiếng sau tôi lại mơ thấy bà nội tôi, tức bà Testu (đã qua đời), đang cùng Sư Phụ đi ung dung trên không trung.

Chúng tôi thức dậy sớm và bắt đầu lạy về hướng bắc, dọc theo những dốc đá đầy sương mù.

Ngày 9 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cụ viết:

Sáng nay cũng như lệ thường, chúng tôi gọi điện thoại về chùa để báo cáo tình hình. Tôi thuật lại chuyện bị ma đè.

Sư Phụ liền bảo: "Mấy ngày trước nếu người không la cà gần gũi mấy người đàn bà đó thì đâu đến nỗi bị gặp ma."

Vừa nghe xong tôi thiếu điều muốn buông rớt cái điện thoại. Rồi ý thức liền chạy ngược về cái hôm 6 tây, lúc chúng tôi đi tham quan quanh cảnh trại. Tôi nhớ có ba cô thiếu nữ rất quyến rũ đã hướng dẫn chúng tôi đi dạo quanh vùng. Họ nói chuyện với chúng tôi rất lâu và còn cho rau để nấu canh nữa. Ai mà nói cho Sư Phụ biết việc này chớ? Chúng tôi không hề hờ môi với một ai về chuyện này mà!

Sư Phụ bảo đó chính là ma Cưu-bàn-trà, loại này rất thích ngồi trên mình người. Sư Phụ còn cảnh cáo chúng tôi phải cẩn thận hơn khi tiếp xúc với mấy cô trẻ tuổi. Ngài còn bảo là chúng tôi lẽ lạy quá nhanh, vì nếu lẽ chậm rãi thì sẽ có định lực hơn. Ngài cho chúng tôi một sự quán tưởng trong khi lẽ lạy, là suy tưởng đến thế giới sẽ càng bình an hơn khi chúng tôi càng tiến tới. Ngài nói thêm rằng, nếu chúng tôi thực sự thành tâm thì sẽ có chư Phật và chư Bồ Tát gia hộ.

Đi qua được năm dặm đường về hướng bắc vùng Westport, chúng tôi tìm gặp một căn chòi có mái nhà đã gần như đổ sụp. Ngài mai chúng tôi sẽ rời bờ biển để tiến vào nội địa.

Ngài 10 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Sáng nay hàn thử biểu (thermometer) gắn trên xe kéo chỉ 28 độ F (- 2.2 độ C). Lòng phấn khởi! Chúng tôi lạy dọc theo Xa Lộ Một, hẹp cong queo về hướng tây, dẫn lên dãy đồi ở ven biển, rồi chạy xuống ngang qua rãnh núi để tới thành phố Rockport, phong cảnh chung quanh toàn là những ngọn đồi cây lá xanh um. Tìm được chỗ nghỉ ngơi ở trong một tòa nhà tường xi măng, chỗ này trước đây vốn là trường học của tỉnh.

Hôm nay đang lúc lẽ lạy, những lời quán tưởng trong Đại Bi Sám cứ chạy quanh trong tâm tôi:

Năng lẽ sở lẽ tánh không tịch.

Cảm ứng đạo giao nan tư nghĩ.

Ngã thử đạo tràng như đế châu.

Nhất thiết Như Lai hiển hiện trung.

Song cũng có thể bày tỏ theo phương diện khác là: Người đang lẽ và chư Phật thọ lẽ cùng như nhau trong trạng thái đồng nhất không sai biệt. Chư Phật (hay Thực Thể, Niết Bàn, Chân Như, Giác Ngộ, hoặc bất cứ danh hiệu nào mà ta muốn dùng) hiện đang ngay trước mặt ta. Nếu thực lòng tập trung vào lẽ lạy và ý chí vững vàng để tri chú, tất Phật nơi nơi đều hiển hiện. Thông thường có câu: "Phật tức tâm, tâm tức Phật," nhưng nếu người có những vọng tưởng phóng túng hay lo lắng thì không Phật nào ứng hiện cả.

Cũng như câu: "Sự cúng dường cao quý nhất, tốt đẹp nhất, chính là giữ gìn tâm an tịnh, không vướng mắc."

Ngày 11 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Chúng tôi hiện đang trên Xa Lộ Một, dẫn vào nội địa, có những xe hàng chất đầy gỗ ào ạt qua lại càng nhiều hơn. Lều được dựng trên đoạn đường đang khai khẩn, cách thành phố Leggett khoảng mười dặm, với độ cao có lẽ là một hay hai ngàn bộ (feet). Luông gió miền rừng núi thật oai dũng, thom ngát ngọt ngào làm sao! Bầu trời hầu như trắng xóa đầy những vì sao. Ở đây hình như khác hẳn vùng biển cả, hương vị cũng khác xa. Những tiếng sóng biển đập dồn vỗ vào bờ, giờ thay vào là những tiếng gió, tiếng cây lá xào xạc vi vu. Đức Không Tử đã diễn tả với cảm tác rất đặc sắc:

Nhân giả lạc sơn. Trí giả lạc thủy.

Trí giả động. Nhân giả tĩnh.

Trí giả lạc. Nhân giả thọ.

Nghĩa là:

Người nhân (ái) vui cảnh núi. Người trí vui với nước.

Người trí động. Người nhân tịnh.

Người trí vui. Người nhân trường thọ..

Trí và Nhân (ái) là hai trong các phẩm cách vẹn toàn của đức Phật. Những tác động của Ngài đều là phản ảnh của trí huệ, hoan hỷ và khéo léo trong việc cứu độ chúng sanh. Đức hạnh Ngài biểu hiện sự bất động hiện hữu như một quả núi đồ sộ.

"Thấy Tánh Thành Phật" là sự tượng trưng thứ hai của thiên. Tánh ý chỉ cái trí tuệ sẵn có, đang tiềm ẩn im lìm trong tất cả chúng sanh, tức gọi là Phật tánh. Phật theo tiếng Phạn có nghĩa là "Bậc giác ngộ." Những ai thấy được Phật tánh tức người đó đã giác ngộ. Tuy nhiên, nói thì dễ, còn thực hành mới là khó, bởi Phật tánh đã bị chôn vùi, che lấp qua nhiều lớp từ vô thủy kiếp, khiến tánh thanh tịnh vốn trong sáng nay bị mờ tối đi. Dụng công tu hành không những là để dừng bớt những lớp che lấp, mà nó còn giúp khai mở,

khoan đục mạnh mẽ xuyên thủng những màn lớp tối tăm, hầu phơi bày nguồn trí tuệ.

Vì tham, sân, si, mạn và nghi, chất chồng từ vô lượng kiếp qua, nên chúng lưu lại những cặn cẩu mà chúng ta phải gạn lọc loại trừ. Tu đạo là tiến trình để giải quyết vấn đề này. Nhất thiết không phải là Thầy tu mới làm được, cũng không đòi hỏi về tuổi tác, nam, nữ, màu da chủng tộc, vì Phật tánh đâu có những sai biệt này. Có đòi hỏi chẳng chỉ là tấm lòng thành, thanh tịnh với ý nguyện cầu chấm dứt sanh tử và cứu giúp chúng sanh. Dù bất cứ ai, một khi nỗ lực tu hành thành công là thấy tánh, là thành Phật.

Ngày 12 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi hiện đang ở bìa rừng, cách năm dặm vùng Legget, nơi đường lộ dọc ven biển cắt chéo nhau và chấm dứt tại quốc lộ US 101. Quả Hồi vẫn còn ở lại cùng chúng tôi lễ bái. Tối qua anh ta chọn được một địa điểm thật tuyệt. Nền đất như được quét sạch sẽ, chung quanh toàn là cây lá. Nhưng nơi này cũng đã để lại một kỷ niệm vui vui. Nhân là đêm đó sau khi dựng lên hai chiếc lều, chúng tôi cùng ngồi thiền, rồi pha nước chocolate nóng. Bỗng nhiên cơn mưa bão khủng khiếp nhất trong năm ào ào ập đến. Chúng tôi hối hả mau chui lẹ vào lều và kéo chặt cửa lại. Trận mưa xả xuống như súng máy ria đạn. Chẳng bao lâu, mọi chỗ trong lều đều bị nước thấm rỉ vào, giống như đang bập bênh lạc loài trôi trên biển trong cơn bão táp. Chúng tôi ngồi cả đêm để tát nước ra ngoài. Mãi đến lúc mặt trời gần hé dạn và mưa cũng bớt đi phần nào, tôi liền lĩnh bước ra khỏi lều để quan sát tình hình. Trời ơi! Chúng tôi dựng lều để ngủ ngay trong lòng cơn rạch. Lúc này mực nước đã dâng lên khoảng sáu tấc. Chúng tôi lẹ làng lo thu dọn đồ đạc bị ngấm ướt, rồi đi thẳng xuống phố tìm tiệm giặt để sấy khô. Qua trận này đã cho chúng tôi bài học là từ đây Quả Hồi sẽ không bao giờ được phép tìm chọn địa điểm để cắm lều nữa.

Ngày 13 Tháng 12 năm 1973. Hằng Do viết:

Vì trận bão dữ dội vẫn tiếp tục nên chúng tôi nghỉ lạy một ngày ở vùng Leggett. Quận này vẫn được tồn tại vì là nơi giao điểm giữa xa lộ Một và tuyến đường US 101. Chúng tôi được một ngày để sửa chữa đồ đạc và hành thiền.

"Giáo Thọ Biệt Truyền" là điểm thứ ba của thiền môn. Tức là sự chứng nhận truyền tâm ấn của các Tổ từ xưa đến nay. Ngôn ngữ không thể diễn tả hết

bản chất thâm sâu của diệu pháp - là thể hiện cảnh giới hiện hữu của đức Phật - nên phải dùng pháp tâm truyền tâm. Việc này cũng giống như làn sóng của máy radio truyền đi, người nghe chỉ bắt nhận được nếu cẩn thận rà đúng tần số của nó. Cũng đồng giống như nếu một người tinh tấn tu đạo và hành trì giới đức, thì người đó tự nhiên sẽ vặn đúng đài và có khả năng tiếp nhận sự ân truyền từ vị thánh giác ngộ.

"Bất Lập Văn Tự." Chân tâm mà đức Phật diễn tả trong kinh Lăng Nghiêm qua ví dụ một người, muốn chỉ cho bạn thấy được mặt trăng tròn đầy, bèn dùng ngón tay mình để chỉ mặt trăng. Nhưng người bạn hiểu lầm, cứ tưởng ngón tay là vật để chú ý nhìn. Như vậy là ông bạn này đã hai lần bị lầm lẫn: đã không thấy được mặt trăng thật nên không hiểu được cái dụng của ngón tay. Ngón tay chỉ hướng, không phải là mặt trăng, cũng như ngôn ngữ, văn từ dùng để diễn tả hay biểu hiện cái tánh giác sẵn có của chúng ta, chớ tự nó không phải là sự giác ngộ. Cho nên ta phải cẩn thận, không nên dựa chấp vào ngôn từ là tốt đúng là chân thật, rồi cho đó là sự siêu việt căn bản của Phật tánh thanh tịnh. Vậy Bất lập Văn Tự là quan điểm thứ tư trong tông thiên.

Mưa ngừng bão tạnh. Chúng tôi dựng lều ở ngọn đồi, phía trên con lộ đang được khai khẩn, dưới ánh sáng trăng tròn tỏa chiếu. Hy vọng rằng tất cả chúng ta sẽ thấy được mặt trăng thật, và đừng lầm lẫn xem ngón tay chỉ hướng là nguồn ánh sáng của mình.

Khó tin quá vì chúng tôi đã đi qua hơn 225 dặm đường rồi.

Ngày 14 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Xe cộ qua lại thật tấp nập trên xa lộ 101! Chúng tôi tạm nghỉ chân dưới một tàng cây bên vệ đường. Những chiếc xe nhà, xe vận tải chạy vùn vụt lướt qua, với những bánh xe quay tròn trên mặt lộ đen bóng khiến nước dưới đường bắn văng tung tóe. Nước quén thành bùn chèm nhẹp trải trên mặt đường cho chúng tôi lầy lội.

Bùn nhắc tôi nhớ lại bài học đầu tiên được học về tánh tham, cũng liên quan đến sân và si. Lần đầu tiên xa nhà đi cắm trại hè ở Maine lúc tôi khoảng chín tuổi. Một hôm tôi thấy có đám con trai đang tụ tập phía trước trại, bọn chúng đang cười nói la lối, chỉ trở vào cái hầm ở phía dưới tòa nhà. Vì lòng hiếu kỳ không biết đang có chuyện gì, nên tôi mon men tới gần xem thử. Một đứa có hàm răng to tướng nói: "Có đồng 25 xu ở dưới đó! Thấy nó nằm ngay chỗ

đó không?" Thời bấy giờ, 25 xu có thể mua được năm cây kẹo to mà anh bán kẹo thường đến sau mỗi buổi cơm trưa. "Ừa thấy!" Tôi đáp láo.

Lòng tham trời dậy, không cần đợi ai xúi giục, tôi tự động bò xuống dưới hầm để lượm tiền. Nghe tiếng bọn chúng cười âm lên khi tôi chậm chậm bò vào bóng tối, và mò mẫm đến chỗ mà tôi nghĩ là tiền đang ở đó. Tôi làm ngơ bỏ mặc những tiếng cười khúc khích, vì chỉ biết có kẹo đang ở trước mắt thôi. Bỗng nhiên bị trọc tay, rồi ùm! Tôi té úp mặt xuống bùn. Thì ra chỗ này vốn được mấy nhánh cây thông phủ che lên. Khi nghe tiếng chúng phát cười âm lên, tôi mới vỡ lẽ là mình bị gạt. Bò ra khỏi hầm, tôi trơ trẽn đưa mặt ra cho chúng tha hồ cười đùa chế nhạo, nhảy múa, chỉ trích, reo hò. Mình mảy từ đầu tới chân toàn là bùn sinh. Tôi bắt đầu quờ quạng quơ tay, quơ chân khi chúng xúm lại gần. Thấy vậy, chúng nó càng thêm khoái chí. Cuối cùng tôi ngồi bệt xuống đất, rồi òa khóc tức tưởi.

Đó là bài học đầu tiên về Tham, Sân, Si mà tôi sẽ không bao giờ quên!

"Ê Do!" tiếng Thầy Hằng Cự réo gọi kéo tôi về thực tại. "Sao đệ không đi trước tìm xem có chỗ nào khô ráo để bỏ neo không?"

Ngày 15 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Đoạn đường xa lộ này được khoét vạch từ cái rãnh sâu của vách đá thẳng đứng, là chỗ bắt nguồn của con sông Lươn (Eel River) qua nhiều thế kỷ. Nó chạy ngoằn ngoèo xuyên qua vùng đất trải dài với hàng trăm cây hồng mộc (redwood), và vì hình dạng giống như con lươn, nên được đặt tên là sông Lươn vậy. Mặt đường vừa hẹp lại vừa cong queo, thêm xe cộ qua lại nhiều hơn so với Xa Lộ Một.

Hồi, nghĩa là "trở về," hôm qua đã trở về San Francisco. Tôi và Thầy Hằng Do lại gọi điện về chùa báo cáo tiến trình. Lần này Sư Phụ khuyên chúng tôi chớ thức khuya phí sức bàn cãi vòng vo với những người mời về nhà. Ngài còn dạy thêm rằng, nếu chúng tôi thành tâm lễ bái thì sẽ không có mưa nào đổ trút xuống đâu. Đó là những lời mà chúng tôi bây giờ cần phải nên suy ngẫm.

Hôm nay chúng tôi lạy được năm dậm, hiện dựng lều trên khoảng đất trống phía bên đường. Gần bên có con suối chảy róc rách, và một đống gỗ bách hương chẻ sẵn của vị hảo tâm nào đó đã bỏ lại đây. Thầy Hằng Do đang ngồi thiền trong lều. Mặt trời dần dần khuất bóng, tôi mặt vội chiếc áo ấm và

ngồi trong tư thế kiết già cạnh đống lửa trại. Trong lúc này, nếu tôi, như hầu hết những người Mỹ sau một ngày dài làm việc, có thể đang ngồi bên mâm cơm chiều thịnh soạn. Có lẽ sau đó tôi sẽ lo cho các con đi ngủ, rồi tự mình ngồi nhâm nhi giải trí với mấy lon bia (beer) trước màn ảnh truyền hình cho tới giờ lên giường ngủ. Rồi sau một đêm dài ngủ nghỉ, tôi sẽ thức dậy để bắt đầu làm lại tất cả, y hệt như ngày hôm qua. Nhưng không đâu! Vì tôi hiện đang ngồi trên triền đồi của khu rừng xa lạ. Phía dưới đồi vang lên tiếng nước chảy ì ầm từ hố rãnh. Và phía bên trên ánh trăng mùa đông lơ mờ rọi chiếu xuống trần gian đang mê ngủ. Giờ đây ngọn lửa trại đã lụn tàn, chỉ còn sót lại mấy cục than hồng, nhưng tôi cảm thấy sức nóng từ dưới chân chạy lan dần lên xương sống. Bao tử đang trống rỗng, nhưng tôi không thấy đói, chỉ cảm thấy ngọn gió đêm nhẹ phớt qua đôi gò má phùng đỏ của tôi.

Ngày 16 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Khi đi ngang nhà hàng Hoffman, chúng tôi được ông bà Hoffman tặng nước trà nóng và một khúc phô-mai (cheese). Trời lại đổ mưa. Tuy sáng nay nhiệt độ xuống tới 20 độ F (tức trừ 6.6 độ C), nhưng thân thể chúng tôi cũng đã quen với thời tiết này rồi. Con đường có vẻ khác hẳn với xa lộ Một, tuyến trình dọc theo bờ biển. Xa lộ Một thì hầu hết là đường hai chiều, chạy uốn cong theo vách núi, xuyên qua mấy con sông. Đồng thời nó lại là đường lộ chánh của hàng trăm quận nhỏ, nhưng lại thường có vấn đề nước bị ứ đọng và sinh lầy. Đặc biệt là vào mùa đông, xe cộ qua lại cũng ít thôi. Trong khi quốc lộ US 101, mới đúng là đại lộ, vì mặt đường rộng rãi hơn và có rất nhiều xe cộ. Nó lại là đường giao thông chánh giữa các tiểu bang California, Oregon và Washington. Vô số các loại xe như xe hàng chở gỗ, xe vận tải, xe buýt, xe cắm trại và xe chở hành khách. Đoạn đường này mang tên Xa Lộ Hồng Mộc (RedWood Highway), vì nó chạy dọc theo hàng bao nhiêu mẫu đất với chỉ toàn độc nhất loại cây hồng mộc to lớn phi thường. Lại có tấm bảng lớn đăng quảng cáo những chỗ nghỉ ngơi tiện nghi, các nơi giải trí với nhiều sự thu hút du khách đến xem cây, như bạn có thể lái xe xuyên qua một thân cây và có một căn nhà cất lên chỉ toàn bằng gỗ hồng mộc.

Tôi chợt nhớ đến bài thơ của vị Thiên sư Trung Hoa, cách nay đã mấy trăm năm về trước:

Nhập thâm sơn, trú lan nhã

Sâm ngâm ư thúy trường trùng hạ

Ưu du tĩnh tọa đã tăng gia

Quých tịch an cư thực tiêu sai

Nghĩa là:

Vào rừng sâu, ở lan nhã

Núi dựng từng già ôm bóng cả

Thong dong ngồi tịnh mái chùa tranh

Cảnh lặng lòng yên thanh thoát lạ.

(Trúc Thiên dịch)

A-Lan-Nhã là nơi an tịnh của những vị tu hành. Một mình trong rừng núi thâm sâu, rời xa trần tục. Đây không có ý nói về thân xác, mà có thể hiểu là biểu hiện về cảnh giới tâm linh. Sau khi đạt đạo, vị sư này sẽ an trụ một nơi tịch tĩnh, lặng yên như chính tâm Sư. Một mực không hề rung động bởi những thăng trầm của vận mạng: Vì Sư đã hoàn toàn tự chủ được vấn đề sanh tử của mình.

Chúng tôi chậm chậm đi dọc theo bờ sông với dòng nước đang chảy xiết. Cách diễn tả về cảnh giới tâm linh của vị Sư giác ngộ đã cho tôi một sự sáng tỏ mới mẻ hơn.

Sau một ngày ướt át, chúng tôi cắm trại ở Smith Redwood Grove. Có bảng cắm không cho cắm trại, nhưng ở đây chẳng có ai đến đuổi xô chúng tôi đâu! Âm ướt quá thật khó mà nhóm lửa được.

Ngày 17 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Bão tố vẫn tiếp tục cơn thịnh nộ, và mực nước dưới sông Eel từ từ dâng cao. Nếu thời tiết cứ theo đà này mà không chịu ngừng thì thế nào cũng có chuyện lớn. Chúng tôi đang trên đoạn đường nguy hiểm nhất trong chuyến du hành. Đường lộ như thâu hẹp lại hơn bao giờ hết, vì nó bị những cây Redwood to lớn dềnh dàng chòm hẳn ra lề đường. Sợ bị đụng nên Thầy Hằng Do nhiều lần phải lôi chiếc xe kéo tránh né những chiếc xe vận tải

chạy ào ạt ngang qua. Những khi đương đầu với khó khăn, tôi thường nghĩ đến mấy câu thơ mà Sư Phụ thỉnh thoảng ngâm nga:

Tánh định ma phục triều triều lạc

Vọng niệm bất khởi xứ xứ an.(Bất vọng tâm không xứ xứ an)

Nghĩa là:

Tánh định, ma thua, thời thời vui,

Vọng niệm không khởi chôn chôn an.(Chẳng vọng, tâm không chôn chôn an)

Tánh định: nghĩa là định lực, có khả năng giữ vững tập trung, hiểu biết và tỉnh thức trong mọi hoàn cảnh. Nó có thể phát triển đến mức vô hạn. Định không có nghĩa là cố định ở một sự vật riêng biệt nào, mà là tâm ở cảnh giới tập trung thật mạnh mẽ. Nó sẽ Tùy duyên bất biến, nghĩa là tùy hoàn cảnh, nhưng vẫn giữ nguyên căn tánh không hề thay đổi.

Như bọn ma quỷ, chúng có thể là nội ma hoặc là ngoại ma, và ai cũng có thể thành ma quỷ. Bọn này có thể biến hóa trăm phương ngàn cách để thử thách người tu đạo, vì chúng vốn không ưa nhìn thấy kẻ tu hành. Ngay cả đến bạn thân cũng có thể là bọn ma vương. Thế giới ngày nay có rất nhiều loại ma quái giả danh thầy tu. Có một số còn có vẻ tạm tạm, nhưng có số khác thật là điên đảo vô cùng. Họ trở tài khéo léo để xoay chuyển lệch lạc giáo lý nhà Phật, nhằm che dấu những lý lẽ tà kiến với những phương pháp tu tập sai trái của họ. Mặc dầu ngay chính họ còn mù mờ về giáo lý căn bản của nghiệp lực, vậy mà cũng vẫn bày vẽ hướng dẫn những kẻ tín đồ đọa lạc xuống đường của nạ quỷ, súc sanh và địa ngục.

Bất vọng: Hiện nay ở Phương Tây có rất nhiều phương pháp chỉ dạy tu thiền, nhằm giúp mọi người sống thoải mái, đồng thời bắt kịp lối sinh hoạt ở đời, nhưng lại không hướng dẫn gì về sự giải thoát cứu cánh cả. Thật ra mục đích tối hậu của tu thiền là phải chấm dứt sanh tử luân hồi, dẹp bỏ những dòng vọng tưởng và các vướng mắc của tình ái.

Tâm không: Khi nào tâm không còn phiền não, chấp trước, vọng loạn, cùng những tri kiến ích kỷ, thì người đó mới có thể thật sự nói là tâm không. Chữ "Không" được dùng trong Phật giáo là từ tiếng Phạn "Shunyata." Nó không

có nghĩa là trống rỗng như cái lon không, mà có nghĩa là tâm không bị ràng buộc hay bị giới hạn, nó hoàn toàn không bị chướng ngại. Lúc bấy giờ tâm thực thể sẽ hiển hiện. Cho nên khi vọng niệm chẳng khởi và tâm không thì chỗ nào cũng an lành.

Tôi đến, chúng tôi tìm được căn chòi nằm bên mé sông về hướng bắc vùng Piercy. Lửa trại được nhúm lên để hong khô đồ đạc và pha một ít sữa nóng. Giờ đây chúng tôi ngồi yên, lắng nghe âm vang phần nộ của cơn mưa tầm tã.

Ngày 18 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Nhiệt độ mấy lúc sau này thường là 20 độ F (trừ 6.6 độ C), nhưng khi gió thổi mang theo hơi lạnh lại càng buốt giá hơn.

Hành giả trong thời gian dụng công tọa thiền, có thể cảm nhận sự tỏa nhiệt ở đan điền, phía dưới bụng, từ từ dần truyền đi khắp tứ chi. Đây có thể gọi là "Hỏa Tam Muội." Nhiều năm trước, Sư Phụ chúng tôi phát triển công năng về thiền định nên từng kinh nghiệm được Lửa Tam Muội này. Ngài có thể đi chân không trên lớp tuyết dày vùng Đông Bắc (Manchuria), và có lần Ngài ngồi xe ngựa chạy hàng mấy giờ vào mùa đông lạnh rét dưới 0 độ mà chỉ mặc ba lớp áo mỏng manh. Lần nọ, có vị Sư trẻ khi thấy Ngài đi chân trần trên tuyết, nên cũng muốn thử, nhưng kết quả là bị bệnh sáu tháng trời không đi đứng được.

Trung Hoa thời xưa, có vị Đạo sĩ đến thăm bạn tên là Lưu Trường Xuân. Khi được mời dùng trà, ông liền nói:

"Trà! Sao mà sang quá vậy! Tôi ở trên núi, nhiều lúc ngay cả nước còn không đủ uống nữa đó!"

Vị chủ nhà họ Lưu nghe vậy bèn lấy một nồi nước lạnh để trên bụng mình và làm cho nước sôi lên. Ông khách thấy vậy thất kinh, vô cùng xấu hổ khi nghĩ lại, thấy mình hãy còn thua kém, tu hành chẳng ra chi. Rồi từ đó quyết tâm nỗ lực tiên tu, không còn dám khinh thường mỉa mai kẻ khác.

Phải nói rằng người tu đạo không phải với mục đích là để khai triển Hỏa Tam Muội, hay muốn có được bất cứ sự diệu dụng gì. Song nếu trong lúc dụng công, năng lực tự phát thì ta chỉ nên dùng chúng vào những việc lợi ích cho cả mình và người khác. Nếu không như vậy, chỉ dụng tâm tu hành cốt để được thần thông thì cũng như nhận làm nhánh ngọn là gốc rễ.

Mai này chúng tôi sẽ qua ranh giới quận Mendocino Humboldt.

Ngày 19 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Mưa bão vẫn kéo dài. Lại một lần nữa chúng tôi như đang lặn hụp theo xuống đáy biển. Những lúc như vậy, không cần dùng lời lẽ gì để diễn tả, tốt hơn là cứ chấp nhận tất cả những quang cảnh oai nghiêm tuyệt vời của chúng thôi.

Khi còn ở Tiềm Thủy Đỉnh "Khối Đá," hạm đội số 5 của chúng tôi có câu châm ngôn: "Khám phá, Tấn công, Phá hủy." Những từ ngữ này có thể đem áp dụng để tự tu thì rất hay. Trong đó cuộc chiến nội tâm xem như không bao giờ chấm dứt được, vì chúng ta phải lo hàng phục mọi kẻ thù. Nếu nói về sự chiến thắng cá nhân thì không có gì là quá đáng. Như trong Phật giáo, chữ "Thắng" thường được dùng đi dùng lại hàng ngàn lần. Nó có nghĩa là sự chiến thắng cao quý bậc nhất. Trong việc truy tầm và phát triển tánh giác, chúng ta phải thật thận trọng mới có thể khám phá, tấn công và phá hủy được những hạt giống ác nghiệp, đồng thời chặn đứng những dòng loạn tưởng. Chúng ta cần phải đánh bại những xu hướng vương mắc ngoại cảnh. Xem như lúc nào cũng tự chủ được tâm mình, để bất kỳ chuyện lớn nhỏ gì cũng chẳng khiến ta động lòng. Đồng thời ta cũng có thể thấy biết tất cả, nhưng tâm không chấp mắc, bác bỏ, tính toán, phân loại, lý luận, hay xúc cảm. Trong những hoàn cảnh như vậy mà thật giữ được thanh tịnh không ô nhiễm và không bị che mờ bởi những thành kiến sai quấy của mình, thì cuộc đời sẽ trở lại tuyệt vời màu nhiệm biết bao.

Buổi sáng khi chúng tôi đi ngang qua quán cà phê gần trạm xe hàng, chợt nghe hai chú tài xế đang chuyện trò:

"Ừa phải đó! Ken, nó đang cầu nguyện cho xe hàng cán lên nó cho rồi! Ha, ha, ha!"

Dưới cơn mưa như trút, chúng tôi dùng cơm trưa ở khu cắm trại bên đường. Có mấy anh chạy xe mô tô ngang qua nhìn, tưởng chúng tôi là một lũ khùng. Tuy cả ngày khốn đốn lầy lội trong mưa, và bị những xe chở gỗ khổng lồ theo bên gót, cuối cùng, chúng tôi cũng cắm trại được ở Richardson Grove Camp Ground.

Ngày 20 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chỉ còn 5 dặm nữa là tới vùng Garberville. Bây giờ muốn tránh cũng không được, vì không có tuyến đường nào khác hơn nên chúng tôi phải tiến ra đại lộ. Thế là cứ ngay trên đại lộ (freeway) mà lẽ lạy. Mấy ông cảnh sát công lộ chắc cũng thông cảm, nên chẳng thấy đến hỏi han gì hết. Thật không ngờ, đại lộ quả là chỗ lẽ lạy an toàn nhất so với những lộ trình đã qua, vì lẽ đường ở đây rộng rãi hơn và lại cách xa xe cộ hơn.

Sáng nay có bà trên chiếc Lincoln lớn, chạy rà rà đến và ngừng lại bên tôi. Bà này thuộc kiểu người không thích bước ra khỏi xe mà chỉ muốn chạy tới chạy lui, đến khi giao thiệp làm ăn thì chỉ cần nhận nút cửa kính xe xuống rồi nói vọng ra. Đành chiều ý bà nên tôi ngưng lạy. Dưới mắt bà tôi như kẻ trở về từ cõi âm ty. Sau vài câu trao đổi xã giao, bà tặng tôi cuốn Thánh Kinh và hỏi:

"Lẽ lạy như vậy có dính líu gì đến thực tế hiện tại không?"

Tôi đáp: "Lẽ lạy chính là thực tế hiện tại đó!"

Rồi tôi giải thích về một trong những mục đích của lẽ lạy là sự quán tưởng thực tế như chính thực của nó. Tôi nghĩ bà này chắc thích nghe về những sinh hoạt thực tế trong đời sống hằng ngày hơn như: Bữa ăn sắp tới là từ đâu đến và ngủ nghỉ ở đâu? Nhưng ý tôi muốn nói về cái thực tế cứu cánh. Tại sao không nói về vấn đề này chứ?

Vóc dáng sang trọng của bà trông rất giống nữ tài tử Elizabeth Taylor, hình như bà cũng tin tưởng về sự ích lợi của linh hồn khi lưu tại cung thứ tám (Scorpio) của Hoàng Đạo. Tôi kể câu chuyện về máy truyền hình. Tất cả những hình ảnh tài tử và cảnh vật được chiếu lên trong máy là hiện tượng đến hay đi, cũng giống như những hình ảnh trong giấc mộng vậy. Nhưng màn ảnh Ti Vi, tự nó chính là thực thể, vẫn giữ y nguyên cái hoàn toàn bất động, mặc cho mỗi ngày, hàng ngàn hình ảnh thay phiên tới lui. Tâm con người cũng giống như vậy. Nếu chúng ta cứ bắt đầu theo những hình ảnh trong đó thì cũng chỉ là hết vở kịch này lại tiếp đến vở kịch khác, hết đời này tiếp nối đời sau và cứ thế tiếp tục không khi nào kết thúc. Nhưng nhờ tu hành chúng ta có thể trở về nhận diện nguồn gốc của thực thể, rồi từ đó vượt khỏi những hạn cuộc của thế gian, mặc dù ta vẫn hiện diện trong đó. Chúng ta sẽ liên kết được bốn đặc tính cao quý của Niết Bàn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là căn nhà thật sự của mình. Tâm ví như cái truyền hình có thể hàm

chứa thiên hình vạn tướng, nhưng gốc căn bản của nó vẫn là lặng yên bất động.

Bà cung kính chăm chú lắng nghe, đợi tôi dứt lời mới ra hiệu cho tài xế chạy đi.

Vợ chồng Quả Quý, Quả Chung Bạch, cùng con gái là Quả Phong từ San Francisco đến. Họ nấu món ăn Mễ Tây Cơ (Mexico) ngay bên lề đường cho chúng tôi dùng trưa. Buổi chiều, sau khi lạy được năm dậm, ông bà họ Bạch trở lại rước chúng tôi về căn nhà họ mới mượn được. Trước khi đi ngủ, chúng tôi có giảng một bài pháp ngắn cho họ nghe.

Ngày 21 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Sáng nay chúng tôi trở ra đường thật sớm. Buổi trưa ông bà Bạch lại đến, sau khi chuẩn bị cơm trưa cho chúng tôi, họ mới trở về San Francisco. Khi lạy đến vùng Garberville, nhiệt độ lại xuống đến 20 độ F (- 6.6 độ C).

Mấy hôm trước, khi gọi về thưa chuyện, Sư Phụ có bảo chúng tôi trở về tu viện để dự hai tuần lễ thiền thất mùa đông. Thật ra chúng tôi chỉ muốn tiếp tục chuyến báỉ hương, nhưng cũng khó mà chối từ lời kêu gọi đó. Thế nên chúng tôi phải đi xe buýt về, dự định rằng khi khóa thiền viên mãn sẽ trở lại Garberville tiếp tục. Hiếm lắm mới được đặc ân dự thiền thất và nhất là được vị Cao Tăng tài đức riêng biệt kêu mời. Đây cũng là dịp để tu bổ chiếc xe kéo và dụng cụ cắm trại. Đêm nay chúng tôi ngủ trong căn nhà hoang ngay giữa quận và mai này sẽ đón xe buýt về San Francisco. Khí trời mùa đông lạnh rét, càng làm chúng tôi nôn nả với chuyến trở về.

---o0o---

Chương II - Từ GARBERVILLE đến COOS BAY

Ngày 7 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hai tuần thiền đã viên mãn, chúng tôi lo khăn gói lên xe buýt, trở lại vùng Garberville.

Tu sĩ thời xưa ở Ấn Độ thường là đi khát thực. Họ có thể đi khắp mọi nơi, từ nơi này đến nơi khác, hành trang không gì ngoài hơn là một bình bát và con

dao cao. Để tỏ lòng kính ngưỡng, các Ngài thường tìm đến những thánh tích, chùa tháp để lễ bái và học hỏi giáo lý từ những vị Sư giới đức siêu phàm. Nhưng vào mùa mưa, đường xá lầy lội rất khó đi, lại là mùa của đám côn trùng sanh sản, nếu hành giả không để tâm chú ý thì không tránh khỏi đạp dẫm lên chúng nó. Do đó, đức Phật dạy người tu nên tụ họp an cư ở một nơi để cùng nhau học tập giáo lý và hành thiền. Thời gian trôi qua, dần dần những nơi hội tập đó đã trở thành tu viện, danh từ mà ngày nay chúng ta vẫn thường gọi. Theo truyền thống, những tu sĩ cùng hội lại trong một thời gian để gia công tu tập, căn bản là khóa tu thiền. Ngày nay, mỗi năm tại các tu viện cũng thường tổ chức những khóa thiền thất, với thời gian mỗi kỳ là bảy ngày hoặc lâu hơn. Khi khóa thiền bắt đầu, tất cả sinh hoạt thường nhật ở tu viện đều tạm ngừng cho đến khi thiền thất hoàn mãn. Trong thiền đường ở Trung Hoa, nếu thiền sinh lén mang theo dù chỉ một cuốn kinh và bị bắt gặp sẽ bị khiển trách nặng nề. Vì hành động đó, chúng tôi vị này đã không thật nghiêm mật tập trung vào việc tham thiền. Theo thời khóa mỗi ngày đều có Giảng Sư dạy phương pháp hành thiền. Đó là môi trường hoàn hảo cho những ai thật muốn phá tan bức màn vô minh.

Chúng tôi rất hoan hỷ khi tạm dừng chuyến du hành để tham dự khóa thiền thất vừa qua.

Ngày 8 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Tại Garberville: Năm mới lại đến cũng như chuyến du hành được bắt đầu trở lại mới mẻ. Sau hai tuần thiền và những bài pháp đã lưu lại niềm phấn khởi trong lòng chúng tôi. Trở lại ngoài này với cảm giác vô cùng phấn khởi, như được hội diện và gắn liền với nguồn thần lực oai hùng đang gia tăng. Chúng tôi chỉ là một phần của nó. Sự diệu dụng này đến từ vị Tôn sư, từ trong chúng ta và từ những người mình gặp. Hơn thế nữa, tôi bắt đầu biết ơn về những lời dạy thật hữu lý của Ân Sư:

"Con phải học cách để chuyển đổi thế gian, đừng để thế gian chuyển đổi con."

Nào ai biết được những gì thử thách gay go đang nằm chờ phía trước? Tôi cảm thấy sẵn sàng đối diện với chúng trong tinh thần bình đẳng và chùng mực .

Chẳng những tinh thần chúng tôi được hăng hái thêm lên mà cả dụng cụ hành trang cũng được tốt hơn. Buổi tối trước khi rời chùa, Quả Quy

Nicholson đã thức suốt đêm ở xưởng gỗ của anh tại Blue Peter Company, để tu bổ toàn bộ chiếc xe kéo cho chúng tôi. Anh dùng thép, hàn dính những vòng sắt vào mấy chỗ yếu cho chắc chắn. Mấy cây cắm bánh xe cũng được niền quấn chặt thêm, phòng khi queo gáp. Anh còn gắn thêm tay lái để dễ điều chỉnh nương theo chiều sức nặng của xe mà xoay trở.

Hiện đã đi được hơn 200 trăm dặm, còn 135 dặm, thẳng một lèo theo đường chim bay thì sẽ tới ranh giới vùng Oregon. Để tránh đại lộ (freeway), chúng tôi sẽ đi ngang qua đường Giant Avenue, chạy dài uốn quanh theo sông Eel về hướng đông.

Ngày 9 tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi qua khỏi vùng Garberville, khoảng 250 dặm về hướng bắc San Francisco, rồi trở ra con lộ cũ dẫn đến Redway. Một em khoảng mười tuổi vừa bước xuống xe trường (school bus), giương to đôi mắt hỏi:

"Như vậy là mấy ông đã làm như thế suốt mãi từ Garberville lận à?" (tức khoảng một dặm rưỡi).

Lúc xế chiều, có chiếc xe trường màu xanh của hội đoàn Môi Sinh Học vùng California, từ từ chạy tới và ngừng lại bên lề. Hai người đàn ông bước ra trong bộ đồ công nhân đã sờn cũ.

"Chào ông! Chúng tôi có nghe nói về chuyến hành trình của mấy ông, có thật là mấy ông đã đi tận từ vùng Los Angeles đến đây không?"

"Không phải, từ vùng San Francisco!"

Ông có mái tóc dài, đưa ra một tràng câu hỏi như: Mấy ông ăn ở đâu, ăn những gì và sẽ đi về đâu? Ông kia lớn tuổi hơn, có vẻ trầm tư, chững chạc hỏi: "Tại sao mấy ông làm như vậy?"

Tôi đáp: "Hành hương là lối sống của những người tu sĩ Phật giáo ở xứ khác và chúng tôi thực hành theo truyền thống đó, nhưng có phần tận thời thôi. Vì ở đây chưa có tu viện cho tu sĩ du phương, nên chúng tôi phải ở trong lều."

Ông lại tiếp: "Nhưng tôi thấy ông và người bạn lạy lên lạy xuống hi hục. Mấy ông phải hành hương theo cách như vậy sao?"

Tôi nói về điểm trọng yếu của động tác lễ lạy, cả hai về điệu bộ và lòng tôn kính đều là phương cách thuộc về thiền. Ông ấy chống cằm lắng nghe. Hình như vừa muốn lên giọng phản đối điều gì thì tài xế xe buýt nhấn kèn ra hiệu bảo họ lên xe. Trước khi xe chạy, họ còn chúc lời may mắn và hy vọng chúng tôi sẽ thành công.

Trời gần tối, tôi chuẩn bị dựng lều gần phía ngã tư đường cũ và đại lộ. Ngày mai chúng tôi chỉ lễ lạy một đoạn ngắn trên đại lộ và sau đó sẽ theo con đường Giants.

Ngày 10 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do Viết:

Sáng nay khi thức dậy, thấy hơi nước trong lều đóng đặc thành băng giồng như chúng tôi đang ở trong động nước đá màu xanh đậm. Sư huynh Hằng Cụ mang theo bao tay đi thẳng về hướng cũ để lạy. Còn tôi lo hạ lều và sắp đặt đồ đạc, đồng thời ráng ghi nhớ trong đầu là sẽ đem phơi lều vào buổi cơm trưa nếu có nắng. Mỗi ngày giữa khoảng thời gian dọn dẹp thu xếp và khi đi ra để bắt kịp Sư huynh, tôi đều trì chú Lăng Nghiêm. Thời gian mỗi lần trì chú chỉ khoảng mười lăm phút. Lúc đầu tôi thử vừa niệm chú vừa hạ lều, nhưng không được vì những dòng tư tưởng phân biệt về việc thu xếp đồ đạc v.v... cứ lảng vảng xen lẫn vào bài chú. Nhưng sáng nay, trong khi đi dọc theo xa lộ vắng, bài chú như tự động phát ra thật trôi chảy.

Pháp trì chú thuộc về Mật Tông của Phật giáo, là sự trì đọc những từ ngữ đã được tiếp truyền qua nhiều thế hệ từ những bậc cao tăng giới đức. Tác dụng của sự trì chú này ảnh hưởng theo mỗi trình độ khác nhau. Cũng giống như việc tham thiền, liên tục dụng công thì tâm được an định. Chuyên hành trì như vậy sẽ phát sanh một năng lực rõ ràng để tiếp liền với những công việc trần tục của đời sống hằng ngày trong lãnh vực tinh thần. Khi một người bắt đầu nhận ra được sự liên hệ mật thiết giữa những cảnh ngộ, họ sẽ tự phát sanh nghi vấn về nguồn định lực bao la vốn tiềm ẩn, chỉ chờ đợi một cái vỗ nhẹ thôi thì họ sẽ hốt nhiên sáng tỏ. Ngoài ra còn rất nhiều bài chú khác để trì tụng, nhưng bài chú dài nhất, thần lực nhất chính là chú Lăng Nghiêm.

Trong kinh Lăng Nghiêm diễn tả nguyên do đức Phật dùng bài chú này nhằm để cứu giúp ngài A Nan, vốn là đệ tử mà cũng là em chú bác của Phật. Tôn giả A Nan vì bị chú thuật ma đạo làm mê hoặc, sắp phá giới thể. Đức Phật biết rõ nên sai ngài Bồ Tát Văn Thù đến nơi đó tụng trì thần chú khiến A Nan thức tỉnh và hồi lỗi, rồi đưa cô gái cùng A Nan về gặp đức Phật. Sau đó đức Thế Tôn mới giảng kinh Lăng Nghiêm để chỉ rõ những phương pháp

cho ngài A Nan tận tường về năng lực và phương pháp của thiền định (định tâm).

Sư Phụ cũng đã giảng giải kinh Lăng Nghiêm trong khóa đầu tiên, vào mùa hè năm 1968 tại Phật Giáo Giảng Đường, sau đó bộ kinh này được dịch ra tiếng Anh cùng với lời trích giảng bình luận của Sư Phụ. Và bản phiên dịch Tổng hội Phật giáo chuẩn bị phát hành phẩm thứ nhất vào mùa thu năm 1977.

Gần đến giờ nghỉ, chúng tôi được ông bà Connie và Mark Piehl mời về nhà ở Phillipsville nghỉ qua đêm.

Ngày 11 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay chúng tôi lạy được khoảng đường dài năm dặm rưỡi, ngang qua vùng Phillipsville. Hình như trời lại sắp đổ mưa. Chúng tôi ngủ ở trong kho chứa đồ phế thải.

Chủ tiệm tạp hóa nhỏ của quận thác mắc không biết chúng tôi làm sao để có đủ thức ăn cho chuyến đi dài đằng đẵng này. Tôi đáp là có rất nhiều Phật tử và những người không phải Phật tử cũng thường giúp đỡ thức ăn như bánh mì, trái cây, rau cải và bơ đậu phộng để chúng tôi tiến bước.

Dù những vị thí chủ này có hiểu hay không hiểu đi chăng nữa, ý nghĩa của sự thọ nhận cúng dường rất trọng yếu trong đời sống tu sĩ Phật giáo, đã được tiếp truyền từ thời đức Phật, hơn hai ngàn sáu trăm năm về trước.

Đức Phật cũng dạy về năm pháp quán trong khi thọ thực, nhằm nhắc nhở những vị tu hành đừng bao giờ quên công lao phát xuất thức ăn và mục đích của mình khi thọ lãnh. Thế nên trong mỗi bữa ăn, mọi người đều phải yên lặng cùng nhau để tâm quán tưởng:

1. Xét công nhiều ít vật này đến đây.
2. Xét đức hạnh mình tròn khuyết có xứng đáng nhận sự cúng dường này không.
3. Phòng tâm lia lỗi tham sân si là gốc.
4. Thức ăn này là thuốc hay để chữa bệnh hình khô sắc héo.

5. Vì muốn thành đạo nghiệp nên thọ chén cơm này.

Thật ra chúng ta ít khi nào nghĩ nhớ đến công lao của những người trồng tía, để ta có được thức ăn hằng ngày, nhất là từ lúc chúng có mặt tại các siêu thị. Chúng ta đâu biết rằng sau khi canh tác, trồng trọt, gặt hái, rồi lại chuyển vận đến chợ bán, lúc mua về còn phải rửa sạch, xào nấu và bày dọn lên mâm bàn. Tóm lại, pháp quán thứ nhất, quán xét bao nhiêu là công lao vất vả của mọi người cho chúng ta có được bữa ăn này.

Thứ hai, kiểm điểm lại đức hạnh cùng những công đức của chính mình để hôm nay thọ nhận thức ăn. Nên thành thật tự hỏi chính mình đã tu hành thế nào có xứng đáng nhận hưởng những kết quả do công lao khó nhọc của kẻ khác tạo ra không? Tu đạo là nhằm mục đích cứu độ tất cả mọi loài chúng sanh, nếu chúng tôi chỉ bề ngoài tu lấy lệ, tức sau này sẽ gánh chịu quả báo xấu xa, vì hiện tại giống như kẻ ăn trộm đồ của người vậy. Bởi vậy mới có câu:

Thí chủ nhất lập mễ

Trọng nhược Tu Di sơn

Thực liễu bất tu đạo

Bì mao đãi giác hoàn.

Nghĩa là:

Hạt gạo thí chủ cho

Nặng bằng núi Tu Di

Ăn rồi chẳng tu đạo

Mang lông đội sừng trả.

Là thế đó, ta sẽ bị tái sanh vào loài cầm thú, ai mà biết được đó chỉ vì lòng tham.

Thứ ba, quán tưởng, ta phải phòng ngừa để tránh lìa tâm tham đắm và những sai trái khác. Mà tham là một trong những ô nhiễm căn bản. Nếu ta không loại bỏ lòng tham thì không bao giờ đạt thành Phật đạo, bởi lòng ham muốn và tham lam che lấp trí tuệ vốn sáng suốt tiềm ẩn trong ta. Trong khi ăn, ta phải ý thức rằng chỉ ăn cho vừa đủ. Cố ăn quá nhiều tức là tham, ví như ngọn lửa bùng lên khi được thêm dầu, và lửa giảm dần khi dầu không còn đủ. Cho nên khi ăn đừng để tâm lơ đãng mà chẳng quán xét những điều này.

Thứ tư, quán xét thức ăn này như loại thuốc hay cho thân thể. Vì cần phải tiến tu nên ta lấy sự ăn uống như vị thuốc chánh đáng để nuôi thân. Điều quan trọng hơn là hiện nay thức ăn bán sẵn chứa toàn những hóa chất, và chúng đã được biến chế qua nhiều kỹ thuật khó tin khác mà người ta cho là "tiên bộ." Bởi thế, nếu người có trí thì chớ ăn tạp nhạp. Tuy nhiên, đối với những vị đã đạt đạo, dù có ăn uống gì hay không sẽ không còn là vấn đề nữa. Như tổ Bồ Đề Đạt Ma, khi ở Trung Hoa, bị bỏ thuốc độc đến sáu lần nhưng Ngài vẫn không hề hấn gì.

Lý do chúng tôi thọ nhận thức ăn từ các thí chủ là để có sức mà tiến tu đạo nghiệp. Đây là pháp quán thứ năm. Thay vì để tâm chạy loạn, sao ta không biết dùng những năng lực và sức mạnh do thức ăn cho ra, mà quyết chí dụng công để không bị sai đường lạc lối.

Ngày 12 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Dù bị cơn mưa đập vùi trút xuống xối xả, nhưng chúng tôi vẫn lạy được năm dặm rưỡi. Vẫn trên con đường Giants, dọc theo sông Eel đang cuộn cuộn chảy. Chúng tôi dựng lều bên lề đường, cạnh một tàng cây Hồng Mộc (Redwood). Căn lều được dựng lên cũng khá tốt, chỉ trừ có mấy chỗ phía dưới bị nước rịn thấm vào. Kỳ sau tôi sẽ ra sức đào rãnh dẫn nước kỹ hơn.

Lúc này nước sông tràn ngập quá sức. Tôi chợt nhớ lời Sư Phụ thường nói: "Tất cả sự vật trên thế gian này không ngừng diễn giảng Phật pháp, chỉ cần bạn biết nhận diện ra nó thôi." Đối với những kẻ đáng thương đang sống ở vùng Weott, Myers Flat và Pepperwood, thì đây nói lên luật nhân quả. Vì từ trong cảnh khổ sở, những người tội nghiệp này mới kinh nghiệm được về nghiệp lực, quả báo, đau khổ và vô thường. Họ hoàn toàn tuyệt vọng khi nhìn thấy sản nghiệp mình bị dòng nước cuốn trôi ra biển cả. Đây cũng chính là dịp cho họ nhìn thấy đức Phật chuyển pháp luân qua hình ảnh của con sông đục ngầu. Cách nay mấy ngàn năm về trước đức Phật đã nói rõ

rằng: "Mọi vật ở thế gian như là ánh điện chớp, là huyễn hóa, là một giấc mơ, như là một màn ảo thuật."

Đối với tôi, sông này nhắc nhở đến dòng tư tưởng đang lưu chảy mãi mãi trong tâm. Tiếng Tàu gọi dòng lưu chảy này là "vọng tưởng," là thứ vọng vô ích không ngừng phát sanh những phân biệt, chia chẻ, sắp xếp, chúng đập tan gốc thực thể ra thành vụn mảnh vụn. Dĩ nhiên những mảnh vụn vụn này cũng trông giống như là thật, và vì những thành kiến sai lầm khiến chúng ta cũng trở thành hoang mang lẫn lộn, rồi tham lam tìm cầu cái mà mình cho là "tốt" và bỏ đi cái mình cho là "xấu." Để rồi dựng lên những ranh giới nông cạn giả tạo "của tôi" và "của người." Từ đó phát sanh rầy rà, gây gổ, cùng biết bao là phiền não, rồi đến cả chiến tranh thế giới nữa. Thật ra, tất cả cũng chỉ vì chúng ta bị dòng tư tưởng không dừng dứt này làm mê muội.

Ngày 13 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Khi đi ngang qua vùng Myers Flat, tôi gặp chút lộn xộn với ông trên chiếc xe cứu lửa màu đỏ như sau: Ông ấy đậu xe ngoài phố như đang chờ đợi người nào, nhưng lúc đó chung quanh chỉ có tôi và ông ta thôi. Thầy Hằng Do đã đến tiệm giặt để sấy đồ. Khi tôi lạy tới gần, thì ông bắt đầu la lối om sòm. Đã say rượu, mà còn ra vẻ thật giận dữ:

"Mày đang muốn chứng minh cái giống gì vậy hả? Mày nghĩ là mày đang làm cái trò gì chớ?"

Ông ta hét lớn vào máy loa gắn phía trên đầu xe như thế. Tôi chưa biết phải đối phó thế nào, nên cứ tiếp tục lạy. Rồi ông ta lái xe rề rề theo bên tôi, đầu khẩu không lời, nhưng lại chửi thề tục tĩu vang om. Hẳn thực đúng là người chữa lửa nhưng lại chứa đầy ắp lửa.

Cảnh tượng kỳ quái này cứ tiếp tục kéo dài đến mấy phút. Trong khi đó tôi vẫn không nói lời nào. Rốt cuộc, sau một hồi trong lòng như đã trút hết cơn phần nộ, ông bắt đầu xuống giọng nói như máu mếu:

"Tại sao ông không thềm nói chuyện với tôi chớ?" Ngừng một lúc rồi lại tiếp: "Cái loại tôn giáo gì mà không cho phép ông nói chuyện với tôi hả?"

Cuối cùng tôi phải dừng lại và nói: "Thật ra tôi đâu có làm hại gì đâu! Tại sao ông lại bực tức chớ?"

"Tại sao ông không ở nhà một mình mà cầu nguyện?"

"Nhiều năm qua tôi đã ở nhà một mình cầu nguyện rồi, bây giờ tôi cần một ít không khí tươi mát."

"Coi nè! Sao ông không làm chuyện tốt lành như tôi hả? Tôi là người chữa lửa, tôi cứu được mạng sống con người, đó mới thật là ích lợi. Nay ông! Xin lỗi nhé, vì tôi đã nổi giận, nhưng ở hướng bắc vùng này có rất nhiều người buồn gỗ rất khó chịu, họ sẽ không thích ông lễ lạy trên con đường làm ăn của họ đâu!"

"Vậy à! Tôi cũng xin lỗi, nhưng đối với tôi việc làm này thật là có ý nghĩa, xin lỗi vì đã làm ông phiền lòng nhé!"

"Ồi! Tôi vì đang say rượu nên rất dễ hay nổi xung. Thôi hãy bỏ qua hết đi nhé! OK?"

"OK!"

Ngày 14 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Vì bây giờ là mùa đông, nên ít người đến tham quan mấy cây cổ thụ to lớn, bởi thế xe cộ có phần cũng thưa thớt. Hầu như giờ đây cả khu vực Redwood Empire là của riêng chúng tôi vậy.

Lần đầu tiên nhìn thấy sông Lươn (Eel River) thật là phẳng lặng, với làn nước xanh biếc mênh mông đang êm đềm xuôi chảy qua những tảng đá, rặng cây. Nhưng lúc này, vì cơn mưa dai dẳng làm tuyết tan chảy xuống, khiến nước sông trở nên đục ngầu, cùng với những cơn nổi sóng làm mực nước càng ngày càng dâng cao. Nếu mưa không chịu ngừng thì thế nào cũng có chuyện phiền phức xảy ra. Nghe tin đồn là lượng nước mưa hiện tại đã hơn gấp ba lần so với mùa đông năm ngoái.

Khi đi ngang qua vùng Philliprville và Miranda, tôi chợt nghe mấy lời bàn tán, phê bình:

"Họ đến mãi tận từ San Francisco và cứ làm như thế đây!"

"Thì là vậy đó! Con người bây giờ có đủ thứ loại mà, phải không Maggie? Cô có biết là tôi đã thừa chuyện này nói Mực Sù và nhờ Ngài nên đi ra khuyên bảo họ."

Con đường như bị thâu hẹp lại, vậy mà còn bị nhiều cây nghiêng ngã chồm phết xuống mặt lộ, và dù trời có mưa hay không mưa, cây lá cũng không ngừng trút xuống những giọt nước to tướng. Mãi đến trưa mà mưa vẫn không ngừng, tấm lều đã bị thấm ướt từ đêm qua, nên tôi lo kiếm chỗ để trú ngụ khi tối xuống. Có một cây hồng mộc to lớn nhưng dưới gốc thì rộng bọng, vừa đủ chỗ cho tôi và một người có tướng cao lớn như sư huynh Cự, thật tiện lợi, thế là chúng tôi đã được một đêm khô ráo ở trong bọng cây này.

Mưa tiếp tục rơi, hòa vang với tiếng gầm thét vọng về từ con sông cách chẳng bao xa.

Ngày 15 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay chúng tôi quyết định là sẽ không ráng lễ lạy thêm vì trời vẫn mưa tầm tã. Trước hết tôi có phản ứng là hơi bất mãn vì sự đình trệ này, bởi tôi chưa bỏ được quan niệm phân biệt giữa "tiến bước" và "ngưng trệ." Tuy nhiên sau một lúc, tôi trực nhận được rằng: Nếu muốn thành công thì phải biết tùy thuận nhân duyên hoàn cảnh, đừng quá gượng ép, không khéo sẽ giống như anh chàng ở thời Tống, Trung Hoa thuở xưa.

Tục truyền rằng dân đất Tống rất khờ khạo. Nguyên là lần nọ có anh chàng nông dân tỏ vẻ thất vọng vì thấy vườn bắp mình trồng sao mà chậm lớn quá! Nên anh ta nhất định tìm cách làm sao để giúp chúng. Và rồi sau một ngày dài vất vả từ cánh đồng trở về nhà, liền ngồi bẹp xuống ghế, than thở:

"Tôi thật là mệt quá sức đi!" Bà vợ và cậu con trai gạn hỏi nguyên do, thì anh nói, vì suốt cả ngày cực khổ ngoài đồng lo giúp cho mấy cây bắp mau lớn. Cậu con trai bèn chạy ra quan sát sự tình, và vô cùng ngạc nhiên khi thấy cả đám bắp nằm rạp chết queo. Tại sao thế? Thì ra anh chàng nông dân đất Tống nóng nảy này đã giúp những cây bắp nhỏ mau lớn bằng cách kéo đầu từng cây một cho cao lên thêm mấy phân. Bởi thế từ đó mới có câu châm ngôn bình dân ở Trung Hoa: "Giúp chúng lớn." Nhiều khi cũng có những trường hợp tốt hơn là đừng làm gì hết.

Ngày 16 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Cuối cùng rồi chuyện cũng xảy ra, nước sông tràn ngập quá mức, hiện cao đến 43 feet (tức 13 mét), gây tổn hại đến những làng quận ven bờ sông. Nghe nói vùng Pepperwood đã bị nước cuốn sạch hoàn toàn. Những sông khác quanh vùng cũng ngập nước tràn trề, đến nỗi ngay cả Thống đốc Reagan và Tổng thống Nixon còn phải quan tâm lên tiếng rằng vùng này đang bị một đại nạn. Khi chúng tôi gần đến quận Weott, thấy con đường cái đã bị nước ngập cao đến sáu feet (khoảng 1 mét 8) và còn đang tiếp tục dâng cao nữa. Sau trận lụt năm ngoái, nhiều người khôn ngoan cất nhà loại di động, nên bây giờ có thể chuyển cả căn nhà lên vùng đất cao hơn. Những kẻ kém may mắn khác đang được đoàn bảo hộ của chánh phủ dùng ghe thuyền di tản đi nơi khác. Gần vùng Myers, người ta phát giác có mấy xác người trong một căn nhà bị khối bùn khổng lồ đè bẹp.

Hôm nay chúng tôi điện thoại về chùa, Sư Phụ lập đi lập lại thật mạnh mẽ rằng nếu chúng tôi chí tâm dựng công thì trời sẽ không mưa. Nhưng bây giờ từ trong trạm điện thoại nhìn ra, tôi thấy đâu đâu cũng toàn là nước, những cây to tướng bị dạt trôi theo dòng nước trên sông và mưa vẫn cứ rơi. Điều này chứng tỏ rằng tôi đã không đủ lòng thành. Chúng tôi núp trốn trong căn chòi cũ kỹ trên vùng đất cao, chờ nước rút khỏi mặt lộ.

Ngày 17 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Có mấy cây hồng mộc cao chót vót, đồ sộ với đường kính hơn 12 bộ (tức hơn ba mét sáu) và chu vi 40 feet (12 mét). Mặc dù tuổi thọ của những cây cổ thụ này cỡ từ hai ngàn đến ba ngàn năm và cao đến ba trăm feet (khoảng hơn 90 mét), nhưng gốc rễ của chúng rất cạn cợt, bò lan thành hệ thống chằng chịt bám xuống lòng đất chỉ khoảng năm hay sáu feet (hơn một thước rưỡi) chiều sâu. Cho nên khi nước sông cuốn trôi lớp đất cát, chúng như mất đi sự chống đỡ và sau đó thường bị ngã sập xuống, phát ra những âm thanh ầm ầm vang dội, nhiều lúc còn ngã đùng theo một dọc những cây kế bên. Số gỗ có giá trị hàng triệu bạc này lại bị dòng nước bạo tàn cuốn trôi xuống sông, đã vậy chúng còn mang theo mối đe dọa cho những cây cột chống đỡ dưới chân cầu.

Đó cũng giống như sự tu hành về Giới, Định, Huệ vậy. Nếu căn bản giới đức tu hành của một người mà lơ là cạn cợt, đến lúc gặp phải chuyện khó khăn, theo lối thường tình thì cũng sẽ dễ dàng bị cuốn trôi luôn.

Hôm nay nước ồ ạt rút đi nhanh chóng, cũng như lúc nó ào ào tràn lên và để lại lớp bùn bằng phẳng phủ kín những chỗ đất lồi lõm ghồ ghề. Chúng tôi đứng chờ vờ giữa vùng đất bằng phẳng mênh mông, trông giống như lớp mặt của hồ bơi đậu phộng hiệu Skippy! Lớp bùn sinh trên mặt đường trôi theo dòng nước, chỉ còn lại lớp mỏng trơn trượt mà chúng tôi sẽ dễ lầy qua. Thật là một chuyến du hành kỳ dị trên mảnh đất dị kỳ này.

Ngày 18 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Đêm qua dù ngủ trên chiếc xe bò bỏ hoang không mái nóc, nhưng chúng tôi đã kịp thời căng phủ tấm ni-lon lên phía trên trước khi cơn bão lớn kéo đến. Chúng tôi giống như đang ở trong chiếc xuồng nhỏ trôi lênh bênh trên mặt biển đầy sóng gió. Được dịp ngồi nhìn gió mưa đổ trút mà vẫn ráo khô và thoải mái thì thật quá hay! Thế nên tôi như không muốn rời khỏi nơi có hương vị lý thú này. Nhưng trời vừa hùng sáng, chúng tôi cũng phải trôi dạt ra đi.

Khi vầng thái dương vừa ló dạng phía chân trời, tôi đã lầy được nửa dặm đường. Trong khi Thầy Hằng Do vẫn còn ở lại để thu dọn đồ đạc, thì có ông khoảng gần bốn mươi với hàm râu vừa cạo sạch, đến nói rằng ông đã biết về chúng tôi lâu rồi và đã kín đáo quan sát trong hai tuần lễ qua. Ông nói với Thầy Hằng Do rằng ông có linh cảm là chúng tôi có thể đọc được tư tưởng con người. Sau vài câu lịch sự xã giao với Thầy Hằng Do, ông này bắt đầu đi thẳng vào đề. Ông kể rằng trong mười sáu năm qua gia đình ông rất đầm ấm vui vẻ, sống hạnh phúc với hai đứa con trai tuổi đang lớn. Bỗng nhiên, mấy lúc gần đây ông khám phá ra người vợ đã lường gạt ông bằng cách ngoại tình với một người đàn bà khác. Và khi ông hỏi về chuyện đó, bà vợ cũng đã thú nhận, nhưng bảo là không thể cải đổi được vì bà yêu chồng và cũng yêu người bạn gái nữa. Trong tình cảnh này ông như bị cùng đường vì quá xấu hổ, lại không dám than thở với bạn bè, nên chỉ muốn nhảy xuống sông chấm dứt cuộc đời mình cho rồi. Nhưng ông lại linh cảm là có thể đặt niềm hy vọng vào sự tu trì của Thầy Hằng Do. Cho nên suốt hai tiếng đồng hồ ông đã cùng Thầy Hằng Do trò chuyện, trong lúc tôi lầy ngoài này, băng khuâng không biết Sư đệ mình đang ở đâu rồi! Mãi gần đến giờ cơm trưa, Thầy Hằng Do mới xuất hiện và kể rõ chuyện này cho tôi nghe.

Chúng tôi tiếp tục tiến về hướng bắc vùng Redcrest. Khoảng xế chiều, người đàn ông được Thầy Hằng Do khuyên giải lúc sáng nay, đã trở lại và dắt theo bà vợ. Hình như những lời khuyên của Thầy Hằng Do đã có kết quả rất hữu

ích cho họ, nên hai vợ chồng tìm đến xin cúng một số tiền, nhưng Thầy Hằng Do nhã nhặn từ chối ngay.

Chúng tôi lẽ lạy đến khi trời tối mịt, rồi nương náo ở phía sau xưởng gỗ lớn vùng Redcrest.

Ngày 19 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Sư Phụ có nhân mạnh rằng nếu chúng tôi thành tâm lễ lạy thì trời sẽ không mưa trong vòng một phần tư dặm, chung quanh phạm vi chúng tôi đang lễ bái. Chúng tôi cũng ráng cố gắng vâng lời và chậm rãi lạy về hướng bắc, dọc theo bờ sông, hình như mưa cũng giảm bớt dần. Hiện tại chúng tôi căng lều cách bờ lộ, chung quanh chẳng gì ngoài hơn là những hàng cây chạy dài qua nhiều dặm. Bầu trời tối đen, im phẳng phắc.

Mấy phút trước đây, trong lúc chúng tôi đang ngồi thiền, bỗng nghe có hơi thở và tiếng chân nặng nề phía ngoài lều. Chúng tôi kinh hãi nhìn nhau chòng chọc, ngồi im thin thít cũng cả mười phút sau mới dám nhút nhích. Bóng tối im lặng như tờ, càng kích thích tưởng tượng ra toàn những hình ảnh ghê rợn: "Có phải là gấu chằng? Hay là chằng tinh?" Vì hơi thở của nó nghe nặng nề gấp năm lần người thường. Một lúc sau, nghe nó phì hơi một cái rồi bỏ đi mất. Hú hồn, hú vía.

Tâm thức giống như máy chiếu phim, nó có thể cho ra hàng ngàn hình ảnh, vậy mà từ thuở nào đó, chúng ta đã khờ khạo làm tưởng cho đó là thật. Những động tác dựa trên gốc làm tưởng này không xác thật, nó cũng như những hình ảnh đang nhảy múa trên màn ảnh, chúng chỉ hiện thực trong giây phút rồi vụt mất đi trong nháy mắt thôi.

Đối với Phật Giáo, tâm gồm có tám thức khác nhau. Năm thức đầu của nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt và thân là sự phát sanh từ ngũ căn mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, duyên theo ngũ trần bên ngoài sắc, thanh, hương, vị và xúc. Thực tại thì vượt qua sáu thức, do phát sanh từ sự tiếp xúc giữa các căn và các trần cảnh. Tâm suy nghĩ, được xem như là một trong các căn. Cũng như khi mắt thấy sắc, tâm liền nghĩ ra những tư tưởng. Dù những tư tưởng hay cảnh vật trong tâm không phải là những cảnh được thấu thập tầm thường giống như cảm giác của cây đá, mà nó không gì khác hơn là ý căn duyên theo cảnh trần để phát ra ý thức, tức là thức thứ sáu. Thức này có nhiều tác dụng khác nhau, như sự phối hợp giữa sự thấu thập những dữ kiện từ năm thức đầu và phát ra những giấc mơ. Song tất cả những giác quan hay tâm thức nhận biết đều là

những ảo tưởng, vô thường, trống rỗng, không một căn bản chắc chắn, giống như hơi thở của con quái vật phía ngoài lề của chúng tôi.

Ngày 20 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay chúng tôi lạy được đoạn đường dài sáu dặm rưỡi, thẳng về phía cầu ở Rio Dell. Những cây cỏ thụ trôi giạt theo dòng sông là mối nguy hiểm trầm trọng cho chân cầu. Vì cột trụ phía dưới chân cầu sẽ không thể nào chịu nổi khi bị mấy cây to cứ không ngừng nhồi đập vào. Hôm qua có một khúc cây chặn ứ dưới sông, gây nguy hiểm cho cây cầu này, nên có nhóm thợ mộc dùng cảm đã dùng cốt mìn làm nổ tung nó ra.

Chúng tôi cắm lều trên ngọn đồi của quận Rio Dell, về hướng bắc, nơi có đại lộ mới và cây cầu đang được xây cất. Khi Thầy Hằng Cự vừa đến nơi, có anh cảnh sát đang đi tuần trong vùng ngừng xe lại, rồi đi thẳng về phía chúng tôi. Nhìn tướng mạo trẻ trung và điệu bộ, cũng biết ngay anh này thuộc loại lính mới hành nghề. Lúc vừa đến gần thì đôi giày láng bóng của anh ta đã bị lún ngập toàn sinh. Chúng tôi chỉ có biết ráng làm mặt nghiêm để khỏi bật cười. Mặc dầu anh có ý đến là để cảnh cáo, nhưng lại khoan dung, không phàn nàn gì về việc chúng tôi đang quỳ lạy giữa đường giữa xá nữa. Cứ chỉ anh ta trở nên dịu hẳn vì mắc bận tâm tới cái quần mới và đôi giày ống (boot) bóng láng đã bị sinh dính lấm lem, hơn là chú ý đến chúng tôi.

Ngày 21 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Dựng lều trên bãi đất chứa đồ phế thải ở Alton. Trong buổi sáng đầy sương mù, sau khi lạy qua vùng Rio Dell, nơi chúng tôi thường bị chọc phá. Như có tốp người đua nhau chạy xe vùn vụt, và bóp kèn inh ỏi, chỉ trở, la lối um sùm. Có vài người ngừng lại hỏi chuyện, trong số đó có một viên cảnh sát đã gọi máy để điều tra, vì tưởng chúng tôi là những kẻ điên khùng. Ông các có hỏi Thầy Hằng Cự rằng nếu phải lạy trên những đống phân chó ở các rãnh mương bên đường thì sao. Thầy đáp tinh bơ: "Thì có sao đâu!". Ông ấy lại hỏi chúng tôi có bao giờ gia nhập những hội đoàn nào không (tức là những hội về bệnh tinh thần). Nhưng sau khi nghe Thầy Hằng Cự giải thích về mục đích chuyến báỉ hương, ông cóp này mới không còn nghĩ chúng tôi là bọn điên cuồng nữa, nhưng vẫn hoài nghi về những công phu, thành quả của chúng tôi.

Chiều đến Thầy Hằng Cự kể chuyện rằng có một tín đồ đạo Thiên Chúa đến cố khuyên Thầy chuyển đạo, nhưng được một lúc thì ông ta phát nổi quạu lên, và Thầy cứ tiếp tục lay. Ông đi theo sau vừa la vừa hét to:

"Không phải chỉ là ở việc làm, rồi ông muốn cho mọi người thấy rằng ông mới là người có tinh thần cao thượng, nhưng nó chẳng có gì là chánh đáng cả! Rồi ông sẽ bị đọa xuống địa ngục cho mà xem!"

Ngày 22 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Sáng hôm nay trời lạnh buốt với 28 độ F (- 2.2 độ C), nhưng nhờ ánh mặt trời đã sớm lộ diện, khiến một ngày trở nên tuyệt đẹp. Chúng tôi hầu như dồn hết thời gian vào khoảng đường dài để tiến thẳng đến quận Fortuna. Khi trời bừng sáng, sức sống ở khắp mọi nơi như cũng trỗi dậy theo. Cả quận này là lạ làm sao. Có nhiều xe tăng tốc lực chạy ào ạt qua như muốn oanh tạc chúng tôi vậy. Đám con nít thì la hét vang um. Có mấy cụ già thắc mắc, hỏi han. Và trên đường phố đầy nghẹt cả người. Thông thường sau một ngày như vậy, tôi bị căng thẳng lắm, nhưng hôm nay có một chuyện xảy ra, mặc dù không biết xử lý thế nào, tôi cảm thấy nó thật quan trọng.

Như trước đây tôi có đề cập qua, khi lay đến những vùng dân cư đông đúc, tôi thường tập trung tâm ý vào những đề mục quán tưởng. Nhờ vậy tôi mới phát giác rằng mình có đầy dẫy những khuynh hướng về ngã thức, đồng thời nó cũng giúp tôi phá tan được những ảo tưởng của cái ngã. Tuy nhiều người cũng đã quen biết về khái niệm Phật Pháp này, nhưng tôi thấy chính nơi có sức sống tràn trề của những đường phố nhộn nhịp đó, mới càng làm tăng thêm nguồn năng lực thật sự để chúng ta dụng công truy tầm.

"Ai là người đang lễ bái, họ đang la mắng ai?" Suy ngẫm thâm trầm về những câu hỏi như thế, khi những diễn biến chung quanh tác động mạnh thêm vào tôi.

Một trong các pháp quán tưởng mà tôi rất thích, đã được diễn tả trong kinh Hoa Nghiêm như:

"Không có người làm và không có người được làm, mà chỉ là những nghiệp thức hạn cuộc nổi lên. Ngoài ra không có gì cả."

Khi nghĩ đến đây, bao nhiêu nhọc nhằn của tôi đều như tan biến mất. Tôi chẳng tìm thấy ai là người thuộc về ai cả. Vì đó nói lên rằng:

"Không thấy có ngã, là người luôn được an lạc."

Không có gì để lo lắng, sợ sệt hay phiền não. Ngay cả nếu có người muốn thuốc độc bạn hoặc giết chết bạn, tất đều O.K. thôi. Vì sao? Bởi từ thuở ban đầu vốn đã không có cái "biết" rằng bạn đang hiện hữu. Như Thiền tông có câu:

"Ta chưa từng mặc một manh áo, ta chưa từng ăn một hạt cơm."

Đối với tôi thì còn phải đi xa lắm mới đến trình độ này. Tuy nhiên khi tâm tiếp tục quán tưởng những lời này, tôi cảm như mình đang có một sự thay đổi. Như hôm nay lúc lạy đến vùng Fortuna, lòng càng có niềm tin thâm sâu về những giáo lý dẫn đạo, tôi ý thức rằng dù bất cứ chuyện gì xảy ra, mọi việc đều sẽ không sao đâu và thật là thế.

Vào đến trung tâm quận, tôi thấy Thầy Hằng Do ở phía trước với đám người vây quanh, bộn rộn trả lời những câu hỏi đó đây, còn tôi lạy thẳng không ngừng nghỉ. Nhưng khi vượt khỏi Thầy Hằng Do và tiến về phía ngã tư chánh, có chiếc xe trường học thật lớn chạy rà tới và ngừng hẳn bên tôi. Ngược mắt nhìn lên thấy cửa xe mở ra, bỗng phút chốc mấy cậu học sinh trung học mặc áo khoác da, ủa ra vây quanh tôi. Một thoáng giựt mình hốt hoảng, nhưng tôi lấy lại bình tĩnh ngay, rồi an nhiên đứng giữa con đường chánh ngã tư quận California để giải thích lý do chúng tôi lễ bái. Họ kính cẩn chăm chú lắng nghe từng lời tôi nói. Khi dứt lời, tôi từ từ quỳ xuống và bắt đầu bái lạy ra khỏi quận. Ngoài ra không có vấn đề gì xảy ra hết.

Tôi đến, chúng tôi dựng lều gần đường rầy xe lửa bên cạnh một hăng xi măng nằm cuối quận về hướng bắc.

Ngày 23 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Sáng nay vừa lạy được một lúc, chúng tôi được dịp gặp lại cô Marge Rauum đang trên đường đến sở làm. Cô này vốn là đệ tử của Hòa Thượng Mậu Nhụy ở Hồng Kông, hiện cô làm cố vấn trường trung học vùng này. Sau khi an bày chỗ nghỉ tối nay cho chúng tôi, cô còn chất đầy lương thực lên chiếc xe kéo, rồi thông báo cho bạn bè ở hướng bắc biết là chúng tôi đang trên đường tới đó.

Chúng tôi vừa ra khỏi vùng chuyên có nền kỹ nghệ lớn về gỗ. Nghề nghiệp này có vẻ ảnh hưởng ít nhiều về lối sống, quan niệm và ngay cả tôn giáo tín ngưỡng của dân quanh vùng. Như hình ảnh những anh thợ mộc rất thích hợp để diễn tả về câu chuyện thần kỳ của ông Paul Bunyan: Vốn là người to lớn dềnh dàng và mạnh bạo, với chiếc áo sơ mi bằng ni-lon và hàm râu đen xồm, lại đeo lưng lẳng một sợi giây xích dài buộc theo cái cửa gỗ. Đứa con quý của ông là chiếc xe hàng nặng ngàn tấn màu xanh, được trang bị gồm máy truyền tin và một cây súng sẵn đặt ngay cửa kiếng phía sau xe. Vốn là tín đồ Thiên Chúa Giáo rất ngoan đạo, nhưng tối thứ bảy nào ông cũng lai rai vài lon bia.

Vùng Fortuna tọa lạc trong một thung lũng, nơi sông Van Duzen đổ ra biển. Đất ở đây rất bằng phẳng, phì nhiêu, là nơi lý tưởng cho việc chăn nuôi để lấy trứng, sữa. Đời sống ở đây khác xa một trời một vực với vùng làm gỗ. Dân vùng Fortuna có vẻ lịch sự, học vấn hơn. Có rất nhiều bác sĩ, luật sư và giáo sư đã túa ra xem chúng tôi lạy ngang qua. Ngay cả ở miền quê này, tâm tánh con người cũng ảnh hưởng tùy theo địa thế nơi họ sinh sống.

Ngày 24 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Khi chúng tôi đi ngang qua trường cao đẳng của Redwoods thì có chuyện. Lúc đó người ta đang chăm chú quan sát sư huynh tôi ba bước một lạy, quỳ xuống đứng lên, tiếp tục đều đặn. Có ông râu ria xồm xoàm đi tới trao cho Thầy Hằng Cụ lá thơ, không nói lời nào rồi vội vàng bỏ đi. Nội dung lá thơ như sau:

Thưa ông:

Trước hết tôi xin ông đọc hết những gì tôi đã viết, rồi hãy suy gẫm kỹ lưỡng. Bởi vì những chuyện này của ông tôi đã thưa hỏi qua rồi, và tôi tin rằng ông sẽ làm theo.

Đến hôm nay, tôi đã nhìn thấy ông đi ba lần rồi, lần cuối chỉ khoảng vài phút vừa qua, lúc tôi lái xe từ ngoài phố trở về nhà. Tôi đã quan sát khi ông quỳ lạy xuống và đứng lên. Tôi để ý thấy ông không bao giờ có vẻ ngập ngừng, lúng túng trong việc ông đang làm. Đồng thời tôi cũng nhìn thấy được ý chí quả quyết biểu lộ qua ánh mắt và thái độ của ông. Rồi tôi suy nghĩ lý do về chuyện đi của ông. Đang khi lái xe, tâm tôi nghe đức Chúa nói rằng:

"Ta đã thấy người đàn ông này và cũng rất thương yêu hắn. Hãy truyền báo sự cứu rỗi của ta đến với hắn."

Sau đó tôi tiếp tục lái xe thì Chúa ngự trong tâm tôi đã báo hiệu cho biết về tình thương lo lắng của Chúa đối với ông. Tôi cảm nhận điều này phát xuất tận đáy lòng sâu kín của tôi, để rồi giọt lệ tuôn trào nơi đôi mắt, khiến tôi khó lòng dằn nén được, nên tôi yếu đuối thưa với Chúa rằng:

"Chúa ơi! Con sợ ông ấy sẽ không chịu nghe lời con, vì con không thể cản ngăn và không nói được gì với ông ta cả."

Chúa tôi một lần nữa biểu hiện lòng thương yêu rằng: "Hãy nói cho hắn biết là ta cũng đã chết vì hắn."

Rồi tôi nói: "Ôi Chúa ơi! Con không thể, con phải làm gì đây?"

Chúa bảo: "Viết một lá thư và đưa cho người hầu cận của hắn."

Một linh hồn với những nỗi xót xa và khiêm tốn. Tôi đưa thư này là sự thỏa hiệp của tôi với Chúa Giê Su, hy vọng ông sẽ được cứu rỗi.

Với tình thương của một tín đồ Thiên Chúa Giáo, và chúc ông nhiều may mắn.

Monte Mckee

Trích từ Thánh Kinh Romans, 3:23:24:

Cho những tội nhân chưa biết sự biểu dương mầu nhiệm của Thượng Đế.

Tất cả sẽ được tự do nhờ ân chuộc tội của Chúa Giê Su (Christ Jesus).

Trích từ Thánh Kinh John, 3:16

Chúa vì quá yêu thương nhân loại, Ngài đã cho đi đứa con duy nhất của mình xuống trần gian, cho nên bất cứ ai tin tưởng nơi Ngài thì sẽ không bị hủy diệt và sẽ sống mãi mãi.

Không cách nào hơn, nên chúng tôi phải lạy trên đại lộ từ giữa vùng Fortuna và Eureka. ở California có luật cấm người đi bộ trên những đại lộ, nhưng trung sĩ Williams, cảnh sát công lộ vùng này đã bảo:

"Cứ tiến lên đại lộ đi, mấy ông đã trải qua đoạn đường dài rồi, nếu có gì phiền phức, tôi chịu hết cho!"

Gia đình ông Tetrault được cô Marge Rauum báo tin nên đã chuẩn bị sẵn chỗ cho chúng tôi nghỉ đêm tại nhà họ, và chúng tôi đã có một cuộc thảo luận về Phật Pháp rất sôi động. Ông Jerry Tetrault đã thừa nhận rằng Thánh Kinh chỉ diễn tả một phần nhỏ về khoảng thời gian trong vũ trụ mà thôi, ông nghĩ là phải còn có cái gì hơn thế nữa. Chúng tôi giải thích rằng giáo lý trong đạo Phật bao gồm tất cả những cảnh giới về quá khứ, hiện tại, và vị lai. Ai cũng có thể thành Phật, thành một vị giác ngộ với đầy đủ những điều dụng, có tầm nhìn thấu suốt, cũng như trí tuệ và lòng từ bi thật không thể nghĩ bàn. Đây là cuộc bàn luận lý thú nhất từ trước đến nay.

Ngày 25 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Khi đến vùng ngoại ô Eureka, một thành phố có dân số khoảng 25.000 người, các đài truyền hình, truyền thanh và báo chí tới tập phỏng vấn chúng tôi. Những lúc như vậy, chúng tôi học được rằng, phải cẩn thận khi tiếp chuyện với các chuyên viên ký giả, vì đâu biết chắc là họ có thành thật thuật lại chuyện báo hương của chúng tôi một cách đơn thuần, hay là họ sẽ cắt xén, thêm bớt theo ý họ để câu chuyện thêm về kịch động hơn. Có mấy vị phóng viên tỏ vẻ thích thú khi biết được câu chuyện thật về chúng tôi. Nhưng cũng có người thích biến đổi câu chuyện khác với sự thật.

Eureka là một thành phố phối hợp đủ các ngành nghề như: có một hãng giấy, một bến tàu, một nhà máy về khí lực nguyên tử, nhiều công xưởng thuộc kỹ nghệ gỗ, một trung tâm nhỏ về tài chánh quốc tế, siêu thị, cây xăng, tiệm quán, và những căn nhà gỗ nhỏ nhỏ. Lúc đi ngang qua tiệm bán vỏ xe Jerry Tetrault, ông Jerry cùng mấy anh thợ lôi chiếc xe kéo của chúng tôi vào để sửa lại mấy bánh xe đang đau khổ. Trong khi chờ đợi, chúng tôi ngồi uống chút sô cô la nóng. Đến xế chiều, khi cơn mưa phùn vừa dứt, Mike và John, sinh viên trường Humboldt State, chuẩn bị một phòng cho chúng tôi ngủ nghỉ. Tối hôm đó tại nhà bếp, chúng tôi bàn về Phật pháp và sự bất bạo động.

Ngày 26 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay lạy qua vùng Eureka, có vài tín đồ Tin Lành (Baptist) tìm đến để khuyên chúng tôi chuyển theo đạo họ, nhưng cũng không có gì rắc rối xảy ra. Ông bà John và Eilleen Barstow đem cơm trưa đến cho chúng tôi cùng lời chúc lành may mắn. Tối đến, bà Young, bạn cũ của Marge Rauum, chở chúng tôi về nhà. Bà có hai đứa con trai khỏe mạnh, mười một tuổi và mười hai tuổi, lại thêm cặp chó to lớn loại Saint Bernard, thường chiếm ngụ ở căn nhà bếp. Buổi tối hôm đó đối với chúng tôi thật là bất thường, vì cứ phải nhìn thấy hai chú bé gây lộn. Tôi chưa thấy con nít nào có nhiều khí lực, khỏe mạnh như chúng.

Má tui nó còn phải chịu thua vì không thể nào can ngăn chúng được. Nhưng ít ra bà cũng có dán lên một tờ quy luật cho chúng.

Điều lệ về đánh lộn:

1. Ra ngoài hàng hiên mà gây sự.
2. Không được dùng gậy hoặc côn.
3. Tự giải quyết mọi vấn đề cãi vã (không được chạy vào méc mẹ).

Chúng cứ gây nhau suốt cả buổi tối, cho đến khi thằng anh lớn đàn áp khiến đứa em phát khóc, nước mắt ràn rụa. Nhưng khi phát giác ra tôi biết chút ít võ (công phu), chúng bèn liền năn nỉ muốn xem tôi biểu diễn. Tôi bằng lòng nhưng ra điều kiện nếu chúng hứa chịu dọn dẹp sạch sẽ mấy căn phòng quá sức bừa bãi của tui nó. Sau khi biểu diễn sơ sơ võ Thái Cực Quyền, tôi giải thích cho chúng biết căn bản về đạo Lão như: "Công phu hay nhất là công phu không bao giờ được dùng đến." Đối với những lời này tôi không nghĩ rằng chúng nó chịu lắng nghe đâu. Ngủ ngon nhé, hai chú bé!

Ngày 27 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Khi lạy từ vùng Eureka đến Arcata, chúng tôi cảm thấy thật là thú vị, vì được trả lời những câu hỏi từ những người thật tình quan tâm về chuyến bán hương này. Họ khiến chúng tôi không ngớt đánh giá kiểm điểm lại những hành động của mình. Đó là điều khích lệ nhất! Như nhà văn T.S. Eliot có lần viết:

Tiến dần tới ý nghĩa toàn diện của kinh nghiệm, nhưng chỉ dưới một hình thức khác.

Có lẽ cũng đúng đấy! Nhờ chúng tôi càng cố gắng giải thích về việc mình đang làm, nên thấy nó càng có ý nghĩa hơn.

Hiện nay hầu hết những người chúng tôi tiếp xúc, đều có gốc đạo Thiên Chúa. Nhận thấy phạm vi hiểu biết tôn giáo của họ có khi mỏng manh như giấy quỳn, nhưng cũng có lúc rất thâm sâu dày dặn. Trước đây có nhóm thanh niên vì hết lòng sùng kính Chúa Jesus, nên khi họ đến gần là chỉ muốn chúng tôi phải quyết định ngay: "Hoặc là theo Chúa, hoặc là vĩnh viễn ở trong địa ngục." Mặc khác, cũng có nhiều tín đồ Thiên Chúa Giáo tỏ vẻ rất cảm kích đối với chúng tôi. Như vợ chồng anh Dennis Dingus đã tìm đến bàn luận với chúng tôi bằng xe gắn máy và tất cả chúng tôi đều được kết quả hữu ích. Mặc dù anh Dennis là tín đồ Thiên Chúa Giáo rất kiên cố, nhưng anh có tâm hồn cởi mở và có cái nhìn thẳng thắn, biết quán xét về những triết lý khác. Anh rất ngạc nhiên khi nghe tôi đã từng có mười một năm ở trường dòng, và trong ba năm cuối được sự hướng dẫn của các Thầy dòng Thiên Chúa Giáo Ái Nhĩ Lan tại trường trung học O'Dea vùng Seattle. Tôi giải thích rằng tuy không quên những nguồn gốc tốt đẹp đó, nhưng cảm thấy những gì mình đang làm là giúp cho những căn gốc đó được trưởng thành thêm. Khi xưa, khi còn là tín đồ trẻ đạo Thiên Chúa, tôi được dạy về "Sự nhận biết, về tình thương và phụng sự Chúa," nhưng tôi chưa bao giờ được học gì về Chúa. Nhưng lạ kỳ thay! Bây giờ tôi được học về điều đó ở trong đạo Phật.

Mọi người nên khuyến khích lẫn nhau để tìm hiểu thêm về tất cả các tôn giáo, để sưu tầm những điều căn bản cứu cánh, đồng thời phải bỏ đi những thành kiến quá giản dị tầm thường như: "Chúng tôi đúng, bọn họ sai." Đối với tôi, danh từ Phật Tử hay Tín Đồ Thiên Chúa, đều chỉ là những nhãn hiệu không thực thể. Tất cả những tôn giáo nên được dùng để đi đến mục đích giác ngộ, giải thoát và lìa khổ. Ngay cả đến những giáo lý cao siêu nhất trong đạo Phật cũng dạy rằng: Phải xem giáo pháp như chiếc bè, chỉ dùng nó với mục đích đưa con người qua khỏi biển khổ trầm luân để đến bờ giác ngộ. Chúng tôi và vợ chồng anh Dingus đều đồng ý rằng tôn giáo là phải hữu dụng chớ không không phải chỉ để đi theo sau. Nhiều người tín ngưỡng theo đạo là chỉ biết áp dụng tuân theo một phần rất nhỏ, còn lại bao nhiêu thì giao phó hết cho những vị giáo chủ.

Có mấy tin hấp dẫn quá! Hôm qua gọi về chùa, được biết có ông Phật tử tại gia họ Bàng đã phát tâm cúng dường một vùng đất rộng bốn mươi mẫu cho Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới để xây cất tu viện. Đất này tọa lạc cách thành phố Seattle khoảng 130 dặm về hướng bắc, nằm cạnh con sông Skagit ở Marblemount, tiểu bang Washington. Thầy Hằng Do và tôi định sẽ kéo dài chuyến hành trình, để lạy thẳng về hướng tu viện sắp được xây cất.

Ngày 28 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay lạy qua khỏi vùng Arcata và trường đại học California State tại Humboldt. Có một sinh viên luật trẻ tìm đến, và tự giới thiệu là Larry Marks, đã thỉnh vấn sư Hằng Do về những giáo lý căn bản của đạo Phật. Thầy Hằng Do không chút do dự liền đáp: "Là đừng dính mắc vào hình tướng" (vì tên anh ta là Marks, nghĩa là hình tướng). Câu trả lời cũng có vẻ khôi hài đó, nhưng nếu là tôi thì có lẽ tôi sẽ giải thích rằng: "hình tướng," thông thường được phiên dịch từ chữ Tướng của Trung Hoa mà thành. Cũng có thể dịch là: đặc tính, tướng trạng, trần cảnh, hiện tượng, trạng thái riêng biệt, hay danh hiệu v.v... Nó còn là chữ quan trọng khác được thấy qua hàng ngàn lần trong các kinh điển Phật Pháp. Như trong kinh Hoa Nghiêm có câu:

Pháp tánh bốn thanh tịnh, như không vô hữu tướng

Nhất thiết vô năng thuyết, trí giả như thị quán.

Nghĩa là:

Pháp tánh vốn thanh tịnh, vô tướng như hư không

Tất cả không năng thuyết, người trí quán như vậy.

Lại có câu:

Ư pháp bất điên đảo, như thật nhi hiện chứng

Ly chư hòa hợp tướng, thị danh vô thượng giác.

Nghĩa là:

Với pháp chẳng điên đảo, mà hiện chứng như thật

Lìa các tướng hòa hợp, gọi là vô thượng giác.

Tâm chúng sanh mê mờ không bờ bến, nhưng thể tánh của nó vốn thanh tịnh và bất diệt. Chúng ta từ vô thủy kiếp luôn bị vướng mắc bởi tính toán, phân biệt, suy tưởng, nên đánh mất thật tánh vốn vô hạn định này. Để rồi tự mình quay cuồng mê muội bởi những cảnh tượng (hình tướng) vô thường của thế gian. Chính xã hội này đã luyện tập chúng ta chấp có tự ngã, có thân, có tâm suy tính. Song thật không đúng như vậy, vì đó chỉ là những nhận thức sai lầm trầm trọng. Thật tánh hay thật tướng của chúng ta bao trùm vượt hơn tất cả những gì có hình tướng, đồng thời nó cũng không ngoài những hình tướng này. Vốn không trụ, không xứ sở và cũng không có nơi nào mà chẳng có sự hiện hữu của nó. Đây chỉ là một nghi vấn để chúng ta thức tỉnh.

Vì lẽ trên nên Thầy Hằng Do mới bảo cậu Larry là đừng dính mắc vào hình tướng.

Ngày 29 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do viết:

Phía bắc vùng Arcata, con đường lại dẫn đến đại lộ, ngoài ra không còn đường nào khác nữa. Nhưng di chuyển trên đại lộ rộng rãi, bằng phẳng có lẽ còn an toàn hơn. Nơi đây các gò cao lồi lõm đã được khóa lấp bằng phẳng, và lúc nào cũng có mức ngăn phân biệt của lề đường, giúp chúng tôi tránh xa được xe cộ. Tài xế có thể thấy rõ chúng tôi, và chúng tôi cũng có thể trông thấy xe họ rõ ràng. Nhưng có điều khôi hài là đường đại lộ chỉ dành cho xe cộ mà thôi.

Tôi bắt đầu nhận ra những căn bản của sự hành thiền, là không những chỉ dụng công vào những lúc ngồi yên thân tâm bất động, mà nó còn có ý nghĩa rộng rãi bao la hơn. Thật ra không nên bị hạn cuộc vào thời gian bắt đầu hay kết thúc mỗi lúc tọa thiền. Bởi lý do đó mà tôi muốn đặt chuyến du hành này là chuyến hành thiền - dù là đang lễ lạy, nghỉ ngơi, đi đứng, hay với bất cứ hành động gì, đều có thể áp dụng những điều căn bản cốt yếu của thiền.

Chúng tôi cắm lều bên bờ sông Điền (Mad River) có tiếng, vì nơi này vẫn còn nhiều dấu vết của cơn lụt lội vừa qua. Căn lều lưu động của chúng tôi ví như một thiền đường lý tưởng. Mặc dầu nó hơi thấp cho cái tướng cao ráo đồ sộ của sư huynh, mỗi khi ngồi thẳng thì đầu muốn đụng nóc lều. Tiếng gió thổi xuyên qua khe lá, tiếng nước sông chảy róc rách, hòa cùng âm vang xe cộ ồn ào trên đường lộ, trong đêm tối đầy lạnh lẽo. Sáng mai đã tới rồi.

Ngày 30 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Do Viết:

Cũng như thường lệ, hôm nay khoảng 11 giờ, lúc chúng tôi đang dùng cơm bên lề đường, có ông khoảng bốn mươi lăm tuổi, tướng người nhỏ nhỏ, đi bộ đến với vẻ sững sốt ngạc nhiên. Ông tự giới thiệu là Robert Alexander. Trong bộ quần áo cũ kỹ và cái nón bẻ vành lại thêm dáng điệu nhanh nhẹn lanh trí. Ông tỏ vẻ thất kinh khi nhìn thấy chúng tôi ăn - không phải vì ăn nhiều, mà bởi vì thấy chúng tôi bỏ thức ăn vào chung lộn xộn. Ông bảo rằng ăn như vậy tức là không đúng cách. Vì đối với ông chỉ dùng một loại thực phẩm cho mỗi bữa ăn thôi và ăn sống tức không cần phải nấu nướng chi. Ngay cả đến các loại đậu, trái cây hay các loại ngũ cốc, chỉ cần ngâm nước cách đêm.

Ông vừa nói vừa nhún nhảy, chứng tỏ một thân thể sung sức, với một tâm hồn hình như lúc nào cũng muốn rượt bắt lấy chính nó. Ông nói là dự định xây cất một trung tâm tôn giáo thuộc chủ nghĩa Chiết Trung (Eclectic), hay một tu viện trên mảnh đất mười hai mẫu của ông, gần Trinidad, một thành phố nhỏ ở phía bắc. Ông bảo khi nào chúng tôi đi ngang qua vùng đó thì xin mời ghé lại nhà ông. Được một lúc, ông từ giã, rồi đưa ngón tay cái ra dấu xin quá giang với mấy cậu sinh viên từ vùng Arcata. Sự yên lặng trở lại sau khi ông đi khỏi, khiến cả buổi gặp gỡ này, dường như là hư ảo. Sau bữa cơm trưa, Thầy Hằng Cụ tiếp tục lễ bái, còn tôi ở lại rửa chén và thu dọn đồ đạc chất lên xe kéo.

Vì có rất nhiều người thường hay đến hỏi thăm chúng tôi với những thắc mắc giống nhau, nên lúc ở Arcata, chúng tôi có in sẵn một số danh thiếp, viết như sau:

Chúng tôi là hai Tu sĩ Phật Giáo ở chùa Kim Sơn, 1731 đường 15, tỉnh San Francisco. Trong vòng vài tháng sau, chúng tôi sẽ đi suốt một ngàn dặm từ San Francisco đến Marblemount, tiểu bang Washington, cách thành phố nhỏ Seattle khoảng 130 dặm về hướng bắc. Và nơi này, trong tương lai sẽ thành lập một tu viện Phật Giáo. Thầy Hằng Cụ phát nguyện lễ lạy theo lối tam bộ nhất bái, và Thầy Hằng Do phát nguyện đi theo hộ trì cùng lễ bái. Chúng tôi hy vọng qua việc làm này, các vị Thánh, Thần chiếu có thể gian sẽ động lòng mà bảo hộ an lành. Nguyện cầu tất cả chúng sanh trên thế giới, mỗi

người sẽ tự tu tập để dẹp bỏ tham, sân, si trong lòng mình. Chúng tôi tin rằng duy chỉ có cách này mới đem đến hòa bình thật sự và vĩnh cửu.

Thành Kính,

Thích Hằng Cự & Thích Hằng Do

---o0o---

Lúc đầu chúng tôi phát ra hàng trăm tờ như trên, nhưng sau đó thì quyết định không dùng đến giấy nữa mà tự mình đích thân trả lời các câu hỏi.

Ngày 31 Tháng 1 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Vừa lạy ra khỏi vùng McKinleyville, lại gặp đại lộ nằm gần bờ biển. Đến xế chiều, trong khi lạy lên dãy đồi dài nhằng, ý nghĩ khát nước cứ lảng vảng khởi dậy trong tâm tôi. Thầy Hằng Do cũng không có gần bên từ khi mấy cái bánh xe bị trục trặc. Bỗng nhiên, có chiếc xe Van ngừng hẳn trước tôi, và một thiếu phụ trẻ bước xuống xe trao cho tôi tách trà nóng có pha chút mật ong. Tôi im lặng nhận lấy, lòng thầm cảm ơn, và bắt đầu uống. Bà này còn lấy ra một nắm lá khô xanh, rồi khởi sự xoa chà lên trán tôi. Bà nói những lá này thuộc giống Bạc hà (mint), sẽ giúp tôi có cảm giác êm dịu nhẹ nhàng. Tôi cũng cảm được như vậy và định nói vài lời, nhưng nghĩ rằng cũng không cần thiết lắm, và lại tôi cũng chẳng biết nói chi. Chúng tôi cùng lặng thinh. Tôi tiếp tục nhấp từng ngụm nước trà. Khi tôi giao trả tách không, bà nói hy vọng chúng tôi may mắn, và trước khi ra về, còn bảo rằng bà thật vui mừng về việc chúng tôi lễ lạy cho thế giới hòa bình.

Thầy Hằng Do rồi cũng trở lại cùng tôi lễ bái được sáu dặm, và bây giờ dựng trại trên mỏm đá cao hơn bờ biển cả trăm dặm. Chiếc lều nặng năm pounds (hơn hai ký) của chúng tôi lại một lần nữa chứng tỏ sự trung thành của nó, sẵn sàng dầm mình trong cơn bão đang thổi đến từ hướng tây nam.

Ngày 1 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi hiện đang ở chỗ của ông Robert Alexander. Nơi này cũng phản ảnh được phần nào nhân phẩm của ông. Rải rác đó đây, xen lẫn với cây cối có khoảng mười chiếc xe buýt loại chở học sinh, nay đã được sửa thành chỗ tạm trú cho sinh viên. Lại có cả hơn chục rưởi xe phé thải, cùng mấy gian nhà điều tạn không mái nóc của phòng ngủ motel cũ kỹ. Có một dòng suối

mát trong trẻo, và cái điện thoại được ông Robert gắn vào thân cây gần bên rất tiện lợi.

Trên đường lẽ lạy ngang vùng Crannell, thấy có khu phố do một trong những công ty gỗ có tiếng đã dựng lên cho các nhân viên và gia đình họ cư ngụ. Nhưng bởi một vài lý do nào đó mà khu phố không còn hiện hành nữa, mà nay đã trở thành một làng ma tân thời trong rừng vắng.

Sau đó có chiếc xe chở đầy những tín đồ đạo Thiên Chúa, dòng Phúc Âm ngừng lại, và bảo rằng Thầy Hằng Cự là một kẻ tội lỗi vì "đổi trước Chúa, Thầy đã không có một điều thiện nào cả."

Thầy Hằng Cự nói với họ rằng, Thầy không phải là thiện mà cũng không phải là bất thiện. Tôi không nghĩ là họ được tự quyền chấp nhận lý lẽ như vậy. Thật ra, đó cũng giống như đặc tính của nhiều người, là cố ra công muốn chuyển hóa chúng tôi ngay tức khắc: Nếu anh không được cứu rồi thì anh là kẻ có tội. Nếu anh không được mãi mãi ở thiên đường tức là anh sẽ bị đọa địa ngục đời đời. Và nếu anh không là một trong nhóm người của họ, tức nhiên là anh thuộc về bộ hạ của đám ma vương. Thành kiến của họ là như vậy, không có sự lựa chọn nào khác hơn.

Nhưng thực tế, nếu ta chịu suy nghĩ kỹ điều này, thì chẳng có gì tốt mà không có xấu trong đó. Không nơi nào hoàn toàn tối mà không có ánh sáng. Mọi sự vật đều có mối liên hệ hỗ tương rõ ràng, và Thuyết Nhị Nguyên (Thuyết Đối Đãi) sẽ trở thành vô nghĩa nếu không có cái đối ngược với chúng. Mục đích của đạo Phật là đạt đến cảnh giới vượt ngoài tất cả những đối đãi. Ngay cả đến cái gốc đối đãi của sanh và tử cũng phải vượt ra khỏi, tất mới thành công. Riêng cá nhân tôi cũng vẫn chưa vượt khỏi cái đối đãi của mỗi mọt và không mọt, cho nên sự bàn luận này sẽ được tiếp tục vào ngày mai, để tôi có thể nghỉ ngơi một chút.

Ngày 2 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Trời hôm nay thật lạnh và gió nhiều, chúng tôi đang tiến gần đến vùng Trinidad. Khoảng 9 giờ sáng, thấy có chiếc xe chở đầy những người bạn cũ đến trong bất ngờ. Chúng tôi có một bữa tiệc thịnh soạn, chan chứa thật nhiều tình nghĩa. Giáo sư Ron Epstein (Quả Dung), dạy triết học ở trường San Francisco State cũng đến. Đi cùng với ông, gồm vợ chồng Quả Chu, Quả Tải Round và Steve Berman. Anh Steve ngỏ lời mời chúng tôi về nhà nếu mai này đi ngang qua vùng Trinidad. Quả Chu Round cũng đã tốt

nghiệp trường Harvard như Quả Dung, anh là một trong những người hiếm có, vì anh không những chỉ tin tưởng mà còn áp dụng thực hành theo những đạo lý căn bản Phật giáo nữa. Dù nhà anh cách xa San Francisco, về hướng bắc khoảng bảy mươi lăm dặm, nhưng mỗi tuần đều dành ra một ngày để đến tu viện làm công quả và hành thiền. Sự tu tập của anh cũng bắt đầu có kết quả qua việc sắp phát hành tập truyện dài đầu tay với tựa đề là "Chuyến du hành của Celebrisi" (Celebrisi's Journey). Cuốn sách này được xem như là sự thay đổi nhanh chóng của một người đàn ông ở New Jersey, bắt đầu có kinh nghiệm về sự khai tâm. Câu chuyện kể về những cảm xúc của ông trong những chuyến đi mạo hiểm vùng đất Mỹ Châu trong trạng thái hãy còn mê ngủ, đại khờ để tìm kiếm sự dẫn đạo chánh đáng cho tâm linh. Quả Tải, vợ Quả Chu, cũng là một nhà giáo ở trường Berkeley, đã chuẩn bị bữa cơm trưa nóng hổi cho chúng tôi gồm những rau cải do chính tay chị trồng lấy.

Hiện trời đã về đêm, chúng tôi vẫn còn nghỉ lại trên mảnh đất kỳ quặc của ông Robert Alexander.

Ngày 3 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Do viết:

Qua khỏi vùng Trinidad, đại gia đình nhà họ Whittenbergs tìm đến. Sau khi lần lượt tự mình giới thiệu, rồi trao tặng thức ăn và trà cho chúng tôi, họ còn bảo rằng sẽ đi thăm viếng tu viện Kim Sơn ở San Francisco. Chiều tối, anh Steven Berman cùng vợ là Felicia chở chúng tôi về nhà. Anh Steve vừa thổi sáo vừa hát bài ca Phật giáo cổ truyền bằng tiếng Tàu. Bài hát nhắc đến một đệ tử của đức Phật là ngài Mục Kiên Liên, vừa khai thông thiên nhãn, nên có thể nhìn thấu suốt khắp mọi nơi trong vũ trụ. Khi thấy mẹ mình đang bị thiêu đốt dưới địa ngục, Ngài bèn thưa hỏi đức Phật để tìm phương cứu vớt: "Bạch Thế Tôn có bao nhiêu con đường dẫn đến Linh Thứu sơn."

Đức Phật đáp: "Có cả muôn vạn và nhiều hơn nữa. Hàng muôn vạn. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật !"

Có đoạn diễn tả thật sâu sắc mà hôm trước tôi định đề cập đến:

Khí hữu trước không, bệnh diệc nhiên

Do như tị nịch nhi đầu hỏa

Xả vọng tâm, thủ chân lý

Thủ xả chi tâm thành xảo ngộ.

Nghĩa là:

Bỏ có níu không, thế cũng bệnh,

Khác nào trốn nước sa vào lửa.

Buông vọng tâm, giữ chân lý,

Tâm giữ buông cũng là xảo ngộ.

Điểm sai lầm là sự bỏ cái có để dính mắc cái không, cũng giống như tránh né bị chết chìm, nhưng lại nhảy vào lửa. Như có người chối bỏ vọng tâm để cố giữ chân lý, nhưng chính những ý nghĩ về chối bỏ hay cố giữ cũng chỉ là một giả kế khéo léo mà thôi.

Đó là đoạn văn xuôi được dịch từ những câu thơ trong "Chứng Đạo Ca" do Thiền sư Vĩnh Gia, một vị cao tăng đức độ người Hoa sáng tác.

"Bỏ cái có để dính mắc cái không" là cũng như ưa thích một vật mà vật này lại liên quan đến vật khác. Như bảo rằng màu xanh dương tốt hơn màu xanh lá cây vậy. Sai lầm này cũng như "tránh né bị chết chìm, nhưng lại nhảy vào lửa." Nếu bạn khăng khăng cố chấp bám níu chỉ một bên mà không chịu thừa nhận cái giá trị của bên kia, tức bạn đang tạo một lỗi lầm khủng khiếp về mặt tinh thần. Con đường để tránh lỗi lầm đó là nhận thật được cả hai mặt của đồng xu mới tạo nên sự hiện hữu thật sự của nó.

"Như có người chối bỏ vọng tâm để cố giữ chân lý," câu này nhắc tôi nhớ đến những người đã nói rằng: "Chúng tôi đúng, chúng tôi là đại diện cho sự thật, vì thế ông là kẻ sai lầm." Tương tự như những lúc chúng tôi tiếp chuyện với những người truyền đạo, họ thường có thái độ như thế, bởi chính những giáo điều của họ bao hàm ý nghĩa của sự đối đãi.

"Nhưng chính những ý nghĩ về chối bỏ hay cố giữ cũng chỉ là một giả kế khéo léo mà thôi."

Câu này có nghĩa là tất cả những sự tương phản, trái ngược nhau đều phát xuất từ một nguồn duy nhất, và khi chúng ta đạt được điều này tức sẽ nhận

ra ngay tất cả những công sức chấp trước về "thật" và sự từ bỏ cái "giả" đều là ảo tưởng, không thật.

Đó không có ý là ta có thể mặc sức buông lung trên đường du hành rồi còn biện hộ rằng ta không nên chấp mắc vào đúng sai. Mà có nghĩa là nếu cảnh giới tâm linh mình hạn cuộc vào những quan niệm nhị nguyên, của phải hay quấy, của thật hay giả thì mình sẽ không bao giờ tương ứng, mà thể nhập vào được cái nhất nguyên của lý hiện hữu, là cánh cửa đưa mình đến cảnh giới cao hơn.

Ngày 4 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Phía bắc Trinidad, xa lộ cũ 101 chạy dọc theo bãi dốc đá, còn đại lộ lại nằm gần hướng đất liền. Chúng tôi chọn tuyến đường xa lộ cũ vì an toàn hơn - ít xe cộ và phong cảnh lại tuyệt diệu. Trong khi lạy, chúng tôi nhìn thấy những đợt sóng biển không ngớt đập vào, tạo nên những bọt nước xanh hòa trắng, ào ạt tràn lên những phiến đá phún thạch nhô lên trông như những hòn đảo nho nhỏ. Tiếng sóng biển vỗ âm âm trong bầu không khí đầy hơi nước, khiến chúng tôi phấn chấn, tinh thức lên thêm.

Sau bữa cơm trưa, có hai ông Ái Nhĩ Lan tuổi khoảng trung niên lái chiếc Volvo nhỏ ngừng lại hỏi chuyện. Cả hai tỏ vẻ ưa thích về khuynh hướng triết lý, chỉ có điều là đang say rượu chút đỉnh, nhưng chúng tôi cũng đã cùng nhau trao đổi ý kiến rất lý thú. Họ thắc mắc rằng chúng tôi đã từng có những kinh nghiệm "bất thường" gì với Sư Phụ không. A ha! Điều này tôi có thể nói đến tràng giang đại hải cũng còn được. Nhưng tôi chỉ kể cho họ nghe về câu chuyện mà tôi chợt nhớ ra trước nhất.

Nguyên là mấy năm về trước, khi mới đến tu viện, tôi được giao cho phận sự rửa chén. Hôm đó nhằm ngày chủ nhật, lại có lễ lớn, nên có thêm thật nhiều chén bát và tôi phải bị kẹt lại để rửa. Sau bữa cơm trưa, mọi người tụ họp từng nhóm nhỏ để trò chuyện và uống trà. Tôi bắt đầu cảm thấy chán nản, nên thầm nghĩ: "Chẳng có ai muốn giúp mình cả, có ai thèm để ý đến mình đâu!" Nhìn đồng chén đĩa dơ, tôi phát nghĩ đến chuyện muốn bỏ lên lầu để cuốn gói đồ đạc. Đang đứng tần ngần trước bồn chén trong nỗi tủi thân uất ức, tình cờ nhìn lên, thấy Sư Phụ đang đứng phía bên tay mặt, cách tôi khoảng năm bước với nụ cười tươi. Rồi bỗng nhiên Ngài bắt đầu nói trống, la lớn vô cớ thấy rõ. "Người làm bẻ nhiều chén đĩa quá đi!" Vì Ngài nói bằng tiếng Anh không rành rẽ: "Nhiều chén đĩa bị rung rinh quá (bẻ)!"

Tôi giựt mình choáng váng, không nói được lời nào, những ý tưởng chán nản lẻ làng chuyển sang biện hộ cho mình: "Cái gì mà kỳ vậy! Cả tháng nay mình đâu có làm bể cái chén nào đâu! Chẳng biết Sư Phụ đang nói chuyện gì mà kỳ vậy cả?" Nhưng tôi chẳng nói ra được lời nào, mà chỉ biết "Ồ, ơ, ơ, ơ..." ấp a ấp úng, câu trả lời hay nhất mà tôi nghĩ ra được thế thôi. Rồi trong phút chốc, Ngài đột nhiên biến mất, cũng như lúc xuất hiện vậy. Tôi cố suy nghĩ để biết chuyện gì mà kỳ cục quá, nhưng không tìm ra lý lẽ. Vài phút sau, tôi như quên đi câu chuyện vừa qua vì bận lo rửa chén. Lúc nhìn về phía bên phải, tôi thấy một chuyện xảy ra, thật không thể ngờ. Ai đó đã chắt chông đồng chén đĩa vào trong một cái chảo lớn đáy tròn. Vì chắt cao quá nên cái đĩa trên cùng bắt đầu làm cả chông đĩa rung rinh theo. Vừa lúc nhìn về phía đó thì cũng là lúc chúng thi nhau đổ ào xuống nền xi măng, bể văng tung tóe những mảnh vụn khắp nơi. Giá trị số chén đĩa bị bể này cũng cỡ khoảng hơn ba mươi đô. Chỉ có mình tôi đang ở bên cạnh đồng chén đĩa, coi như chính tôi là thủ phạm đã gây ra. Lúc đó mọi người chạy ủa ra xem xét sự tình, và tôi mới chợt hiểu được những gì Sư Phụ vừa nói.

Trước đây thì còn nghi ngờ này nọ, nhưng bây giờ chẳng có gì để thắc mắc nữa, biết rằng mình mới chứng kiến được sự biểu hiện một năng lực vượt xa hẳn phạm vi tri kiến của phàm phu. Từ đó về sau tôi bắt đầu để ý và hiểu rằng, thì ra lúc nào Sư Phụ cũng luôn để tâm trông chừng bọn đệ tử. Ngoài ra còn nhiều sự việc khác cũng tương tự như vậy, thật không thể nào đếm hết được, chúng tỏ rằng Sư Phụ luôn "bên cạnh chúng tôi." Tôi biết chuyện này nghe qua có vẻ như phi lý quá, nhưng thật là thế, đối với những ai đã từng có những lúc gần gũi tiếp xúc ở Tu viện thì đều biết rõ cả. Sư Phụ gọi cách giáo hóa này là "Sự giáo hóa từ trong ra ngoài."

Hai anh triết học thích chí tức cười về câu chuyện, ra vẻ trong tình thần cao hứng.

Hiện chúng tôi đang cắm lều ở công viên Patricks Point của tiểu bang, rộng mênh mông với một rừng cây lá xanh tươi trên những bờ dốc biển nhấp nhô. Nơi đây, ngoài những nhân viên canh giữ, cả vùng như thuộc về chúng tôi.

Ngày 5 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Vì hôm nay thời tiết quá xấu nên chúng tôi vẫn ở nán lại trong công viên. Cả ngày cứ hết đọc sách, ngồi thiền, rồi lại tản bộ dọc theo các ghềnh đá và nghỉ ngơi. Tối đến, chúng tôi cùng nhau trao đổi giáo lý và học ôn chữ Trung Hoa. Tôi có riêng cuốn tự điển tiếng Trung Hoa loại bỏ túi, và vẫn thường

dùng nó để tập luyện với sư Hằng Do trong những lúc rảnh rỗi. Tiếng Trung Hoa của Thầy Hằng Do rất giỏi. Thật ra Thầy Hằng Do là người rất phi thường với nhiều đức tánh đáng chú ý như khỏe mạnh, cần mẫn, sốt sắng, kỹ lưỡng, có trách nhiệm, thông minh, và nhạy cảm. Dù là đang gắn ráp ống nước, rửa phim, phiên dịch kinh điển, nướng bánh mì, kiết già tọa thiền, hoặc căng tấm lều nặng năm pounds (hai ký rưỡi) trên những ghềnh dốc đá, Thầy đều rất tỉ mỉ và rõ ràng, như làm việc được trả tiền lương vậy. Thầy chăm chú cân nhắc đầu đó rồi mới bắt tay vào việc cho đến khi hoàn tất.

Dĩ nhiên là nếu tôi cứ đưa ra những ưu điểm thì sự đánh giá phê bình này sẽ không thành thật cho lắm. Nên tôi phải thêm vào, cũng không có lỗi gì gọi là quá tệ, nhưng nhiều lúc Thầy Hằng Do xử sự có vẻ hơi theo ý riêng mình. Có những lúc Thầy như rơi vào trạng thái đăm chiêu thâm trầm, thấy như khó mà giải tỏa được, khiến tôi cũng bị lôi cuốn theo. Mỗi khi nhìn thấy "điều đó" hiện lên nét mặt Thầy là tôi biết ngay mình có chỗ nào đó, lúc nào đó... đã làm sai sót điều gì rồi.

Những lúc như vậy, tôi tự kiểm điểm lại những gì mình đã làm lỗi, và tìm cách hòa giải những mối bất đồng. Thường thì tôi vẫn nói: "Này Thầy Hằng Do! Mình tạm ngưng một chút để uống sô cô la (chocolate) nóng nhé!" Trong suốt cuộc hành trình, nhiều lần pháp sô cô la nóng này thường giải quyết các vấn đề của hai chúng tôi hơn là những cách khác mà tôi có thể nghĩ ra. Thật ra tôi cũng tự thấy mình có lúc hành động thiếu suy nghĩ, nhưng sau khi gốc rễ của những chuyện vớ vẩn đó bị nhổ đi, Thầy Hằng Do vui vẻ trở lại và tinh tấn thêm, còn tôi thì trở lại cái bản tánh đôi lúc hơi khá ó dể ghét. Và rồi chúng tôi cùng nhau trở ra mặt lộ để tiếp tục lên đường.

Ngày 6 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cụ viết:

Chúng tôi lạy được năm dặm, hiện cắm trại trên bãi cát biển, và nhúm lên ngọn lửa vui mừng nổ vang tí tách. Hôm nay khi đi ngang qua vùng Big Lagoon, tôi cảm thấy khoảng đường này có vẻ gì hơi lạ. Trong lúc lạy dọc theo đầm nước, tôi bắt đầu mất đi cảm giác về không gian và thời gian. Con gió nặng nề mang theo hơi nước từ biển thổi vào. Tôi có cảm tưởng mình như đang đứng tại chỗ mà lẽ lạy, dĩ nhiên trong khi tất cả những cảnh vật ở thể gian vẫn lướt qua tôi. Có lẽ vì tình trạng ý thức bị kích thích không mạnh mẽ như của mắt vậy. Phong cảnh bao la và con đường nhỏ hẹp của xa lộ chạy mát hút như sợi chỉ dài vô tận tới chân trời, giúp tạo nên thành quả. Nhưng dù sao tôi cũng phải tự ghi vào sổ cho mình là đã lạy liên tục không

ngừng nghỉ được hơn một dặm một phần tư. Sức lực càng lúc càng gia tăng, tôi cảm thấy khỏe khoắn vô cùng.

Ngày 7 Tháng 2 Năm 1971. Hằng Cự viết:

Vừa lạy được hai dặm, nhưng thấy cơn bão to sắp sửa kéo đến nên chúng tôi buộc phải tìm chỗ ẩn náu. Hiện chúng tôi đang dựng lều trên bãi đất của một xưởng gỗ lớn. Đôi khi nghĩ lại mà cảm thấy rùng mình trong cảnh trôi giạt lang thang như vậy. Chúng tôi như những chiếc lá bị gió mùa thu thổi bay qua một hành tinh xa lạ và tiếp tục bay trong sự im lìm, không dính mắc vào đâu, chỉ lặng lẽ trôi lăn trong tình giác.

Ngày 8 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Trời vẫn đổ mưa, chúng tôi vẫn ở chỗ cũ đây ẩm ướt. Những lúc như hôm nay thật ê chề chán nản, vì chẳng làm được gì hơn là phải chờ đợi. Cũng còn may là chúng tôi có thể hành thiền.

Trong kinh Hoa Nghiêm có câu: "Tánh không tức là Phật."

Nhiều người chỉ biết chấp mắc vào cảnh vật nên quên mất chẳng quay về với chân tánh, vốn đầy đủ tứ đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Giác linh sẵn có này đã bị che lấp bởi những nghiệp thức hạn cuộc, và hầu hết chúng ta đều không biết đến. Trong những ngày mưa gió, cũng là dịp tốt cho chúng tôi ở lại trong lều để tham thiền, suy ngẫm những điều này.

Ngày 9 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Mặc cho mưa gió, hôm nay chúng tôi vẫn trở ra đường. Chẳng thà bị ướt mà có tiến bộ, hơn là khô ráo mà chểnh mảng.

Hiện chẳng phải hòa hợp, khứ lai cũng như vậy

Tất cả pháp vô tướng, đây là chân thể Phật.

Những lời này xuất phát từ kinh Hoa nghiêm, thật khiến tôi suy tư về tất cả những kinh nghiệm này. Chúng tôi đã không ngừng di chuyển, điều này cũng dễ hiểu thôi, vì thật ra cũng chẳng có gì để bám víu. Tôi nghĩ nếu đẹp được thời gian cuộc đời qua được một bên thì rất hay, như vậy ta mới có thể tạm thời buông bỏ hết tất cả để chỉ đơn thuần làm người không dính mắc.

Đó chính là bài học thực tế rất giá trị. Có nhiều chuyện tự mình tưởng là quan trọng, nhưng thật ra chúng chẳng là gì cả. Ví như có thể nói là: Ở vào trình độ cao thâm, sẽ thấy không có gì thật là vấn đề cả. Sự vật chỉ là những hình tướng đơn thuần của chính nó thôi. Đây là đạo lý cao siêu mà mọi người nên cố gắng để thâm nhập. Một khi ta hiểu được căn bản tất cả chỉ là không, thì mới có thể trở về với lối sống hiện tại, thật sự vững vàng. Khi đó ta sẽ nhận rõ ra được cái ta thật thế sẽ là gì, và có thể lẫn mình phần đầu để có một cuộc sống xứng đáng. Sự vật trên thế gian này thật, giả đều lẫn lộn nhau, và chỉ tùy theo cái nhìn của mỗi người. Cho nên có câu: Tất cả các pháp là giả, là không, song cũng chính các pháp này lại thể hiện lên cái hiện thực. Dù ở trường hợp nào đi chăng nữa, tốt hơn là xây dựng một nền tảng vững chắc, một trung tâm bất động, thì chúng ta mới có thể quán xét và xử lý được với những biến chuyển đa dạng của sinh tử.

Ngày 10 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi cắm trại trên bờ biển, cách thành phố Crescent khoảng bốn mươi dặm về hướng nam. Tôi có thể nghe bao âm thanh hòa nhịp của sóng biển âm âm dồn dập, tiếng gió rít vi vu, tiếng lửa nổ vang tí tách và tiếng hòa đồng, hợp xướng của tám vạn bốn ngàn con ếch nhái trong cái vũng đầm ở phía sau chúng tôi. Ngọn lửa hồng trong đêm đen lạnh rét như có một cái gì thật là êm đềm tuyệt diệu, nên tôi có thể ngồi hàng giờ để nhìn ánh lửa và lắng nghe âm thanh của nó. Lửa trại này thật thuận tiện cho việc hong khô áo quần, nấu nước pha trà và cả việc hâm đậu cho bữa trưa mai, nó như còn có một cái gì thu hút, luôn được chào đón mỗi khi màn đêm buông xuống, tôi cũng chẳng biết vì sao.

Theo sự tính toán thì hiện chúng tôi đã lặn được 379 dặm đường, dọc theo lộ trình bờ biển. Nếu dùng theo tuyến đường trong đất liền thì lộ trình sẽ ngắn hơn, chỉ cách San Francisco 308 dặm thôi. Sư huynh Cự đã phải bao lần đập vá lại miếng vải bao nơi đầu gối, mấy bánh xe kéo cũng đã bốn lần đổi thay và chúng tôi cũng đã tiêu thụ mất hàng mấy cân bột sữa rồi. Sau trận lụt lớn cho đến nay, chỉ có khoảng bốn hay năm ngày mưa, ngoài ra thì thời tiết cũng khá tốt. Từ lúc rời khỏi vùng Humboldt Bay, chúng tôi tiến vào một địa thế tuyệt đẹp với những cây Hồng mộc (redwood) và những cây tùng (Douglas) về phía Redwood National Park, một công viên mới nhất của quốc gia.

Ngày 11 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Do viết:

Lại một lần nữa chúng tôi cắm trại trên bờ biển về hướng nam của thành phố Orick, nơi này với danh gọi là "Cổng vào công viên quốc gia." Dụng lều xong, tôi gom góp mấy khúc gỗ từ biển tấp trên bờ, chất thành đống lớn. Vừa mới nhúm lên ngọn lửa thì có ông cảnh sát khu vực tìm đến. Tin chắc là thế nào mình cũng bị đuổi vì tội cắm trại ở bờ biển và ngọn lửa cũng sẽ bị dập tắt dưới gót giày. Ngạc nhiên thay, ông lại nói: "Chào! Chỗ này cắm trại lý tưởng quá há!" Đó là ông James Kennedy, chỉ đến để trò chuyện và xem nếu chúng tôi có cần gì không.

Lúc trong ngày đang lẽ lẹ, có ba nhân viên sửa đường chăm chú quan sát Huynh Cự đang miệt mài cọ quét ngang qua chiếc xe vận tải lớn chở đồ phế thải của họ. Sau đó một lúc, anh tài xế lên tiếng hỏi thăm vài chuyện về chuyến đi của chúng tôi. Thấy rõ mấy anh này lộ vẻ hơi căng thẳng khi nói chuyện với tôi. Cũng dễ hiểu thôi, có lẽ họ đã từng nghe nhiều chuyện kỳ dị về chúng tôi rồi, nên mới tỏ vẻ ngần ngại khi tiếp xúc với tôi vậy.

Một anh hỏi chúng tôi mỗi ngày có tiến bộ không.

Tôi đáp: Có.

Và đây là dịp để tôi kể lại câu chuyện bị nạn về lá sồi độc ở vùng Bodega Bay. Dù chuyện xảy ra đã lâu, nhưng đến nay khi nhắc lại, câu chuyện cũng vẫn còn rất khôi hài lý thú. Khi nghe có người dùng lá sồi độc để thay cho giấy vệ sinh, ai nấy cũng ôm bụng cười lăn. Tôi diễn tả câu chuyện một cách thật hài hước khiến mấy anh công nhân này áp nhau cười rần. Trước khi lái xe đi, họ cũng đã chúc lành và khen ngợi mục đích việc làm của chúng tôi.

Tôi tin rằng ảnh hưởng tai nạn của lá sồi độc sẽ nhắc nhở cho mọi người biết chúng tôi cũng là người như mọi người, cũng có lỗi lầm như bao người khác. Câu chuyện này sẽ như chiếc cầu nối liền khoảng trống, mà lắm khi trong lúc giao thiệp có thể xảy ra.

Ngày 12 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Trong cơn mưa lất phất, chúng tôi lẹ đến vùng Orick. Vừa vào khu phố thì có vài chiếc xe bóp còi inh ỏi chạy lướt qua chúng tôi, chắc là từ đám học sinh trung học ở vùng này. Nhưng chỉ vậy thôi, không có gì xảy ra. Có bà nội trợ, tuổi khoảng trung niên đã cố thuyết phục tôi vào đạo của bà. Đến

trung tâm thành phố, lúc đi ngang qua tiệm bán bánh mì " I'm a hamburger" (Tôi là bánh hèm bơ bơ, loại bánh mì kẹp miếng thịt bò xay nhuyễn), có mấy chiếc xe hàng tập vào phía trước, rồi tài xế đến hỏi han vài câu. Tuy họ không hiểu nhiều gì về đạo Phật, nhưng chắc chắn rất hiểu về những dặm đường mà chúng tôi đã lạy qua. Họ tỏ vẻ rất cảm kích khi biết chúng tôi đã lạy được hơn 300 dặm đường.

Chiều xuống, chúng tôi gặp anh Tom Carter cùng vợ là Sunny và được mời về nhà nghỉ tạm nơi phòng khách. Chúng tôi mua bột mì ở tiệm, nơi anh Tom đang làm việc. Rồi sau đó đã sản xuất ra được ba ổ bánh mì cho ảnh chị và ba ổ cho chúng tôi. Buổi tối chúng tôi vừa uống trà vừa bàn luận Phật pháp.

Ngày 13 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Khi đi ngang qua dãy nhà trọ cho thuê Mosely Motel ở đường Dawson, bà Mosely đích thân ra mời chúng tôi vào uống cà phê. Vì đang trong tình trạng xăng dầu khan hiếm, nên những phòng ngủ cho mượn của bà còn rất nhiều chỗ trống. Mặc dù được bà dành riêng một phòng để nghỉ qua đêm, nhưng chúng tôi từ chối và quyết định tiếp tục lên đường, đến cuối ngày cũng tìm được một chỗ khá tốt, cách xa lộ để dựng lều. Trời về đêm rất yên lặng, chỉ nghe tiếng dế, cóc kêu thoi. Thầy Hằng Do đang cặm cụi nhóm lửa để nấu đậu cho bữa trưa mai.

Diệt như hỏa tánh nhất, năng thiêu nhất thiết vật

Hỏa diệt vô phân biệt, chư Phật Pháp như thị.

Nghĩa là:

Cũng như lửa một tánh, thiêu đốt tất cả vật

Lửa cháy không phân biệt, pháp chư Phật như vậy.

Bài kệ này được trích từ kinh Hoa Nghiêm, nói về tánh vô ngã. "Lửa cháy không phân biệt," tuy lửa không có tâm thức nhưng diệu dụng của nó thật hoàn hảo. Đó là kết quả đơn thuần của các nhân duyên đã hội đủ. Tâm cũng không có tự ngã và nếu không có sự cảm thọ về cái ngã thì nó cũng có cái diệu dụng hoàn hảo, luôn luôn dung hòa với hoàn cảnh, không có vấn đề gì. Tất cả các pháp cũng như vậy, chỉ có thể thoi. Nếu mọi sự vật đều theo đúng

nguyên tắc căn bản này thì dù cho cái "ngã" có nổi lên hay không thì cũng không thành vấn đề.

Ngày 14 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Phía bắc Orick, chúng tôi tiến dần vào đất liền và đang ở giữa vùng công viên Redwood National. Cả vùng mênh mông này chỉ có chúng tôi và những cây cổ thụ: có mấy cây già đến ba ngàn tuổi, nghĩa là chúng đã có mặt trên trái đất này ngay cả trước thời của đức Phật! Phong cảnh nơi đây có vẻ an lạc quá!

Hôm nay có chiếc xe thơ ngừng lại trên xa lộ, và anh phát thơ xuống xe đi về phía Thầy Hằng Do đang lạy bên lề. Thì ra chúng tôi có món quà đặc biệt do ông Bob Olson, giám đốc công ty điện Olson ở San Francisco gửi biếu một hộp đậu (nut) to tướng, có cả lá thơ từ Chùa Kim Sơn nữa. Trong thơ nói rằng mọi người rất thích thú về chuyến du hành qua những bài tường trình do chúng tôi gửi về. Giờ đây chúng tôi cắm trại ở công viên Prairie Creek State về phía bắc. Có một đàn nai đông đảo đang ủa nhau chạy lướt qua cánh đồng trống.

Ngày 15 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Lạy được ba dặm trước khi Quả Quy Nicholson cùng người em họ là Margaret đem cơm trưa đến và tặng cho chúng tôi hai cái áo khoác nylon bằng vải dù. Thấy trận bão to sắp sửa kéo tới, nên trước khi ra về, mấy ảnh chở chúng tôi đến một căn nhà bỏ hoang nằm phía trên bờ sông Klamath. Màn đêm buông phủ, tiếng gió hú quái đản len lỏi qua các khe cửa kiếng bể, khiến mấy tấm ván lỏng sút đỉnh phát kêu kèn kẹt, hòa cùng những âm thanh vang rền của bọn côn trùng ếch nhái.

Trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ:

Diệc như phong tánh nhất, năng xuy nhất thiết vật

Phong vô nhất dị niệm, chư Phật Pháp như thị.

Nghĩa là:

Cũng như gió một tánh, thổi động tất cả vật

Gió không nghĩ đồng khác, pháp chư Phật như vậy.

Những tác dụng chịu đựng của gió và tất cả vạn vật của thiên nhiên đều thật không thể nghĩ bàn. Đã không một ai hay một nhân vật nào có thể sai khiến được chúng cả. Những sự việc xảy ra của thiên nhiên là vô ngã. Và lạ kỳ thay! Con người cũng giống vậy thôi. Câu trên đã phân tích rằng: Gió vốn vô tâm phân biệt, hoặc nó đâu có thể tự gọi là gió. Trong đạo Phật gọi đó là chân đế hay sự thật tuyệt đối của vô ngã.

Bao thế kỷ trôi qua, Thiên tông đã dùng phương pháp tham thiền hướng dẫn thiền sinh tìm đến chân thật này bằng câu hỏi "Ai?" Bởi hằng suy tư trong tỉnh giác với câu hỏi này, đồng thời mục kích những hành vi của thân tâm, ta mới có thể nhận ra được tự tánh vốn bao la vô tận. Cũng giống như gió: không ngăn mé, không có sự bắt đầu và cũng không có ngã tướng. Tất cả mọi vật trên vũ trụ đều vô ngã. Hay nói một cách lạc quan hơn: con người đã hoàn toàn, đã là Phật rồi. Và sự bất diệt này nay vẫn đang tiếp tục, không còn gì hơn để có thể làm cho sự bất diệt này trở nên bất diệt vĩnh cửu hơn nữa cả. Hiện tại, sự tuyệt đối của đúng hay sai đều thể hiện đồng lúc ngay trước chúng ta theo luật nghiệp báo một cách đích xác hoàn toàn.

Ngày 16 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay trước khi dựng lều trong những lùm cây Hồng mộc, chúng tôi đã lạy được bốn dặm rưỡi dọc trên đoạn đường nhỏ hẹp. Hầu như mưa rơi suốt cả ngày, nhưng lần này chúng tôi dùng tám bó vải dầu không thấm nước, phủ lên trên lều, để nước mưa trơn tuột xuống hết. Kết quả thật tốt, nước mưa đã không thấm rỉ vào, nên phía trong lều cũng giảm bớt phần nào độ ẩm ướt. Tại sao trước đây chúng tôi không nghĩ ra cách này hở?

Hơn một giờ trôi qua, chúng tôi vừa tọa thiền xong. Bây giờ ngoài trời đã tối đen, im phẳng phắc. Một ngày dài đã qua, phút chốc sau buổi tọa thiền, chúng tôi cảm thấy tinh thần như thư giãn trong an lạc. Cũng có thể đây là ảo giác do được thư thả tự do sau một ngày hành trình và kiếm tìm chỗ thuận tiện để cắm lều. Mặc khác, cũng có thể bảo đây là pháp hỷ lạc của thiền duyệt, kết quả từ sự dụng công hành thiền liên tục. Cái cảm giác mà tôi đã từng cảm nghiệm được thật không mãnh liệt cũng không là mối xúc cảm, mà nó như một sự thỏa mãn, một cảm giác hài lòng: Cuối cùng tôi cũng đã ở đúng nơi, làm đúng những chuyện với những lý do chánh đáng. Dù tập khí trần tục, và vị trí tâm linh của tôi có lẽ hãy còn xa tít, nhưng biết đâu trong khoảnh khắc tôi cũng có thể đến đích. Nhưng cái vui nhẹ nhàng đó khiến tôi

biết rằng mình đang đi đúng đường và cũng bắt đầu tìm được niềm hoan hỷ của thiền duyệt.

Âm thanh của bọn dế như đan kết nhau thành màng lưới phủ giăng, phá tan sự tịch tĩnh của đêm đen. Có phải là tôi đã thật sự nếm được mùi vị của thiền duyệt, hay có phải tự mình cho đó là thành công chăng? Khác biệt cái gì đây?

Ngày 17 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Chúng tôi lạy xuống dãy đồi và qua luôn một cây cầu dài, thấy có hai con gấu xi măng màu vàng đứng sừng sững ở cuối đầu cầu. Khi băng qua khỏi ranh giới Humboldt-Del Norte, có hai viên cảnh sát chặn tôi lại xét hỏi. Họ đến bằng hai chiếc xe, một ông ngồi trong xe với khoảng cách an toàn, trong khi ông kia dè dặt tiến lại gần, tra hỏi mấy câu như: Ông là ai, và đang làm gì? Mỗi lần thấy tôi di động là mỗi lần ông ta giựt mình nhảy nhồm. Tôi chưa bao giờ thấy có vị cảnh sát nào đang thi hành công tác mà lại sợ sệt, nhút nhát đến thế. Nhưng rồi cũng không có vấn đề gì, mấy ông chỉ hiệu kỳ muốn biết vậy thôi!

Lạy về hướng nam cuối vùng Klamath, chúng tôi căng lều ngay trên khoảng đất mà trước đây vốn là khu phố cũ kỹ đã bị cơn lũ lụt lớn cuốn sạch vào năm 1964. Sau đó một thành phố mới được thành lập trên vùng đất cao hơn. Đây là điểm lý thú, chứng tỏ con người đã học được kinh nghiệm từ những sai lầm của mình.

Ngày 18 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Do viết:

Không nên dựng lều ở chỗ thấp trũng lại quá gần sát mé sông, chuyện này lẽ ra chúng tôi nên biết hơn hết. Mười năm trước, cả thành phố này đã bị cơn sông Klamath cuốn sạch. Trong khi phố phường nhà cửa lại không thể xây cất lên, thế thì lều trại làm sao mà có thể đứng vững được chớ!

Trời đổ mưa liên tục suốt mười bốn tiếng đồng hồ, thế nên hôm nay chúng tôi chẳng lẽ lạy được. Đến trưa, mực nước chung quanh đã lên đến ba phân, cho nên chúng tôi lo thu dọn đồ đạc, và mò mẫm tìm chỗ ẩn nấu khá hơn. Cũng may tìm được căn nhà hoang nằm hướng về phía sông. Nước sao mà nhiều quá! Tôi chưa bao giờ thấy qua cảnh này!

Ngày 19 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Do viết:

Lạy được gần một dặm, Thầy Hằng Cụ đề nghị rằng tôi khỏi phải phí sức đem đồ đạc ra ngoài này làm gì. Thế là tôi ở lại trong căn chòi vốn chỉ còn là bộ sườn cũ kỹ. Trong lúc Thầy Hằng Cụ dầm mưa để "tặng gia thêm vài dặm," còn tôi thì hết đọc sách, rồi tọa thiền, sửa chữa đồ đạc, sau đó trời tạnh mưa, tôi ra ngoài tản bộ.

Lúc ở Hải Quân, Thầy Hằng Cụ đã từng có thời gian năm năm sống giam hãm trong quy luật của chiếc tàu ngầm, nên Thầy rất ít có chuyện lộn xộn, làm mích lòng ai, dù sống trong khoảng thời gian dài, chỗ ở lại nhỏ hẹp. Theo danh từ tu đạo mà Thầy thường chỉ vạch cho tôi biết rằng, người người đều có tâm linh hay khoảng cách riêng biệt về tinh thần cũng như thể xác. Có người tự vẽ đặt ranh giới tu hành nhằm được một nơi cố định riêng biệt, nên đôi khi họ cảm thấy bất bình khi những ranh giới đó không được người khác tôn trọng. Nếu chấp lấy những ý kiến riêng để làm thế nào cho xong việc, thì đây có thể là cái trở ngại cho sự thành công mà ta hằng mong mỏi. Sẵn dịp hôm nay được rảnh rang nên tôi kiểm điểm lại cái ranh giới tâm linh và thông thả tự do trong vòng phạm vi tâm tư của mình. Nhờ vậy tôi cảm thấy thoải mái vì đã giảm bớt phần nào mối căng thẳng mà thỉnh thoảng nó phát khởi giữa tôi và sư huynh.

Thầy Hằng Cụ trở về và tường thuật tình hình lễ lạy trong ngày rằng có một ông la hét: "Ê mậy! Còn chút thuốc nha phiến nào không hả?" Sau đó có bà hơi trọng tuổi tên Gracie Knight mời chúng tôi nếu ngày mai có đi ngang qua, thì ghé lại nhà bà nghỉ ngơi.

Suốt cả đêm, hình như cơn gió đã dùng những khí cụ dị kỳ để thổi lên những âm điệu quái gở lồng vào căn nhà cũ nát.

Ngày 20 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cụ viết:

Phía bắc vùng Klamath, ông Jack, chủ nhân cho mượn phòng ngủ Pines Motel, đem cà phê ra mời mọc và khoe khoang giới thiệu con chó của ông. Sau đó ông còn kể sơ lý lịch vùng này cho chúng tôi nghe. Ông nói sở dĩ hai con gấu xi măng ở đầu cầu Klamath màu vàng là vì có một đêm, sau khi nhậu say, chính ông cùng vài người bạn kéo nhau đến đó để sơn phết cho chúng. Chuyện này xảy ra cũng đã nhiều năm, nhưng từ đó đến nay như đã trở thành một thông lệ cổ truyền.

Sau năm dặm tiên hành lễ lạy, chúng tôi làm dấu địa điểm và được bà Gracie Knight đến chở về nhà nghỉ ngơi. Căn nhà tọa lạc trên một sườn đồi nhỏ ở hướng bắc Klamath. Bà Gracie và chồng với biệt danh là "Bố Ray" (Daddy Ray), là cặp vợ chồng có nhiều đặc điểm. Mặc dầu đã gần bảy mươi, nhưng bà Gracie đều đều mỗi ngày chạy bộ năm dặm đường. Bà còn tổ chức một hội thiện vào mỗi tối thứ năm để cùng mấy người bạn đạo tham khảo đạo lý căn bản. Bố Ray vốn là thợ mộc đã về hưu, gốc từ tiểu bang Arkansas nên biết cách tiếp khách rất lịch thiệp theo tập tục người miền Nam. Ông đặc biệt dọn cho chúng tôi một căn phòng đãi khách thật tiện nghi có cả lò sưởi nữa.

Bà Gracie bảo rằng trong suốt bốn mươi năm qua, vợ chồng bà không hề có những trận gây gổ gì trầm trọng cả. Bà tiếp: "Khi có chuyện lộn xộn sắp sửa bùng nổ thì tôi và Bố Ray liền ngồi ngay xuống sàn nhà, mặt đối mặt để giải bày cho ra lẽ. Có lúc phân bua cả mấy tiếng đồng hồ, nhưng rốt cuộc thì lúc nào cũng êm xuôi, đâu vào đó." Bà còn giải thích về kinh nghiệm xuất hồn mỗi khi tọa thiền, lại đang tham khảo phương pháp ngủ ngồi, và sẽ bớt ăn thịt gà. Hai vợ chồng này thật là quá tốt!

Ngày 21 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Bà Gracie cố nài nỉ mời chúng tôi ở lại thêm một đêm, nên chúng tôi để đồ đạc lại và sau đó được bà chở ra địa điểm cũ. Sư đệ tôi dù đầu gối không bao bọc gì, nhưng cũng vẫn lễ lạy ở phía sau, cách khoảng trăm bước. Nếu so với lúc trước thì sáng nay chúng tôi đã phá kỷ luật, là lễ lạy không ngừng nghỉ, dọc theo những ghềnh dốc đá cao. Đi ngang qua trại dân da đỏ cạnh bờ biển, thấy nơi này chẳng còn chi ngoại trừ hàng ngàn khúc cây bị sóng thủy triều đẩy vào. Sau đó chúng tôi bắt đầu trèo lên dãy đồi bằng con đường bám sát vách đá, trông giống như con sâu lông đeo chặt vào thân cây.

Chúng tôi vừa lạy được ba dặm rưỡi thì được bà Gracie rước về nhà ăn cơm. Bữa cơm chay thịnh soạn được bà chuẩn bị tươm tất để cúng dường. Tôi và Sư Hằng Do dùng khánh đánh nhịp, cầu nguyện trước và sau bữa cơm.

Sau bữa ăn trưa, bà mời vài người bạn láng giềng đến dùng trà và cùng chúng tôi đàm luận chút ít về đạo Phật ngay tại phòng khách. Ngoài kia mưa gió đang ào ạt tuôn xuống mái nhà.

Ngày 22 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Gia đình họ Knight, tức là Gracie và Daddy Ray, chở chúng tôi trở ra chỗ cũ. Lần cuối cùng này bà Gracie móc ra tờ năm đồng, cố dí cho Thầy Hằng Do. Thấy Thầy từ chối, Bà nói: "Cầm lấy đi mà! Đừng có chống lại mấy người già cả này!"

Chúng tôi đi dọc theo dãy đồi rộng bát ngát, nằm giữa công viên Jedidiah Redwood, có lẽ ngày mai hay ngày một thì sẽ bắt đầu xuống đến thành phố Crescent, một quận lớn cuối cùng của tiểu bang California. Thời tiết hôm nay thật lạ, chỉ trong vòng một giờ mà chúng tôi phải đương đầu với tuyết, mưa, mưa đá và rồi ánh nắng mặt trời ló dạng chiếu sáng chói chan.

Gần chiều tối, có chiếc xe ngừng lại, rồi anh tài xế tóc dài bước ra, vừa chạy về phía tôi vừa la lớn: "Anh Tim! Anh Tim!"

Thì ra đó là anh Dane, bạn cũ từng chung sống với tôi ở thị xã Mineral, tiểu bang Washington. Thấy tôi lễ lạy, anh tỏ vẻ ngạc nhiên trong phút chốc, nhưng lấy lại bình thường ngay, và còn mời chúng tôi khi nào đi ngang nhớ ghé lại nhà anh ăn bánh chiên (pancake).

Ngày 23 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Có nhiều chuyện xảy ra khi tiến vào thành phố Crescent. Chúng tôi được ba người là bà Extine, bà Crites và bà Ross đến tặng quà. Nên sau đó chúng tôi quyết định mở trương mục ở ngân hàng và dùng số tiền được cúng để sung vào quỹ xây dựng tu viện mới.

Khi còn ở vùng Arcata, chúng tôi mua được một máy radio với giá hai mươi lăm xu ở tiệm đồ cũ, và chỉ cần một cục pin mới là xài được ngay. Từ đó, sau mỗi buổi tọa thiền tối, chúng tôi thường lắng nghe tin tức và thời tiết. Sáng nay khi gần đến thành phố Crescent, Thầy Hằng Do vặn máy nghe ông Bill Stamps, phát ngôn viên đài KPOD, đang báo cáo rất tỉ mỉ từng bước một về tiến trình của chúng tôi. Ông Bill tánh tình vốn lạnh lẽo hoạt bát, thường tự đắc trong việc cung cấp cho hàng thánh giả những "tin nóng bỏng." Với giọng điệu diễn tả như sau:

"A! Lần chót tôi đã gặp hai ông Sư lễ bái dọc theo phía trước bờ biển, và sắp sửa lên đường quẹo vào thành phố. Nếu có quý vị nào thấy được họ đang ở đâu thì xin gọi cho tôi biết với. Dạ đúng vậy! Thừa quý vị thánh giả, đây là

một câu chuyện thật lý thú, các bạn nên nhìn cho được ông Hằng Cự, tướng người to lớn, đang di chuyển. Ông ta cao khoảng sáu feet rưỡi (một thước chín), và mỗi lần ông bước một bước thì chiếm cả đoạn đường khoảng bảy feet (hai thước một). Đây mới thật là việc làm quá sức đảm đang. Và bạn ông ta là Hằng Cho hay Hằng Ho gì đó? Nhưng không sao, tên gì cũng được, ông này thì thấp hơn, lúc nào cũng ở bên cạnh ông Hằng Cự, cùng với chiếc xe kéo. Thật là một người quá ư là tốt. Xin thưa cho quý bạn biết là tôi chưa bao giờ mục kích được những chuyện như vậy cả. Chúng ta hãy cùng nhau chứng tỏ cho hai chú bé này biết rằng dân thành phố Crescent thật cảm kích về việc làm của họ!"

Trên đường ra khỏi thành phố, tôi đi gần bên Thầy Hằng Do, và cả hai chúng tôi đều lắng nghe tin tức từ máy radio được gắn dính trên xe kéo. Ông Bill sẵn tin thật là chính xác. Ngoài ra ông còn thích bàn luận về Phật giáo, nên biết rõ cả chuyến báii hương xuyên lục địa Trung Hoa của Hòa Thượng Hư Vân nữa! Khoảng xế trưa, ông Bill đích thân đem máy ghi âm đến phỏng vấn chúng tôi. Nhìn điệu bộ của ông, với đôi giày mũi nhọn, mặc quần vải sọc, lại choàng áo khoác màu đỏ chói, thêm hàm râu quăn xồm xoàm và đôi mắt tinh ranh, trông giống như ông chàng tinh to lớn.

Đi đến cuối phố, gặp được ông Long, người thợ rèn duy nhất phố này và ông đã giúp chúng tôi sửa chữa xe kéo miễn phí. Sau đó chúng tôi được ông Howard Cronk, chủ nhân khách sạn Totem, ưu đãi dành riêng cho một phòng để nghỉ ngơi.

Ngày 29 Tháng 2 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Tôi luôn có ước vọng thực hiện một chuyến hành hương trên ngọn núi Thánh. Xem như khu rừng xa xôi hẻo lánh này thì có ngọn Shasta là linh thiêng nhất trong vùng. Núi này nằm về phía đông thành phố Crescent. Vì thế, bắt đầu từ ngày 24 là chúng tôi đã tạm ngừng lễ lạy vài ngày để leo núi Shasta. Chúng tôi gởi lại tất cả đồ đạc ở phòng ngủ của ông Cronk, chỉ mang theo túi ngủ (sleeping bag) và một ít lương thực, rồi quá giang xe đến núi Shasta dưới cơn mưa phùn lất phất.

Ngay từ đầu đã là một "lỗi lầm" khi quyết định chuyến đi này. Như văn hào T.S. Eliot đã viết: "Lầm lẫn từ sai lầm bởi sai lầm" (Distracted from distraction by distraction). Vì thời tiết quá xấu nên ngọn núi bị đám mây che phủ, chẳng thấy được gì. Mới lên được nửa chừng mà nhiệt độ đã xuống 18 độ dưới 0 độ F, bởi vậy lạnh muốn thấu xương. Tôi cảm thấy thật hối hận vì

đã bỏ lỡ lay ở xa lộ. Chắc khi có tin loan báo, thế nào cũng có nhiều người đang nghe ngóng về chúng tôi. Dù là một quyết định sai lầm, nhưng đó lại là việc tôi hằng mong muốn thực hiện từ lâu. Có lẽ trong tương lai, nếu đủ duyên tôi sẽ trở lại trèo núi Shasta này.

Còn bây giờ, tốt hơn là trở về với xa lộ 101.

Ngày 1 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Đến xế trưa, chúng tôi đã về tới thành phố Crescent. Đang lúc lo thu dọn hành lý, ông Howard Cronk cố mời chúng tôi nghỉ lại đêm nay. Nghĩ rằng bây giờ chỉ còn vài giờ và nếu ra lỡ lay dưới cơn mưa chắc không khá đâu, nên chúng tôi nhận lời. Được nghỉ ngơi một đêm để sáng mai khởi hành sẽ phần chần thêm lên.

Tất cả chúng ta đều là những kẻ lữ hành trên cùng một tuyến đường, nhưng: Có người chậm chạp, hờ hững, trong khi có kẻ nhanh nhẹn, liều lĩnh. Có người thối chí muốn thực lùi, nhưng cũng có kẻ mỗi ngày đều đặn tiến bước. Có người bị chìm đắm trong bùn lầy, có vị tuy nhận biết mình đang trầm trệ hoặc đi lầm đường, nhưng vì thiếu nghị lực nên không cải đổi. Cũng có người dành ra thời gian để tìm phương dẫn dắt kẻ khác. Thật là tuyệt, một lần nữa, chúng tôi được trở về với con đường chánh đáng.

Ngày 2 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Ông Howard chờ chúng tôi trở ra địa điểm cũ. Máy ngày qua tuy số dặm đường không được là bao, nhưng ít ra chúng tôi cũng không có tâm thối chuyền.

Khi tâm trí khai triển đến ngôi vị Bồ Tát đạo, thì được gọi là A Bệ Bạt Trí (Avaivartika), tiếng Phạn có nghĩa là Bất Thối Chuyển. Ở giai đoạn này, những ý tưởng, ngôi vị, sự dụng công đều không còn bị thối lui trở về với mê lầm. Máy năm trước ở Tu viện, lúc tôi đang làm đầu bếp, vì mới tập tễnh ăn một bữa mà phải làm việc khi chung quanh toàn là thức ăn do chính mình nấu nướng, nên thật là khó cho tôi. Thật ra tôi thi hành đúng theo quy tắc chỉ được vài ngày thôi. Nhưng rồi vào một buổi sáng vì không thể nào nhịn được nữa, nên tôi có ý định là sẽ ăn sáng chút đỉnh. Nhớ rõ là tôi đã đi thẳng đến tủ lạnh, định thò tay mở cửa, đồng thời mắt tôi đảo nhìn về phía hành lang, bỗng thấy Sư Phụ đi ngang qua, miệng chum chím cười. Nhưng thành linh Sư Phụ dừng hẳn, rồi bắt đầu đi ngược thụt lùi trở lại phía hành lang cho

đến khi khuất dạng ở góc nhà, mà không hề nói năng một lời nào. Tuy nhiên, tôi vẫn nhận ra được lời nhắn gửi.

Hôm nay kiến trúc sư Gene Hicks, từ vùng Seattle đi cùng với ông Joe Collins, ở thành phố Crescent, đến thảo luận với chúng tôi về vấn đề tôn giáo Á Đông.

Ngày 3 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Sáng hôm nay sương mù phủ đầy mặt đất. Cô Ruth Brewer, thông tin viên tờ báo Portland Oregonian, đã đăng một bài về chúng tôi. Cô nàng có vẻ quan tâm về chuyện lá sồi độc, cho nên đem đến tặng nguyên một lọ giấy vệ sinh. Ông Dale Parson, phó cảnh sát quận Del Norte lái xe đi tuần rồi ngừng lại bên tôi. Bụng thăm nghĩ chắc lại bị xét hỏi phiền phức gì nữa đây, nhưng đã không vậy, mà ông còn tỏ vẻ rất hứng thú về chuyện bái hương. Ông bảo rằng vì vốn là dân được sinh trưởng và lớn lên ở Marblemount, Washington, tức địa điểm tu viện mới trong tương lai, cho nên ông có ý muốn "thử buông súng xuống để tháp tùng theo chúng tôi."

Sau khi lạy được bảy dặm, ông Howard Cronk lại đến để chở chúng tôi về phòng ngủ Totem nghỉ ngơi.

Ngày 4 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Chiều nay ông bà LaRue, dù đã khoảng tám mươi tuổi nhưng hiện là ký giả báo địa phương tờ Brookings, đến phỏng vấn sư Do. Ông Harold Howard là bạn cũ của cô Marge Raums, đến chở chúng tôi trở về nhà ở thành phố Crescent. Vợ chồng ông là đại biểu vùng Del Norte cho hội Eckankar, một tổ chức tin tưởng về sự xuất hồn. "Đạo Sư Sống" của họ đang cư ngụ tại thành phố Las Vegas, với chủ trương rằng: Con đường tốt nhất là giải thoát linh hồn khỏi thân xác để nương theo Đạo Sư Sống mà trở về với Chúa Trời. Ông bà họ Howards tiếp đãi chúng tôi rất nhiệt tình. Chúng tôi cũng thật là ngạc nhiên khi thấy họ cào bỏ hết lớp cỏ xanh ở sân trước và sân sau nhà để tạo thành mảnh vườn chuyên trồng rau cải.

Sau buổi sáng thực tập pháp xuất hồn, hai ông bà lại chở chúng tôi trở ra chỗ lạy cũ.

Ngày 5 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay trời lại tiếp tục đổ mưa. Đến cuối ngày, sau khi đã hoàn tất được năm dặm đường, chúng tôi được bà Nuggett Marcus, là chuyên viên mua bán địa ốc rất tử tế và lịch thiệp, chở chúng tôi về nhà nghỉ qua đêm. Giờ đây chúng tôi đang hong khô quần áo trước lò sưởi.

Hôm nay lúc gần đến ranh giới tiểu bang, có tấm bảng to, với hàng chữ: "Chào mừng đã đến Oregon," như đang mỉm cười nghinh đón chúng tôi dưới cơn mưa. Ông bà Cronks chạy xe ngang qua ra dấu chào từ biệt. Chương đầu của chuyến du hành đã chấm dứt để bắt đầu cho chương mới. Oregon đây rồi! Trời cũng mưa âm ứn và con đường cũng dài hun hút thế thôi: Có cái gì gọi là khác biệt sau khi bước qua lằn ranh giới đó hở?

Báo chí cho đăng rất nhiều chuyện về chuyến báic hương của chúng tôi, vì thế lại thêm nhiều người đến thăm hỏi và chúc lành. Số người đến chụp hình chúng tôi nhiều đến nỗi không ngờ được. Những lúc như vậy thì Thầy Hằng Cự hầu như chỉ biết lo lẽ lạy thôi, còn tôi thì phần lớn bao phần đối đáp với mọi người.

Có bà cụ trao tặng ổ bánh bí rợ (pumpkin pie), đã được bao gói cẩn thận và nói: "Sáng nay tôi đã tán tụng các ông với Đức Mẹ rồi đó!"

Ngày 6 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Qua đến vùng Brooking Oregon, nhờ có kinh nghiệm nên giờ chúng tôi nỗ lực lẽ lạy với khoảng đường thật dài vào khu phố mà không ngưng nghỉ. Nhưng khi đến trung tâm thành phố, bị đám người bao quanh hỏi han, nên chúng tôi phải trả lời những thắc mắc cũng mất cả hai mươi phút.

Sau đó họ ngỡ ý mời chúng tôi về nhà một vị Trưởng Lão của thành phố để nghỉ ngơi. Ông Leo Lucas đang cư ngụ trong tòa nhà mà trước đây khoảng sáu mươi năm, ông vốn là học trò ở trường tiểu học này.

Ông nói đùa: "Tôi như không bao giờ học hết cấp tiểu học!"

Trong số những người bạn được ông mời đến gặp chúng tôi, có vị Mục Sư trong vùng và ông Gerry Ross, chuyên viên buôn bán bảo hiểm, đi cùng với gia đình. Ông Leo tỏ vẻ rất kính trọng chúng tôi và đã giải thích sơ lược về chúng tôi cho các bạn ông. Ông đặc biệt rất thích thú về việc ngụ ngơi của

chúng tôi. Tuổi tác đã không ảnh hưởng gì đến sức tráng kiện, và tâm hồn cởi mở phóng khoáng của ông.

Ngày 7 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay khi chúng tôi đang lạy dọc bên bờ vách núi, bỗng có chiếc xe trường học chạy rà tới, thắng ken két ngừng lại. Thì ra là bà Worlton và bà Patterson đang hướng dẫn gồm cả một đoàn bốn mươi học sinh lớp ba ra tận ngoài đây. Sau một lúc cùng nhau trò chuyện, thấy khí trời trở lạnh nên tất cả chúng tôi đều kéo lên xe. Đáp lời yêu cầu của hai cô giáo, nên Thầy Hằng Do dạy các em học hành chăm chỉ. Còn tôi thì khuyên chúng nên hiếu thuận chăm sóc mẹ cha. Sau đó là phần các em tự do phát biểu thắc mắc và một loạt câu hỏi đã đề ra như: Tại sao các ông phải mang theo đồ đạc? Mấy ông ăn cái gì? Đêm đầu tiên ngủ ngoài trời các ông có sợ không?

Buổi chiều ông Leo Lucas lái xe đến kể rằng, tối hôm qua bạn ông lúc đầu cứ tưởng chúng tôi thuộc loại điên, nhưng sau một lúc trò chuyện mới cảm thấy bắt đầu thích thú về đạo Phật. Ông Leo ra về, nhưng không đầy một tiếng sau lại có chiếc Cadillac lớn, màu đen ngừng phía sau chúng tôi.

Sư Hằng Do thấy vậy nên nói thảm: "Ồ ồ! mật thám FBI!"

Nhưng không phải, mà đó là Ông Gerry Rose cùng với ba người bạn làm ăn chung hãng.

Ông nói: "Xin các ông làm ơn lặp lại những lời đã nói hôm qua về quan niệm của người Phật tử đối với thiên định và giải thoát, cho các bạn tôi nghe với!"

Và rồi sau một lúc giảng giải trên bờ dốc đá đầy gió táp, chúng tôi lại tiếp tục lên đường.

Tối đến chúng tôi nghỉ đêm tại gia đình nhà anh Jim Stalcup ở Brookings. Anh Jim vốn theo dòng tu Rosicrucia, hiện đang sống trong căn nhà do chính tay anh xây cất trên sườn núi. Buổi tối chúng tôi lo chế rập bánh xe đạp vào chiếc xe kéo. Vừa trở về phòng thấy có mấy chú sóc mồm nhọn thân thiện đang chạy quanh quẩn. Chúng hiền từ, nhè nhẹ ăn mấy miếng thức ăn của chó ngay trên tay chúng tôi.

Ngày 8 tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Sau ngày lễ lạy, chúng tôi nghỉ tại nhà cặp vợ chồng trẻ Daryll và Jan Whirry ở Brookings. Hai anh chị này có mời vài người bạn đến để đàm luận Phật Pháp với chúng tôi. Sau đó họ còn kể lại những tin tức đang đồn vang đây đó. Có chuyện đồn rằng chúng tôi là những người tiên phong, khởi xướng phong trào tu sĩ, khoảng bốn trăm vị đang lễ lạy ở vùng ven biển. Lại có tin khác bảo rằng chúng tôi đang bị nhiều người ném liệng rác rưởi, lon hũ vào mình, và đặt gọi chúng tôi qua nhiều danh hiệu như là Thiên Thần, là anh em quyến thuộc của yêu ma, là người đến từ Hỏa Tinh, hoặc là các đức Lạt Ma từ Tây Tạng đến. Một ông tên Norman, chế nhạo kể rằng- ông chủ của ông đã vẽ kiểu một cái cân máy cho sư Hằng Cự, ý như khi Sư lạy xuống, và đứng lên thì không cần phải cố ráng sức chi cho mệt.

Có Bà nói: "Nhờ các ông đi ngang qua đây nên dân chúng vùng Brookings đã học được một bài học kinh nghiệm thật tế."

Thật vậy, với kinh nghiệm này đều tốt cho cả đôi bên.

Ngày 9 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Bà góa phụ Witherspoon, chủ nhiệm tờ báo East Coast đã về hưu, mời chúng tôi tạm nghỉ qua đêm ở nhà bà. Bà ép mời chúng tôi uống sữa nóng, và cả buổi tối hôm đó chúng tôi cùng bàn luận về Phật Pháp. Nhưng đến khoảng 11 giờ đêm, khi chuẩn bị đi ngủ, bà bảo rằng sẽ mời chúng tôi sáng mai cùng Bà đi lễ nhà thờ. Ngủ được một giấc năm tiếng, chúng tôi nhẹ nhõm rời khỏi nhà để tiến thẳng ra mặt lộ trước khi mặt trời ló dạng. Đối với đạo Phật thì tất cả thế giới đâu đâu cũng là nhà thờ của chúng ta, và mỗi ý niệm là một lời cầu nguyện.

Ngày 10 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay có chiếc xe chạy qua ném cho chúng tôi tờ báo Coos Bay World, đã được cuộn tròn lại. Thấy có bài đăng ngay trên trang đầu, do bà Marge Barret viết về chúng tôi. Tuy nhiên nội dung bài này chỉ có một lỗi thôi!

Nguyên trước đây Thầy Hằng Cự có kể cho bà nghe về chuyện bị chọi lon bia bay phớt qua lúc ở California, và nói rằng chuyện xảy ra vào buổi lạy (bow) kết thúc trong ngày. Nhưng báo lại đăng: "Có người ném một lon bia

đầy vào họ - đó cũng là trận nổ (blow) kết thúc trong ngày." Cũng gần đúng đấy!

Chúng tôi dựng lều trong một lùm cây nhỏ. Mưa đổ xuống ào ạt. Có mấy em trai nhỏ tò mò đến nhìn chúng tôi đang tập võ Thái Cực Quyền. Tối hôm đó, có em tên Chip trở lại. Cậu bé tỏ ý muốn thành thầy tu (monk), nên sư huynh nói đùa "Muốn thành chipmonk hả?" (phim hoạt họa Chipmunk). Trời lại đổ mưa, em Chip đứng bên ngoài cố nép mình sát vào lều, thành tâm thăm hỏi về pháp tu theo đạo Phật. Thế rồi chúng tôi mời em vào lều và cậu bé bắt đầu kể những kinh nghiệm lúc em một mình vào rừng để săn nai: "Lúc đó em ngừng một chút để nghỉ, và...và... mà thôi! Em cũng không nên nói láo. Em ngừng là để hút thuốc, nhưng khi nhìn lên thấy có con nai đực to lớn đứng nhìn em trên trời, cách khoảng hai mươi bước. Em liền ôm cây súng nhắm thẳng vào nó Ô nhưng lại không nỡ bóp cò." Một lúc sau, cậu bé này lại nhắc đến chuyện muốn trở thành thầy tu. Tôi bảo, đây là quyết định mà mỗi người phải tự mình định lấy, nên chúng tôi không thể bảo em nên làm gì. Cậu bé có vẻ già dặn hơn nhiều so với lứa tuổi mười bốn của nó.

Ngày 11 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Suốt cả tuần nay, ông bà Simon, cặp vợ chồng về hưu ở vùng Wisconsin, mỗi ngày đều đến cung cấp nước và thức ăn cho chúng tôi. Họ sống trong chiếc xe với đầy đủ tiện nghi của căn trailer (nhà di chuyển được), và hiện trụ lại vài tháng ở vùng ven biển. Hầu như ngày nào họ cũng chạy rong rong quanh vùng để ngắm cảnh. Mỗi sáng khoảng mười giờ là thấy họ chạy ngang qua. Ông Simon cho biết rằng chúng tôi chỉ còn khoảng bốn mươi dặm nữa là ở ngay khoảng giữa vùng San Francisco và Seattle.

Thầy Hằng Do báo cáo tình hình bánh xe đạp mới lắp ráp vào xe kéo, tốt hẳn hơn mấy bánh xe nhỏ tám phân trước đây. Chúng tôi cũng có mấy dụng cụ vặn ốc nhỏ, dùng để siết lại mấy cây cãm. Tôi phải siết chặt chúng cho đến khi nghe tiếng quay đều đặn. Theo cách này mới biết chúng đang chia sẻ công việc đồng đều với nhau.

Ngày 12 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Đi vừa gần đến sông Pistol (Súng lục), có cậu thanh niên từ trong xe bước ra, rồi quỳ xuống cầm tay tôi trịnh trọng cầu nguyện. Anh này đang trên đường đưa đám táng thân phụ, nên có ý nguyện muốn cha mình sẽ được lên thiên đàng, không bị đọa địa ngục. Tôi bảo chuyện này thì tùy vào nghiệp

lực của ông cha khi còn sống. Nghe vậy anh mới có vẻ khuây khỏa rồi lên xe chạy đi.

Cô Nina Stansell và Trudy Reid có ghé lại, giúp chúng tôi đi gửi thư, và còn tặng cho trà nóng nữa. Nina vốn là thông tin viên cho ty cảnh sát quận Curry, bảo rằng cả tuần nay cô vẫn thường nghe máy radio và điện thoại truyền rao lớp đốp về chúng tôi. Cô còn nói rằng chuyến bài hương này đã có ảnh hưởng khiến người ta biết dừng chân suy ngẫm lại cuộc đời mình và những mục đích theo đuổi các tôn giáo. Nina nhường nhà cho chúng tôi nghỉ đêm, còn cô thì đến nhà Trudy ngủ.

Ngày 13 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Một lần nữa chúng tôi được cô Nina Stansell và Trudy Reid rước đi rồi đưa trở lại vùng sông Pistol. Hai cô ấy tụ họp được một số bạn bè gồm mười mấy người tới nhà để cùng chúng tôi thảo luận về triết lý đạo Phật, kéo dài mấy tiếng đồng hồ. Một cô tên Mercedes nói rằng khi cô lái xe ngang qua xa lộ, lần đầu tiên thấy chúng tôi mà cô cứ ngỡ đó là những vị siêu nhân (super man).

Ngày 14 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Phải có định lực lắm mới kiểm soát được tâm tưởng vẫn vơ. Và cũng rất dễ buông mình vào những thói quen trong khi tâm tư đang lơ đãng ở phương nào. Hiện tại, việc chế phục bản thân quý lạ có vẻ rất khả quan. Thân thể chúng tôi cường tráng khỏe mạnh thêm, lại kinh nghiệm được cách ứng phó với nhiều người qua nhiều trình độ, căn cơ khác nhau. Nhưng bây giờ chúng tôi phải dụng công, thật sự tập trung vào những lời niệm Phật, những câu trì chú cho được chí tâm hơn.

Thầy Hằng Do chuyên trì chú Lăng Nghiêm. Chữ "Chú," Mantra là tiếng Phạn. "Mantra" phát xuất từ chữ "Manas," nghĩa là Tâm. Chú còn có nghĩa là "Đà La Ni," Dharani, cũng là tiếng Phạn, dịch là "Tổng Trì." Cho nên có thể nói một bài Chú hay Đà La Ni sẽ trì giữ cái tâm lại. Chú Lăng Nghiêm dài nhất và lại có thần lực nhất so với tất cả các bài chú. Mỗi lần tụng chú này khoảng hai mươi phút, có tác dụng phá tan những tai ương hoạn nạn, xua đuổi bọn tà ma, và an định tâm loạn động. Quan trọng nhất là chú Lăng Nghiêm lại ẩn ngầm một diệu dụng khai sáng tâm trí cho những ai thật lòng khao khát trí huệ của chư Phật.

Riêng tôi chuyên trì danh hiệu đức Bồ Tát Quán Thế Âm bằng tiếng Trung Hoa: "Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát." Đối với tôi cách trì niệm này rất có hiệu lực. Nhưng cho dù trì chú, hay niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, cốt yếu là phải loại bỏ những vọng tưởng để đi đến nhất tâm.

Ngày 15 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Mỗi ngày chúng tôi đều đặn tiến bước, nên số dặm đường cũng được gia tăng. Hôm nay khi đến Bờ Biển Vàng (Gold Beach), tiểu bang Oregon, thì được nhiều nhóm học sinh trung học niềm nở đón mừng. Xe cộ nối đuôi nhau như đang xếp hàng chạy vào rạp chiếu phim ngoài trời để xem cảnh tuồng chậm chậm, lạ đời này. Lúc vào trong phố, chúng tôi lại gặp cô Nina Stansell và được cô hướng dẫn đi tham quan nhà giam của quận. Tối đến, em Charles Wykoff, học sinh trung học mười bảy tuổi, mời chúng tôi về nhà nghỉ qua đêm. Trước khi ngưng nghỉ, chúng tôi lạy thẳng hết nửa khoảng đường ra khỏi khu phố.

Ngày 16 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Bà chủ tịch hội Phụ Nữ Tương Trợ Gold Beach cùng đoàn tùy tùng đến chụp hình với chúng tôi, và chúng tôi cũng đã đóng góp cho hội này mười đồng. Khi đi ngang qua khu phố, thấy tiệm bán dụng cụ thể thao, phía trên treo bảng hiệu lớn, gắn điện với hàng chữ: "Chào mừng Hằng Cự và Hằng Do, chúc bạn chuyến đi tốt đẹp." Quả Pháp và Quả Hồi mang cơm đến từ San Francisco cho chúng tôi. Tối xuống chúng tôi nhận lời mời về nhà ông bà Starr ở Gold Beach ngủ nghỉ.

Theo sự tính toán mới đây, thì chúng tôi đã đi được 475 dặm đường rồi.

Ngày 17 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Cha Welch, thuộc thánh đường Episcopal, đến chúc lành chuyến đi cho chúng tôi. Trong mấy ngày qua vì có rất nhiều người đến thăm hỏi, nên danh tánh tên tuổi của họ, chúng tôi thật không tài nào nhớ hết được. Đôi lúc gần đây tôi có cảm giác như mình đang trụ yên một chỗ, trong khi cảnh vật thế gian đang diễn biến quanh tôi.

Ông John Andall cư ngụ vùng Gold Beach, giúp chúng tôi một nơi để an nghỉ qua đêm. Ông kể chuyện lúc xưa thường đi săn và câu cá, nhưng từ khi chứng kiến cảnh đau khổ chết bất ngờ trên bàn mổ của người vợ trước, từ đó

ông nhất định sẽ không bao giờ làm những chuyện có tính cách sát hại nữa. Nghe vậy chúng tôi rất tán thành vì ông làm như thế là phù hợp với giới đầu tiên "Không Sát Sanh" của người Phật tử.

Lúc chiều tối, chúng tôi đem đồ đạc trong xe kéo ra để cạo sạch những chỗ rỉ sét trước khi sơn mới lại.

Ngày 18 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Nếu tính cả những lúc ngừng nghỉ, trung bình mỗi ngày chúng tôi lẽ lạy được bốn miles (gần sáu km rưỡi) và theo như dự định hiện tại, chúng tôi có thể sẽ đến vùng Marblemount vào khoảng tháng Chín. Hôm nay có một tín đồ dòng Pentecostal Thiên Chúa Giáo tìm đến khuyên chúng tôi vào đạo. Bà nói luôn miệng không dứt cả nửa giờ để thuyết phục, trong khi chúng tôi cũng cố ráng mà dùng cơm trưa. Bà vẫn hăng say thao thao bất tuyệt, với chủ tâm muốn chuyển hóa chúng tôi ngay tại chỗ. Nghe bà ngỏ ý muốn tặng một cuốn Thánh Kinh, chúng tôi liền bảo là đã có ba cuốn rồi, nhưng bà nhất quyết buộc chúng tôi nhận lấy rồi mới ra về.

Ông Dale Erickson, chuyên viên sửa máy truyền hình, là Phật tử duy nhất ở vùng này đã đến trò chuyện với chúng tôi. Ông tuy có nghiên cứu giáo lý Nam Tông, nhưng không chấp nhận lý thuyết luân hồi. Tôi đến chúng tôi ngủ lại nhà của gia đình anh Dick Turnow. Tuy anh bị mất một cánh tay trong tai nạn khai khẩn cây rừng, nhưng không vì vậy mà làm chướng ngại công việc của anh, cũng như lái xe và trách nhiệm làm một người cha tốt. Anh cho chúng tôi xem cuốn phim về ngành kỹ nghệ gỗ trong vùng do chính tay anh quay lấy. Gia đình họ Turnow này là những tín đồ Thiên Chúa giáo rất tín tâm và biết áp dụng theo những giáo điều căn bản.

Ngày 19 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi đang lạy dọc theo bờ biển tuyệt đẹp vùng Oregon, thì hai cô Nina và Trudy từ vùng sông Pistol đến tặng mấy đôi vớ mới. Cô Nina nói là muốn giữ lại đôi giày ống (boot) cũ của chúng tôi để làm vật kỷ niệm. Sư huynh nói đùa rằng mấy chiếc giày đó có thể làm bình cắm hoa cũng tốt lắm.

Trời về chiều, ông bà Braun vốn đã về hưu, trước đây sinh sống ở miền Đông, nay dọn về vùng Port Orford, đến hỏi thăm chúng tôi. Được biết ông Braun có thói quen tiêu khiển bằng cách nói chuyện với bạn bè trên thế giới qua những cuộn băng cassette. Ông yêu cầu chúng tôi giảng giải giáo lý căn

bản của đạo Phật vào cuộn băng, để ông gửi cho người bạn mù hiện ở nước Anh. Cuộc gặp gỡ này cũng khá thú vị.

Chúng tôi dựng lều trên bờ biển, với ánh lửa trại phía trước và buổi tọa thiền cũng vừa chấm dứt. Tất cả những khúc cây trôi tấp vào bờ biển này, đều dính lóm đóm những vết dầu cặn, như lời Sư Phụ thường nói: "Bởi tâm chúng sanh ô uế nên cả thế giới cũng trở thành ô nhiễm theo."

Ngày 20 Tháng 3 năm 1974. Hằng Do viết:

Lạy qua vùng núi Humbug, rồi dọc theo lên dãy đồi, bên cạnh là những triền dốc đá biển. Tuy trời chẳng mưa, nhưng bị luồng gió biển thổi mạnh vào làm chúng tôi cũng muốn ngất ngư. Đến vùng Oregon này cũng đã được vài tuần lễ, thay vì là những cây cỏ thụ hồng mộc, thì giờ đây, một rừng toàn cây sim (myrtlewood), là loại cây quan trọng nhất của vùng. Buổi trưa trời trở nên thật nóng bức, ánh nắng gay gắt như muốn nướng cháy da thịt chúng tôi. Cây cỏ Thầy Hằng Cự bị ửng đỏ trông giống như con tôm luộc vậy! Nhưng cũng may, có người tốt bụng khi đến trò chuyện, thấy vậy liền tặng chai thuốc thoa chống nắng. Chúng tôi đang cắm lều trên bãi đất trống nhỏ gần bên con lộ.

Ngày 21 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay sau khi lạy được năm dặm, lúc vào đến Port Orford thì trời sụp tối, nhưng chúng tôi cảm thấy vẫn còn sung sức nên hăng hái lạy tiếp. Đến ranh giới thành phố, có đám đông khoảng ba mươi người bao quanh chúng tôi để phỏng vấn cũng gần cả hai mươi phút.

Đến giữa khu phố, có quán rượu nằm bên xa lộ, phía bờ biển. Khi tiến tới gần, tôi thấy có vài người đang tới lui trước quán và nghe họ chuyện trò với nhau. Một ông nói: "Lẹ lên! Lại đây mà xem, họ đang đi đến kia!"

Tôi định băng qua bên kia đường, nhưng thấy cũng trễ rồi, đành phải lạy thẳng ngang qua quán rượu. Càng đến gần hơn, tôi thấy họ ùa nhau chạy lòng vòng như phát cuồng trước cửa tiệm. Lúc đó tôi cảm thấy mọi cơ quan trong cơ thể như căng thẳng để chuẩn bị đối phó. Đồng thời trong đầu tôi vang lên mạnh mẽ những âm thanh thời xưa cũ: "Thủy binh dàn trận ngư lôi! Thủy binh dàn trận ngư lôi!"

Nhưng sau đó tôi bắt đầu định tâm niệm danh hiệu Bồ Tát, và tiến thẳng về phía mấy ông trước quán rượu. Có khoảng bảy, tám dân nhậu trong quán kéo ra. Một ông say thô lồ nhất trong đám, tỏ vẻ bức tức và bắt đầu chạy theo tôi. Khi đến gần chỉ cách khoảng vài phân thì hắn la lớn: "Này! Chúa Jesus đầu trọc! Mày nghĩ là mày đang làm cái giống gì vậy hả?" Hắn hăm he như muốn đá tôi và luôn mồm la hét những lời chưởi rủa, mà đây tôi không muốn lập lại làm gì. Trong khi đám người còn lại chỉ đứng nhìn theo.

Tôi cũng ngạc nhiên về phản ứng của mình trong suốt tình cảnh vừa qua. Đời tôi đã có sáu năm từng ra vào các quán nhậu, nên tôi cũng hiểu được phần nào về hành động của ông say này, thật ra cũng chẳng có ý gì. Vì đặt niềm tin vào quyền lực gia hộ mạnh mẽ, nên trong suốt cuộc đụng độ này tôi chẳng có chút gì sợ hãi cả. Tôi tiếp tục lạy thẳng qua đám đông một cách đều đặn, không nhanh cũng không chậm, xem như chỗ không người. Cuối cùng bọn họ cũng phải giạt tránh ra và anh chàng hung hăng đó vẫn tiếp tục quau quọ, nói như mê sảng với những lời rỗng tuếch. Nhưng rồi cũng không có chuyện gì nghiêm trọng xảy ra.

Ông bà Tubb là tín đồ đạo Thiên Chúa rất ngoan đạo, từ vùng Port Orford đến chở chúng tôi về nhà nghỉ qua đêm.

Ngày 22 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay có cậu thanh niên trẻ thay mặt mẹ là bà Kilpat Rick, cầu xin chúng tôi ban phước lành đến nhà họ. Thế là chúng tôi tạm ngừng lễ lạy để đến nơi xem xét tình hình. Lúc đó mẹ em đang ở sở làm, nên chúng tôi dâng hương và trì vài biến chú Đại Bi. Tôi có giải thích rằng một ngôi nhà thanh tịnh chính là ở nơi tâm thanh tịnh, nếu mọi người cố lòng giữ tâm đừng để vướng bận bởi những tham lam, sân giận, cũng như không hút sách, rượu chè thì dần dần, dù họ ở bất cứ nơi đâu cũng sẽ trở thành thanh tịnh.

Sau đó chúng tôi trở ra và tiếp tục lễ lạy. Có một bà đến thăm hỏi, nhưng lại bắt đầu khóc thút thít. Hỏi ra mới biết là vì bà quá lo lắng đến tình trạng sức khỏe và sự an toàn của chúng tôi.

Nhiều tài xế xe hàng chở gỗ rất thân thiện đã ngừng lại. Có anh lái chiếc xe to tướng chở gỗ đã ba ngày đường, đến tặng chúng tôi gói bánh mì lát (sandwiches) mà cô vợ đã chuẩn bị sẵn cho anh.

Ông bà Braun mà chúng tôi đã gặp qua trước đây, hôm nay lúc xế chiều, ông bà lại đến chở chúng tôi về nhà ở Port Orford. Chúng tôi vì không thể nào từ chối lời mời mọc của nhà bếp, nên rồi cũng đã sản xuất được một mâm bánh mì bagel và chia phân nửa cho hai ông bà. Tối đến ông Braun yêu cầu chúng tôi dạy phương pháp tu thiền để ông thâm vào băng. Nhờ có kinh nghiệm với những lúc tiếp xúc với nhiều người gặp bên đường, nên nay tôi mới có thể giảng giải vài căn bản về môn thiền rõ ràng hơn so với mấy tháng trước, khi mới bắt đầu cuộc du hành.

Ngày 23 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Có chiếc xe kéo theo căn nhà loại di động, mobile home, chạy ngang qua với tốc độ khoảng sáu mươi dặm một giờ, phát ra giọng nói thật to vang trùm cả một vùng: "Chúc quý vị được một ngày vui vẻ!" Có lẽ xe này có gắn máy phóng thanh, cho nên mới nghe lớn dữ vậy.

Khi chúng tôi lạy ngang qua bảo tàng viện của người da đỏ, thì được mấy vị hướng dẫn mời vào tham quan. Trong số đồ vật được trưng bày, thấy có một cây côn nghi lễ dân da đỏ, được dùng để đánh những ai hát sai nhịp điệu. Theo tục truyền, khi trùng phạt, họ có thể đánh người đến chết.

Đánh người cho đến chết là chuyện quá đáng. Thật ra bây giờ và cả về sau, Phật giáo không phản đối việc trừng trị bằng biện pháp mạnh. Ông nói theo tâm lý học Ông nếu là để giúp kẻ lầm mê quay về nẻo chánh. Tôi nhớ có câu chuyện đã làm rúng động cả thiền đường Phật giáo cũ kỹ ở phố Tàu. Chuyện xảy ra vào năm 1970, trước khi tôi xuất gia. Lúc đó hầu hết chúng tôi đều nghĩ rằng sống ở chùa, tuân theo giới luật là đã khó rồi, nhưng khi ra khỏi phạm vi nhà chùa thì việc giữ giới lại càng khó khăn hơn, nhất là đối với những người có tập khí nặng nề như chúng tôi. Có nhiều vị đến chùa tu tập được một thời gian, lần hồi vun bồi được một ít chí khí, nhưng khi trở về với thế gian trần tục, thường thì những chí khí đó đều bị thổi bay mất hết. Thế nên có chú thanh niên trẻ tuổi, sống ở chùa cũng được vài tháng, cũng đã thọ qua Ngũ Giới, mà trong giới thứ năm là cấm uống rượu, kẻ cả hút thuốc lá. Nhưng vào một đêm, anh chàng này vì không thể nào nhịn được nữa, bèn lén ra phố bằng cách leo xuống cầu thang treo, rồi biến mất dạng đến ba, bốn tiếng đồng hồ. Khi trở về, thấy mọi người vẫn còn chìm trong giấc ngủ nên anh ta tin chắc rằng không ai hay biết gì. Nhưng sáng hôm sau, trong khi tất cả chúng tôi đang tọa thiền, Sư Phụ bèn lại gần bên chú ấy, rồi cuộc đối thoại diễn ra như sau:

"Hỏi tôi này người đi đâu vậy?"

"Ồ! ơ! dạ! Thưa chuyện gì ạ?"

"Hỏi tôi này người đi đâu?"

""Dạ, dạ, con, con, con chỉ ra ngoài đi dạo một chút thôi!"

"Hả? Vậy chớ ai đã cho người thuốc hút?"

"Ồ! a! Con mua ở cây xăng. Con chỉ muốn đi dạo vòng vòng và hút thuốc thôi!"

"Chỉ có đi bộ và hút thuốc thôi hả? Vậy chớ sao người phải lên xe buýt?"

Sợ quá nên phát run lập cập:

"Con, con, con muốn đi tới công viên Golden Gate, nhưng đi bộ không nổi vì xa quá."

Với giọng như chọc thủng lỗ tai:

"Còn người đàn bà trên xe buýt thì sao? Tại sao người phải mời nó hút thuốc hả?"

Đến lúc này thì khóc sụt mướt và rên rỉ như chó tru:

"Con đã không có làm gì hết, sau đó con xuống xe. Mà ai đã nói cho Sư Phụ biết vậy?"

"Không ai hết!"

"Vậy sao Sư Phụ biết được?"

""Vậy người có biết không?"

"Dạ biết!"

"Vậy thì chính người nói cho ta biết đó!"

Đến đây, Sư Phụ mỉm cười và cú giỡn trên đầu chú ba cái, xong mới trở về phòng. Ai nấy chứng kiến cảnh này cũng đều toát mồ hôi.

Ngày 24 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Đang lễ lạy dọc bên con lộ chật hẹp, bỗng có anh tài xế cố ý lái trượt vào lề với tốc độ thật nhanh, gần sát chúng tôi. Bị cảnh như thế cũng mấy lần, chắc họ thấy chúng tôi di chuyển sao mà chậm lục quá, nhưng cũng chưa có tai nạn gì xảy ra. Hy vọng đến ngày viên mãn chúng tôi sẽ không bị trục trặc gì.

Chiều đến ông bà Dahl cùng con trai là Tom, tới chở chúng tôi về nhà ngủ qua đêm. Ông Dahl hiện đã về hưu, căn nhà của họ tọa lạc giữa những cánh đồng bao la toàn cây Cranberry (nham lê). Tôi tưởng chỉ có vùng Cape Code ở tiểu bang Massachusetts, nơi tôi nhiều lần đến nghỉ hè, mới là chỗ duy nhất sản xuất lượng lớn cranberry. Nhưng không ngờ hôm nay mình lại đến đúng vùng sản xuất trái cranberry lớn nhất thế giới. Gia đình họ Dahl tặng chúng tôi thực phẩm và vật dụng. Thầy Hằng Cọ đánh dấu lần đầu tiên được nghỉ lại nhà họ Dahl.

Ngày 25 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Ông bà Mục Sư Augsburgger mời chúng tôi dùng cơm trưa ở viện dưỡng lão của họ, gần vùng Bandon. Sau đó Mục Sư cỡi xe gắn máy BMW đến thăm mọi người, trong khi bà Augsburgger dắt chúng tôi đi tham quan khu nhà dưỡng lão. Bà tiết lộ bí mật là đang có một "âm mưu" của những tín đồ Cơ Đốc Giáo dòng Pentecostal ở quanh vùng, muốn chuyển hóa hai chúng tôi vào đạo và các nhân vật đại diện từ mỗi giáo phận trong tỉnh đã được gọi điện mời đến để thuyết phục chúng tôi. Chúng tôi cũng quên mất là mình đã có bao nhiêu cuốn Thánh Kinh rồi, vì đã tặng lại cho các thư viện ở dọc đường. Mặc dầu bà Augsburgger là tín đồ của Episcopal (Tân Giáo) rất ngoan đạo, nhưng bà cũng đã bảo rằng việc chúng tôi đang làm rất có giá trị, nên nghĩ rằng chúng tôi chẳng cần phải chuyển đạo làm gì.

Ngày 26 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay gồm đủ mọi thành phần như học sinh, nội trợ, thợ mộc, nông phu chuyên trồng cranberry, đã lần lượt đến thăm hỏi khi chúng tôi đi ngang qua khu Bandon, một trong những trung tâm chuyên trồng cranberry. Chiều tối chúng tôi nhận lời mời của gia đình Erdman về nhà ngủ nghỉ. Ông Mike và bà Marylyn Erdman là tín đồ Thiên Chúa Giáo, nhưng tình cờ lại trung bày

tượng Bồ Tát Di Lặc ngay tại phòng khách của họ. Nghe bà Marylyn hỏi rằng tôi có biết gì về tượng này, thế nên tôi kể chuyện về ngài Di Lặc, tức ông Sư mang túi vải.

Ngày xưa có ông Sư già, dáng dấp to béo, thường đi lang thang cùng khắp nước Trung Hoa với túi vải làm hành trang luôn vác trên lưng. Ông lúc nào cũng cười tươi vui vẻ, bất luận dù gặp ai, thì ông sẽ hỏi xin này nọ, hoặc sẽ tặng cho một món đồ. Trong đạo Phật, làm như vậy là để tạo duyên với mọi người (người Tàu thường có câu là "Kết Duyên".) Mọi người ai cũng tin rằng ông Sư to mập đó chính là hóa thân của Bồ Tát Di Lặc.

Rồi một hôm, có viên quan chức nghe tin đồn về Lão Sư này, và tình cờ trên đường đi lại gặp được Sư nên rất đổi vui mừng. Không bỏ qua cơ hội tham vấn vài câu giáo lý Phật Pháp, ông liền nói: "Xin Ngài giảng rõ thế nào là đại ý Phật Pháp?"

Lão Sư mập không nói một lời mà chỉ mỉm cười vui vẻ, rồi để cái túi vải xuống đất. Vị quan ngơ ngẩn đứng nhìn một lúc lại nói: "Ủa! Vậy thôi sao! Phải còn cái gì hơn thế nữa chứ? Tôi muốn biết về giáo lý tối thượng thừa!"

Đến đây, vị Sư từ từ cúi lượm cái bị lên, hoàn toàn chẳng nói một lời nào mà lại bỏ đi một nước. Đó là giáo lý tối thượng thừa của Phật Giáo.

Ngày 27 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Khi đến vùng Bandon về hướng bắc, có hai ông bà nông dân vốn chuyên trồng cranberry, nay đã về hưu, đến chở chúng tôi tới tiệm để mua sắm giày vớ và nha sĩ Soper đài thọ chi phí. Chúng tôi đi ngang qua sông Coquille dưới cơn mưa bão nặng nề. Bây giờ lộ trình lại dẫn vào phía trong nội địa. Còn khoảng hai mươi dặm nữa là chúng tôi sẽ đến khu bến tàu và thành phố Coos Bay.

Ông Don Hultin cũng là nông dân chuyên trồng cranberry, chạy xe cam nhông đến để chở hai ông Tỳ Kheo đã bị ướt sũng về nhà. Sau khi được hong khô ráo và tọa thiền, vài người hàng xóm của ông Don đến trò chuyện với chúng tôi về chuyến báii hương. Có vài lý do gì đó nên Thầy Hằng Cụ hát một bài về Vu Lan bằng tiếng Trung Hoa. Tuy không hiểu tí gì, nhưng sau đó họ rất chăm chú lắng nghe những gì sư huynh tôi nói. Thì ra qua bài hát, Thầy đã gây được sự chú ý của mọi người.

Lúc tôi giới thiệu với họ vài cuốn sách do Chùa Kim Sơn xuất bản, thì có một thiếu phụ chăm chăm nhìn hình đức Phật ngồi trong tư thế kiết già. Trong phút chốc, khi chợt bắt gặp thái độ của bà đối với bức ảnh, lòng tôi dạt dào một cảm giác tuyệt vời. Tôi như thấy được rằng thiếu phụ này đang gieo chủng tử lành vào tâm thức cho quả giác ngộ tương lai. Tôi không biết là một người phải trải qua bao nhiêu ức kiếp trước khi những chủng tử mới bắt đầu nảy nở. Nhưng đối với tôi, xem đó như trong chốc lát, vì quá khứ, hiện tại, và vị lai sẽ trở thành hợp nhất, và nghiệp duyên của thiếu phụ này cho tôi thấy là một ngày nào đó bà cũng sẽ thành Phật.

Ngày 28 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Mấy ngày nay thời gian thấm thoát trôi qua thật nhanh, cũng như những bước tiến vững vàng. Chúng tôi có tiến triển thành công rồi.

Buổi chiều, sau một ngày lễ bái, ông Jimmy Olson, vốn là bạn của ông Don Hiltin, đến rước chúng tôi. Thật không ngờ ông này có tới năm mươi mẫu đất, mà hầu như chỉ trồng toàn Cranberry. Sau giờ tọa thiền, chúng tôi có cuộc đàm luận về giáo lý rất sống động. Vì thế chúng tôi mới thấy rõ hơn là ông Jimmy đã từng nghiên cứu nhiều về triết lý Tây Phương và thích tranh cãi với những Mục Sư trong vùng.

Ngày 29 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Sáng nay là một trong những lúc tôi cảm thấy bầu không khí ngột ngạt với bao nhiêu là phiền não và đặng cay. Hầu như không có cách gì để xua đuổi chúng cho khuây khoả. Bởi vì tôi đang giận Sư đệ với những lý do đại khờ hay sao đó. Tuy biết rằng không nên như vậy, nhưng tôi vẫn không thể nào gạt bỏ được những phiền não trong lòng. Tôi bắt đầu chí tâm niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm, hy vọng với lòng từ bi và quyền năng diệu dụng của Ngài sẽ giúp tôi. Vừa nghĩ đến đó, tôi chợt nhìn lên thấy có chiếc xe truck cũ kỹ ngừng lại bên đường, có hai người đàn ông bước ra đi theo một thiếu nữ mù. Cả ba cùng tiến về phía tôi và Thầy Hằng Do cũng đến gần. Thiếu nữ độ ba mươi tuổi, đến hỏi tôi có phải là ông Thầy lễ lạy hành hương mà cô đã nhiều lần nghe đồn không?

Tôi đáp: "Thưa phải."

Rồi cô nắm giữ lấy tay tôi một lúc và tất cả đứng trong im lặng. Khi đó tôi cảm thấy bao nhiêu phiền não trong lòng chợt tan mất, bù vào là một sự ấm áp nhẹ nhàng của ánh nắng mặt trời.

Một lúc sau, cô lên tiếng: "Ông quả thật là người an lạc, tôi có thể nhận được điều đó."

Cô còn bảo là rất hoan hỷ về việc làm của chúng tôi, cũng như có rất nhiều người luôn theo dõi từng bước tiến của chúng tôi. Họ ra về và đồng thời những phiền não của tôi cũng hoàn toàn không còn nữa.

Tối đến, ông Jimmy Olson đưa chúng tôi về trang trại của ông.

Ngày 30 tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi lễ lạy trong cơn mưa suốt buổi sáng này. Bà Dahl đem đến một ổ bánh mứt chanh (lemon pie) vừa mới nướng cho chúng tôi ăn trưa. Đây là một trong những vùng thân thiện nhất mà chúng tôi đã đi qua. Nhớ lại lúc chúng tôi vừa khởi sự chuyến đi được hai tuần, có một đoàn ký giả săn tin cho đài truyền hình ở San Francisco đến phỏng vấn. Lúc đó tôi thật không tự nhiên, mập mờ trả lời những câu hỏi như: "Các ông đang làm gì và tại sao?" Nhưng bây giờ sau những ngày tiếp chuyện với hàng bao nhiêu người, tôi cảm thấy dễ dàng hơn khi giải thích về lý do cũng như việc mình làm. Nhờ vậy khiến sự đối đãi của mọi người với chúng tôi cũng khác đi. Và nếu họ không thể nào "hiểu nổi" những gì về chúng tôi, thì đối với họ chúng tôi vẫn như là một cặp điên khùng trong số những người khùng điên. Tuy nhiên, nếu chúng tôi có kinh nghiệm trong việc đối đáp, giải bày lý do rành rẽ về chuyến đi, dù họ có hiểu được chút ít đi nữa, thì sự chào đón sẽ thân mật và có ý nghĩa hơn.

Một lần nữa ông Hultin lái xe truck đến rước chúng tôi. Biết ông đang nghiên cứu về Phật giáo, nên chúng tôi cũng cố đem hết những hiểu biết của mình để giải thích hàng lô câu hỏi thắc mắc của ông. Đồng thời ông cũng đã bày vẽ cho chúng tôi về nghệ thuật trồng cây cranberry (nhام lê).

Ngày 31 Tháng 3 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi lạy vào khu hải cảng của Coos Bay trong một ngày ước át, ngang qua một công ty khai thác gỗ hỗn tạp Weyerhaeuser, tọa lạc dọc bên vịnh. Hải cảng gỗ này có thể nói là lớn nhất trên thế giới, tàu bè từ khắp nơi đổ về để

chuyên chở. Vì hôm nay là chủ nhật nên ở đây có vẻ yên tĩnh hơn. Có vài người dừng lại hỏi chuyện, trong khi rất nhiều người chỉ đứng nhìn thôi. Như khi Thầy Hằng Cụ lạy ngang qua một tiệm ăn, đã có hàng trăm con mắt mở to hướng nhìn từng nhịp bước của Sư. Hôm nay chúng tôi lạy tổng cộng được bảy dặm để ra khỏi vùng Coos Bay và North Bend.

Người đàn ông mà cách nay vài tuần đã dừng lại xin cầu nguyện cho ông bố mình, có để lại số điện thoại và nói khi chúng tôi tới vùng Coos Bay thì xin gọi cho anh biết. Nhưng khi tôi gọi điện thoại thì anh ta lại hỏi: "Ai vậy?"

Tôi đáp: "Tôi là Hằng Do."

Anh này có vẻ hơi say rượu, quên mất tôi là ai, nên trả lời rằng: "A , phải rồi ! Còn ta là Ngốc văn Nghếch đây!"

Hôm nay vừa đến mức nửa đoạn đường, nên nhân dịp này chúng tôi đón xe buýt trở về tu viện Kim Sơn để tham dự khóa thiền mùa xuân. Chúng tôi sẽ tạm rời con lộ trọn một tháng.

Hình: Hằng Cụ đứng bên tượng Bồ Tát Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm, cao hơn 5 mét (18 feet) bằng gỗ long não. Tượng này nay được ngự tại chánh điện chùa Vạn Phật Thánh Thành ở Talmage, California.

---o0o---

Chương III - Từ Coos Bay đến Marblemount

Ngày 1 tháng 5 năm 1974. Hằng Cụ viết:

Sau một tháng ở Kim Sơn, hôm nay chúng tôi trở về vịnh Coos Bay. Trong thời gian qua, chúng tôi đã tham gia các tuần thiền thất, thuyết pháp nhân dịp lễ Phật Đản và những buổi nói chuyện tại trường đại học San Francisco State University. Đồng thời tu bổ lại chiếc xe kéo và cũng có đủ thời gian để chúng tôi chuẩn bị cho phần nhì còn lại của chuyến bán hương. Với phân nửa đoạn đường này, chúng tôi quyết định là sẽ theo sát lộ trình xa lộ chứ không đi quanh co vớ vẩn nữa. Trong khóa thiền vừa qua, khó khăn lắm mới kiềm giữ tâm lại, không thì đầu óc cứ mãi nghĩ đến xa lộ. Sau khi lấy lại tinh thần, không còn những mối lo âu, thân thể trở nên khỏe mạnh, tôi cảm thấy phấn khởi và náo nức về phân nửa cuộc hành trình còn lại.

Kệ thiên thất

Tánh thanh tịnh, tâm tự tại:

Vạn hạnh tu, chẳng được mất.

Tin Thầy Tô, nguyện ban đầu,

Tiến bước cho đến viên mãn.

Ngàn lần gọi như nhắc nhở.

Ai chẳng chịu theo tâm mình?

Hãy đứng thẳng, không tham cầu,

Vượt khỏi tranh chấp, si mê.

Người, cảnh, ý tưởng, cảm thọ,

Bao đường dẫn đến giải thoát,

Bao ngã dẫn sa địa ngục,

Tất cả từ tâm niệm khởi.

Ngày 2 Tháng 5 năm 1974. Hằng Cự viết:

Trong tuần qua có hai Giáo sĩ truyền đạo người Mỹ vừa từ Trung Hoa về, đã đến chuyển hóa chúng tôi. Cả hai đều tỏ vẻ ngạc nhiên khi biết Thầy Hằng Do rất rành tiếng Quan Thoại (Mandarin). Một trong hai vị này là cựu hải quân, mời chúng tôi đến nhà ở Reedsport, nếu có đi ngang. Nghe qua cũng lý thú thật.

Hôm nay tôi lạy dọc trên đụn cát chạy dài theo bờ biển khoảng nửa dặm, rồi tiến lên vùng đất rắn chắc bầy dặm. Vừa lúc định ngưng lạy, thì có một thanh niên thuộc giáo phái Nhân chứng Giê-hô-va (Jehovah's Witness), khoảng mười chín tuổi, định làm một việc hào hiệp cứu rỗi tôi. Anh chàng

mang theo những cuốn Thánh kinh nhỏ đã được truyền bá khắp thế giới, với nội dung nói về ngày "Phán xét" sẽ xảy ra trong bất cứ lúc nào. Rồi anh ta bắt đầu thao thao bất tuyệt với tốc độ như không thể nào gián đoạn được. Tôi kiên nhẫn đứng đó cả mấy phút, trong khi chàng ta vẫn tiếp tục nói huyền thuyên: "Những ai tin tưởng sẽ được ban ân huệ sống vĩnh viễn trên thiên đàng, còn những người không tin sẽ bị thiêu đốt mãi dưới địa ngục." Nhưng sau đó, nhân lúc nghe tiếng anh ta bắt đầu như cuộn băng bị đứt, nên tôi cúi lượm nhánh cây khô bên đường, ra chiều ngắm nghía rất kỹ. Anh ta cũng vậy, bắt đầu nhìn vào cành cây và giọng nói càng lúc càng nhanh, trong khi cặp mắt như dán chặt vào nhánh cây. Ngay lúc đó, tôi biết là đã bắt dính được anh chàng. Rồi vừa lúc hấn ngừng để thở, tôi nói ngay: "Em có biết cái gì đây không?"

Chàng ta trả lời: "Là một khúc cây."

Tôi nói: "Đây là Chúa" và nhẹ nhàng ném tung lên không trung. Chàng ta há mồm trố mắt nhìn theo cành cây từ từ rơi vào bụi rậm. Tôi không nói thêm lời nào và lập tức bắt đầu lễ lạy. Đi xa được khoảng trăm bước, tôi ngoái nhìn lại, thì thấy anh chàng vẫn đứng trơ ra như mảnh kiếng bể. Nhưng cuối cùng anh ta cũng hoàn hồn lại và chạy theo, vừa nhảy lưng tung như chú thỏ con đang lớn, vừa lắp bắp: "Nhưng, nhưng, nhưng Chúa còn sống, Ngài, Ngài, Ngài, Ngài có trí thông minh, ông phải tin như vậy." Tôi mặc kệ, không thêm chú ý nữa, mà bỏ hấn lui mờ dần về phía sau một mình lảm nhảm vẩn vơ.

Ngày 3 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi đang tiến vào khu đụn cát biển Oregon Dunes National Recreation Area, khu này chiếm ít nhất cũng khoảng bốn mươi dặm gần tới ven biển. Các thú rừng trong phạm vi vùng này đều được bảo vệ. Lại có những lối đi dành riêng cho các loại xe chạy trên cát biển. Những bãi cát mênh mông này, nguyên trước đây là vùng trũng sâu đã được sóng thủy triều đưa đầy cát biển vun bồi mà thành, rồi được đánh dấu với tên Salal, Manzanita, và Madrone. Chúng tôi bắt đầu thấy vô số những đoàn xe cắm trại chờ gia đình đi nghỉ mát.

Hôm nay chúng tôi được hai viên cảnh sát quận đón chào, và hứa sẽ lưu ý dùm cho chúng tôi. Điều này có vẻ trái ngược với những lần chúng tôi bị ngồi trong xe cảnh sát để chờ họ điều tra, kiểm soát xem chúng tôi có phải là

tội nhân không. Hình như càng đi xa, chuyến đi của chúng tôi càng được mọi người công nhận.

Sau khi lạy được bảy dặm, chúng tôi cắm trại ở một trong vô số công viên dọc theo bờ biển vùng Oregon. Theo như thường lệ, đến cuối ngày, sau khi chúng tôi ngưng lễ lạy, cũng là lúc tạm dừng tiếp xúc với công chúng. Bởi vì lúc tối đến, sau khi rời bỏ đường lộ để cắm trại thì sẽ không ai biết chúng tôi ở đâu. Nhưng đêm nay như có những lời đồn, nên từng đoàn người kéo đến để trò chuyện: tặng phẩm vật, chụp hình, mời nước chanh và cuối cùng là những câu hỏi. Quang cảnh thật ồn náo nhưng có vẻ toàn thiện tuyệt vời.

Giờ đây đêm đã về khuya, những chuyện xảy ra trong ngày cứ vang dội trong đầu tôi, chúng hiện đến rồi mất đi như những bọt sóng trên biển cả. Nhưng ai đang quan sát biển cả trong vũ trụ này? Có phải người đang ngắm nhìn chính là một phần tử trong đó không? Nó thật có cái gì khác biệt giữa chuyện xảy ra và chuyện tôi nghĩ sẽ xảy ra không?

Ngày 4 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay khi chúng tôi dừng lại bên đường, có một số người đến trò chuyện. Hầu hết là họ không muốn rời khỏi xe, nên đã xếp thành hàng dài chờ đến phiên mình, rồi tuân tự chạy xe đến, quay cửa xe xuống để hỏi chuyện chúng tôi. Thật lạ lùng làm sao!

Sau bữa cơm trưa, chúng tôi tiếp tục lạy qua khu phố Reedsport, nơi đây cả hai tôi đều tiếp chuyện với nhiều người. Rồi có cả một tiểu đội con nít cỡi xe đạp tụ tập bao quanh, chạy theo Thầy Hằng Cự cho đến cuối đường Main. Chúng nó lượn tới lượn lui thành vòng tròn, cười nói vang rân. Còn mình tôi phải dừng lại từng hồi để đối đáp với nhiều người.

Đến cuối ngày, lúc ngồi nghỉ, những hình ảnh xảy ra trong ngày cứ chập chờn trong tâm trí tôi. Chúng có vẻ hơn là những kỷ niệm, nhưng lại kém phần thực tế: Những hình ảnh này hơn là kỷ niệm vì chúng đang uồn nắn những gì sẽ xảy ra trong tương lai, cũng giống như hạt dưa sẽ cho ra những trái dưa chớ không phải cho ra trái đậu. Nhưng chúng thua kém thực tế vì tổng số các hình ảnh xảy ra không cân xứng với sự góp nhặt của các phần rời rạc. Cho dù tất cả những phần này có được chỉnh đốn xây dựng lại, nhưng nó vẫn như còn thiếu sót một cái gì huyền bí trong đó, ngầm gợi gắm chánh đáng cho lời ước nguyện, sự việc, hay tư tưởng. Có thể gọi đó là tia sáng của cuộc đời, gọi là Phật Đà, tánh chân thật, hay là thần thánh gì đó. Nó

có rất nhiều danh xưng để nhiều lần thử định nghĩa về nó. Như một lão Thiên sư có lần nhắc đến: "Bạn không thể nào hai lần đứng trên cùng một giòng suối." Thử nghĩ về điều này đi! Bạn còn không thể đứng một lần trên cùng một giòng suối, huống chi là đến hai lần!

Ngày 5 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Đêm hôm qua chúng tôi nhận lời mời về ngủ ở nhà của vị cựu hải quân, người vừa đi công tác truyền giáo ở Trung Hoa về. Thật là làm lẫn, mặc dù được ông và gia đình tiếp đãi rất tốt, nhưng tất cả cũng chỉ với ẩn ý muốn chuyên hóa, và cứu rỗi chúng tôi. Mới đầu ông nói tiếng Anh, sau đó dùng tiếng Trung Hoa, không chịu buông tha, suốt cả đêm cứ mãi với luận điệu: Vì ông đã tìm được sự vĩnh cửu của cuộc đời, và sẽ không an vui cho đến khi nào cả hai chúng tôi cũng tìm được điều này như ông. Buổi nói chuyện tối hôm đó thật ra cũng chẳng có vấn đề gì, nhưng sáng hôm sau, lúc ông chở chúng tôi trở ra chỗ cũ, mới có chút xích mích xảy ra. Lúc đó ông tập trung hết sức lực, hầu như chỉ dõn về phía Thầy Hằng Do. Tôi nghĩ ông đã bó tay chịu thua tôi rồi. Ông ngừng xe ở hướng bắc, phía cầu sông Smith, cuối ranh giới vùng Reedsport. Khi chúng tôi vừa bước ra khỏi xe, ông nói nhảm theo Thầy Hằng Do: "Tôi hy vọng hai chú em sẽ từ bỏ sự tôn sùng cái hình tượng tà giáo đó và chấp nhận Chúa, nhất là chú Hằng Do đã là người được Chúa chọn đó."

Thầy Hằng Do trả lời ngay: "Tất cả chúng ta đều là những người được chọn."

Cảnh này kết thúc trong lúc mọi người đều buồn phiền, la lối lẫn nhau cho đến khi ông ta nhảy lên xe rồ máy âm ầm chạy mất. Đáng tiếc thay! Tôi biết rằng dù sao ông cũng thật tình có thiện ý với chúng tôi đấy thôi.

Sáng nay thấy có túi trái cây tươi nằm trên lối chúng tôi đi, kèm theo tờ giấy ghi: "Cầu mong ánh Thái dương mãi chiếu rọi đến các anh, với tình thương bao bọc chung quanh và ánh sáng trong lành nội tâm sẽ dẫn đường các anh tiến bước." (Trích từ một bài hát của ban nhạc: Dây đàn tuyệt diệu (Incredible String Band). Chiều đến ông phó cảnh sát trưởng Richard Knack mang đến cho chúng tôi một bình nước suối bốn lít, lại còn chỉ điểm chỗ khá tốt để dựng trại. Giờ đây chúng tôi ngồi bên lều, gần cạnh nòi đậu hầm trên ngọn lửa cho bữa trưa mai. Ngọn gió tươi mát từ biển thổi vào, tiếng nước chảy róc rách của con suối nhỏ từ xa vang lại. Ánh trăng tròn tỏa chiếu cùng với hàng ngàn ngôi sao lấp lánh trên trời.

Ngày 6 tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Có lần Hòa thượng Hư Vân thấy con cá mập bị sóng biển đánh dạt vào bờ và dân bản xứ mổ bụng nó ra, thấy bên trong có cả một chiếc xuồng nhỏ và vài thứ vật dụng của loài người. Tôi nhắc đến chuyện này là vì đêm nay đang lúc ngồi thiền, nghe văng vẳng tiếng máy ông say đang đánh cá từ phía hồ Carter mờ mịt sương mù, cách không xa chỗ chúng tôi cắm trại. Tiếng mái chèo khua dưới nước, pha lẫn tiếng loạng choạng quay cuồng trên ghe thuyền, và những lời cười nói vang rền của họ đã lấp đầy vào tâm tôi một ấn tượng sâu xa.

Có ai biết không? Có thể đời này là người câu cá, nhưng kiếp sau sẽ là cá!

Ngày 7 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Xa Lộ Ven Biển

(Một cảnh nhìn gần)

Thông xanh cao vút viền quanh lộ,

Tùng bách, Sơn Lưu hoa thanh nhã,

Bông hoa, bụi bậm, gai nhọn, be-ri,

Hoa Tô cách lan, sa lal, che-ri ngọt.

Vạn cụm mây trang nghiêm thiên cảnh,

Bạch mao vân, hào quang kiêu mạn.

Không gian sống động đàn chim hót,

Ong mật từ tổ vù qua lại.

Bên lề la liệt lon sét mốp,

Đống kiếng bể, quạt máy rã hư.
Đàn kiến tíu tíu quanh bánh vụn,
Xương động vật, quần áo cũ rách.
Đường lộ hun hút vô số dặm,
Như mộng dài, bài ca chẳng dứt.
Người xe qua lại bận suốt ngày,
Trên những chiếc xe Pontiacs, Lincolns, Chevrolets.
Thanh niên kéo Baja Volks trượt nước,
Khuôn mặt rữ rượi mấy bạn già,
Tiếng khóc trẻ con trong xe cũ,
Lon không nước ngọt chất đầy xe.
Viên tuần cảnh hài hòa độc mã,
Thong dong dưới bãi đầy bọt biển tràn.
Đây thế giới sanh tử phân hồi,
Lễ bái ven bờ xa lộ 101.

Ngày 8 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Sự ồn náo tăng dần khi chúng tôi vào tới khu phố Florence. Cha Maxwell ở nhà thờ Saint Mary vùng Dunes, ngừng lại thăm hỏi vài câu. Thoạt tiên ông ngỡ chúng tôi là những Đạo sĩ lang thang có đời sống lao nhọc. Ông Harris giúp chúng tôi hàn nối lại mấy cọng kềm bao quanh chiếc xe kéo. Sau mỗi lần tu sửa, nó trở nên nặng nề thêm chút ít. Vào tới giữa phố có nhóm người kinh doanh buôn bán trong vùng đến chào đón chúng tôi và chụp hình, thắc mắc thăm hỏi rất nhiều. Đang trên đường ra khỏi phố, có viên cảnh sát cời

chiếc mô tô tấp vào, lên giọng khinh khỉnh hỏi: "Mấy ông đang lộn xộn cái gì đây?"

Thế là tôi phải giải thích lý do mục đích, nơi chốn xuất hành. Nghe xong, lòng ông rung động thấy rõ, nên nói: "Ồ! Thánh thiện quá, cẩn thận nhé!"

Vừa sau đó, có ông lái xe hàng ra đầu bảo Thầy Hằng Cụ đến gần. Nhưng thấy Thầy không đến, ông liền phát cầu, nhún ga nghiền bánh xe dưới đường nghe đécc cả tai, rồi chạy tới phía Thầy đang lạy, hét to bảo Thầy nên đi chỗ khác mà cầu nguyện.

Chúng tôi cắm trại trên bãi cát gần bờ biển Hecata, bên cạnh lửa trại âm cúng. Có hai đứa bé đem thức ăn đến cho chúng tôi, và hỏi về cách tập thiền. Một em tên Gary Jenkins hỏi Thầy Hằng Cụ sau chuyến này chúng tôi định sẽ làm gì?

Thầy đáp: "Có lẽ chúng tôi sẽ đi Viễn Đông."

Nghe vậy chú bé nhóm người lên nói: "Ồ! Về tiểu bang Minnesota hả?"

Ngày 9 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cụ viết:

Lạy được sáu dặm đường dưới ánh mặt trời nóng như thiêu đốt. Thầy Hằng Do tính nhầm bảo rằng chúng tôi đã được khoảng nửa đường vùng Oregon. Hôm nay chúng tôi ăn cơm trưa ở gần một khu vườn thực vật, đây là vườn nhà của loại Darlingtonia California, cây thật cao, chuyên ăn sâu bọ. Các loại côn trùng một khi đã lọt vào những cánh hoa hình dáng như rắn hổ mang Ấn Độ này thì những cánh hoa sẽ khép chặt vào rồi tiêu hóa chúng. Tôi có nghe con người ăn rau, nhưng chưa bao giờ nghe rau lại ăn thịt như vậy!

Gary Jenkins mang táo đến

Nellie tặng một đồng tiền

Ông Ball tìm chỗ cắm trại,

Mọi người chúc may mắn.

Tuy nhiên, đến chiều tối thì ông chủ đất phát giận dữ bảo chúng tôi phải rời khỏi khu vực của ông ta ngay. Đây chỉ là lần thứ hai trong suốt cuộc hành trình mà chúng tôi phải nhổ lều dọn đi chỗ khác vì đã xâm nhập đất người. Thật ra chúng tôi đâu có muốn xâm phạm đất người bất hợp pháp như vậy, chỉ vì đôi lúc không thể tìm được một nơi nào mà không có chủ cả.

Ngày 10 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Khi vừa qua trạm phòng vệ duyên hải củ ở Hecata Head, ông Harry Tammen mời chúng tôi nghỉ lại đêm. Hai vợ chồng ông vốn là nhân viên gác giữ ngọn hải đăng này và căn nhà cổ xưa. Căn nhà rộng lớn này do sự cất rập từng phần mà thành, từ San Francisco được thả trôi đến đây cũng cả trăm năm rồi. Nơi đây như khoác lên vẻ gì trang nghiêm quá.

Sau buổi trà đàm đạo về Phật pháp với ông bà Tammen, tôi mang theo bò đoàn, một mình đi ra ngoài khoảng nửa dặm, thẳng đến ngọn hải đăng to lớn. Tôi leo lên một ghềnh đá để tìm chỗ ngồi ngang bằng với ngọn đèn. Để bò đoàn xuống rồi kéo chân ngồi với tư thế kiết già. Cơn gió từ biển thổi tạt vào lạnh cóng, phút chốc mặt trời khuất bóng, để lại một bầu trời tối đen. Ngồi được khoảng nửa tiếng, trong tư thế như vậy tôi cảm thấy đôi chân dù đau nhức vô cùng, nhưng vẫn nhất quyết không nhúc nhích, cho đến ít nhất một tiếng như thường lệ. Dường như tia sáng từ ngọn đèn đã giúp cho tôi tăng thêm nguồn sinh lực, vượt qua cơn đau nhức trong phút chốc. Và lại tôi cũng đã quên hẳn cả thân mình. Một tiếng trôi qua, tôi từ từ duỗi chân và chợt cảm nhận luồng gió thổi dữ dội, lạnh buốt vô cùng. Rồi vội vàng trở về ngôi nhà lớn, lúc đó sư huynh đang ngồi đọc sách.

Một trong những ngành khoa học cổ điển Trung Hoa vẫn còn lưu hành cho đến ngày nay là Địa lý học. Ngành này nghiên cứu, định rõ những nguồn năng lực của quả địa cầu. Tất cả mọi nghiệp vụ xây cất đều nên hòa hợp với những nguồn năng lực của trái đất. Nhiều người bác bỏ không tin vì cho đó là sự khảo cứu vô lý, nhưng sự hiện diện địa điểm tọa lạc của ngọn hải đăng này đã xác định rõ ràng mạnh mẽ. Nó như vượt hẳn ngoài tầm của sáu thức.

Từ cửa sổ tôi hướng nhìn về ngọn hải đăng, nơi đó đã cho tôi một cảm giác thật lạ kỳ.

Ngày 11 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Ngọn hải đăng ở Hecata Head chỉ đơn độc một bóng đèn 1000 watt, với lăng kính phản chiếu là 700. Nó có thể rọi chiếu sáng đến mãi tới chân trời trong phạm vi khoảng hai mươi một dặm. Phía sau ngọn đèn là một tấm màn bằng chất thạch miên bao trùm suốt cả vách núi. Phòng khi trong trường hợp ngọn đèn ngưng quay, tấm màn này với sự tập trung năng lực mãnh liệt giống như tấm kiếng phóng đại, có thể làm phát ra lửa dễ dàng.

Chúng tôi lạy được năm dặm, rồi cắm lều trên một dốc đá. Lại thêm một cơn bão khác đang kéo đến.

Ngày 12 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Trận giông đêm qua thật khủng khiếp vô cùng. Gió thổi như phong bão khiến mây bên vách lều bị đập phình phịch như chiếc buồm. Phía dưới bãi biển, những lọn sóng không ngừng dội vào ghềnh đá như sấm sét. Cũng đỡ là tấm lều được may rất kỹ, nếu không nó sẽ bị banh rời thành từng mảnh rời. Đôi khi ở thế giới vô tình, lạnh lẽo như thế này, chiếc lều nặng năm cân lại là một nơi ấm cúng và an toàn biết bao.

Hôm nay chúng tôi dừng lại ở trung tâm du ngoạn Cape Perpetua. Những đồ vật chung bày ở đây đã giải thích phần nào vô số hiện tượng mà chúng tôi đã chứng kiến ở rừng Suislaw National.

Gia đình họ Evan ở Eugene, tặng chúng tôi một túi trái cây có kèm theo mảnh giấy viết rằng: "Cả hai ông đều đáng được ân cần chú ý đến. Chúng tôi chắc chắn rằng những nhân vật tai mắt quan trọng vùng Oregon, các báo chí và đức Chúa đều tin tưởng các ông sẽ thành công."

Thật ra điều tôi quan tâm chính là ý tưởng, là sự tỉnh thức. Bên cạnh đức hạnh cá nhân, nó là then chốt của sự tu hành. Điều thử thách thật sự là làm sao để không có những thành kiến vị kỷ, không bị bồn chồn, nôn nóng, không lo lắng về tương lai và cũng không hồi tưởng về quá khứ. Tâm tỉnh giác như đang cố gắng nhận lấy cảnh thế gian với trạng thái thanh tịnh, hoàn toàn không dính dáng đến các hình thức, hay bị chi phối bởi những kinh nghiệm về tốt, xấu, lớn, nhỏ và những sự đối lập tương phản khác.

Tâm không dễ gì được tỉnh giác, bởi vì chúng ta cứ duyên theo những thành kiến, nhận biết thế gian theo lối định hướng của bản ngã. Tâm chúng ta lúc nào cũng đầy áp những tư tưởng, những kinh nghiệm giá trị của kẻ khác. Niềm vui của chúng ta lại tùy thuộc vào ngoại cảnh. Thế nên chúng ta không

ngừng tìm kiếm cái được gọi là "tốt" và cố tránh xa cái "xấu." Tâm chúng ta cứ chạy ra khỏi cửa năm giác quan: Mắt, tay, mũi, lưỡi, thân để tìm vui, thỏa mãn với những hiện tượng vô thường của cuộc đời. Bởi vậy thì làm sao tìm được cái vui hạnh phúc thật sự.

Hàng vạn năm qua, những bậc Thánh nhân đã từng chỉ dạy chúng ta con đường trực thẳng nhất để chấm dứt khổ đau, là phải đập tan những vương mắc, tức phải dẹp bỏ tham muốn dục vọng. Mục tiêu của tâm tỉnh giác là sự thấy biết chân thật để không còn ham muốn. Nhưng nguồn năng lực của lòng dục vọng về: tài, sắc, danh, thực, thù lại quá mạnh mẽ, nó biến hiện dưới hàng triệu hình thức khác nhau, đôi khi rất rõ rệt trực tiếp, nhưng có lúc rất khéo léo quý quyết. Ngoài ra lòng dục vọng lại tinh tế bệnh hoạn hơn trong lãnh vực tôn giáo, là chúng ta tham muốn về tiếng tăm và quyền lực. Có người ham muốn được tôn kính, được quyền lực to tát và mong muốn trở thành những ông, bà Tổ Sư, nắm hết quyền hành, đến nỗi không còn rõ đâu là phải trái. Dục vọng khiến chúng ta cố chấp những gì đến với ta và thâm tâm không ngừng quay cuồng với những mưu kế, để rồi tạo thêm những nghiệp mới, bồi đắp thêm những tập khí cũ. Cho nên bước đầu của sự giác tỉnh là phải trừ đi lòng dục vọng tham muốn.

Hôm nay chúng tôi qua vùng Yachats, lạy được sáu dặm rưỡi.

Ngày 13 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Bạn đồng hành chung thủy phía trái của chúng tôi với vẻ đẹp mênh mông là biển Thái Bình Dương. Nhưng dưới lớp mặt bao la vĩ đại của nó lại là một thế giới hỗn loạn và đau khổ. Hôm qua khi còn ở vùng Cape Perpetua, chúng tôi mới khám phá ra rằng tất cả những loài sinh vật dưới biển, ngoại trừ có lẽ một phần mười ngàn, thì đều làm mồi cho những con vật khác ăn nuốt. Theo giáo lý Phật pháp, chúng sanh bị sanh trong hoàn cảnh như vậy chỉ là vì đền bù quả báo sát sanh của bao đời trước.

Hôm nay ông bà Bernie và Eileen Bernstein chở chúng tôi về nhà dùng cơm trưa. Ông Bernie nói trước đây đã từng sống ở miền đông, nhưng vì chán ngán sự đua chen, lệ thuộc cuộc đời, nên đã nghỉ việc, và bán hết tất cả, để đến đây mở tiệm sửa chữa kiêm buôn bán đồ tặng phẩm. Bà vợ thì làm đèn cây và nữ trang. Ông Bernie còn biết khắc chạm gỗ để làm thành những hình vật. Ông cầm một khúc cây hơi qua hơi lại trên ngọn lửa nhỏ, tiếp chũa bằng một bàn chải sắt, rồi cũng làm thành hình dạng trông giống như thật vậy.

Nhiều lúc chúng tôi dừng lại nghỉ ngơi, có những người trong công viên gần bên làm bộ ra vẻ như đang ngắm biển. Nhưng rồi tưởng rằng chúng tôi không thấy biết, thì họ trở mắt ngạc nhiên nhìn chằm chằm. Cũng khó mà trách họ được, vì nếu là tôi khi nhìn thấy hai Tăng sĩ đầu trọc, xâm mình lễ lạy trong bộ đồ thời nhà Đường, đang có bữa tiệc chay trên mặt đường tráng nhựa của bãi đậu xe, thì có lẽ tôi cũng sùng sốt như họ thôi!

Ngày 14 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Tối qua cơn bão lại kéo đến và hiện chúng tôi lạy vào vùng Waldport, có dân số khoảng tám trăm người. Nhận lời mời dùng cơm trưa tại nhà họ Perola gồm: Mike, Julia và Christie. Bà Julia bảo là mấy ngày trước đã mơ thấy chúng tôi và bà luôn niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Bà nói với phương pháp này giúp bà bình tĩnh, định tâm hơn, rất có hiệu quả, nhất là khi gặp những tình cảnh khó khăn. Thí dụ như những lúc bà cuống cuống bận rộn với công việc ở nhà hàng.

Sau bữa cơm trưa, chúng tôi lạy suốt vùng Waldport và qua cầu Alsca. Khi tới bên kia cầu, có nhóm người thân thiện đón chào cho rau cải tươi và trà, có cả bánh mì do họ tự tay làm lấy. Có ông tên Mark, đệ tử của vị Sư Tây Tạng, luôn miệng nói: "Thật là một sadhana phi thường! Thật là một sadhana phi thường!" Sadhana là tiếng Phạn có nghĩa là phương pháp tu hành hay là sự thanh lọc.

Lại có ông khác bày tỏ lo lắng rằng người Mỹ với cách ăn uống hằng ngày tiêu thụ quá nhiều chất đường. Ông nghĩ rằng đường là chất độc và làm cho người ta bị ghiền, nên hy vọng mọi người sẽ thức tỉnh, bỏ đi thói quen đó. Điều này nhắc lại có lần trong bọn chúng tôi đã học được về tánh chất của đường, và lòng tham của mình.

Chuyện xảy ra mấy năm trước ở Chùa Kim Sơn, lúc thời buổi khó khăn, nên chúng tôi nhiều khi phải lục thùng rác để lượm lật rau cải còn tốt và những thức ăn khác mà người ta đã giạt bỏ ra. Sau khi đem về, rửa sạch nấu chín dâng hoàng, thì không cách gì biết đó là thứ nhặt được từ thùng rác ở siêu thị Safeway. Lúc đó sư huynh lớn người Hằng Cự vốn đều đặn với những chuyến đi bươi móc, vì Thầy hình như có tài thích hợp với việc lượm lật, nên biết rõ thùng rác nào là có nhiều sản phẩm nhất. Không hiểu Thầy có dùng thần thông hay không, hay chỉ vì đói bụng, nhưng sao cũng chẳng thành vấn đề. Nguyên là gần chùa có một hãng kẹo và là trạm rác hàng tuần quen thuộc để huynh tôi thăm viếng. Lại thường mang về khoảng mười hay

mười hai miếng kẹo lớn - là thứ kẹo đậu phộng dính cứng còng như xi măng, bảo đảm ăn hết một miếng thế nào cũng gãy ít nhất một cái răng hay phải đi trám răng lại. Nhưng dầu sao kẹo này cũng không đến nỗi tệ lắm. Thế là một hôm, tôi đi ngang qua nhà bếp thấy có một khối kẹo to tương khoảng bảy mươi lăm pound (34 kg), nằm chình ình trên tấm thớt. Ôi thôi! Mọi người nhón nháo vây quanh giông như đám ruồi.

Có bài kệ Sư phụ viết lúc xa xưa như sau:

Nhất thiết thị khảo nghiệm

Khán nhĩ chằm ma biện

Đối cảnh nhược bất thức

Tu tái tùng đầu luyện.

Nghĩa là:

Mọi sự là thử thách

Xem bạn làm thế nào

Đối cảnh nhận không ra

Phải luyện lại từ đầu.

Quả nhiên đây mới đúng là thử thách: việc chính yếu là giữ được lòng không rung động bởi dục vọng. Nhưng thực tế thử thách không phải chỉ làm ngơ cho qua lòng ham muốn, mà là làm cách nào để ĂN được khối đường này. Có mấy vị đập bể được một miếng khá lớn rồi bỏ vô nồi nấu chảy ra. Nhưng đến khi nguội thì nó đóng cứng lại, chất kẹo và chất kim loại ở đáy nồi quén chặt nhau, rút cuộc cái nồi cũng bị tiêu luôn. Rồi mấy vị khác tấn công khối kẹo này bằng búa, bằng đục và dùng cả cửa sắt nữa. Nhưng sau mấy ngày ăn những món toàn nấu với nó, chẳng hạn như món măng xào có nước sốt bằng chất kẹo này, nên không biết ai đó đã khiêng khúc kẹo còn lại quăng trả về thùng rác. Hàm răng bị ê ẩm đã nhắc cho chúng tôi bài học, vì qua sự thử thách này một vài chúng tôi đã rút đài. Như bài kệ đã nói: Chúng ta phải dụng công luyện tập lại từ đầu để có thể nhận ra sự tình trước mắt, nên giữ vững lòng không bị lay chuyển bởi tâm tham.

Cuối ngày hôm nay, lúc hai huynh đệ tôi ngồi bên lề đường, đắn đo không biết nên dừng lều ở đâu, thì ông bà Ed Thayer ngừng lại chở chúng tôi về nhà họ. Ông Ed trước đây ở New York, nhưng đã dọn về đây cất lên một căn nhà khang trang ở vùng Alsea Bay khoảng mười lăm năm rồi. Ông là người đã "không còn mê muội" trước những lễ nghi tập tục của các tôn giáo.

Ngày 15 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Tối qua ông Ed Thayer nói cho chúng tôi lý do vì sao ông không còn mê lầm về những tôn giáo Tây Phương. Trong lúc đọc một bản dịch về sự khám phá đương thời của quyển Tử Hải (Dead Sea Scrolls), ông mới biết rằng những giáo lý của chúa Giê-su vốn từng được một vị giáo chủ tên Appolonius giảng dạy ở tu viện cho nhóm người Essene, trước khi đức chúa Giê-su ra đời cả trăm năm. Nhưng trong Thánh kinh đã bỏ qua giai đoạn nói về cuộc đời của ngài Giê-su Ông đã đi học với nhóm người này trong khoảng thời gian mười lăm hay hai mươi năm. Sau đó Ngài bỏ đi và bắt đầu đưa ra lý thuyết giảng dạy riêng, gồm sự kết hợp giáo lý tương tự như tông Tịnh Độ của Phật giáo: là thuyết vãng sanh về cõi Cực lạc. Thật ra đức Giê-su đã là một vị Thầy cao thâm nhất, nhưng chính vì những ban Hội Đồng Giáo Hội và Hoàng đế Constantine, đã đưa đẩy khiến Ngài trở thành một vị Thần Thánh. Lúc bấy giờ người dân đang bị khủng hoảng nên rất khao khát được một vị lãnh đạo tinh thần, đồng thời cũng vì Hoàng đế Constantine muốn thống nhất lãnh thổ, nên đã tập trung dân chúng lại qua giáo lý tinh thông và quyền năng của Thượng Đế. Từ đó hàng triệu người kính ngưỡng đến vị Trời này và xem như ý Ngài muốn gởi gắm qua chúa Giê-su. Ông Ed Thayer nói là ông rất buồn khi thấy những giáo lý tồn tại như ngày nay đã bị sai lệch quá xa cội nguồn của nó. Ông tin rằng mặc dầu đạo Thiên chúa đã làm vô số việc thiện cho thế giới, nhưng con người cũng phải biết chuyển hướng tìm cho mình những phương pháp khác để được một đấng hoàn toàn tối cao hợp nhất.

Hôm nay mưa thật lớn, thật nặng nề. Có hai bà cụ mời chúng tôi vào uống trà và hỏi rằng trong thời gian tập tu ở tu viện, chúng tôi có bị ông Thầy quăng ném giáo mác vào người không. Rõ ràng là họ đã coi quá nhiều tuồng phim đánh đấm công phu trên truyền hình. Lúc chiều tối, có chiếc xe chạy đâm thẳng từ phía sau như muốn cán lên tôi vậy. Hai người đàn ông tuổi trung niên ngồi trong xe vừa chửi thề thô tục, vừa bóp kèn inh ỏi, lại rò máy ầm ầm. Tôi vẫn tiếp tục lễ lạy theo nhịp độ bình thường, chẳng thèm ngó ngoái lại phía sau làm gì. Vài phút sau họ bỏ chạy mất.

Ngày 16 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay chúng tôi lạy được bảy dặm rưỡi với thời tiết thật kỳ khôi. Mỗi khoảng nửa giờ, hết nắng chói chan rồi lại đổ mưa, cứ như vậy mà thay đổi luân phiên luôn. Khi lạy qua bãi biển Seal, có vài người đến hỏi chuyện, gồm một anh ký giả tên Joe Frazier của Associated Press; một anh tài xế lái xe giao mỗi sữa đã cho chúng một ít sữa tươi; một bà cụ kể rằng ngày xưa nơi đây từng có con đường chạy dài ra tới bờ biển, dành cho xe ngựa chở du khách; một anh buôn bán làm nghề diễn tả những kinh nghiệm tọa thiền của anh; và một cô gái lên tiếng dạy đời khi sư huynh đang lễ lạy bên đường.

Cô ta nóng nảy gằn hỏi: "Bộ ông không tin Giê-su là con của Thượng Đế hả?"

Khi chúng tôi đến cây cầu bắt ngang qua vịnh Yaquina, trước khi vào khu phố Newport, có hai phóng viên là Jim Newman và Roland Chase của đài truyền hình ở Portland đến phỏng vấn và chụp hình liên tục.

Hồi còn ở tiểu học, tôi rất ghét khi phải một mình đứng trước lớp. Đến lúc phải làm bài tường thuật, tôi sợ hãi và quên sạch những gì mình muốn nói, để cuối cùng chỉ có thể luống cuống đọc từ tờ giấy đã ghi sẵn thôi. Có lần chúng tôi phải làm thơ, và Thầy giáo lần lượt kêu tên từng người đứng trước lớp đọc. Khi tới phiên, tôi đọc thật lẹ cho xong, rồi chạy trở về chỗ ngồi. Bài thơ quá ngắn đến nỗi ông thầy lên tiếng mỉa mai: "Đừng có đụng vào tay nó, thiệt tình nó bị mõi nhừ vì đã viết bài thơ dài quá xá như vậy." Ông thầy cũng chịu thua luôn. Lên đến trung học, tôi cũng vẫn còn cái tật đó, nhưng lại thích thổi kèn trong ban nhạc vì không phải chỉ có mình tôi trên sân khấu.

Chính ra tánh sợ hãi của tôi chỉ hơi kỳ dị chút ít thôi, tại tôi đã thổi phồng nó lên phần nào, và dùng nó như bộ giáp che chở bảo vệ cái "ngã" của tôi. Nhưng hôm nay, khi máy thu phim của đài truyền hình bắt đầu quay và máy ghi âm thu lại từng lời nói, tôi xem tất cả chỉ là những mảnh vụn của trò chơi sắp chữ. Ở đây đang có hàng ngàn người đang theo dõi, nhưng tôi chẳng nhút nhát lo sợ tí nào. Có lẽ trong mấy tháng qua vì tiếp xúc chuyện trò với bao nhiêu người xa lạ, nên tôi đã bỏ quên đi cái "ngã" của mình, và cũng có thể tôi đã nhận ra mối nghi hoặc không hiện hữu của nó. Điều này có thể chẳng quan trọng đối với những ai đã từng dạn dĩ dưới ánh đèn pha, nhưng đối với tôi hôm nay mới là ngày đánh dấu cho một chiến thắng cá nhân thật sự.

Ông bà Maxfield sắp đặt cho chúng tôi một phòng trong khách sạn của họ ở West Wind Motel, thuộc vùng Newport để nghỉ qua đêm. Phải công nhận rằng hôm nay tôi cảm thấy thật là vui.

Ngày 17 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay lạy được sáu dặm rưỡi dưới bầu trời chói chan. Hồi sáng này vừa lúc qua ranh giới phía bắc thành phố Newport, tôi dừng lại đi tiểu trong rừng cây phía sau ngôi nhà thờ tân thời phái Tân Giáo Lutheran. Khi đi ngang qua tôi thấy tấm bảng hiệu ghi là Mục sư Olson. Lúc đó tôi cũng chẳng nghĩ gì cả. Rồi tôi tiếp tục lạy tiến về hướng bắc, được khoảng hai giờ sau thì có một cặp tuổi trung niên dừng lại hỏi chuyện. Tôi thấy họ có vẻ lanh lợi hoạt bát, nên hỏi họ có thuộc tôn giáo nào không?

Người đàn ông trả lời: "Có, cả hai chúng tôi đều là tín đồ phái Tân Giáo."

Từ trước đến nay tôi chưa hề đến Newport bao giờ, và không biết cái gì đã xui giục tôi lại buộc miệng nói ngay: "Ồ! Phải rồi, ông bà Olson đây mà!"

Tôi đã nói trúng ngay chóc, khiến hai ông bà ngạc nhiên muốn ngã ngửa. Ở vùng Newport này có biết bao nhiêu tín đồ Lutheran mà sao thật ngẫu nhiên gặp ngay chính họ. Nhưng tôi vẫn giữ nghiêm nét mặt và tiếp tục nói khoảng vài phút, trong khi họ chăm chú lắng nghe từng lời.

Bà Cude đáng người nhỏ bé, đã chia sẻ phúc báu của bà cho chúng tôi với bánh mì, pho mát và trái cây. Nhưng đáng tiếc thay, những thứ chia sẻ này vẫn chưa đủ vì bà còn muốn cho thêm một cái ôm thật chặt nữa, nên chúng tôi phải hết sức khéo léo lựa lời để tránh né. Có hai anh chạy xe gắn máy hiệu Harley Davidsons, sau vài phút nói chuyện với tôi, họ tỏ vẻ ưa thích về ý kiến làm kẻ đơn độc trên xa lộ ngoài này.

Ngày 18 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Ông Russ Jamieson từ đài radio KMED ở Medford đến phỏng vấn ghi âm chúng tôi. Có viên cảnh sát thuộc lính mới ngừng lại, bắt chúng tôi lên xe ngồi chờ phía băng sau. Rồi ông gọi máy về tổng đài để họ dùng máy điện tử kiểm xét xem chúng tôi có phải là tội nhân gì đây. Ông định bụng chắc bọn này nếu không là lính thủy đào ngũ, thì cũng là bệnh nhân ở nhà thương điên

trốn ra thôi. Nhưng tìm mãi chẳng có lý do gì để bắt bớ, thế là đành phải thả chúng tôi ra.

Khi chúng tôi đi ngang qua vùng Depoe Bay, thì gặp bà Walter ở ranh giới hướng bắc khu phố. Bà cảnh cáo phía trước có căn nhà đầy cả người say đang chờ chúng tôi. Bà nói bọn họ nhậu nhẹt suốt cả ngày nay và đang có một cuộc tiệc thật lớn để đợi chúng tôi đến. Có mấy ông liệng ném lon bia ra ngoài đường, một số khác kéo nhau ra trước lề đường giả đồ bắt chước quỳ lạy. Trong khi chúng tôi đang đứng bàn luận về việc này, ông Baker, chủ nhân cho mượn phòng ngủ ở vùng này, chạy trò tới và hứa cho chúng tôi một căn phòng để nghỉ đêm. Tôi ngược nhìn về phía trước, thấy rõ đám người say, thỉnh thoảng có một ông chạy ra đường ngó chừng xem chúng tôi đã tới chưa. à há, lại là lối lựa chọn cũ rích, hoặc là đón nhận những ly sữa mời niềm nở, hoặc là tiến quân xông vào cuộc chiến? Tôi cảm thấy hôm nay mình đã đủ sữa rồi, nên chỉ muốn xông thẳng vào trận địa.

Tôi bảo: "Hay là đệ cứ về phòng ngủ trước để dọn đồ ra, còn huynh sẽ lạy thêm một tiếng hay hơn nữa rồi sẽ đi bộ về sau."

Thầy Hằng Do trả lời: "Không làm gì hết! đệ đi tới đó, đệ đi tới đó ngay bây giờ!" Nói xong Thầy cúi xuống vác bị lên vai, túm lấy chiếc xe, rồi kéo thẳng về hướng mấy người say xin.

Bà lão la lên: "Ngừng lại! Mấy cậu làm như vậy thật là sai lầm lắm đó!"

Tôi mang bao tay vào, sửa lại cái bao đầu gói tin cậy, và bắt đầu đúng theo nghi thức tam bộ nhất bái xuống mặt lộ. Những âm thanh "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát" liên tục vang rền trong tâm tôi như đoàn tàu xe lửa. Thầy Hằng Do tiến gần về đám người một cách hiên ngang nhất quyết. Từ khoảng cách chừng trăm bước về phía trước, tôi thấy độ chừng mười một người, nhưng họ có vẻ giạt ra khi Thầy Hằng Do đến gần. Thật ra trông họ cũng có vẻ sợ sệt đấy. Thầy Hằng Do vẫn tiếp tục tiến thẳng, đến lúc chỉ còn cách chừng năm mươi bước, là họ hoàn toàn nhón nháo tản giạt ra, hầu hết chạy trở vào nhà. Có một ông núp nơi an toàn ném ra mấy viên sỏi nhỏ, nhưng tâm không phải cố ý chọi cho trúng. Sư Hằng Do ngừng hẳn ngay trước căn nhà, chờ tôi lạy tới. Như có chiếc xe ủi đất đã dọn đường bằng phẳng. Tôi lạy qua chẳng có chuyện gì. Chỉ nghe vài tiếng lầm bầm, coi như họ bất lực không làm được gì. Sau trận đụng độ này, chúng tôi cảm thấy nghị lực tăng gia, nên đã lạy thêm hai dặm rưỡi nữa. Tính ra hôm nay chúng tôi lạy được tám dặm rưỡi, khoảng đường dài nhất từ trước đến nay. Vừa định dựng trại

bên đường, bỗng có một chiếc xe chở đầy mấy ông nhậu hồi nãy đến ngỏ lời xin lỗi.

Thầy Hằng Do nói: "Ồ! Không sao đâu, đừng lo nghĩ về chuyện đó nữa."

Ngày 19 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay cha mẹ của Quả Hồi Weber đến thăm và mang theo thực phẩm cho chúng tôi. Bà Weber kể lại những chuyện tức cười trong lúc đi tìm chúng tôi. Bà nói trong khi dọc đường dò hỏi về việc làm của chúng tôi, thì thấy ý tưởng của mỗi người mỗi khác. Có ông thì nói: "Tôi không biết họ đang làm cái gì, nhưng chắc họ có cách tốt hơn để lên thiên đàng."

Còn em bé gái thì nói: "Có, con thấy một người đàn ông cứ quỳ lạy mỗi khi có một chiếc xe chạy qua."

Lúc chiều xuống có ông già lỗ mũi đỏ ửng, đã say men, đến bên Thầy Hằng Do nói: "Tôi không biết mấy ông đang làm gì, nhưng tôi hy vọng các ông cứ tiếp tục như vậy mà làm."

Chỉ bằng những lời nói chan chứa chút ít vui nhộn đó, là đã giúp chúng tôi phấn chấn tiếp tục lên đường.

Ngày 20 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Khu phố Lincoln kéo dài khoảng bảy dặm dọc theo bờ biển. Khi chúng tôi lạy xuyên qua phố, có đủ hạng người như: hip-pi, bình dân, đám mô-tô Thiên Thần của Địa Ngục (Hells Angels), các vị bô lão và trẻ nít đến chào đón. Trong khi chúng tôi ngừng lại ăn cơm ở bãi đất trống trong phố, có ông ký giả nhà báo đến phỏng vấn. Ngay cả ông Roy Sutton, cảnh sát trưởng quận Lincoln, cũng đến bắt tay chúng tôi. Ông cảm kích về tướng mạo của sư huynh. Điều làm ông nể phục nhất là khi biết chúng tôi có thể đi xa như vậy mà mỗi ngày chỉ ăn có một bữa cơm chay thôi. Sau bữa ngộ chúng tôi lại tiếp tục, có nhóm chuyên viên đài truyền hình đến quay cảnh chúng tôi đang lễ lạy qua khu phố. Lúc sắp dừng nghỉ, thấy có hai chiếc xe xém chút nữa là đụng nhau, vì mấy anh tài xế lơ đãng không chú ý, chỉ có thể thôi.

Sau khi lạy được bảy dặm ba phần tư, chúng tôi dựng lều trên khoảng đất trống an lành bên đường.

Ngày 22 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Đến giữa vùng Neotsu và Winema Beach, con đường dẫn vào nội địa khoảng vài dặm. Hôm nay chúng tôi lạy dọc lên dãy đồi, trước khi đến vùng Neskowin. Đi trên đường với những cây trụi lá và ánh mặt trời nóng cháy cứ tiếp tục chói rọi, khiến chúng tôi muốn bệnh say nắng luôn. Tệ hơn nữa là nước uống lại hết sạch. Nên tôi đi thẳng lên trên đỉnh đồi, sau một lúc tìm tòi thì khám phá ra một dòng suối mát trong veo. Lòng nghĩ thầm: "Chờ đến lúc sư huynh nếm qua mùi nước cam lồ này thì mới biết." Múc đầy bình, tôi trở lại chỗ chiếc xe kéo và bắt đầu lạy. Nửa tiếng sau sư huynh cũng tới, nhưng thấy huynh tôi liệng đôi bao tay xuống đất rồi ngồi bẹp trên chỗ đất sộp mềm. Tôi cảm thấy hình như có chuyện gì không ổn, nên không dám lên tiếng. Phút chốc tôi chợt hiểu ra: A! thì ra tại mình đi quá xa về phía trước mà quên nghĩ rằng rũi có chuyện gì xảy ra một trong hai chúng tôi, thì làm sao mà người kia biết được. Nên tôi gượng nói: "Uống nước đi, thật là mát lịm vậy đó!"

Rồi cả hai chúng tôi uống nước trong im lặng. Bây giờ tôi nhìn lại, sự cố chấp khăng khăng từng hỗ trợ cho những giận hờn bực bội trong lòng, như đã chấm dứt ngay từ đó. Nhưng có điều tôi đã quá kiêu mạn, không chịu kéo bỏ cái ngã đề mà xin lỗi. Thế là chúng tôi cùng ngồi bên vệ đường, mà trong lòng mỗi người ai cũng có lý phải của mình để sẵn sàng trách móc đổ lỗi lên đầu người kia.

Có lẽ những chuyện giận hờn nhỏ nhoi coi như không quan trọng, vì một lúc sau chúng cũng sẽ lắng dịu xuống, thì tại sao mình phải làm cho nó lớn chuyện ra? Nhưng nếu nhìn kỹ để suy rộng hơn về những phiền hờn còn con đó, nếu không được quản thúc thì chúng sẽ lớn dần để trở thành thù hận, là nguyên nhân khiến con người đi đến cãi vã, đánh nhau. Một bước xa hơn nữa, lòng thù hận và sân giận chính là nguồn gốc gây ra chiến tranh. Cho nên nếu chúng ta chịu loại trừ những ý nghĩ ác độc trong tâm hồn, thì chúng ta sẽ không có lý do gì để phát sanh những hành động thô bạo dù ở bất cứ trường hợp nào.

Nghe qua thì thấy nó đẹp làm sao, nhưng đó chỉ là trên giấy trắng mực xanh thôi, chớ bình thường mà đem những điều này áp dụng vào cuộc sống hằng ngày thì thật là quá thử thách. Một lúc sau, sư huynh Hằng Cụ nhìn tôi, tôi nhìn lại, sư huynh Hằng Cụ đứng lên, ngó quanh một vòng và nhổ phạch

một bãi nước miếng xuống đất, rồi tiếp tục lễ lạy. Trời ơi! Con cảm thấy mình nhỏ bé quá.

Ra khỏi vùng Neskowin, có một bà cần nhân gặt gồng sư huynh "Ông nghĩ là ông đang làm cái gì vậy hả?"

Sư huynh Hằng Cự từ tốn trả lời: "Lạy cho thế giới hòa bình."

Bà ta nạt nộ: "Vậy à! Ông có thể nói điều này ở trạm cảnh sát đó." Rồi bà bỏ chạy vào nhà để gọi điện thoại, nhưng chẳng thấy có ông cảnh sát nào đến cả. Sau đó có mấy cậu bé vùng Neskowin đem đến cho chúng tôi một túi trái cây. Rồi có một cô gái đạo Thiên Chúa, cô gắng thuyết phục chúng tôi chuyển đạo ngay tại chỗ.

Tôi bảo cô: Cứ quán tưởng rằng tất cả mọi việc đều do tâm tạo, nhưng cô nàng nghe đâu có hiểu tôi nói gì.

Hôm nay chúng tôi cũng lạy được sáu dặm ba phần tư, dù bên lề đường đầy những khí độc địa. Dựng trại về phía nam vùng Cloverdale trên một ngọn đồi ẩn mình phía sau con lộ. Chúng tôi hái những trái be-ri chín cho bữa trưa mai.

Ngày 23 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Dưới cơn mưa chúng tôi lạy được bảy dặm. Mấy em học trò lớp tám ở vùng Cloverdale đến nói chuyện với chúng tôi ở sân cỏ phía trước. Sau đó có em trung học đến phỏng vấn Thầy Hằng Do để viết một bài cho tờ báo của trường.

Lúc ở Hebo, chúng tôi có gọi điện về Kim Sơn và nói với Sư phụ về chất độc ở bên đường. Nhưng Sư phụ bảo việc đó không sao, rồi dạy cách thức cho chúng tôi như: khi đứng lên thì thở, khi quỳ xuống thì ráng nín đừng hít vào. Ngài còn khuyến khích chúng tôi mỗi ngày phải càng thành tâm hơn và đừng có nói chuyện vớ vẩn với mấy anh ký giả, phóng viên, vì họ thường hay cố tình chỉ thầu lượm những gì có tánh cách dị kỳ, lạ thường mà bỏ quên đi những điểm quan trọng. Tôi cũng nói với Sư phụ rằng những gì tôi làm đều có tính cách dị kỳ, lạ thường, nhưng Ngài bảo đừng lo nghĩ làm chi về chuyện đó.

Cha Gerald tự giới thiệu là tu sĩ dòng Thánh Benedictine ở chủng viện St. Angel, đã hỏi người xứ đạo của ông là ông bà Hurlemans cho chúng tôi dựng lều trên đồng cỏ nuôi bò của họ, và được họ tán thành đồng ý ngay. Cha Gerald có giáo đường ở cả hai vùng Cloverdale và Tillamook, nên đã mời chúng tôi ghé lại khi đi ngang vùng Tillamook.

Bây giờ trời đã khuya, mưa rì rả rơi trên tấm mủ phủ trùm bảo vệ chiếc lều, như nói rằng: "Xin báo cáo, cả căn lều không có chỗ nào bị dột hết."

Ngày 24 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Một ngày mưa gió bê bết. Chúng tôi dùng cơm dưới gầm cầu, vì nơi này còn có vẻ khô ráo. Con đường nhỏ hẹp và ngoằn ngoèo, lại có rất nhiều xe vận tải kèn càng qua lại khiến chúng tôi mấy lần xem bị tông vào.

Chiều đến Thầy Hằng Cụ kể lại là trong lúc tôi đi ở phía trước thì có hai chiếc xe ngừng lại bên Thầy, rồi một người đàn ông tóc vàng quần, lộ đầu ra cửa xe nói: "Hãy tiến lên! Hãy tiến lên! Đừng ngừng, đừng ngừng, đừng ngừng!" Rồi cả chục người bước ra xe từ từ đi lại. Thầy Hằng Cụ nghĩ thầm chắc là một bọn du côn muốn tới kiếm chuyện gì đây, nhưng sau đó vị xếp đầu quần đến gần, kính cẩn chấp tay và nói với giọng thật êm dịu: "Shanti" (tiếng Ấn Độ có nghĩa là Bình an.) Và đưa cho Thầy một trái chanh, nói tiếp: "Chúng tôi đã theo dõi những tiến trình của các ông qua báo chí, tôi nghĩ rằng việc các ông làm thật là tuyệt diệu."

Thầy Hằng Cụ không nói lời nào. Khi ông đó trở về xe, có một người trong nhóm, mỉm cười nói với Thầy: "Ông vừa gặp ông Ken Kesey đó."

Gần đến giờ ngừng lay trong ngày, ông John Whecler là một nhà nông cần cù đến chở chúng tôi ra khỏi cơn mưa, và đưa về mảnh đất mười mẫu của ông chạy dài về hướng đông vùng Beaver. Ông có hai người em đang chuẩn bị dùng chiếc xe hàng cột nối sợi dây xích để kéo thẳng căn nhà xe cũ kỹ đang bị lún quầng xuống. Thấy cách họ làm, tôi nghĩ thế nào cũng có chuyện xảy ra, nhưng không nói gì cả. Họ buộc sợi dây xích sắt vào một cây đà rồi kéo một chút và kéo thêm một chút nữa. Thấy căn nhà có vẻ đã vừa đủ thẳng rồi, nhưng họ lại cố kéo chỉ thêm một tí xíu nữa thôi, để rồi mọi người ngỡ ngàng nhìn cả căn nhà xe sập xuống một cái ầm.

Chúng tôi ngủ trên giàn gát chứa cỏ khô và bên dưới là cái chuồng của một đàn dê.

Ngày 25 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Có chiếc xe truck cũ kỹ kéo theo căn nhà gỗ, ngừng lại. Bốn ông đầu tóc bùm xùm, nhưng có vẻ thiện cảm đến chào đón chúng tôi. Một ông đầu bùm xùm nhất trong nhóm nói: "Các ông có muốn sữa dê tươi không?"

Tôi đáp liền: "Dạ!"

Rồi ông đi về phía sau mở tung cửa xe, hiện lộ bên trong thật là một con dê cái đang chia đuôi về phía chúng tôi. Ông lấy cái bình không và bắt đầu vắt ra dòng sữa tươi âm ỉ. Sau đó chúng tôi đứng thành vòng tròn, chuyền tay nhau bình sữa mà nhấp uống. Tôi nói: "Thật không còn gì tươi bằng!"

Anh cao nhất có thân hình giống tạc như hóa thân của Ben Hur nói: "Xin các ông nói rõ cho chúng tôi biết các ông đã học được những gì trong chuyến đi này."

Tâm trí tôi bắt đầu quay chuyển chớp nhoáng, trở lại hình ảnh của hàng trăm dặm đường đã đi qua và hàng ngàn người mình đã từng tiếp xúc. Câu hỏi có vẻ hơi khó đấy! Vì không có cách nào mà tôi có thể trả lời chỉ bằng vài câu được cả, nên tôi cứ lặng thinh và sau một lúc chúng tôi đứng trong im lặng. Cuối cùng anh cao đó nói: "Chúng tôi nghĩ rằng việc hai anh làm thật có giá trị, hy vọng các anh sẽ đạt tới đích."

Chiều xuống, Andy và Sheila chở chúng tôi về nhà và giới thiệu với ông bà nội cùng bạn bè của họ. Quả Hỉ Sheila vừa quy y theo đạo Phật và cũng vừa được phục hồi sau cơn đau lưng rất trầm trọng, việc này khiến bác sĩ cũng phải ngạc nhiên và nói đó là một sự nhiệm mầu.

Ngày 26 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Có chú thanh niên từ vùng Tillamook ngừng lại xin tôi giải thích sơ về phương pháp tu đạo Phật để một người có thể áp dụng theo. Chúng tôi đi vào cuộc bàn luận và tôi liệt kê ra những điều căn bản cho anh biết:

Điều 1: Cố gắng đừng tạo nghiệp dữ. Giữ tâm và hành động luôn thanh tịnh, bằng cách đừng để tham, sân, si, sai sử.

Điều 2: Quán tâm như hư không, có thể hàm chứa tất cả mọi vật như khoảng không gian bao trùm tất cả những hành tinh. Chân tâm rộng lượng, vĩ đại, vô chương ngại và ở trình độ cứu cánh thì sẽ là "vô trí diệc vô đắc (không biết, cũng không đắc)."

Điều 3: Phải biết rằng không có phương pháp cố định và cũng không có giáo lý nhất định. Chúng ta nên gìn giữ giới luật, pháp hành và thệ nguyện của mình, nhưng đồng thời coi vạn pháp kể cả những giáo lý, thuộc về tương đối và là những sáng tạo huyền ảo, tự chúng không là thật.

Điều 4: Nhìn sự vật theo pháp Trung đạo, vì cuộc đời đầy ắp những cực đoan và đối đãi. Lại nữa, trong phạm vi của những ngôn từ và lý lẽ không diễn tả chính xác được Thật tướng. Tốt và xấu, lớn và nhỏ, trong và ngoài, còn bao nhiêu cặp đối đãi khác nữa đều là những nhãn hiệu, có tính cách tương đối, hạn cuộc. Chúng không gì hơn là những tiêu chuẩn đặt để từ sự tưởng tượng của ai đó, hay những bản hiệu không thực tế tô phết lên sự thực vốn không phân biệt. Đạo Phật dạy con người nên tập nhìn mọi sự từ Trung đạo, từ vô niệm. Như lời Sư phụ nói: "Thượng vô Thiên, hạ vô Địa: Hư không phân toái dã." (Trên không trời, dưới không đất: hư không cũng vỡ tan.)

Ngày 27 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay là ngày lễ Tưởng Niệm Chiến Binh. Xe cộ có phần đông đúc và gió thổi ào ạt. Cả hai chiều trên xa lộ, máy ông say, đua nhau tăng tốc lực. Thế nên phòng thân để khỏi bị đụng vào, chúng tôi quyết định tạm ngừng lễ lạ.

Chúng tôi cắm lều trên một đồng cỏ cao lêu nghêu. Khoảng nửa đêm, có con chuột thật bự (nặng cũng khoảng hơn một ký lô), leo lên chiếc xe kéo và bắt đầu ra tay. Chúng tôi giật mình thức giấc vì những tiếng nhai gặm nghe rào rạo. Vì có làm sao, con chuột dơ bản này lại lọt vào chỗ thức ăn của chúng tôi vậy cả? Tôi chui ra khỏi túi ngủ và chụp lấy đèn pin rọi thẳng về chiếc xe kéo, cách phía trước lều chỉ khoảng bốn bước. Chính hấn đây rồi, tên vô loại không biết xấu hổ, đang đứng trên xe, dồn từng bụm bánh mì vào miệng. Nó cắn lủng túi ny-lon, xuyên qua cả mấy lớp bao mủ và đã tiêu thụ bánh mì thơm ngon cũng khá nhiều. Tôi rọi đèn chiếu thẳng vào mắt nó, vừa lúc Thầy Hằng Do ra khỏi lều. Cả hai chúng tôi đứng cách nó chỉ độ ba bước thôi, vậy mà hấn ta vẫn tiếp tục cạp ăn ngon ngiến. Mấy miếng bánh thật đã

làm hấn mê mết. Trong đạo Phật gọi đây là "Biết sai nhưng cố phạm." Tay mặt cầm đèn rơi vào mắt nó, tay trái được sư Hằng Do xỏ bao tay vào, tôi chậm chậm đi vòng phía sau nó. Vừa trăn mình định chụp, thì nó nhảy vọt lên, rút cuộc tôi chỉ đụng được cái đuôi nó thôi. Đúng đồ chuột! Hấn dzọt rồi!

Con người cũng có thể trở thành chuột. Nếu họ chỉ biết hành động giống như loài chuột thì sẽ thành chuột ngay, chẳng cần phải đợi đến kiếp sau. Thành chuột không đuôi ngay ở đời này.

Ngày 28 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi tiến qua vùng Hemlock và thung lũng Pleasant, dọc theo xa lộ trong đất liền, và hướng về thành phố Tillamook, nơi nổi tiếng sản xuất pho mát (cheese). Hôm nay vùng này đang có cuộc bầu cử, nên hồi sáng sớm chúng tôi đã bị một cụ ông tóc đã bạc phơ, đang trên đường đi bỏ phiếu, cản nhằn là tại sao chúng tôi không chịu đi bầu. Lúc xế chiều, ông bà Kleins từ quận Portland đến tận ngọn đồi để thăm chúng tôi một lần nữa.

Tuần rồi tôi có đề cập về vấn đề dục vọng, nên nay lại bàn thêm. Khi chúng tôi đọc kinh điển và được Sư phụ giảng dạy rõ ràng, thì hiểu rằng dục vọng nó có thể giả dạng dưới trăm hình vạn tướng, không những chỉ che lấp cái trí tuệ sáng suốt sẵn có của chúng ta mà nó còn gây ra lắm điều phiền não. Ví như khi thấy khối kẹo hơn ba mươi bốn ký lô (75 pounds) thì lòng tham muốn nổi vọt lên, nhưng lúc đó Sư phụ đã làm thỉnh để tự chúng tôi học lấy bài học kinh nghiệm của chính mình.

Không đạt được điều mình ham muốn thì chúng ta thất vọng. Thâu nhận những gì không ưa thích thì chúng ta hờn giận. Chúng ta có lẽ đã bỏ nhiều công sức, thời gian và tiền bạc để có được những vật chất đẹp đẽ, nhưng sau đó cũng vẫn không hài lòng và phiền não bởi vì lửa ham muốn phừng cháy cao hơn theo những điều ta càng muốn thêm nữa. Và tiếp tục đến vô độ, rồi tự làm hại mình và hại luôn đến kẻ khác.

Điều này cũng không dễ gì chấp nhận được đâu, như đa số người tin theo Phật pháp một cách nghiêm túc mà vẫn chưa chịu dứt khoát đoạn dục. Lại có người cho rằng đoạn dứt lòng tham không có ích dụng gì cả: "Tại sao tôi không nên hưởng thụ chứ?"

Lão tử đáp:

Phu duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh,

Thị dĩ bất bệnh.

Nghĩa là:

Chỉ khi nào ta biết được những tật bệnh của mình thì ta mới hết bệnh.

Thánh nhân không bệnh bởi đã rõ bệnh tật mình nên không bệnh.

Đây là điều bí quyết của sự khỏe mạnh.

Tật bệnh là dục vọng. Vì đã không chấp nhận rằng ta đau khổ vì nó, nên ta không tìm cách loại bỏ nó để được mạnh khỏe. Cũng như có người không tin mình bị ung thư, thì sao y lại đến gặp bác sĩ để chữa trị chớ?

Ngày 29 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Tôi thức dậy trước khi mặt trời ló dạng và lễ lạy được một lúc, rồi tạm ngừng ngồi nghỉ dưới chân cầu. Mười phút sau tôi lại tiếp tục, nhưng bỗng nhiên bụng đau nhói, nên tôi trở lại phía chân cầu để nghỉ thêm chút nữa, thì khám phá ra mình đã bỏ quên quyển sách gồm những bài Chú mà tôi tụng niệm. Bụng tôi chẳng mấy chốc hết đau.

Khi gần đến vùng Tillamook, chúng tôi gặp hàng mấy chục bạn bè thân thiện. Nguyên là cô Linda Glass hướng dẫn một chiếc xe chở đầy học trò đến gặp chúng tôi. Nhớ lời mời lúc trước, chúng tôi ghé lại giáo đường Sacred Heart Parish để thăm Cha Gerald, rồi được Cha đưa đến viếng một trường trung học, và chúng tôi có buổi nói chuyện với đám học sinh lớp mười. Lúc chúng tôi dứt lời, Cha Kenneth, Mục sư phụ tá hướng dẫn cả lớp cầu nguyện: "Nguyện cầu cho hai ông này tìm được bình an trong đức Chúa Giê su của chúng ta, A Men."

Chúng tôi đi qua khu phố một mạch mà không có vấn đề gì (tuy có một chiếc xe cảnh sát lúc nào cũng qua lại đó đây). Chúng tôi nghỉ lại đêm tại nhà ông Ted và bà Ivy Mullan. Thật là một đêm ngủ an lành. Ông Ted cứ muốn đưa chúng tôi lên chiếc máy bay do chính tay ông làm, nên chúng tôi

thay phiên từng người một leo lên để ông lái. Khi bay cao khoảng ba ngàn feet (hơn 900 mét) về hướng bắc, nhìn xuống lộ trình tương lai của chúng tôi, thấy không gì hơn mà chỉ toàn là bờ biển và xa lộ chạy dài mùt mắt.

Ngày 30 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay khi chúng tôi đang trên đường dọc theo vịnh Tillamook về hướng bắc, thì có nhóm hội sinh viên thuộc ban Công Dân của đài radio trong vùng cho chúng tôi những ly trà nóng. Khu vực này có tới khoảng hai trăm hội viên, họ nói rằng các đường dây liên lạc lúc nào cũng bận rộn theo dõi địa điểm lộ trình của chúng tôi.

Đến gần vùng Garibaldi, có chú em hỏi chúng tôi có phải là những ông Sư Thiếu Lâm không? Chắc em này coi phim công phu trong truyền hình nhiều lắm rồi. Chú bé không chút ngại ngùng khoe khoang bảo là rất hãnh diện khi đã đánh hạ được thằng bạn trong trường. Thấy rõ em rất say mê tuồng phim mạo hiểm của một ông Sư tứ cố vô thân sống ở miền Tây Mỹ vào thế kỷ thứ mười chín. Chuyện phim được trích dẫn hay đúng hơn là trích dẫn sai lầm những triết lý của Lão Tử và Khổng Tử, vậy mà tuồng phim rất được mọi người ưa chuộng. Nhưng nếu ta nhìn thủng lớp vỏ trá hình triết lý Đông Phương, thì đây cũng chỉ là trò biểu diễn đánh đấm bạo động hàng tuần trong đài truyền hình mà thôi.

Trẻ con huân tập xem những chương trình như vậy giờ này qua giờ khác, hết ngày này đến ngày khác, ngay cả trước khi chúng biết nói biết đi. Cho nên, các em bị đầu độc và cho rằng bạo động là phương pháp để thành công. Và tại sao? Vì những người quảng cáo tham lam muốn nó được xen kẽ bởi những mục quảng cáo kích thích để bán các sản phẩm của họ. Là vì nếu chuyện phim có hấp dẫn được nhiều người xem, thì sẽ có dịp thấy luôn sự cổ động quảng cáo kèm theo đó. Tôi không phải là chuyên viên thông truyền gì cả, nhưng chỉ muốn minh bạch cho thấy rõ vấn đề trẻ con phải chịu ảnh hưởng bởi sức thu hút mạnh mẽ này. Và đến khi chúng lớn lên không sao tránh khỏi sự trả giá quá đắt, để được thỏa lòng tham lam của người quảng cáo. Tôi không biết các nhà soạn giả tuồng công phu có để ý là Lão Tử mà họ thường lấy làm dẫn dụ trong chuyện phim đã nói: "Người hung hăng bạo động sẽ bị tận diệt trong cảnh bạo tàn."

Ông bà Blackwell ở Garibaldi sắp đặt phòng cho chúng tôi về nghỉ ở nhà họ.

Ngày 31 Tháng 5 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Lúc đi qua vùng Rockaway, có hàng trăm người đến hỏi chuyện, kể cả một anh cảnh sát trưởng thân thiện. Chúng tôi nhận thấy phương pháp tốt nhất liên quan đến việc chúng tôi làm là nên diễn giải với mọi người theo đúng danh từ tôn giáo của chính họ. Khi đạo Phật từ Ấn Độ chuyển nhập đến Trung Hoa đã bị biến hóa lẫn lộn vào những ngôn từ, tư tưởng của đạo Không và đạo Lão, để rồi hợp nhất tất cả thành một phái không thể tách rời được. Chúng tôi cũng nhận ra rằng sau những lần tiếp xúc, thật không ích gì nếu cứ cãi lý với người về tôn giáo tín ngưỡng. Nếu có người đã quyết lòng muốn đến thuyết phục chuyển hóa chúng tôi thì họ sẽ không cảm hứng gì để nghe những ý kiến của chúng tôi. Cho nên điều tốt nhất trong hầu hết các trường hợp là chỉ nên giữ thái độ thân thiện với họ là hơn, tuy tôi rất mong có thể san sẻ được với họ là tôi không tin vào vấn đề đúng sai. Tôi nghĩ rằng tất cả tôn giáo đều có giá trị và đều phục vụ nhu cầu con người như trong lúc họ tăng trưởng đời sống tâm linh. Chính đạo Phật cũng chỉ là nấc thang để bước qua. Đức Phật so sánh giáo lý của Ngài như một chiếc bè, chỉ tồn tại để đưa giúp người qua đến bên kia bờ. Tuyệt vời biết bao nhiêu nếu chúng ta dùng vôi vàng phân loại lẫn nhau vào những phạm trù hư cấu do những định kiến sai lầm. Thật ra con người rất phức tạp và cũng rất đặc sắc, thì làm sao mà phân loại một cách vô lý như vậy được.

Ngày 1 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Do viết:

Con đường quanh co dẫn theo vịnh Nehalem, vùng đất bị trũng xuống sinh lầy toàn rong biển và những khúc cây trôi tấp trên bãi đất cát. Những dãy đồi thấp thoáng lờ mờ xa tít về hướng tây.

Vào buổi chiều, chúng tôi đi theo lối quẹo xuống đồi để vào một khu phố nhỏ vùng Wheeler, nơi đây hình như mọi người đang vây quanh chờ đợi để được nhìn chúng tôi lễ lạy ngang qua. Ông chủ tiệm tạp hóa trong phố bảo chúng tôi cần gì thì cứ tự nhiên mà lấy, nên chúng tôi chỉ xin một cái dao cạo râu. Sau một lúc nghỉ xả hơi, cậu cháu trai của ông chủ tiệm này đã từng là chủng viên của tu viện Thiên Chúa Angel, đến phỏng vấn chúng tôi cho bài báo của thành phố. Anh ta đã hỏi mấy câu rất chí lý.

Trong cuộc phỏng vấn, anh này một đôi lần cứ than phiền: "Triết lý của các ông phức tạp quá."

Đáng tiếc thay, những cố gắng của tôi để diễn tả một cách giản dị những lý căn bản của nghiệp quả, luân hồi và giác ngộ đã làm đối phương phản đối. Tôi bắt đầu cảm thấy hết phương cách, và thất vọng bởi vì tôi càng giải thích đơn giản hơn thì những đối nghịch càng gút mắc vào tâm người phỏng vấn. Cuối cùng cảm thấy mất thời giờ quá nên tôi nói: "Thôi mình đi sư huynh ơi!"

Chúng tôi được một chú bé dẫn đường lên cánh đồng cỏ ở ngọn đồi cao phía trên thành phố để nghỉ qua đêm.

Ngày 2 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Lễ lạy sáu dặm dưới cơn mưa bão vùng Oregon cũng không tất yếu là điều khó thực hành cho lắm. Tôi chẳng để ý gì đến nước ngập, và sau một lúc, nó hầu như không thực có ở quanh đây. Thật ra, lúc này cảnh vật rất yên tĩnh nên đáng được thưởng ngoạn. Chúng ta sẽ thấy mưa tưới nhuần cây cỏ và làm cho tất cả cảnh vật trở nên tươi mát sạch sẽ hơn. Đáng tiếc thay, vì hầu hết mọi người đều chạy vội vào nhà khi thấy mưa rơi. Thật là đáng tiếc cho họ đã bỏ lỡ dịp rồi!

Ngày 3 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi lạy ngang qua hai khu phố Helalem và Manzanita, rồi tiến thẳng luôn lên ngọn núi Neshkahnie cao khoảng 1700 bộ (hơn 500 mét). Và hiện cắm trại ở vùng công viên Oscar West State hoang vu vắng vẻ, gần về phía ranh giới vùng Tillamook Clatsup. Lưng của sư huynh bị đau nhức và vì trời mưa, nên chúng tôi có phần hơi chậm rãi, nhưng có điều an ủi khi biết rằng chúng tôi đã đi qua được 776 dặm đường rồi. Mặc dù trong chuyến đi có xảy ra bao chuyện cay đắng, nhưng hình như nó lại có cái gì thật tràn trề tuyệt diệu. Có lẽ đó chỉ là tánh cao hứng tự nhiên do cuộc sống ngoài trời đã quá lâu, đôi khi những ảo tưởng của tự do này lại là những khuyến khích để tiến lên.

Trong cuộc đời, chúng ta có thể đi đến bất cứ nơi nào mình muốn, làm những gì theo sở thích, nhưng bất kể là đi đâu đi nữa, chúng ta cũng vẫn còn là những tên tù bị giam hãm trong vô minh của chính mình. Nhưng có điều được chỉ dạy là nếu theo con đường của các vị tiền bối Thánh nhân đã từng đi, thì chúng ta sẽ nhìn thấu rõ được những vô minh của chính mình, và đến những nơi mà chúng ta không bao giờ biết đến có sự tồn tại nữa. Chúng ta được bảo rằng đừng để mắt vào cuộc đời ngắn ngủi, cái ảo tưởng tự do của

cuộc sống không giới luật, mà phải nhìn vào sự tự do chân thật phát sanh từ sự dụng công lâu dài và lòng hy sinh.

Thật thú vị thay khi nghĩ rằng chuyến báii hương này có nhiều ý nghĩa hơn là một cuộc du hành chỉ để đến Seattle. Càng thấy rõ đối với những người chúng tôi gặp, dù là những ân nhân giúp đỡ hay những kẻ muốn hãm hại, tất cả đều có liên quan trong chuyến đi cũng như chúng tôi vậy thôi. Cuộc đời của mỗi chúng ta có lẽ thể hiện qua tướng mạo cá nhân riêng rẽ, nhưng dưới lớp của dòng ý thức thì chúng nó có sự liên hệ theo nghiệp duyên, giống như những chùm rễ chằng chịt của cây đa to lớn. Những việc thiện trong hiện tại là những kết quả phước lành trong tương lai. Ví dụ điển hình là những vị khát sĩ ở các quốc gia Phật giáo, họ là ruộng phước điền để mọi người gieo trồng những hạt giống lành. Cúng dường thức ăn cho các vị khát sĩ, tức là họ đang nuôi dưỡng công đức cho chính mình.

Chuyến đi này xem như chỉ là một cuộc tản bộ đến Seattle, nhưng nếu chúng ta thực hiện với tư cách chân chánh thì nó là một lối đi tương tự vững chắc, như con đường các bậc tiền bối tu hành đã đi qua. Những bậc cổ đức này đã bỏ lại sau lưng sự vô minh u tối và đã thật sự đi đến sự tự do cứu cánh. Các Ngài cũng đã gây ảnh hưởng, giúp đỡ và hướng dẫn vô số chúng sanh cùng nổi gót để đi đến giải thoát. Ý nghĩ thú vị lướt qua tâm tư như những giọt mưa lạnh lẽo đang rì thấm vào lều.

Ngày 4 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Vì trận bão quá lớn nên hôm nay chúng tôi tạm nghỉ. Chỗ dựng lều nằm chơ vơ giữa những nơi không chỗ nào là không bị nước rịn chảy ướt ở Oregon này. Vì tối qua chúng tôi không đào sâu những đường rãnh, nên bây giờ cả lều như đang từ từ chìm lặn xuống nước. Một phần phía sau lều đã bị tràn ngập thành vũng. Không những chỉ vậy thôi, mà trong lúc tôi đang loay hoay mỗi đốt cái lò SVEA, vô ý làm bắn văng một ít dầu hôi khiến cháy lung một lỗ to tướng trên cái bồ đoàn của mình. Phụt cháy trong mấy giây, cả lều trong giống như sắp bị thiêu rụi. Cho nên việc mỗi lửa cho cái lò dầu SVEA ở trong lều nên dành cho những ai có tâm hồn dũng mãnh, đã dứt bỏ được vòng sanh tử luân hồi rồi thì mới nên làm. Và sau khi cái lò oái oăm này cháy được, tôi nấu bột lúa mạch cũng bị khét khê. Năm phút sau đó tôi lại làm bể cái chai đựng muối, văng tung tóe khắp lều cũng cả nửa tách muối. Ngày gì mà kỳ cục quá! Coi như chúng tôi lại khờ khạo chìm nổi bấp bênh trong biển phiền não của chính mình.

Có câu nói rằng, nếu người nào không phiền não thì đã là giác ngộ. Nhưng biển phiền não thì mênh mông vô cùng tận. Nhớ lại khi ở Kim Sơn, có một thời hình như mỗi lần tôi nổi hứng kiêu ngạo, hoặc lười biếng giải đãi, hay có những ý nghĩ phiền não là sẽ nghe tiếng cửa phòng Sư phụ đóng mạnh lại. Tình trạng đó thật kỳ lạ, vì nó xảy ra như vậy cả hàng trăm lần. Tôi tự nghĩ: "Chuyện này khó tin quá! Ai có ngờ rằng một vị Thầy lại có thể dạy đệ tử bằng cách đóng mạnh cửa như vậy sao?" Nhưng tin hay không, sự giáo hoá của Ngài là như vậy đó. Tâm tư tôi chẳng còn gì để nghi ngờ nữa. Sự biểu hiện của Sư phụ bằng cách đóng cửa phòng đã đủ mạnh trong nhiều trường hợp khiến tôi sửa đổi tư tưởng và tánh tình được khá hơn. Tóm lại, phương pháp này rất có hiệu lực.

Ngày 5 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Do viết:

Bãi biển Cannon: mưa, đồi, đường lộ khúc khuỷu và một đường hầm.

Kéo chiếc xe lên đồi như cố lôi mình ra khỏi việc làm không hứng thú. Kèm hãm chiếc xe xuống dốc tựa hồ như cố gắng kèm lòng đừng quá ham vui. Đi kéo theo chiếc xe trên lè đường thì giống như tương hợp với vũ trụ vậy, không có ý nghĩ về xe kéo hay có người đang kéo xe. Không có gì quan trọng để biết rằng dù đang xuống đồi nghiêng mình theo chiều dốc, hay nương theo dốc để lên đồi. Con đường tôi nhìn thấy là con đường trung đạo, bao gồm tất cả các giai cấp và mọi hoàn cảnh đưa đến, chỉ xem chúng đồng hạng bình thường cả. Kéo xe lên đồi rất dễ sanh quạu quọ, vì việc làm nặng nhọc lại chậm chạp. Xuống đồi lại tuột dốc quá nhanh nên cũng dễ mất sự bình tĩnh. Cho nên trong sự tu tập: dù phải chịu đựng đau nhức lúc tọa thiền trong tư thế kiệt già, hay đang thưởng thức bữa ăn tuyệt hảo, tâm ta không nên bị dao động. Quán sát xem đó chỉ là dây đồi thay đổi không chừng theo từng lớp của địa thế, lạc thú hay đau khổ gì rồi cũng được biến chuyển tùy ở cái tâm thanh tịnh và sáng suốt. Đây là sự học hỏi của tôi về định lực.

Ngày 6 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay có anh ký giả nhà báo từ Astoria đến phỏng vấn chúng tôi. Lúc chúng tôi cùng ngồi bên vệ đường trò chuyện, bỗng có chiếc xe chạy qua và người trong xe ném tung ra một nắm đá. Sư Hằng Do và tôi đều không bị viên nào, nhưng anh ký giả lại bị trúng ngay. Cũng may, anh này mặc áo khoác da dày nên cũng không hề hấn chi. Sau đó, khi chúng tôi tiếp tục đi về bãi biển, thấy chiếc xe có bọn du côn liệng đá cứ lớn vờn phía sau, trông giống như họ đang chuẩn bị cho một trận chọi đá nữa vậy. Vừa lạy được tám

dậm, thấy hình như cơn bão khác sắp kéo đến, nên chúng tôi ngưng nghỉ và tìm được một căn lều nhỏ khô ráo không người ở, nằm giữa khu phố.

Mùa hè gần sắp đến, nên mưa có vẻ ẩm áp hơn.

Ngày 7 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay tôi nhận được lá thư từ gia đình gửi đến. Trong thư có đoạn viết: "Cha mẹ rất thích thú khi nghe về chuyến mạo hiểm của con. Con biết không, lúc đầu mới nghe dự định của con về chuyến đi này, cha mẹ cảm thấy thật là lo ngại (con cũng biết mà, đối với cha mẹ, những chuyện gì có vẻ bất thường là bắt đầu đâm ra lo lắng.) Tuy nhiên, bây giờ không những chỉ chấp nhận mà cha mẹ còn cảm thấy chuyến đi này sẽ là kinh nghiệm và cơ hội quý báu cho con và cậu Hằng Cụ nữa."

Tối nay chúng tôi ở lại nhà bà con của sư huynh, là ông bà Fennerty cư ngụ gần vùng này. Cuộc sống của họ có vẻ thú vị và vui vẻ, với sự pha trộn vừa là vùng quê hẻo lánh nhưng vừa là khu ngoại ô với đầy đủ tiện nghi. Căn nhà vốn là cái chuồng gà trước đây đã được sửa đổi lại, bên cạnh là khu vườn trồng rau cải thật rộng. Họ còn nuôi những đàn dê, trâu, gà và chị heo mập ụt ịt với bầy con khóc la inh ỏi. Ông Fennerty đã xây lên một phòng tắm hơi do chính ông vẽ kiểu, lại có thêm cái hồ tắm ở phía trước nhà.

Chúng tôi định sáng mai sẽ lên đường thật sớm. Tiểu bang Washington không còn bao xa nữa.

Ngày 8 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Cụ viết:

Hôm nay Sư phụ cùng với ba chiếc xe chở đầy Tăng, Ni và Phật tử từ Chùa Kim Sơn đến. Thật là một cuộc gặp gỡ khuyến khích tinh thần. Chúng tôi tạm nghỉ việc lễ lạy và cùng nhau lên núi Saddle để dùng cơm trưa. Sau đó trở về địa điểm cũ. Chúng tôi xin Sư phụ chỉ dạy phương pháp tốt nhất để thực hiện cho phần cuối chuyến bá hương.

Sư phụ bảo chúng tôi dụng công nên phải hết sức thành tâm và tinh giác. Sự tu tập trong tâm cũng như trong chuyến hành trình, phải luôn luôn tiến bước và không bao giờ có ý thoái chuyển. Sư phụ nói nếu chúng tôi thực lòng dụng công dẹp bỏ tất cả những phiền não, thì chuyện Ngài đến đất Mỹ không là điều uổng phí, và chuyến bá hương này sẽ làm cho mọi người trên thế giới thức tỉnh ra. Ngài còn cảnh giác chúng tôi về việc nhận lời về nhà của những

người mời đón. Nếu họ có thể giữ được Ngũ Giới trong thời gian chúng tôi còn tạm trú thì không sao, nếu không thì chúng tôi nên rời khỏi nơi đó. Tôi thừa hỏi cách thức đối phó với những sự chú ý của đám ký giả báo chí. Sư Phụ giải thích rằng việc tiếng tăm không có gì là xấu hay tốt cả, mà tùy theo hành động của người mới là vấn đề. Ta không nên có lòng ham muốn danh vọng, nhưng cũng không chối bỏ thanh danh. Nếu ký giả có tìm đến để phỏng vấn và chụp hình thì cứ Ông tùy thuận họ, chớ đừng tự mình đi tìm kiếm họ thì không nên. Theo căn bản như vậy thì sẽ không có vấn đề gì.

Trước khi mọi người lên xe, chúng tôi chào tạm biệt Sư Phụ, Ngài bắt đầu xoa đầu chúng tôi. Sư Phụ xoa thật nhẹ nhàng cũng cả năm, mười phút. Theo lệ cổ truyền trong đạo Phật, nếu được xoa đầu là điều rất hiếm hoi và là một danh dự đặc biệt. Công hiệu của xoa đầu như vậy là giải tỏa tất cả những lo rầu và sợ hãi của tôi. Một lần nữa, lòng tôi tràn đầy cảm giác an lành và vững chí. Sau khi để lại cho chúng tôi đây những thức ăn, quần áo và bài pháp, mọi người ra về với lời chúc rất thật lòng: "Hãy cố gắng hết sức mình nhé!"

Ngày 9 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Astoria, tiểu bang Oregon. Hôm nay trời thật đẹp, dưới ánh nắng mặt trời chúng tôi lạy được bảy dặm.

Đêm qua chúng tôi lại trở về nhà ông bà Fennerty để nghỉ ngơi. Buổi sáng chúng tôi bàn luận với ông Gus Fennerty về những quan điểm chủ yếu của người ăn chay. Như Swami Satchidananda đã giải thích vấn đề này thật sâu sắc. Ông nói: "Hãy nhìn một cách đơn giản vào những thú vật ở sở thú. Những con thú ăn thịt thì phải bị nhốt trong chuồng và bọn chúng có vẻ thường hay bồn chồn không yên. Ngược lại đối với những loài chỉ ăn cỏ Ông và lá cây như cừu, bò, voi thì lại ngây thơ, ôn hòa, đã vậy chúng còn có vẻ khỏe mạnh, hiền lành và đem lại nhiều lợi ích. Nhưng cọp lại có thể giết hại voi, tách nát như thế là thuộc loại gì chớ?"

Bà Ehrlich đem đến cho chúng tôi mấy miếng gà chiên và vài lon nước ngọt. Chúng tôi từ chối thịt gà. Bà hỏi tôi có bị thọc ở đầu gối "như mấy bà quý vắt sữa không?"

Tôi đáp: "Như mấy người quý vắt sữa."

Hồi chiều có một người truyền đạo Tin Lành, sau khi đã cho sư Hằng Do một bài thuyết giảng dài, rồi đưa ra kết luận: "Bây giờ ông nên suy nghĩ kỹ về những lời tôi đã nói và tôi sẽ suy nghĩ kỹ về những gì ông đã nói, ha ha, mặc dầu ông chưa có nói gì hết."

Khi chúng tôi tiến gần vào vùng Astoria, có hàng trăm người đến hỏi chuyện. Trong số đó có rất nhiều người đều thắc mắc hỏi chúng tôi làm cách nào để có thể đi qua cầu Astoria dài tới bốn dặm.

"Chừng nào tới đó, chúng tôi sẽ qua được thôi!" Đó là câu trả lời mà tôi chỉ có thể nghĩ ra.

Ngày 10 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Tối hôm qua, anh Eric Swedburg là nhân viên quản lý một khách sạn kiểu cổ màu mè ở trung tâm thành phố, đã sắp xếp cho chúng tôi ngủ tại đó. Khi chúng tôi vừa đến gần cầu Astoria, nơi bắt ngang qua con sông Columbia chảy đến tiểu bang Washington, có chiếc xe đỗ ngừng lại, thì ra là mấy người bạn của anh Eric gồm Ron, Marie và Steve. Họ mời chúng tôi lên xe để qua cầu. Chúng tôi muốn lẽ lẹ hơn là đi bằng xe, nhưng thấy cầu không có chỗ, nên nhận lời. Qua đến bên kia cầu, có rất nhiều ký giả đến chào đón và ông Harriet, chủ tiệm thực phẩm, mời bảo chúng tôi muốn dùng bất cứ những gì trong tiệm cũng được cả.

Tôi có trò chuyện với một ông ghiền thuốc lá đến nay khoảng đã ba mươi năm rồi. Cặp phổi của ông hầu như đã tiêu tan. Điều này khiến tôi càng tri ân sự dạy dỗ nghiêm khắc của Sư Phụ đối với đám đệ tử, là phải hoàn toàn dứt bỏ hút thuốc, uống rượu và những chất cần sa, ma túy. Thật ra, chỉ cần một thời gian ngắn dụng công, cố chịu đựng để buông bỏ những tật này thì họ sẽ quên hẳn luôn, nhưng nhiều người cứ ôm chặt những tật xấu, coi đó như là những châu báu quý giá vậy. Thật không hứng thú gì và cũng không dễ gì bắt người khác phải bỏ những thói hư của họ, nhưng đó mới là đặc điểm nói lên đâu là một vị Thầy chân chánh, khác biệt với những vị Thầy khác. Là người luôn lo lắng và chịu mọi cực nhọc để làm lợi ích cho mọi người.

Ngày 11 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay trời thật nóng, con lộ khá tốt, lề đường rộng rãi. Có cô gái trao cho tôi một bao giấy rồi vội vàng nhảy lên xe dzọt mát. Thì ra trong đó có hai trái cam và một cuốn Thánh kinh.

Trên đường, ngay lối chúng tôi đi qua, thấy có một tấm giấy thật lớn thuộc loại của ông hàng thịt, được mấy viên đá dẫn lên, viết rằng: "Giê su đã là Chúa trong xác thân của loài người." Nội dung còn tiếp tục với những lời khuyên răn: hãy để Chúa bảo lãnh về những tội lỗi của chúng ta và nên nhận lấy sự cứu rỗi của Ngài. Điều này cũng tốt, nhưng tất cả chúng ta đều phải có trách nhiệm, bổn phận tự giải quyết về nghiệp quả của chính chúng ta mà.

Buổi chiều, tôi đến tiệm mua rau cải ở Naselle. Tiệm này có vẻ là một trung tâm để mọi người tới giao du thị phi. Một ông lớn tuổi đến hỏi tôi vài câu về đạo Phật và luôn miệng bảo tôi rằng, ông không hiểu tại sao dân Ấn Độ có thể để đám bò chạy qua, chạy lại tự do, trong khi rất nhiều người bị đói khổ. Tôi thấy rõ ông này muốn bẻ cong vấn đề để tranh luận, nên tôi không nói gì về chuyện đó cả.

Chúng tôi giăng lều dưới những hàng cây gần con lộ. Khung cảnh thật yên tĩnh.

Ngày 12 Tháng 6 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Câu chuyện miền biển.

Vào một buổi sáng thật sớm, chiếc tiem thủy đình nhận mật lệnh đi vào hải cảng của quân địch để tiến hành một cuộc tấn công. Lúc đó trời vẫn còn tối, cách bờ vài hải lý, chiếc tàu tuông ra những hơi khí cầu từ thùng chứa và lặn lẽ luôn sâu xuống lòng biển.

Sáng nay, cô Bobbie Yantze, là giáo viên ở Trại Thanh Thiếu Niên Nasalle, mời chúng tôi đến đó để nói chuyện với một nhóm thanh niên trẻ. Trại này được ban cải huấn của Tiểu bang lập ra để sửa trị những thanh niên ương ngạnh tuổi từ 14 đến 18. Cả hai chúng tôi cùng bàn luận chiến thuật rồi cất đầu đồ đạc vào bụi rậm bên đường.

Chiếc tàu chậm chậm lướt theo độ sâu của vọng kính và im lìm dò dẫm tiến về chỗ ẩn náu của quân địch. Hạm trưởng ra lệnh: "Giương cao vọng kính." Ông mục kích một hiện tượng hết sức khác thường với những: Khu trục ngư lôi hạm, tuần phòng hạm, vận tải hạm và vô số thuyền tàu khác nữa. Ông ra

lệnh: "Thủy binh dàn trận ngư lôi! Xả nước ngập các ống nòng, mở cửa ngoài! Chuẩn bị thả đạn!"

Cô Yantze chở chúng tôi đến trại, rồi lần lượt giới thiệu với ông hiệu trưởng, giáo sĩ và các giáo viên khác. Lúc đầu cứ tưởng là chỉ đến nói chuyện với một số ít các em thôi, nhưng rõ ràng lời đồn đã tràn khắp nơi, nên cả trại hàng mấy trăm người đang chờ đợi để gặp chúng tôi. Cả hội trường lớn nhất cũng không chứa hết, thế nên chúng tôi tụ tập mọi người thành một buổi đại hội ngay trên con đường tráng nhựa ngoài trời. Sư Hằng Do và tôi đều ngồi kiết già quay mặt về đám đông, chuẩn bị giải thích, cũng chỉ về chuyện làm dị kỳ của chúng tôi.

Viên hạm trưởng lão luyện điều khiển con tàu chiến, chỉ ló vọng kính vừa đủ độ xa để ước lượng đúng tầm bắn: "Một bắn, hai bắn!" Chiếc tiêm thủy đỉnh như con cá sắt nặng hai tấn rưỡi rùng mình rung động, kêu thét lên với tốc độ 45 hải lý, phóng tới mục tiêu. "Nóng bỏng, trực chỉ, bình thường." Từ phòng máy rà âm qua các làn sóng báo cáo: "Trúng đích, thừa sếp, chúng bị nổ tung!"

Thầy Hằng Do khởi đầu trước. Với giọng nói lớn, rõ ràng về những lý luận căn bản thật vững vàng. Sư nói: "Cuộc đời là một giấc mơ, là ảo ảnh mà thôi, nhưng con người lại nghĩ những cái thật là giả và những thứ giả tạo lại cho là thật. Cho nên chúng ta rất cần phải tỉnh giác." Mọi người chăm chú lắng nghe. Tôi cảm thấy những điểm trình bày này như đã đánh trúng vào tâm tư họ.

Sau đó thuyền trưởng giao vọng kính lại cho một chuyên viên phụ trách. Sau một lúc quay vòng vọng kính, điều chỉnh nhích lên hạ xuống, ông này ra lệnh: "Sáu bắn, bảy bắn, tám bắn!"

Kế đến, tôi giải thích võ thuật công phu không nhất thiết là phải đập lên đầu người, mà là sử dụng chính cái khả năng của mình để đạt đến định lực và trí tuệ thuần nhất sẵn có ở trong ta. Phương pháp tốt nhất của Kung Fu được gọi là: "Phản quang hồi chiếu" (Quay đèn trở lại để rọi sáng tâm tư).

Rồi quân địch phản công. Những trực ngư lôi hạm phóng ra xối xả xuyên qua không trung. Và những loạt bắn đuổi vù vù dưới nước bao quanh chiếc tàu như đàn muỗi.

Sau đó là một loạt câu hỏi được nêu lên. Một người hỏi Thầy Hằng Do: Chúng tôi phải đối phó thế nào nếu có người khó chịu đến kiểm chuyện. Thầy đáp một cách nhạy bén: "Nếu có người đến để kiểm chuyện, thì chúng tôi sẽ không cho họ có dịp để kiểm." Những người bị nhốt giam ở đây cùng các nhân viên trong ban quản trị, bắt đầu tấn công, thậm chí trong tinh thần vui vẻ. Chúng tôi cũng đã làm sáng tỏ rất nhiều câu hỏi, đương nhiên vẫn có một số người trong nhóm này nhìn chúng tôi chăm chăm với con mắt hoàn toàn không tin tưởng.

Sau khi hạ chìm và làm tổn hại nhiều tàu quân địch, chiếc tàu ngầm quay đầu tổng hết ga chạy ra khỏi vùng địch thủ. Lướt đến vùng nước sâu, chiếc tàu lặn xuống thật sâu theo sức chịu đựng của sức ép cho phép và nghe ngóng sự hỗn loạn phía trên qua các làn sóng của máy phát âm. Sau đó thấy tình hình có vẻ êm dịu. Chiếc tàu ngầm trôi lên mặt nước, rò hết bốn máy, và bắt đầu tổng hết tốc lực chạy thẳng về nhà. Máy truyền tin thâu nhận lời khen từ vị sĩ quan chỉ huy hạm đội: "Sứ mạng hoàn thành thật xuất sắc."

Sau đó buổi họp được giải tán, chúng tôi bị vây quanh bởi các thầy cô giáo và những người nội trú ở đó. Dù chuông reo nhưng không ai muốn trở về lớp cả. Sư Hằng Do và tôi phải chạy một hơi đến xe cô Yantze. Trước khi xe chạy ra khỏi đám đông, ông Biggs là một trong những giáo viên lão luyện ở đây, đến bên cửa xe nói với vào: "Từ trước đến nay, lâu lắm rồi tôi mới thấy việc làm này là tốt đẹp nhất đối với bọn trẻ ở đây. Thật là đã đánh trúng tâm ý chúng nó. Thật là đúng ngay tâm trạng chúng."

Cô Yantze chở trở về địa điểm cũ, chúng tôi đem giấu hành lý vào bụi rậm và tiếp tục lạy về hướng bắc.

Ngày 12 Tháng 6 đến ngày 1 tháng 7 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Tại Shelton, chúng tôi đại dột để túi đeo đựng hành lý bên đường, vì trong lúc không để ý nên đã có người trộm lấy đi. Trong đó có rất nhiều thứ, kể cả cuốn nhật ký của chúng tôi. Coi như bị mất hết từ lúc đến Trại Thiếu Niên Nasalle. Tuy nhiên hai chúng tôi cũng ráng hồi tưởng để viết lại những phần mất mát đó.

Sau cuộc nói chuyện với những em trai phạm pháp ở Nasalle, chúng tôi tiếp tục đi theo xa lộ 101 về hướng bắc, con đường dễ sợ quá, vừa hẹp lại ngoằn ngoèo với những xe vận tải nặng nề chất đầy gỗ chạy ào ạt thật nhanh. Trong thời gian này, mỗi ngày chúng tôi đều lể lạy.

Anh Jim Gatens là thợ mộc tự lập ở vùng Nasalle, thỉnh thoảng đến bàn luận về Phật pháp và giúp sửa chữa lại chiếc xe kéo muôn thuở của chúng tôi. Nhiều lúc vì quá vội vàng, sư Hằng Do đã lòi chiếc xe lọt xuống hố rãnh, nên chúng tôi phải quấn thêm mấy vòng sắt bao quanh bánh xe để bảo hộ nó. Thành thử chiếc xe kéo có vẻ kiên cố hơn, và lại mỗi lần đi vào thành phố, hầu như chúng tôi đều thay cho nó cây sắt mới, chỉ có mấy cây cắm loại hai mươi sáu phân có vẻ còn yếu ớt, vì không đúng kiểu của bánh xe cho nên không chịu nổi sức nặng, có mấy que bị gãy cong vòng. Khi nào tới South Bend, chúng tôi phải thay cắm mới cho chúng mới được.

Mấy ngày qua lẽ bái chẳng có chuyện gì xảy ra cả, nhưng khi gần tới một khu phố nhỏ của Arctic thì sườn xe kéo bị nứt gãy. Tuy nhiên chỉ vài phút sau đó, có ông từ vùng Weyerhauser ngừng lại chở chúng tôi và cả chiếc xe kéo đến một công xưởng sửa xe thật lớn. Khi đến nơi, mọi hoạt động nơi đây đều phải ngưng lại, vì sáu anh thợ máy vùng Weyerhauser này đang hè hụi áp nhau quanh chiếc xe bé bỏng để đập, trám, hàn sửa lung tung. Chỉ trong vài phút chiếc xe trở nên hoàn toàn lành lặn và chúng tôi được chở trở về "địa điểm."

Ngay nơi con sông Smith cắt ngang xa lộ 101, có một cây cầu dài nhưng lại hẹp, và cứ khoảng mỗi vài giây có một chiếc xe hay xe hàng chạy ào qua, chẳng có lối nào cho người đi bộ cả. Thế là chúng tôi ngồi lại ở đầu cầu hơn cả tiếng mà không biết làm sao. Cuối cùng, hết hy vọng nên chúng tôi chuẩn bị đánh liều đi đại qua, thì vừa lúc có anh thợ mộc vui tánh, tướng tá đồ sộ, chắc nặng ít nhất cũng khoảng 300 cân (135 kg), nhảy ra bảo: "Nói đi, tôi có thể đưa các ông qua cầu được không? Ha ha, ha ha!"

Đến Montesano, chúng tôi tách xa lộ 101 để vào nội địa. Sarah Tripp là một trong những người bạn cũ đã cùng tập thiền Zen với sư Hằng Do khi xưa, cô và đứa con gái đến từ vùng Portland, có mang theo thức ăn Mễ Tây Cơ cho chúng tôi và ở lại một lúc để cùng lễ bái.

Chiều tối thứ bảy khí trời nóng bức, khi chúng tôi vẫn còn phủ phục dưới đường tiến về khu phố nhỏ ở Montesano. Dù đã được sáu dặm, nhưng chúng tôi chưa muốn ngừng nghỉ. Sư Hằng Do còn ở phía sau bận trò chuyện với một nhóm nông dân, còn tôi tiến gần đến đầu phố, lúc đó tôi cảm thấy lòng mình nao nao kỳ lạ. Tôi nhìn về phía trước khoảng gần một dặm ở cuối cầu có mấy người đang lao nhao. Lúc đến gần hơn, tôi mới nhận ra đó là một đám người say rượu. Mấy ông này vừa đi loạng choạng giăng ra mặt lộ, vừa

la lối chửi thề, vừa tiểu đái ra khắp nơi. Tôi nói thầm: "Trời ơi! Cả ban hội đồng tiếp tân đây rồi!"

Nhưng tôi vẫn tiếp tục lạy và biết sư Hằng Do cũng đang sắp tới. Đây cũng giống như những lần tôi còn ở tiệm thủy đình, đã từng được huấn luyện cách ứng phó để vượt qua mọi khó khăn ở thế giới linh cảm này. "Chuẩn bị ngay cho tàu lặn, chuẩn bị phân lượng độ sâu cho tàu, khóa cửa nước chặt lại, đóng hai lớp cửa quây tàu."

Tôi tiếp tục lạy, vừa đến đầu cầu hướng nam, Thầy Hằng Do cũng kịp lúc đến bên tôi và chúng tôi cùng lễ lạy qua cầu. Tới cuối cầu, chúng tôi không thể đi xa hơn nữa vì có sáu ông thợ mộc, say, to lớn, đang đứng chặn ngay lối đi. Ông có tướng đô nhất gầm gừ: "Nếu hai thằng này không mau giải thích về những gì tụi này đang làm, thì tụi tao sẽ băm nát chiếc xe nhỏ bé này thành triệu mảnh vụn cho coi!"

Lúc bấy giờ, trong thâm tâm tôi tự biết rằng chúng tôi chẳng có làm gì sai trái, thì mình có quyền đi trên mảnh đất này cũng như bọn họ vậy. Đồng thời tôi cũng thấy rõ, đây không phải là lúc để thắc mắc đòi hỏi nhân quyền hay công lý gì cả. Mà chỉ thắc mắc là làm sao cứu vớt hai cái cổ nhỏ bé ồm tong của chúng tôi đây. Mặt mày mấy ông này trông giống như những con bò mộng đang phẫn nộ. Thông thường một người nếu ở vào tình trạng như vậy thì có hai con đường để ứng phó. Hoặc là người đó có phản ứng sợ hãi, khúm núm, biến sắc mặt, và sẽ làm bất cứ những gì theo lời đòi hỏi của kẻ dọa nạt mình. Hoặc là người đó có phản ứng với sự giận dữ và cố tìm cách chống trả lại để thoát thân. Đó là hai bản tánh tự nhiên của con người. Nhưng đúng ngay ở giây phút này, hình như có một cái gì màu nhiệm trong không trung. Tôi chợt nhớ lại những lời Sư Phụ dạy bảo qua điện thoại lúc chúng tôi gọi về từ Oregon. Tôi có thưa là đang đi vào vùng chuyên khai thác cây rừng, và tình hình ở đây có vẻ bất an, nên thắc mắc hỏi nếu ở trong hoàn cảnh thật cần thiết, tôi có được phép tự vệ không? Sư Phụ đáp liền: "Không được, nếu con đánh lộn, thì coi như không phải là đệ tử của ta. Con phải học cách sử dụng cái trí thông minh của mình, không có hoàn cảnh nào để cho phép con dùng võ lực cả. Nếu con bị kẹt vào tình thế đối phương quá hung dữ, thì hãy quán xét tự tâm mình, nếu con thật không có chút gì dèm xia đến sự sợ hãi hay nổi giận, thì sẽ không ai có thể đụng đến con đâu. Đối với cả chuyện đi của con, ta tự bảo đảm về điều này! Cứ đơn thuần mà lo dụng công và giữ vững giới luật. Thì có cái gì phải lo sợ chớ?"

Tôi nhìn qua Thầy Hằng Do, thấy Thầy có vẻ bình tĩnh. Hơn bao giờ hết tôi cũng rất ngạc nhiên về thái độ của mình đối với tình cảnh này. Những lời giáo huấn thật có công hiệu. Tâm tôi không lay động, không chỉ những lời Sư Phụ dạy bảo mà còn là cách hướng dẫn với tất cả sự hùng hồn, khiến như có năng lực thật mạnh mẽ. Điều đó chẳng có gì để nghi ngờ cả.

Lập tức mấy ông thợ mộc bắt đầu cảm thấy hình như có điều gì không ổn như dự định. Thầy Hằng Do và tôi đã phản ứng lại sự tấn công của họ qua cử chỉ cười mở, thẳng thắn, thân thiện trong khi đối đáp, khiến họ hoàn toàn bật ngửa không ngờ. Phút chốc, bọn họ quay lại cãi lý với nhau, có mấy ông vẫn cố khiêu khích chúng tôi, trong khi đó có một số muốn mời chúng tôi xuống phố, đến quán rượu để uống vài lon bia. Có một ông la lên: "Ê! Jesse, tụi nó hỗ trợ cho nhau còn hơn là mình tưởng nữa đó!"

Cuối cùng Thầy Hằng Do nói: "Bây giờ xin phép mấy ông nhé, vì chúng tôi còn vài dặm nữa phải đi."

Qua ý chỉ đó, tôi phủ phục đặt hai tay cùng đầu gối xuống và lạy ngay ngang qua họ, Thầy Hằng Do cũng kề cận một bên.

Sáng hôm sau, một chiếc xe chở đầy mấy ông hôm qua chạy đến để xin lỗi.

Mấy ngày sau chúng tôi đến một khu phố nhỏ của Satsop. Nơi này nhộn nhịp giống như hội chợ vùng quê. Khi chúng tôi đi qua, hầu hết dân trong phố đều chạy ra dòm ngó. Cả đám con nít cỡi xe đạp, cùng với mấy con chó chạy xúm xít theo hai bên chúng tôi. Đó là một ngày nắng ấm nhất, vui vẻ nhất của chuyến đi.

Quang cảnh ở thành phố Elma cũng vậy. Hàng trăm người đứng dọc hai bên đường. Một số mỉm cười vui vẻ, một số nhăn mặt nhíu mày, nhiều kẻ nói chuyện lao xao. Cảnh tượng nơi đây phản ánh tất cả những gì có thể tưởng tượng ra, từ sự thất vọng hoàn toàn đến trạng thái vui mừng hoan hỷ. Vào đến trung tâm thành phố, hội Phụ Nữ Tương Trợ (Ladies Auxiliary) đã chuẩn bị cho chúng tôi một bữa ăn với món canh sò chay thập cẩm (đó là món đồ chay mà họ có thể nghĩ ra thôi). Món canh này hầu như chỉ toàn bắp và sữa. Chúng tôi vào phía bên trong ngôi ăn, trong khi có rất nhiều khuôn mặt từ phía cửa sổ tò mò chăm chú nhìn theo.

Đi đến cuối phố, chúng tôi mới biết là có một em trai khoảng mười hai tuổi đã lèo đèo theo sau chúng tôi cả ngày rồi. Hỏi em có chuyện gì không, thì nó

tự giới thiệu là Chris và muốn đi theo để phụ giúp đôi phần. Chúng tôi từ chối nhưng nó cứ cố nài nỉ nên rồi cũng để hắn đi theo. Ba hay bốn ngày liền, mỗi sáng sớm là đã thấy em xuất hiện ở địa điểm lẽ lạy để phụ giúp sư Hằng Do dọn đồ đạc v.v... Tối đến, em đi về phía trước để giúp sư Hằng Do tìm chỗ cắm trại. Em còn thu lượm củi khô để nhóm lửa nữa. Chú bé này tánh tình cũng trầm tĩnh đấy. Sư Do chuyển dịch tên Chris của em ra tiếng Trung Hoa là: Khả Lợi Thế (Ke Li Shr), tức là có khả năng làm lợi ích cho thế gian.

Chúng tôi lạy qua McCleary và đang trên đường vào vùng Shelton, chính nơi đây cái túi hành lý của chúng tôi đã bị đánh cắp. Trong túi, ngoài cuốn nhật ký, còn có cái áo rách của sư Do, vài cuốn kinh, máy chụp hình loại bỏ túi, quần áo của chúng tôi và luôn mấy cái bao ngủ nữa.

Ở Shelton chúng tôi thấy lẻ tẻ một ít đám pháo bông trên không. Vì sắp đến ngày 4 tháng 7, lễ Độc Lập ở Mỹ nên có rất nhiều trẻ em chơi đùa với pháo. Chúng tôi tiến về mục tiêu một cách tốt đẹp. Ông bà Graham cho chúng tôi dựng lều ở phía sau khu vườn của họ.

Ngày 2 Tháng 7 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Dù bị mất túi đồ nhưng chúng tôi vẫn ok (ô kê.) Ông bà Graham tặng chúng tôi một mớ bánh tây và mèn để mang theo.

Anh Paul Everett dừng lại hỏi thăm, ngỏ lời muốn giúp chúng tôi và nói về kinh nghiệm luyện tập thiền Thiên Chúa của anh. Mỗi ngày anh ta đều ngồi và niệm: "Linh hồn con tán dương Chúa." Anh bảo nhờ làm như vậy mà thật đã giúp cho tinh thần tỉnh táo thêm ra.

Một anh thủy thủ chiến hạm nguyên tử từ bến tàu Bremerton dừng lại trong bộ quân phục màu xanh biển. Anh rất ngạc nhiên khi biết tôi cũng từng là thủy thủ và kể rằng: Có lần tàu anh lặn dưới biển cả sáu mươi ngày, bởi vậy có rất nhiều thời gian rảnh rỗi để có dịp quán tưởng. Sau đó có rất nhiều thủy thủ chăm chỉ nghiên cứu các tôn giáo Đông Phương và họ yêu cầu xin cho đồ chay trong các bữa ăn. Thay vì hành động theo bản tính cuồng dại của những lính thủy ngày xưa, thì bây giờ có rất nhiều anh đã chuyển qua tập thiền và biết tự khép mình vào kỷ luật.

Ngày 3 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết:

Lúc chúng tôi rời khỏi con lộ để tìm chỗ nghỉ, có một chiếc xe sửa chữa công lộ của tiểu bang ngừng lại một bên. Nghe tiếng lanh lảnh từ máy liên lạc trong xe họ phát ra:

- Ê, George anh đang tìm Henry hả?

- ...Ừa, hắn đâu rồi?

- ...Hắn đang ở gần mấy ông Giáo Trưởng Ấn Độ đó; đừng có chạy ẩu cán mấy ông nhé! Rồi họ cười âm lên.

Tin đồn vang khắp nơi về chuyện chúng tôi bị trộm mất túi hành lý. Có tờ báo đăng tựa lớn ở trang bìa, giải thích nhíp nhàng:

"Một Tu sĩ Phật giáo ở Belfair rất mong tìm lại bao hành lý." [Belfair Buddhist Wants His Backpack Back] . Cha mẹ Thầy Hằng Cụ đang sống ở quận Belfair.

Sau khi rời khỏi Shelton, chúng tôi kết thúc lễ lạy trên quốc lộ U.S. 101, rồi rẽ về phía đông đi theo xa lộ tiểu bang số 3 và 302. Đến Purdy, thêm khoảng mười dặm nữa thì sẽ đi về hướng nam, để qua cầu Tacoma Narrows, vùng Tacoma. Sau đó chúng tôi tiến về phía bắc theo xa lộ 99 đến Seattle. Chúng tôi chọn theo lộ trình này vì đó là cách tiện nhất để đi vòng qua khu căn cứ quân sự lớn Fort Lewis và tránh được đại lộ. Chúng tôi đi ngang qua hàng trăm bán đảo nhỏ, hòn đảo, những nhánh biển nhỏ và những cửa sông lớn, đó là những cảnh vật của vùng Puget Sound. Con đường thật chật hẹp lại cong vòng, lấm chấm rải rác những căn nhà gỗ ở hai bên đường.

Những trái be-ri (berry) bắt đầu chín rộ khắp nơi. Đây thật là một thử thách về định lực vì khi đi ngang qua những chùm be-ri ngon ngọt mà không thò tay bẻ hái. Nhưng cái giá trị là biết cưỡng lại lòng ham muốn, vì nếu không kiểm soát được mình trong những trường hợp tầm thường như thế, thì làm sao hy vọng kiềm chế được trong những hoàn cảnh quan trọng hơn?

Ngày 4 tháng 7 năm 1974. Hằng Cụ viết:

Gia đình tôi đến tận chỗ lễ lạy để đón chúng tôi về nhà, cùng họ ăn mừng lễ Độc Lập tại nhà ở quận Belfair. Mẹ tôi có thiện cảm với Thầy Hằng Do liền,

nên may cho Thầy một bộ đồ tu dạ khách. Còn cha tôi lo sắm sửa cái bao hành lý và hai cái túi ngủ cho chúng tôi. Mặc dù trời mưa suốt thời gian chúng tôi ở đó, nhưng tôi cảm thấy thật vui sướng khi lại được kề cạnh song thân.

Ngày 7 tháng 7 năm 1974. Hằng Cự viết:

Sau ba ngày ở lại nhà cha mẹ, giờ đây chúng tôi tiếp tục lên đường lễ bái qua vùng Allyn và tiến về hướng đông tới Purdy. Các nhóm ký giả báo chí và đài truyền hình thường lui tới phỏng vấn khi chúng tôi gần tới vùng Greater Seattle. Cho nên đoạn đường ở Seattle này có vẻ nặng nề lắm đấy.

Mỗi ngày chúng tôi phải đối đáp hàng trăm câu hỏi, nhưng trong số đó thì có câu: "Các ông có tin Chúa không?"

Ồ! Trước khi tôi có thể trả lời câu hỏi này, thì cần phải định nghĩa rõ Chúa là gì đã? Mỗi người đều có ý nghĩ khác nhau về Chúa. Nếu chúng ta tin hiểu Chúa như là lý tánh trùm khắp vũ trụ, bao chứa tất cả: lớn nhỏ, tốt xấu, đúng sai... trong nó, và nó cố hữu trong tâm của mọi loài mà không liên quan gì đến việc có tín ngưỡng hay không, thì vâng, tôi tin ở Chúa. "Chúa này" dù có mặt ở mọi nơi, nhưng ít có ai thực sự biết đến Ngài. Trong đạo Phật, chúng tôi được học hỏi và thực tập giáo lý để có kinh nghiệm trực tiếp đến "Chúa." Thật ra, những danh từ chúng tôi dùng có vẻ hơi khác biệt. Cái kinh nghiệm tiếp xúc trực tiếp đó được gọi là giác ngộ, nó là kết quả của những ngày dài dằng dẳng dụng công tu tập đạo hạnh, và quán tưởng. Có nghĩa là ta thực nghiệm được thật tại không sanh diệt của tự tánh trong mỗi chúng ta.

Nhưng Phật giáo không tuyên bố là chỉ có một vị Chúa độc nhất. Chúng tôi thừa nhận các tôn giáo đều có những công dụng và những con đường dẫn dắt đến trí huệ. Con đường có khi dài, khi ngắn, hoặc có khi phải trải qua hằng vô lượng kiếp mới đi đến viên mãn được. Chúng ta phải có cái nhìn về sự cứu rỗi như là những công phu tu tập của mình sau nhiều kiếp. Thật ra chúng ta đã trải qua bao kiếp luân hồi rồi và còn tiếp tục nhiều kiếp nữa phải gian truân, không lối thoát. Vậy thì bây giờ được làm người tại sao ta lại phí phạm cuộc đời để mơ tưởng về thiên đàng hay địa ngục? Chúng ta phải chấp nhận lấy thân phận hiện tại của chính mình, để học hỏi làm người tốt ngay từ những vật chất sẵn có này. Còn việc tự xưng mình là Phật tử, hay tin đồ Thiên Chúa chỉ là phụ thuộc, không quan trọng.

Biết Chúa là đơn thuần biết được chính mình. Một người thật có tâm hồn chân chính đi trên đường với sự chịu đựng, chính chắn, và tâm khai mở vượt khỏi những giới hạn của thế gian, đó mới có thể được coi là hiểu biết "Chúa." Và Chúa không những chỉ là một bức tượng, một khái niệm, hay một giấc mơ, mà Chúa sẽ trở thành hiện hữu thực tế hơn.

Ngày 8 tháng 7 năm 1974. Hằng Cự.

Ông Alfa Romeo có nhiều kinh nghiệm về du lịch, đã chở đến một xe các cô gái đang tuổi dậy thì (mặt đầy mụn). Cả đám thật hồn nhiên, vừa cười khúc khích, vừa lý lắc lại gần chúng tôi. Rồi một cô trong bọn lên tiếng: "Chúng tôi nghĩ rằng những việc các ông đang làm thì thật là đáng hoàng, (ngừng một lát) nhưng mà mấy ông đang làm gì vậy?" Cả bọn bùm miệng cười khúc kha, khúc khít.

Song thân của Tỳ kheo Ni Hằng Ân, là ông bà Baur, đến trò chuyện với chúng tôi. Sau đó ông Baur còn giúp sửa lại cái bánh xe kéo nữa.

Đài truyền hình số 5 từ Seattle đến quay chuyện thời sự về chúng tôi. Phóng viên Robin Groth tỏ vẻ thích thú về việc làm này nên đã phỏng vấn rất tỉ mỉ. Trong số những thắc mắc, có câu cô hỏi Thầy Hằng Do, trong khi máy quay phim to tướng chiếu ngay vào mặt: "Làm sao mà các ông có vẻ an nhiên tự tại quá vậy? Khiến tôi cảm thấy thật an dịu khi nói chuyện với ông."

"Trời Phật ơi!" Tôi thâm nghĩ: "Hiện có cả triệu người đang theo dõi, làm sao Thầy có thể trả lời câu hỏi gút mắc này chớ?" Cũng may là cô ta không hỏi tôi câu này. Thầy Hằng Do nhẹ nhúu mày điềm đạm đáp :

"Vậy à! Chính tôi cũng không biết nữa, nhưng nếu tôi có thái độ như vậy chắc có lẽ do chúng tôi thọ trì những giới không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và không dùng những chất say sưa nghiện ngập." Câu trả lời đích đáng quá!

Ông Sam McCoy thân tặng chúng tôi tượng con chim trắng đang bay và nói: "Mấy cậu đã làm tôi cảm động đến tận tâm can."

Ngày 9 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết:

Hôm nay vừa đến Purdy, nơi chúng tôi từ giả con đường nhỏ ngoằn ngoèo để chuyển sang mặt đường xa lộ rộng rãi hơn, rồi tiến thẳng vào Tacoma. Vì

biết được Marblemount sẽ là địa điểm của Tu viện tương lai, nên bây giờ chúng tôi muốn lạy thêm 125 dặm qua khỏi Seattle, để cho chuyến bái hương thêm phần tốt đẹp kiết tường khi hoàn mãn.

Ông bà Bob và Joanie Kurtis là bạn cũ của gia đình Thầy Hằng Cự từ Gig Harbor, đến chở chúng tôi về nhà họ ngủ. Ông Bob cứ tưởng rằng một khi xuất gia thành Tỳ Kheo, là dịp để chúng tôi tự nhiên có đủ tư cách để rút khỏi việc đời và ẩn dật một nơi nào đó, với thật nhiều kinh sách, để chỉ chuyên tâm tu học. Nhưng chuyện này tại Chùa Kim Sơn thì không cần thiết lắm. Cuộc đời của một Tỳ kheo là dựa trên căn bản tự tu, theo đúng giáo lý của đức Phật, để hết lòng dìu dắt mọi người đạt đến giác ngộ. Đây có nghĩa là vị Tỳ kheo không phải trốn lánh mọi người. Thêm nữa, những ai sống tại cộng đồng tu viện này đều có bổn phận làm một tu sĩ gương mẫu cho kẻ khác, với đầy đủ giới đức, thân, khẩu, ý, để mọi người kính trọng noi theo. Đồng thời vị tu sĩ này cũng phải có khả năng giải thích kinh điển cho những ai cầu thỉnh giáo lý.

Mỗi ngày Chùa Kim Sơn phải có ít nhất một thời giảng pháp. Bởi thế trọng trách của một vị Tỳ kheo đối với thế gian thật nhiều, thì làm gì có chuyện trốn tránh rút lui. Qua phương pháp này, vị tu sĩ mới có thể ứng phó với trần tục mà không bị dính mắc, khước từ hay bị lung chuyển theo những khuôn đúc bắt buộc, không ngừng công kích các giác quan.

Tôi kể cho ông Bob nghe về chuyện trong thời gian chúng tôi đang tiến hành xây cất Chùa Kim Sơn. Có lần Thầy Hằng Cự xin phép Sư Phụ kê bàn học của Thầy vào nhà kho để không bị ai làm phiền. Vì ở trong nhà kho sẽ được yên tĩnh, không nghe thấy những ồn ào bên ngoài thế gian như tiếng điện thoại reo, chuông cửa, khách khứa, tiếng trẻ con khóc la. Nhưng rốt cuộc đã không được phép như vậy, mà bàn học của Thầy Hằng Cự phải bị kê chen chút vào văn phòng làm việc vốn đã chật cứng. Trong hoàn cảnh như vậy, Thầy mới có thể phát triển định lực bằng cách giữ vững lòng không dao động trước những công việc hiện hành chớp nhoáng nhất, thay vì từ bỏ, tránh né thế gian.

Sau đó, ông Bob đọc cho chúng tôi nghe câu phương ngôn của người da đỏ thời xa xưa: "Nếu bạn có thể nhìn thấy ngọn núi Rainier, thì trời sắp sửa mưa; nếu bạn không thể nhìn thấy nó, tức là trời đang mưa."

Ngày 10 tháng 7 năm 1974. Hằng Cự viết:

Khi gần đến lối vào cầu Narrows, có bốn hội viên phong trào Nichiren Shoshu đang tiến về phía chúng tôi. Trong nhóm này có hai anh em đã từng phục vụ với tôi ở tàu ngầm Rock. Người anh tên Harold Waller, tự nhiên tỏ vẻ nghênh ngang đi lại phía tôi, hít một hơi dài khói thuốc, rồi thổi phì ngay vào mặt tôi và nói: "Tim à, để tôi nói cho bạn nghe về cái đạo Phật chánh hiệu nhé!"

Dù chúng tôi cố giải thích cho họ nghe, nhưng không có hiệu quả gì, họ quyết lòng khuyên chúng tôi nên dẹp bỏ chuyên bài hương khổ hạnh này. Cuối cùng chúng tôi phải quay ra, bắt đầu lại tiếp. Một lúc sau ông Balwant Nevaskar, là giáo sư dạy môn Xã Hội Học ở trường đại học Puget Sound, đến chở chúng tôi về nhà ở Tacoma để nghỉ qua đêm.

Tối hôm đó, tiến sĩ Nevaskar mời vài người bạn đồng nghiệp đến cùng chúng tôi thảo luận về Phật pháp trong bầu không khí ấm cúng và thú vị. Trong đó, có ông John Magee mời chúng tôi ngày mai đến lớp triết học của ông để nói chuyện.

Tiến sĩ Nevaskar gốc từ Ấn Độ, tỏ vẻ xúc động khi thấy đạo Phật bắt đầu đâm rễ mọc chồi ở nước Mỹ này. Ông là một trong số rất ít người mà chúng tôi gặp qua trong suốt chuyến du hành, biết đến danh từ "Tỳ kheo." Đứa con trai nhỏ của ông tên Raja (vua) đang bận rộn bắt chước Thầy Hằng Do đeo túi lên lưng, leo trèo qua bàn ghế trong phòng.

Ngày 11 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết :

Buổi sáng nay thật hào hứng, chúng tôi vào lớp triết học của tiến sĩ Magee, trường Đại học Puget Sound. Thầy Hằng Cự giải thích một bài kệ trong kinh Lục Tổ, còn tôi thì nói về đề tài thiền. Tôi dùng những thí dụ so sánh mà tôi thích nhất để giải thích: Lúc tâm trí tập trung vào thiền định thì nó sẽ trở thành như một tia sáng chặt chẽ có thể soi thấu hầu hết các sự vật. Nhưng quan trọng ở chỗ là sẽ xuyên thủng những vòng vô minh của tham sân si và kiêu mạn của ta để cuối cùng đi đến giác ngộ. Đạt được mục đích này là do sự gia công luyện tập của chính mình, chớ không nương tựa vào bất cứ những gì bên ngoài.

Một sinh viên hỏi: "Một người đã giác ngộ có những khả năng gì đặc biệt?"

Tôi đáp: "Theo truyền thống có đề cập đến một người thật sự thành công trong quá trình tu đạo sẽ đạt được sáu thần lực diệu dụng gồm: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc mạng thông, tha tâm thông, thân túc thông và lậu tận thông."

Anh này lại hỏi rằng tôi có tin những khả năng quyền thuật này không, hay chúng chỉ thuộc về Siêu Hình Học của Luận Thuyết Vũ Trụ mà Phật tử đã dựng lên. Tôi không đáp thẳng câu hỏi mà kể cho anh ta nghe câu chuyện lúc tôi mới xuất gia làm chú Tiểu ở Tu viện vào mấy năm về trước. Lúc đó, có một buổi đại hội gồm tất cả những tu sĩ, cư sĩ, đến dự bàn về tiến trình đi Gia Nã Đại (Canada), hầu khai mở một đạo tràng mới, để hoằng truyền Phật Pháp. Tôi thất vọng khi biết mình phải ở lại Kim Sơn, không được tham gia chuyến đi này. Lòng thầm nghĩ nếu được tháp tùng theo Sư Phụ thì hay biết mấy. Không đầy một phút sau, chẳng liên quan gì đến cuộc họp đang thảo luận, Sư Phụ nhìn thẳng vào tôi như thấu rõ cả tâm tư, rồi nói: "Quả Đạo à! Một ngày nào đó khi con đã học những gì phải học và hiểu rõ làm thế nào để giữ đúng quy củ thì lúc đó ta sẽ dắt con theo."

Nghe qua tôi ngẩn người sững sốt, miệng há hốc, mặt mày nóng bừng cả lên. Làm sao mà Sư Phụ lại biết được những gì tôi đang suy nghĩ chớ?

Câu chuyện làm cả lớp cười vang. Tôi nói một vị thánh nhân tài đức có thể biết được ý nghĩ của kẻ khác, còn về việc tin hay không là tùy ở tâm họ. Nhưng đối với tôi đó lại là một chứng nghiệm thêm về vấn đề trên.

Sau rớt, giáo sư Nevaskar mua tặng Thầy Hằng Cự đôi giày thể thao mới và cố nài chúng tôi về nhà ông ngủ. Ngoài kia mưa rơi như nước đổ.

Ngày 12 tháng 7 năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay khi chúng tôi lể lạy qua thủ đô Tacoma, đã có rất nhiều đám đông bao quanh hỏi chuyện: "Các ông làm gì vậy? Mấy ông đi đâu thế? Đi ba bước là nghĩa làm sao? Hai ông có thay phiên nhau kéo xe không hả? Các ông biết võ công phu không? Chúng tôi có thể chụp hình các ông được không?"

Và những giáo đoàn Giám Lý Methodist, phái Tây Lễ Baptist, Mục Sư cùng tín đồ da trắng, da đen đồng kéo ra giúp ý, đề nghị hoặc chúc tụng.

Khi đến gần dưới phố đông đúc, có một bà trên sáu mươi tuổi nói với sư Hằng Do là Chúa đã gọi Bà đến "hướng dẫn chúng tôi đi qua Tacoma" và Bà đã làm đúng y lời một cách trọn vẹn. Không chỉ thế thôi mà hồi sáng sớm có một thanh niên bụ bẫm chân trần (barefoot) trông giống như nhân vật trong phim Huckleberry Finn, tự nguyện xin phụ giúp chúng tôi, rồi y chẳng nói gì thêm, bèn kéo xe đi thẳng một mạch qua phố.

Vào xế chiều, khi đang trên đường ra khỏi phố để tiến về khu vực kỹ nghệ, chúng tôi đã thực nghiệm một chuyện tưởng đã xong đời. Nguyên là cách xa hơn nửa dặm, tình cờ tôi thấy một ông từ quán rượu khệ nệ kẹp nách một kết bia đi ra và chui vào chiếc Pontiac màu đỏ đời 1960. Xe bắt đầu lăn bánh với tiếng máy âm ỉ, chạy ra khỏi bãi đậu. Ông ta quẹo vòng ở góc đường, chiếc xe rú lên chát chúa, chạy ra con đường chánh. Sau đó hấn nhấn ga như cuồng loạn, gấp rút lái thật nhanh về hướng chúng tôi đang đứng bên lề. Với tốc độ khoảng 50 dặm/giờ, thỉnh lình ông bẻ quặp tay lái rồi phóng thẳng lên lề đường, dường như muốn cán dẹp chúng tôi. Sự việc xảy ra quá nhanh, chúng tôi không kịp suy nghĩ, hay có phản ứng nhúc nhích gì cả mà chỉ biết đứng trơ ra nhìn.

Chiếc xe chạy phớt qua chỉ cách chân tôi khoảng bốn đến sáu tấc thôi. Rồi hấn vọt chạy mất dạng thật nhanh cũng như lúc xuất hiện vậy.

Một lần nữa tôi thật ngạc nhiên về phản ứng của mình và cả Thầy Hằng Do cũng thế. Không chút sợ hãi. Sự việc xảy ra như trống rỗng vậy, giống như đang xem một chuyện phim trong truyền hình. Vài người trong quán chạy ra hỏi thăm chúng tôi có hề hấn gì không. Chúng tôi đáp không có gì. Sau đó họ còn quỳên góp tiền tặng, và mời chúng tôi vào quán để thuyết giảng vài lời cho họ nghe.

Đi qua được nửa đoạn đường của vùng đồng bằng sinh lầy, rồi dựng lều dưới chân cầu. Đêm nay gió thật nhiều, chúng tôi tọa thiền bên ngọn lửa hồng nổ vang lách tách.

Ngày 13 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết :

Ké... ét, ầm! Tiếng chiếc xe đụng vào thành cầu ở phía trên làm chúng tôi thức giấc. Anh tài xế có lẽ bị ngủ gục hay say rượu gì đây. Chiếc xe mới tinh móp méo hoàn toàn, nhưng anh ta chỉ bị thương chút đỉnh, lồm cồm chui ra xe. Sau đó lúc chúng tôi lạy ngang qua chiếc xe bị đụng nát, có hai ông cảnh

sát nhìn chúng tôi với vẻ kỳ cục làm sao. Có lẽ họ nghĩ chúng tôi cũng có phần nào dính líu vào tai nạn này.

Đang lạy lên dãy đồi ngoài vùng Tacoma, dì của Thầy Hằng Cự là Sơ Mary Agnes, Nữ tu sĩ dòng Dominican, đến thăm chúng tôi. Sơ tỏ vẻ mừng rỡ khi gặp lại Thầy Hằng Cự. Chúng tôi nói chuyện được một lúc rồi Sơ giải thích: Vì số tín đồ ngày càng giảm bớt một cách nhanh chóng, nên nhiều trường đạo và tu viện phải đóng cửa. Sơ còn nói vì tình trạng như vậy nên những nữ tu sĩ buộc phải ra đời làm việc, ăn mặc như người thường, thay vì được dạy học trong giáo khu như trước đây.

Ông Mark Tatz, giáo sư trường đại học Washington, cùng vài người bạn của ông, đem thức ăn đến cho chúng tôi. Rồi tất cả mọi người cùng nhau ngồi xuống lề đường để đàm luận Phật Pháp.

Ngày 14 tháng 7 năm 1974 . Hằng Cự viết:

Hiện chúng tôi đang đi qua vùng Federal Way nằm giữa thành phố Tacoma và Seattle. Trời hôm nay thật nóng bức. Thầy Hằng Do tìm gặp một cây dương liễu xum xê đứng chơ vơ giữa vùng đất hoang vu ở ngoại ô. Thầy bèn chui vào phía bên trong lựa một chỗ thật mát mẻ để chuẩn bị bữa cơm trưa. Từ phía trong chúng tôi có thể nhìn thấy rõ ràng cảnh vật chung quanh, nhưng bên ngoài không ai có thể nhìn thấy chúng tôi được. Loại cây liễu này cũng tuyệt làm sao! Tôi đốt lò nấu đậu vốn đã được ngâm từ đêm trước, rồi bỏ thêm phó mát, ớt và muối vào. Sau đó còn nướng thêm mấy lát bánh mì kẹp cheese nữa. Cũng ngon lành đâu có tệ gì!

Anh Jimmy McCunn, bạn thời tiểu học với tôi, đến phiên trách cho một hội. Anh kể lẽ có một người bạn học của chúng tôi nay là mục sư Thiên Chúa Giáo tức Cha Mike Batterberry, đã họp tất cả những tín đồ của ông lại để cầu nguyện cho chúng tôi!

Vào buổi tối, em trai tôi là Terry đến chở chúng tôi về nhà ở Kent. Terry nhỏ hơn tôi ba tuổi, đang làm việc cho hãng máy bơm. Và xe kéo của chúng tôi được em gắn vào một cái bơm nước loại bảo đảm cả đời không hư. Loại bơm nước cầm tay này có thể bơm nước hút ra từ cái bình mũ khoảng 10 lít (2.5 gallons) nước của chúng tôi.

Ngày 15 đến 25 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi đến Seattle vào ngày 15 tháng 7, thì tạm ngừng lễ lạy vài ngày để phụ sửa soạn cho buổi Pháp hội Cầu Thế Giới Hòa Bình. Tất cả hội viên trong Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới đều tề tựu về Seattle cho ngày lễ. Lúc đó hai vị Pháp Sư là Hằng Quán và Hằng Không phát nguyện tuyệt thực 18 ngày cầu cho thế giới hòa bình, lúc bấy giờ đã được chín ngày rồi. Vào hôm thứ bảy ngày 20 tháng 7, ánh sáng mặt trời ló dạng, mang lại một ngày tươi đẹp nhất ở Seattle.

Buổi sáng chúng tôi họp lại ở công viên Seward, nơi đây đã có hằng trăm khán giả tham gia vào đoàn Tăng Ni và cư sĩ đang trì chú cầu nguyện cho hòa bình. Sau bữa cơm chay chung với tất cả những người tham dự, Sư Phụ, tu sĩ, các vị cư sĩ của Chùa Kim Sơn cũng lần lượt lên thuyết pháp. Vị lãnh sự Đài Loan và bác sĩ Magee, trường Đại học Puget Sound, cũng đến tham dự. Buổi Pháp hội thành công mỹ mãn.

Sau đó, chúng tôi nhận lời mời của ban Viễn Đông Học thuộc trường Đại học Washington, và lưu lại đó ba ngày để thuyết giảng. Đến ngày chót thì các hội viên của Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới và trung tâm Bồ Đề Đạt Ma của Seattle, họp lại bàn kế hoạch xây dựng tu viện ở Marblemount.

Đến thứ hai, chúng tôi bắt đầu trở lại lễ bái qua các con đường ở Seattle. Chiều đến, bà con của Thầy Hằng Cự là ông bà Works ghé lại chào hỏi. Sau đó anh Pete Presser, bạn cũ của sư huynh, đến rước chúng tôi về nhà nghỉ qua đêm.

Ngày 26 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết:

Anh Pete sống hạnh phúc với gia đình trong căn nhà xinh xắn hướng về vùng Puget Sound. Anh là kỹ sư làm cho hãng điện General. Anh cùng Thầy Hằng Cự ngồi ôn lại những kỷ niệm xưa. Được một lúc thì chuyển sang đề tài triết lý. Anh Pete có lối diễn tả về vô tận rất điển hình; anh nói vô tận cũng chỉ như hư không, chẳng có giới hạn nào và nếu cố định nghĩa về nó, thì giống như rắng dựng lên một bức tường quanh khoảng hư không. Một bức tường có hai mặt và dĩ nhiên, vô tận thật không thể nào định rõ được, bởi vì nó luôn luôn hiện diện khắp nơi, thì làm gì có sự ngăn chặn của bức tường, nên xem như không có định nghĩa gì về nó cả.

Phật tánh của chúng ta cũng giống như không gian: thanh tịnh, trong sáng, không gì ngăn ngại được, nhưng lại hàm chứa tất cả. Những ý nghĩ lăng xăng và phân biệt giống như một bức tường được dựng lên làm hạn cuộc sự thấy biết Phật tánh của chúng ta, bởi lúc nào cũng lưu lại phía bên kia của bức tường. Vì vậy các bậc Thánh nhân bảo rằng Phật tánh là để nhận hiểu chứ không phải chỉ để bàn suông.

Thầy Hằng Cự và Pete lớn lên cùng một quê quán, học chung một trường v.v.. nhưng hiện tại, họ đang sống trong hai thế giới khác biệt.

Ngày 27 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết:

Chúng tôi sẽ lễ lạy qua con đường dài nhất của khu phố, chiều dài có thể bằng khoảng đường từ sáu mươi đến bảy mươi dặm. Thường thì trước đây khi phải lễ lạy ngay trong phố xá, thành thị, tôi thật không mấy gì tự nhiên như khi ở ngoài đồng trống. Nhưng bây giờ dù cả ngày phải lễ bái qua trước những hãng xưởng, nhà cửa, hay các tiệm quán, tôi cảm thấy bình thường cũng như lễ lạy gần bên cây cối và cầu cống vậy, chẳng có vấn đề chi cả. Có lẽ tôi có ý lo ngại vì trong thành phố là phải đương đầu với nhiều người hơn. Nếu tất cả chúng ta đều xuất phát từ nguồn gốc như nhau thì làm gì có ai là người đang quỳ lạy và ai là người đối diện. Thật ra, ở những nơi đông đúc đường như để được định tâm hơn.

Đêm nay chúng tôi căng trại trên bãi đậu xe trái đá sỏi thật rộng, ngay trong thành phố Seattle, trong bãi đã có đầy những chiếc xe trailer loại nhỏ (xe dùng để đi cắm trại). Vì đất quá cứng không cắm cọc được nên chúng tôi chỉ giăng lều lên giàn dây dâu berry (be-ri) đen, leo phủ đầy cả hàng rào cũ sập sệ. Sẵn thấy những chùm dâu berry (be-ri) chín mọng, chúng tôi hái một mớ cho bữa trưa mai.

Ngày 28 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết:

Tiến trình của chúng tôi bị chậm lại, vì mấy ngày qua có rất nhiều bạn bè và bà con nghe tin sư Hằng Cự về đến quê hương, lần lượt kéo đến chào hỏi. Có một anh thợ sửa đường nhô đầu ra khỏi ống cống để chào hé lô (hello) khi Thầy Hằng Cự lạy ngang qua. Lại có ông vì quá nóng lòng muốn chuyển hóa chúng tôi theo đạo Thiên Chúa, nên vừa thấy chúng tôi, ông gấp rút quẹo vòng trở lại. Rốt cuộc bị lãnh giấy phạt về tội lái xe trái luật.

Dù đi qua những cảnh như thế, từ dặm này đến những dặm đường đầy bụi bặm khác, Sư huynh tôi vẫn hai tay chấp ngang ngực, đều đặn ba bước dài, quỳ xuống lạy, rồi đứng lên tiếp tục. Một, hai, ba, lạy; một, hai, ba, lạy. Đã trải qua bao ngày rồi Thầy Hằng Cự đều dụng công như vậy cả, lòng tôi vẫn không khỏi ngâm tán phục.

Ngày 29 tháng 7 năm 1974. Hằng Do viết:

Sau khi lạy qua thành phố Seattle trên tuyến đường 99, chúng tôi tiến tới vùng Bothell, theo xa lộ 9, rồi qua luôn ranh giới quận King và Snohomish. Hôm nay đang lạy trên đường thì vợ chồng cư sĩ họ Bàng đến. Họ là những Phật tử nhiệt thành ủng hộ chùa trong nhiều năm qua, họ đã đứng ra thành lập trung tâm Bồ Đề Đạt Ma ở phía Tây Seattle và cũng là thí chủ cúng hiến mảnh đất ở Marblemount. Nhận lời mời của họ về nhà dùng cơm trưa, nên chúng tôi tìm chỗ cất dấu đồ đạc. Đây cũng là dịp nghỉ xả hơi tránh đỡ ánh nắng mặt trời nóng gắt và con đường đầy bụi bặm.

Tôi đến, chúng tôi cắm trại trên mảnh đất trống cách xa con lộ. Bầu trời tối đen im lìm. Cả ngàn hình ảnh vụt thoáng qua trong đầu tôi: nhớ lại hôm nay có mấy người đệ tử của thầy Mahara-ji đến trò chuyện; một tín đồ bệ vệ Thiên Chúa giáo lại "muốn cứu vớt" chúng tôi; có một bé trai tóc vàng ngồi ở băng sau xe Falcon cũ màu xanh, cứ đưa mắt nhìn chăm chăm.

A! Có một điều quan trọng hơn mà bây giờ tôi chợt nhớ. Việc xảy ra trong ngày mọi người tụ họp về để tụng chú cầu nguyện cho hoà bình thế giới ở Seattle. Lúc đó chúng tôi ngồi trên khán đài. Sau khi trì chú được vài phút, Sư Phụ ra dấu bảo tôi nhìn lên. Thật là ngạc nhiên vì tôi nhìn thấy giữa bầu trời trong xanh có một cụm mây hình dạng rất lạ hiện ra phía trên diễn đài. Đám mây thon dài lơ lửng trên đầu mọi người khoảng hai mươi phút. Khi buổi trì chú vừa dứt thì cụm mây cũng tan đi không để lại một dấu vết nào. Tôi thắc mắc không biết những người khác có thấy như vậy không?

Ngày 30 tháng 7 năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay số người đến chất vấn chúng tôi nhiều vô kể. Thời tiết trở nên thật đẹp, và chúng tôi cũng tiến bước vững vàng. Một trong các sự việc đối với người tu hành là phải học cách đối phó với lòng sân giận. Đối với những xúc cảm, thì nó có lẽ là điều tệ nhất, đương nhiên trong chuyến đi này chúng tôi cũng không tránh khỏi được nó. Vào những ngày không được xuôi thuận,

con nóng giận rất dễ dàng nổi lên. Mọi người đều có tập khí như thế cả; nhưng thế nào giải quyết nó, đó mới là điều quan trọng.

Lửa sân là nền móng thúc dục âm ỉ thâm sâu trong ta. Nó im lìm ẩn dạng trong tâm thức cũng giống như lửa than ngấm ngấm trong khúc cây. Một khi bùng cháy lên là tô nhuộm hết những ý tưởng, tri kiến của chúng ta, như đang nhìn qua cặp mắt kiếng đỏ. Lúc chúng ta thật giận người nào đó, không cần biết người đó có tốt bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ thấy tất cả là sai trái. Một khi sự xúc cảm mạnh mẽ này gán chặt vào tâm thức thì khó mà gỡ ra được.

Như mới mấy hôm trước, chúng tôi thấy có bà cụ với vẻ mặt như oán trách, thù hằn tất cả. Nét nhăn nhó quạu quọ đã trở nên thường hằng trên khuôn mặt của bà. Cũng như lắm lúc tôi tam bộ nhất bái ngang qua các ngã tư đường, có lẽ đã làm xe cộ ứ kẹt khoảng một, hai phút, khiến cho một số tài xế phát nổi xung không thể tưởng tượng được. Họ nhăn còi inh ỏi, hung hãn như muốn giết tôi vậy. Con người ai cũng có thể bùng nổ như thế, khi cơn giận dữ nổi lên. Căn gốc của vấn đề là do chúng ta có những thành kiến quá sâu về tự ngã. Một khi ý kiến hay điều mong ước của chúng ta bị xáo trộn hay bị cản trở là chúng ta nổi quạu liền. Ngày nay, khoa tâm lý học tân thời công hiến rất nhiều phương pháp nguy hiểm để giải quyết vấn đề này. Nhưng thật ra chỉ có một phương cách hữu hiệu mà không cần tốn 90 đồng/giờ để tìm nguyên nhân, đó là sự nhẫn nại. Người Hoa viết chữ nhẫn gồm những nét tượng trưng hình ảnh một trái tim bị con dao nằm phía trên. Phẩm cách phi thường và hiếm có của nhẫn nại nếu được vun bồi thì có thể trở nên hoàn toàn đến mức vô tận. Đó là đức tánh tìm thấy ở những vị Thánh nhân, đã từng tu luyện trong suốt cuộc đời để chiến thắng, làm chủ lấy mình.

Về vấn đề này Sư Phụ thường nói: "Thọ khổ tức thị liễu khổ." (chịu khổ thì hết khổ). Câu này có nghĩa là chúng ta phải chịu đựng; khi sự việc xảy ra không đúng theo ý mình, phải giữ tâm lắng dịu bình tĩnh. Nhẫn nại chịu đựng những khó khăn là chúng ta rèn luyện kiên cố lòng can đảm không gì hủy hoại được. Nhưng nếu để cơn giận bùng nổ mất tự chủ là chúng ta đã trồng một nhân địa ngục rồi đấy.

Nói đến địa ngục, mới nhớ mình đang có chuyện phải chịu đựng khổ đau. Tôi tưởng nó đã xảy ra lâu rồi, nhưng cuối cùng thì mới xảy ra. Tôi khám phá ra nơi đầu gối trái mình đã sưng vù lên. Không biết là chúng tôi sẽ tiếp tục được bao lâu nữa - nhưng thấy nó có vẻ tệ lắm rồi.

Chúng tôi dựng lều trên mảnh đất trống dưới xa lộ.

Ngày 31 tháng 7 năm 1974. Hằng Cự viết:

Sáng nay vừa lạy được vài dặm, đầu gối tôi càng sưng tùm vù màu vàng tím giống như đã bị nhiễm trùng. Tôi gọi điện thoại cho anh Jon Myers, bạn học cũ ở trung học và cũng từng cùng tôi phục vụ cho tàu hải quân lúc trước. Hiện nay anh là chuyên viên sửa truyền hình màu hãng R.C.A., ở phía bắc cuối vùng Seattle. Trên đường đến Bothell Way, tiện dịp đến rước chúng tôi luôn. Khi nghe chân tôi bị đau, anh đề nghị nên về nhà anh nghỉ ngơi cho đến khi lành hẳn. Đã năm năm rồi, tôi mới gặp lại Jon.

Ngày 1 đến ngày 4 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Ba ngày qua chúng tôi ở lại nhà anh Jon, dù mỗi tối tôi đều ngâm nước nóng cho đầu gối, nhưng chỗ sưng vẫn không chịu xẹp. Tôi đoán chừng thì chắc cũng phải hai tuần hay hơn nữa nó mới chịu lành, dĩ nhiên là tôi phải lo nghĩ vì không lẽ lạy được. Trong đạo Phật tình cảnh này xem như là một nghiệp chướng vậy.

Ngày 5 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Cuối cùng chúng tôi quyết định hôm nay gọi điện đề xin ý kiến Sư Phụ xem có cách gì tốt nhất để được mau lành. Tôi kể lẽ một hơi nào là đầu gối đang bị sưng húp, như vậy chắc phải cần thời gian lâu lắm mới khỏi được và nếu quỳ lạy, chỉ làm vết thương nặng thêm.

Nghe xong Sư phụ không chút ngần ngại liền đáp: "Nó vốn không có vấn đề gì cả. Cách tốt nhất cho đầu gối được lành lặn là phải ra đường để hoàn thành cuộc lễ lạy của con."

Tôi sửng sốt trước câu trả lời của Sư Phụ. Nếu là ai khác thì tôi sẽ cãi lại ngay. Nhưng hai đứa tôi liền thu xếp đồ đạc, từ giả anh Jon để trở về địa điểm cũ trên xa lộ 9 về hướng bắc vùng Bohell, bắt đầu lạy tiếp. Thật ngạc nhiên thay, tôi chẳng thấy đau đớn gì! Tôi tiếp tục lạy được bốn dặm trước khi trời tối. Chỗ sưng xẹp xuống mất tiêu. Thật là vi diệu!

Ngày 6 tháng 8 năm 1974. Hằng Cự viết:

Theo như dự định, chúng tôi tiếp tục đi về hướng bắc trên xa lộ 9 cho đến khi tới Sedro Wolley, rồi sẽ quẹo sang hướng đông đi theo xa lộ 20, còn khoảng 45 dặm đường dọc theo sông Skagit mới đến Marblemount.

Có ông chạy xe gắn máy la lớn: "Đứng lên mà đi như con người chứ!"

Viên cảnh sát đi tuần của tiểu bang Washington ngừng lại trò chuyện, còn cho chúng tôi một mớ trái dâu raspberry đã nấu chín.

Ông Roland Strandell trên chiếc xe gắn máy lớn Moto-Guzzi ngừng một bên nói rằng ông nghiên cứu các tôn giáo Đông Phương khoảng ba mươi năm nay rồi, và đã từng chờ đợi để xem những chuyện như vậy xảy ra. Ông viết bài thơ với tựa đề "Hòa Âm" như sau:

Những chiếc xe nện trên đường,

Cùng hòa tâm theo nhịp đập

Âm vang muôn loài hòa điệu

Áo vàng nhẹ phất trong gió

Bao ồn náo như im bật

Trước tiếng sấm ngầm của Phật.

Chúng tôi nghỉ đêm ở nhà ông bà Goldie và Lynn Goldhammer, đôi vợ chồng thân thiện sống gần vùng Arlington. Ông Goldie là tài xế chở xe rác.

Ngày 7 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Chúng tôi đã tới vùng Arlington. Đoạn cuối của chuyến đi như sắp gần kề. Nhìn vào bản đồ, khiến tôi nhớ lại những nghi ngại lo lắng đã ám ảnh chúng tôi trước đây giờ đều tan biến. Ngoại trừ chỉ những biến cố bất ngờ xảy đến, không thì trước mắt xem như chúng tôi sẽ đi đến mức.

Nhớ lúc mới khởi hành, tôi thường có những ý nghĩ nhút nhát, lo sợ khi đi ra ngoài và phải tiếp xúc với bao nhiêu người. Tôi cần phải cố gắng giải thích

về mình với mọi người hơn. Tôi có thể nhận ra những cái nhìn bất mãn hiện rõ trên gương mặt những người không thích tôi, hoặc không thích việc tôi đang làm. Bởi không những chỉ riêng việc lễ lạy thôi đâu, mà còn thêm bộ dáng ông Sư với cái đầu cạo trọc đã đủ khiến họ cau có, khó chịu rồi.

Tình hình có vẻ thay đổi nhiều khi chúng tôi tiến về hướng bắc. Phần lớn những tin tức đăng bài đã giải thích về hành trình của chúng tôi. Vì thế nhiều người hình như đã biết rành rẽ hơn qua những nguồn tin cả tháng trước khi chúng tôi đến. Họ tiếp đãi chúng tôi tựa hồ như gặp lại bà con lâu ngày mất liên lạc vậy. Hiện chỉ còn một số ít là vẫn nhăn mặt nhú mày, nhưng chúng tôi chẳng thèm để ý đến làm chi.

Ngày 8 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Do viết:

Như thường lệ, hôm nay chúng tôi vẫn tiếp tục lễ lạy. Có cặp nam nữ trên xe Toyota ngừng lại quan sát khi chúng tôi chậm chậm tiến qua. Sau đó họ chạy về phía trước khoảng nửa dặm, rồi ngừng lại để nhìn nữa. Lần này họ bước xuống xe, tự giới thiệu tên họ, hỏi thăm chuyên đi và vài câu tổng quát về Phật Giáo với thái độ kính cẩn, thân mật. Khi nghe nói những vị sư Phật Giáo hành trì các pháp khổ hạnh ích lợi như chỉ ăn một bữa và ngủ ngồi, người đàn ông tên Bill cho rằng như vậy thật là quá khó đối với người bình thường.

Tôi bảo có nhiều quy luật đặt ra tùy theo trình độ, và nhiều pháp tu khổ hạnh không bắt buộc những người không đủ khả năng phải theo, kể cả tu sĩ và cư sĩ. Giống như leo núi vậy, khó khăn là ở lúc ban đầu, nhưng từ từ sẽ trở nên dễ dàng hơn. Không ai có thể từ chân núi nhún mình một cái là nhảy vọt lên đến tận đỉnh, trừ khi là bậc siêu nhân thôi! Cho nên trong tiến trình cần phải từng bước, từng bước một. Ý chí cũng rất dễ bị thối lui vì nghĩ rằng: "Tôi tu tập lâu quá rồi mà chẳng thấy gì hết!" Nhưng việc dễ quá thì kết quả đâu có giá trị gì, bởi ai cũng có thể làm được. Còn việc khó thì giống như cái lưới, gạn lọc ra những ai không thật lòng kiên quyết làm tròn. Đúng vậy, điều đó có lẽ khó đấy, nhưng không nên lấy đó mà dễ chán nản bỏ cuộc, để tìm kiếm mặc cả về sự sống còn. Có lẽ tôi nói hơi xa xôi nên ông Bill nói ông sẽ suy ngẫm về điều này.

Sau đó có anh thân hình vạm vỡ lái xe vận tải dừng lại, xuống xe hỏi tôi có muốn vài miếng bánh pi-dà (pizza) mới nướng không. Tôi đang tìm cách từ chối khéo vì nghĩ rằng bánh này thường có thịt và hành tỏi, thì anh ta liền nói: "Dạ, tôi đem chúng tận từ vùng Yakima đến đó!"

Mở bao ra, thì ô hô! Có cả chục trái đào (peach) tươi. Anh này có vẻ đã nhậu xỉn, nên giọng nói lấp bắp nhừ nhừ.

Ngày 9 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay tiên gần về vùng Bryant, có em trai tên Byron đi theo sau. Em bảo khi thấy hình chúng tôi được đăng trên báo Evertt Herald, em nhìn chăm chăm cả tiếng đồng hồ mà không biết vì sao. Byron tỏ vẻ lo lắng chăm sóc chúng tôi cả ngày. Tới Huck Finn, dường như vùng đất nhà, nên em rất rành những thắng cảnh ở đó. Khi đến khúc đường uốn cong, Byron dẫn chúng tôi rẽ vào nội địa để đến một trong các hồ đẹp nhất mà tôi chưa từng thấy qua và tôi đã chiêm ngưỡng được vài cái hồ. Chúng tôi nghỉ lại một lúc lâu để tắm rửa cái thân đầy bụi bẩn này.

Buổi chiều có ông tóc dài tự xưng mình là "Người đàn ông yêu chuộng tự do." Ông thắc mắc hỏi: Theo như danh từ của Chúa thì việc tôi đang làm là gì?

Sau khi nghe tôi giải thích, ông cho rằng mấy chuyện như vậy chẳng có gì là cần thiết cả, vì Chúa là tình yêu thương, tất cả chỉ đơn giản vậy thôi: Chúa là ở đây, bây giờ, và tất cả là thế đó. Ông còn mời tôi về nông trại của ông để sinh sống nữa.

Ngày 10 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Cô Kate Myers có lần là bạn gái tôi lúc ở trung học và là em gái anh Jon Myers, hôm nay tình cờ gặp lại. Bây giờ cô đã có chồng, hai con và chiếc xe Jeep. Còn tôi, tất cả hiện có là cái đầu gối đau nhức, nhưng rồi thì nó cũng sẽ mất đi. Sự vật thay đổi là thế đấy!

Khi chúng tôi lạy qua cái hồ lớn Big Lake, ông chủ quán rượu gần đó đến trò chuyện rất thân mật. Tuy nhiên mấy vị khách của ông thì phá phách quá đáng. Họ túa ra đường và bắt đầu trêu ghẹo ông chủ quán. Họ bắt chước Thầy Hằng Do là bỏ cái túi ngủ vào chiếc xe nhỏ đi chợ (loại xe đẩy trong các siêu thị), rồi kéo đi vòng quanh bãi đậu xe của quán rượu.

Một ông trong bọn la lớn: "Ê. Roy! Ông quên chiếc xe kéo của ông nè!"

Ông Roy chủ tiệm không thêm đêm xia gì đến họ.

Đầu gối tôi bắt đầu lạnh lặn, chúng tôi hiện lể lạy vào vùng Skagit Delta. Từ xa ngọn núi Baker lơ mờ trước mặt ở hướng đông, và ngọn Olympics cao sừng sững ở hướng tây.

Khi thấy chúng tôi đi ngang qua, nhiều người thân mật nói: "Không còn bao lâu nữa đâu!"

Ngày 11 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Do viết:

Đêm qua chúng tôi bị cả tám vạn bốn ngàn con muỗi háu ăn đến xâu xé, hút máu toi bời. Chiếc lều đã từng bảo vệ tránh mưa, giờ đây lại là ổ của đàn muỗi. Đó là sự tạm thời khác biệt giữa một đêm yên tĩnh nghỉ ngơi, và một đêm phải chịu vô số những chúng sanh nhỏ nhỏ điên cuồng, hung hăng, vo ve vang rền bên tai và hè nhau đâm chích vào mạch máu chúng tôi.

Mấy lúc sau này, chúng tôi thu gọn lộ trình với bảy hay tám dặm mỗi ngày. Đi ngang qua hồ Clear Lake, rồi qua sông Skagit và đang tiến về khu phố Sedro Woolley, ngay đây chúng tôi sẽ chuyển sang Xa Lộ 20 để đến Marblemount. Gần đến Sedro Woolley, trên đoạn đường dài thẳng tắp, có một số người đến chúc mừng, dâng tặng thức ăn, hoặc chỉ đứng nhìn và chụp hình. Cảnh này giống như tuần lễ đón mừng người thân về nhà vậy. Có lẽ hôm nay chúng tôi đã tiếp chuyện với hàng trăm người, nếu tính từ lúc đến vùng này chắc cũng có tới cả ngàn rồi. Dân miền này rất mộc mạc và cần cù, có đủ cả những nông dân, thợ mộc, và buôn bán. Hầu hết họ đều ủng hộ chúng tôi.

Lúc trời chạng vạng tối, chúng tôi kéo nhau vào một công viên để căng lều. Tôi nhìn chiếc xe kéo chất đầy những trái bôm, bánh mì, và những củ cà rốt trồng ở vườn đang chia ra những cọng lá tươi xanh rì. Những người này có lẽ không biết nhiều gì về đạo Phật, nhưng thấy rõ, ý họ nghĩ rằng chuyến đi của chúng tôi là việc làm tốt và xác đáng. Có lẽ nhờ biết vậy nên thật giúp tôi vượt qua những lúc chán chường nhất. Bạn có thể gọi đó là gì cũng được, nhưng nếu gọi đó là lòng tri ân thì thích hợp nhất: Tri ân có dịp thực hiện chuyên bán hương này, tri ân đối với sự dẫn dắt khéo léo của Sư phụ. Tri ân có được cơ hội chia sẻ giáo lý của đức Phật đến kẻ khác. Tri ân đã có dịp học hỏi cách giao tiếp với mọi người bằng cách học hỏi làm sao xử sự với

chính mình. Tri ân có dịp tu tập với người bạn đồng hành đáng quý. Và tri ân đến tất cả mọi việc dù tốt hay xấu đã xảy đến.

Ngày 12 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Hôm nay chúng tôi tách khỏi xa lộ 9, và băng qua xa lộ 20. Sư Phụ thường nói: "Luôn luôn có hai con đường trước mặt bạn. Một là dẫn đến giác ngộ, và một là đưa đến mê lầm."

Ý định tách rẽ vào con đường trước mặt không có gì là mới mẻ đối với chúng tôi cả. Vì đó là sự lựa chọn theo lối cũ rích của việc làm đúng hay làm sai, thiện hay ác. Tuy nhiên, vấn đề có khi xảy ra không phải là để lựa chọn, cũng như việc tu hành, đôi lúc chúng ta đạt đến một thời điểm nào đó mà chẳng có con đường nào trước mắt cả. Một mặt chúng ta bỏ lại sau lưng tất cả những gì trong cuộc sống, cả gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, thú vui và tất cả để tìm mục đích cứu cánh. Mặt khác chúng ta chưa đạt được cứu cánh, mà vẫn còn là phàm phu tầm thường. Đó chính là lúc chúng ta đang ở trong thế kẹt, như trên vùng đất không người. Ở lưng chừng giữa hai lãnh vực, chúng ta rời bỏ "trần tục" nhưng chưa qua được đến "bờ kia," thì đây là đoạn đường khó khăn gay go. Chúng ta có thể bị một lực kéo mãnh liệt để trở lại "đời sống bình thường." Thế gian lúc nào cũng như đang bày binh bố trận những mê say khoái lạc để mời gọi. Bấy giờ những đam mê khát vọng đó như tập trung một lực khếch đại tựa hồ nổi lên lượng sóng lớn mãnh liệt hơn bao giờ hết. Tâm có thể gọi là "Tâm Ngã," nó đang làm một cuộc trả giá để chuộc lại bản ngã, để trở lại cuộc đời với chính hình thể của nó. Để gì nó chịu buông bỏ. Với chút ít công phu tu tập đã qua, chúng tôi đánh thức những tài năng quyền lực đang tiềm ẩn bên trong, nên nhận biết mình có khả năng làm được tất cả, dù ở mọi hoàn cảnh phương hướng nào và thực sự sẽ thành tựu.

Nhưng đó chưa là mục đích tối thắng đâu. Có rất nhiều pháp để Phật tử tu tập và lại còn nhiều hơn thế nữa đối với tu sĩ, thế nên chúng tôi phải tiến thêm lên. Đây chỉ là một giai đoạn tu hành, là lúc để thâm nhiếp sự quyết tâm và không quên mục đích thuở ban đầu, là muốn vượt khỏi sanh tử luân hồi, muốn thành Phật, muốn tách khỏi bụi trần. Cho nên chúng tôi phải kiên nhẫn và tiếp tục tiến lên.

Ngày 13 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Do viết:

Xa lộ North Cross chạy xuyên qua thung lũng phì nhiêu Skagit, ngang qua những ngọn núi Cascade vùng Omack. Đường lộ rần rộ đầy áp những xe vận tải gỗ, xe đi cắm trại, xe đạp và rất nhiều xe nhà đang qua lại dưới bầu trời nắng gắt đầy bụi bặm.

Thầy Hằng Cự phát giác có con nai mới bị giết nằm trên mặt lộ. Ai đó đã chẻ tét phía sau đầu nó chỉ để lấy cặp sừng. Hình ảnh này tôi sẽ không bao giờ quên được. Cái gì đã khiến người ta hành động dã man đến như thế?

Khi chúng tôi lạy qua Lyman, rồi tới Hamilton, vài người dân vùng này buông lời chỉ trích mỉa mai. Điều đó không có gì là lạ, nhưng lại khiến tôi bắt đầu suy nghĩ về nhân duyên đưa đến những hành động như thế và tại sao con nai lại bị như vậy. Hình ảnh cái chết thê thảm đó như khắc sâu vào tâm thức tôi. Đó có lẽ là chủng tử của những việc làm trong quá khứ nay đã đến lúc thu gặt kết quả. Danh ca Bob Dylan diễn tả điều này rất sâu sắc trong bài hát như sau:

Ôi! mỗi kẻ thù tôi đối diện,

Là nhân quả khứ trước của chúng ta.

Ngày 14 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Chúng tôi lạy được tám dặm rưỡi, qua khỏi khu phố Concrete. Dưới ánh nắng mùa hè như thiêu đốt, khiến da chúng tôi trở nên nám đen. Sức nóng gay gắt như tuôn xả cho hạ cơn giận. Cũng như những lúc sau này hai chúng tôi thường thấy bức bối với những chuyện nhỏ nhen. Đôi khi chúng tôi hờn dỗi nhau mà không biết vì lý do gì. Có điều luôn khiến tôi phiền giận khi thấy Thầy Hằng Do như cố ép tôi lạy khoảng đường dài bằng cách đi xa tôi hơn. Có lẽ do tôi tưởng tượng, nhưng tôi cũng không nghĩ là vậy. Đôi khi Thầy đi thật xa về phía trước hơn tôi tưởng. Để rồi tôi phải lạy chùng bằng ấy khoảng cách, như vậy mới có thể được nghỉ. Nhất là khoảng gần đến giờ Ngọ, đợt phủ phục cuối cùng trước khi chúng tôi ăn cơm, luôn là khoảng đường thật dài. Tôi lạy lầy lầy để không ngừng, và Sư ta cứ đi tới mãi tuốt luốt phía trước. Tôi không dẫn lòng được nên bắt nghĩ đến câu chuyện có ông treo tòn ten củ cà rốt trước mặt con lừa và rồi khiến tôi phát nổi hầm hầm lên.

Dĩ nhiên, khi tôi lộ vẻ quạu quọ chỉ chút xíu thôi là Thầy Hằng Do biết liền, dù tôi chẳng nói lời nào. Rồi sau đó cả đoạn đường trở nên chua chát làm

sao, còn Thầy cũng bắt đầu đi vào thế giới im ỉm. Đây là một nghiệp chương lý thú mà chúng tôi phải cố gắng vượt qua. Vì hai chúng tôi sống gần gũi nhau trong thời gian quá lâu như vậy, nên có nhiều chỗ đè ép bất bình trong tâm. Thường thì tôi không thể nào nhận ra lúc nào Thầy hết phiền não, hay lúc khởi điểm phiền bực của mình. Thật ra những cái vui vẻ của chúng tôi thì đều giống như nhau. Nhưng dù ở trường hợp vui hay phiền não, cũng là dịp tốt để chúng tôi nghiền ngẫm.

Như lời Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã nói: "Giác ngộ là phiền não và phiền não tức là giác ngộ." Dĩ nhiên lời Tổ dạy là một chuyện và chúng tôi hiểu về lời đó là một chuyện khác. Khi Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Quốc diễn giải giáo pháp, lúc đó có rất ít người tin, lại càng ít người hiểu được. Phiền não từ đâu đến? Ai là người đang phiền não? Cái sân giận thật ra là ở chỗ nào? Trong khi lễ lạy tôi có rất nhiều thì giờ để suy ngẫm về những điểm bất đồng, và tìm tòi về những ranh giới ảo tưởng trong tâm con người. Nhưng đôi khi quán mãi mà phiền não vẫn không chịu đi, thì chúng tôi tạm ngưng cuộc lạy, bèn cùng nhau ngồi xuống pha trà đường với chanh tươi. Mặc dầu đó là một phương tiện theo đúng như pháp thế gian, nhưng nó giúp ích chúng tôi rất nhiều.

Ngày 15 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Lại thêm một ngày nóng bức đầy bụi bặm. Xe cộ tấp nập, đầy những xe hàng chở gỗ, và phiền não như ở khắp mọi nơi. Chúng tôi lạy dọc theo xa lộ 20 và tiến vào một thành phố nhỏ ở Van Horn. Ông Olsons, chủ tiệm tạp hóa và cây xăng, mời chúng tôi vào uống nước ngọt lạnh. Sinh hoạt quanh vùng này thật ồn náo, nhiều người cũng đã nghe qua chúng tôi từ mấy tháng trước rồi. Trẻ con và chó chạy loanh quanh đó đây. Tôi chợt thấy một ông có râu đứng tuổi, thấp người, mắt đeo kiếng, đang lang thang ở trạm xăng, rồi nói chuyện với đám trẻ con. Tôi không nghĩ là ông đã từng đến đây, nhưng thấy dáng ông ta như có vẻ là bạn tri kỷ của mọi người. Ông này có chiếc xe truck màu trắng, kéo theo xe rờ mọt (trailer) kiểu tự làm và hai con chó mà ông muốn cho đi. Tôi sững sờ khi thấy ông đi về phía mình và hỏi tôi có tự xưng mình là Phật tử không? Trông ông có vẻ thật tự tại và đạo mạo.

Tôi đáp: "Sao, ơ..., ơ..., đúng vậy." Lòng thắc mắc không biết ý ông muốn gì.

Ông lại hỏi: "Thầy có muốn nghe những gì đức Phật dạy, diễn đạt bằng tiếng Anh đơn giản không?"

Tôi không muốn trả lời không, vì như vậy có vẻ không đúng. Tôi cũng không muốn nói là muốn, vì như vậy chúng tỏ là mình đã không biết. Tôi đưa mắt nhìn quanh, thấy có đám người đang tụ tập. Trong mắt ông này như có một tia sáng tinh ranh.

Nhưng rồi tôi nói: "Đức Phật dạy gì?"

"Dạy lòng từ bi. Đức Phật bảo chúng ta ngừng sự ngược đãi làm khổ lẫn nhau, nhưng hầu hết không ai chịu nghe cả!"

Tôi biết chắc cái ông nhỏ người này đã thấu rõ con người thật của tôi rồi, nhưng tôi lệ làng hỏi ngược lại: "Nghe gì chứ?"

"Thì những lời đức Phật dạy đó!" Rồi bậc cười ha hả và nói tiếp: "Tôi không nghĩ là Thầy theo Đạo Phật hoàn toàn."

Thôi rồi! Thiệt là ông muốn đặt mình vào thế kẹt mà! Tôi đáp: "Tôi đâu có nói tôi hoàn toàn." Rồi tôi cố thối thác để tự biện hộ. Ông nhỏ con này ngừng một hồi rồi tiến tới gần hơn và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tâm tôi từ từ loé lên những cử chỉ giận hờn đối với Thầy Hằng Do trong mấy ngày qua.

Ông nói: "Đức Phật dạy từ bi, phải có lòng từ bi hơn nữa!" Gỡ cặp mắt kiếng xuống, rồi chia mắt vào mắt tôi, cách khoảng mười hai tấc, nói: "Tôi không phải là kẻ thù, mà là bạn với Thầy mà! Thầy biết không, có bao nhiêu người có thể nói với Thầy như vậy?"

Nghe đến đây lòng tôi thật xúc động, không nghĩ gì đến chuyện xấu hổ nữa. Trước đây tôi chưa bao giờ gặp qua ông này, vậy mà ông liền đặt cho con số dzê rô (số 0) hiển hiện ngay lên tôi rồi. Mọi người nhìn vào tôi, tất cả đều im lặng, tôi hoàn toàn không nói được lời nào. Thế rồi chẳng biết nói hay làm gì hơn, nên tôi trở ra đường và bắt đầu lể lạy. Chỉ chốc lát sau, tôi bắt đầu hiểu ra đó thật là một cuộc gặp gỡ huyền diệu. Cũng giống y như Sư phụ thường xử sự vậy. Ông đã nói đúng ngay chốc cái sai quấy và chỉ thẳng cái dính mắc của tôi. Trong khi lể lạy tôi mới bắt đầu cảm thấy xấu hổ, mà đã lâu rồi tôi không nhận thấy. Tôi thật đã nhiều lần đối xử tệ bạc với Sư Do, mặc dù chỉ là gián tiếp hay ngầm ngầm. Không những thế, tôi lúc nào cũng hay nổi xung. Nghĩ đến điều này làm tôi cảm thấy xót xa quá. Nhớ có lần Sư phụ đã viết bài kệ:

Chân nhận tự kỷ thác,
Mạc luận tha nhân phi,
Tha phi tức ngã phi,
Đồng thể danh đại bi.

Nghĩa là:

Hãy nhận thật lỗi mình,
Chớ bàn tới lỗi người,
Lỗi người là lỗi mình,
Đồng thể mới đại bi.

Tôi hỏi hỏi lạy gáp trên xa lộ cho đến chỗ Thầy Hằng Do đứng chờ bên chiếc xe kéo. Thầy không biết gì về cuộc đụng độ nho nhỏ giữa tôi và ông lão, nên tôi kể lại những gì đã xảy ra. Chúng tôi ngồi xuống khuấy chanh bột (lemonade powder) với nước sông Skagit. Lần đầu tiên tôi nhìn thẳng mặt Sư đệ một lúc lâu. Trong phút chốc chúng tôi đồng chia sẻ một nụ cười yên lặng thông cảm. Tôi cảm thấy mình như già đi, già đi, già hẳn đi! Rồi cả hai chúng tôi đứng dậy tiếp tục lên đường.

Ngày 16 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Cự viết:

Chúng tôi lạy thêm được tám dặm rưỡi nữa, qua khỏi vùng Rockport và hiện đang dựng lều. Ngày mai chắc vào tới Marblemount. Chúng tôi gọi điện thoại báo cáo Sư phụ biết về tiến trình.

Sư Phụ nói: "Giỏi! Giỏi lắm! Tụi con có muốn đi Hồng Kông, Đài Loan, Singapore, Nhật Bản, Ấn Độ, Nepal, Tích Lan và Việt Nam nhân chuyến hoàng pháp này không? Chúng ta sẽ giảng pháp và thăm viếng vài nơi đức Phật đã cư ngụ." Giọng Sư phụ thật vui vang lên qua đường dây điện thoại.

Tôi sững sờ: "Dạ muốn, dạ muốn, chúng con rất thích đi!"

"Đi theo ta thì nhiều cực khổ lắm! Tụi con có chắc là muốn đi không?"

"Dạ muốn, con thật chắc mà!"

"Ô-kê, nếu thật không sợ cực khổ, thì khi các con trở về đây, chúng ta sẽ chuẩn bị cho chuyến đi này."

Ông Dennis Ammons, dân vùng Hamilton, đã từng theo dòm chùng chúng tôi suốt cả quãng đường vùng này. Ông đậu chiếc cam nhông nhỏ màu xanh ở phía trước nửa dặm, rồi chờ chúng tôi tiến tới. Lúc chúng tôi đến gần thì ông xuống xe, phì phà điều xì gà, ưỡn ngực ra vẻ hãnh diện, vừa giật giật cọng dây nịch vai (suspenders) màu sắc cầu vồng, vừa hỏi chúng tôi có chuyện gì không. Ông nói: "Đừng có bỏ sót cái nào nhé!" Rồi lái xe tới phía trước để chờ nữa.

Ông Howard Miller là ủy viên hội đồng thành phố, đến chụp hình chúng tôi và rất nhiều người thân mật ra chào đón. Họ bảo người dân da đỏ đã diễn tả cảnh này như sau: "Bạn được một lần uống nước sông này, thì chắc chắn có ngày bạn sẽ trở lại nơi đây." Chúng tôi đã từng uống bao ngày rồi.

Ngày 17 Tháng 8 Năm 1974. Hằng Do viết:

Hồi tối này bỗng nghe có tiếng mớ vang lên từ phía Thầy Hằng Cụ: "Ê! Có mấy con quái vật ở dưới đường đó!" Giọng nói lớn nghe rõ vang vách. Sau khi thức giấc, Sư kể rằng đã mơ thấy Sư lật ngựa mặt đường lên như lật một tấm thảm, và thấy phía dưới có hàng ngàn con vật, hình dáng như yêu quái.

Chúng tôi dậy sớm để lạy qua khu phố nhỏ vùng Marblemount trước khi mọi người thức giấc. Và tiếp tục lạy ba dặm không ngừng nghỉ để đến địa điểm của tu viện tương lai. Thật là cao hứng, chúng tôi vừa tới khu vực của chùa thì đúng 10 giờ rưỡi sáng, cũng là lúc sư huynh quỳ lạy lần cuối cùng. Chúng tôi kết thúc cuộc bá hương bằng cách trì vài biến chú Đại Bi, và hồi hương công đức đến tất cả chúng sanh ở khắp mọi nơi. Sau đó chúng tôi dùng cơm trưa trên tảng đá lớn nằm cạnh bên sông Skagit, đang cuộn cuộn chảy phía dưới.

Cuối ngày, chúng tôi leo lên đỉnh núi Sauk. Khung cảnh hùng vĩ nơi đây thật bất khả tư nghĩ, thênh thang trọn vùng thung lũng Skagit và cả 45 dặm đoạn đường cuối mà chúng tôi đã lạy qua. Mặt trời bắt đầu khuất bóng, cũng vừa lúc chúng tôi lên đến đỉnh 5500 feet (hơn 1600 mét) độ cao. Một vùng biển mây màu hồng, màu xanh đang trôi lơ lửng trên những cụm đảo, trông giống

như những khối kẹo bông gòn khổng lồ. Chung quanh chúng tôi có đến hàng trăm ngọn núi to tướng, màu cam và tím trải dài vô tận. Núi Baker lờ mờ phía trước như đang chìm sâu trong thiên định. Trên bầu trời những vì sao bắt đầu xuất hiện. Bỗng nhiên chúng tôi thấy có một làn ánh sáng thật lạ từ phía cuối chân trời. Một phút nó như hình lưỡi liềm, phút sau đó thì giống hình quả banh tung lên. Nó ẩn hiện mấy lần rồi thành linh bùng sáng lên và bắn xẹt đi như trái banh lửa. Phía bên trái nó, có đám mây to tướng màu đen xám trải dài cả trăm dặm, nhìn tưởng lầm như hình dáng con rồng đang phun lửa, trông giống như nó đang rượt đuổi theo trái banh sáng chói kia. Sau đó, bóng tối tràn về cùng với trận mưa như đã tích tụ từ mấy tuần qua được dịp đổ xuống xối xả, lớn nhất mà đã lâu rồi chúng tôi mới được chứng kiến. Tôi ngược mắt nhìn trời, lòng băng khuâng khi trận bão thổi vào.

Chuyến báii hương hoàn mẫn!

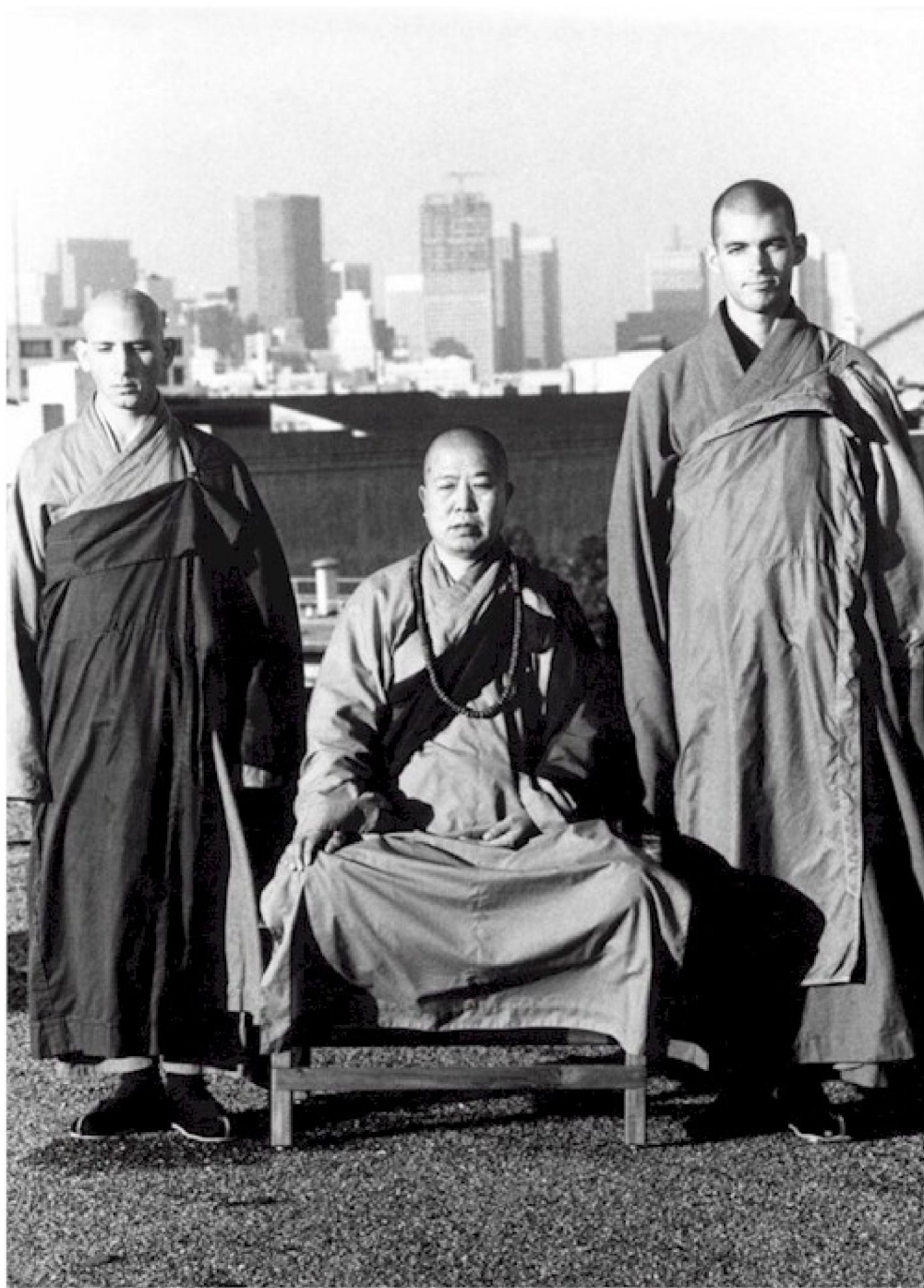
Vào tháng 5 năm 1977, hai vị Tỳ Kheo là sư Hằng Thật và sư Hằng Triều cũng từ Chùa Kim Sơn, sẽ bắt đầu chuyến báii hương lần thứ hai, từ Los Angeles đến Chùa Vạn Phật Thánh Thành ở vùng thung lũng Ukiah, cách San Francisco khoảng 110 dặm về phía bắc.

---o0o---

Hình ảnh



HT Tuyên Hóa và hai đệ tử Hằng Cự & Hằng Do



HT Tuyên Hóa và hai đệ tử Hằng Cự & Hằng Do



Thầy Hằng Cự



Thầy Hằng Do





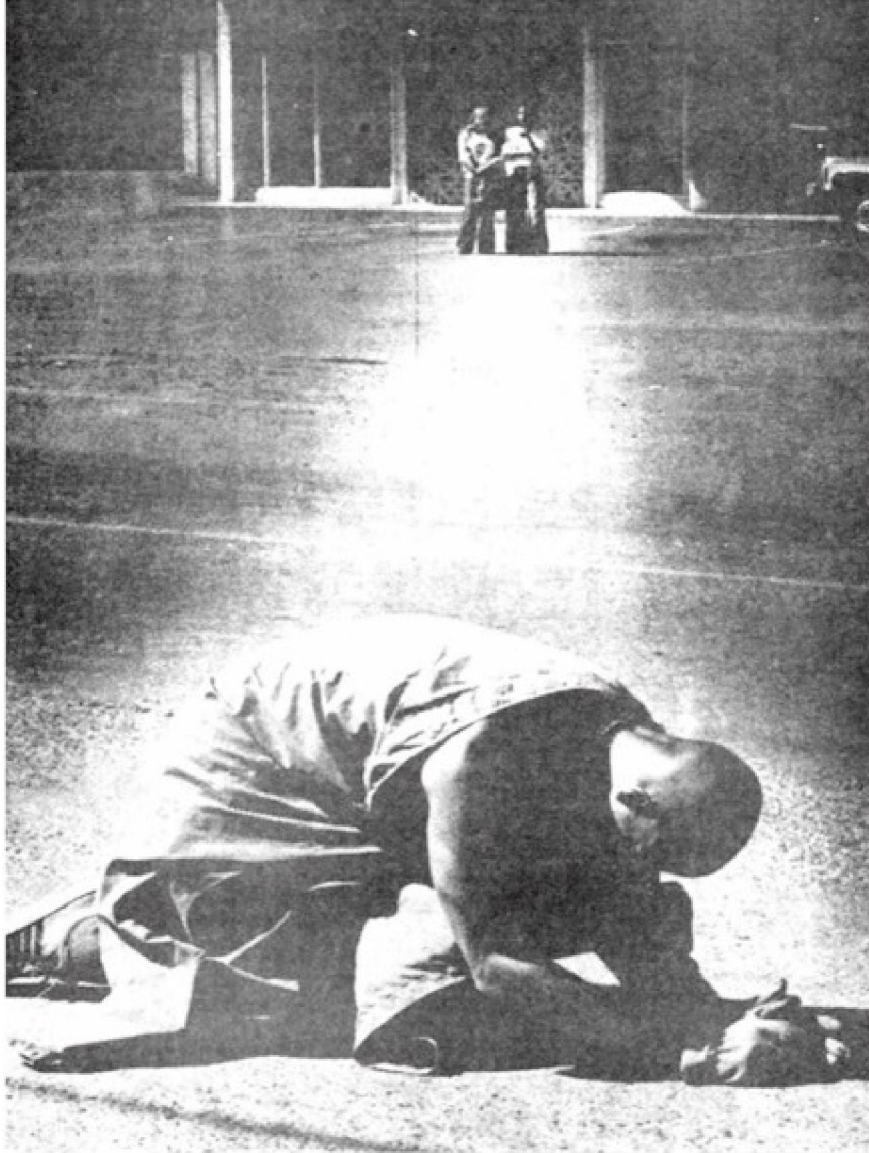












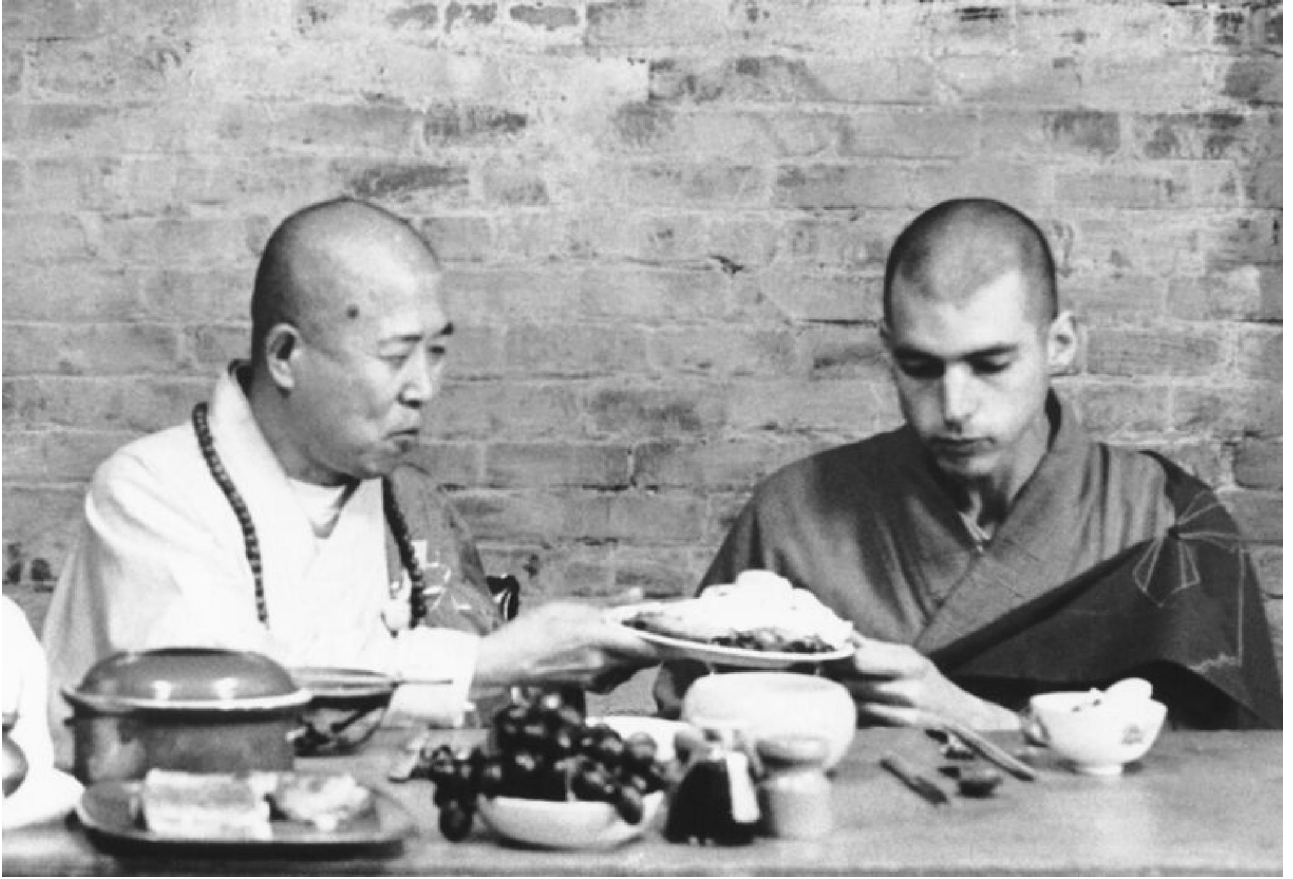












---o0o---

Hết